TẠNG LUẬT (Vinayapiṭaka) - TIỂU PHẨM (Cullavagga) I & II

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

TẠNG LUẬT (VINAYAPITAKA)

TIỂU PHẨM (CULLAVAGGA)

LỜI GIỚI THIỆU

Cullavagga (Tiêu phàm) là phân thứ nhì của bộ Khandhaka (Hợp phân) thuộc Vỉnayapitaka (tạng Luật), Cũng tương tợ như Mahāvagga (Đại phẩm). Cullavagga (Tiểu phẩm) gồm các vấn đề có liên quan đã được sắp xếp thành từng chương, cụ thể gồm có 12 chương: 1. Chương đâu là chương Hành sự đê cập đên bảy loại hành sự nhăm mục đích nhắc nhở và cảnh tỉnh vị Tỳ-khưu có những hành vi không đúng với Pháp, không đúng với Luật hầu tạo điều kiện cho vị ấy có cơ hội phục thiện và sửa đổi. Bảy hành sự ấy là hành sự khiển trách, hành sự chỉ dạy, hành sự xua đuổi, hành sự hòa giải, và 3 loại hành sự án treo trong việc không nhìn nhận tội, trong việc không sửa chữa lỗi, và trong việc không từ bỏ tà kiến ác. 2. Chương 2 giảng giải về cách thức phục hồi cho vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa (Tăng tàn) từ lúc khởi đầu cho đến khi kết thúc trải qua các giai đoạn Parỉvãsa, Mãnatta, Mūlāya Patikassanarn nêu vi phạm lại tội ây hoặc tội tương tợ trong thời gian thực thi hành phạt, và cuối cùng là phần giải tội Abbhãna để phục hồi phẩm vị trước đây cho vị Tỳ-khưu phạm tội. 3. Chương 3 giảng giải về các trường hợp đặc biệt của vị Tỳ-khưu trong khi đang thực thi các hành phạt để thoát khỏi tội Sañghādisesa lại tiếp tục vi phạm tội ấy nữa hoặc các tội tương tợ cùng nhóm. 4. Chương 4 giảng giải về bảy cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện, hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, hành xử Luật khi không điên cuồng, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, thuận theo sô đông, theo tội của vị ây9 cách dùng cỏ che lấp đối với bốn loại tranh tụng, là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội, và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. 5. Chương 5 là chương các Tiêu sự đê cập đên nhiêu vân đê có liên quan đến sự sinh hoạt hàng ngày của vị Tỳ-khưu về nhiều khía cạnh khác nhau như cách phục sức, thuyết Pháp, các vật dụng, v.v... 6. Chương 6 là chương Sàng tọa thuật lại việc dâng cúng 60 trú xá đầu tiên của một nhà đại phú ở thành Rājagaha cho đen sự cúng dường một tu viện hoàn chỉnh của ông Anāthapindika (Cấp Cô Độc) và các vấn đề liên quan như việc xây dựng, cách thức sử dụng, và các sự phân công trong việc quản lý tu viện. 7. Chương 7 là chương Chia rẽ hội chúng bắt đầu với câu chuyện dài giới thiệu sự sinh hoạt trong một gia đình tiêu biểu của dòng họ Sâkya (Thích-ca)

tiếp đến sự xuất gia của sáu thanh niên thuộc dòng họ này trong đó có Devadatta về sau là người khởi xướng và tiến hành việc chia rẽ hội chúng. Chương này được kết thúc với những câu hỏi của Trưởng lão Ưpâli để xác định những điểm khác biệt giữa sự bất đồng trong hội chúng là việc thường xảy ra trong tập thể và sự chia rẽ hội chúng là việc

có tính chất nghiêm trọng. Nghiệp quả xấu dành cho kẻ chia rẽ hội chúng và phước báu của vi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ cũng được đề cập đến ở chương này. 8. Chương 8 giảng giải vê 14 phận sự trong đời sông xuất gia. Cuộc sông của vị Tỳ-khưu được mô tả đây đủ trong chương này băt đâu với phận sự của vị Tỳ-khưu vãng lai, thường tru, hoặc chuẩn bị ra di, luôn cả phận sự của vi Tỳ- khưu đối với chỗ trú ngụ ở trong rừng hoặc ở trong tu viện. Các phận sự thường nhật như đi khất thực, phận sự ở nhà ăn, tùy hỷ phước báu của thí chủ, việc sử dụng nhà tăm, nhà vệ sinh đêu được mô tả chi tiêt. Ngoài ra còn quy định các phận sự tương tác giữa thầy tế độ và thầy dạy học đối với các đệ tử hoặc học trò có liên hệ nữa. Cuộc sông chung có được tót đẹp hay không chính là do sự nhận thức và thực hành các phận sự này của hàng xuất gia điển hình là các vị Tỳ-khưu. 9. Chương 9 là chương Đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhấ), trình bày nguyên do việc đức Thê Tôn đã thuyêt giảng vê tám pháp kỳ diệu phi thường trong biển cả để so sánh với tính chất đặc biệt của Pháp và Luật mà Ngài đã tuyên thuyết, đồng thời có liên quan đến việc giao phó trách nhiệm đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) cho các Tỳ-khưu kể từ thời điểm ấy trở đi. Phương thức đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) nhằm để bảo vệ sự trong sạch của hội chúng bằng cách loại ra những Tỳ-khưu phạm tội nhưng vẫn che giấu hoặc tỏ ra không hay biết. . • \ • r 9 y 9 r r • • < -t • 9

Đặc biệt chương này còn đê cập đên nhiêu chi tiêt tê nhị trong việc khiên trách tội của vi Tỳ-khưu nguyên cáo và thái độ thích hợp của vị Tỳ-khưu bị cáo hầu giữ được hòa khí của hai bên. 10. Chương 10 đề cập việc xuất gia của Tỳ-khưu-ni với đầy đủ chi tiết bắt đầu với việc cầu xin xuất gia của bà Mahāpajāpati Gotamĩ sau đó đã được tu lên bậc trên do sự chập r thuận • táme trọng pháp,' kê đên r là năm trăm 9 r công nương dòng Sãkya được xuất gia với hội chúng Tỳ-khưu9 tiêp nữa là tiên trình tu lên bậc trên với cả hai hội chúng: với hội chúng Tỳ-khưu-ni trước roi với hội chúng Tỳ-khưu sau. Trong trường hợp đặc biệt, hành sự tu lên bậc trên ở hội chúng Tỳ-khưu có thể được tiến hành với sự hiện diện của vị Tỳ-khưu-ni là người đại diện. Ngoài ra, một số vấn đề nảy sinh có tính cách cá biệt của phái nữ cũng được kết tập ở chương này. Nghiên cứu kỹ lưỡng về chương này có thể nắm được nét chung vê sự sinh hoạt của Tỳ-khưu-ni vào thời bây giờ. 11. Chương 11 nói về cuộc kết tập Tam tạng lần thứ nhất ở Ấn Độ. Ngoài những sử liệu liên quan đến công việc kết tập lời dạy của đức Phật gồm có phần duyên khởi, việc chuẩn bị và tiến hành, chương này còn đề cập đến lời tuyên

bô của Đại đức Purāna vê việc vị ây chỉ ghi nhận những lời dạy do chính bản thân đã được nghe trực tiêp từ kim khâu của đức Thê Tôn, vê việc các vị trưởng lão quyết đinh không thêm vào và không bỏ bớt bất cứ điều học nào, sự tuân thủ của Đại đức Ānanda đối với các bậc Trưởng lão, và cách thức áp dụng hình phạt Brahma (Phạm-đàn). 12. Chương 12 nói về lần kết tập Tam tạng lần thứ nhì ở Ấn Độ với phàn duyên khởi ở Vesālī vào khoảng 100 năm sau khi đức Phật Vô dư Niết-bàn. Các chi tiết về tiến trình vận động của cả hai phe trong cuộc tranh tụng này giúp cho độc giả biết được vài nét khái quát trong đời sống sinh hoạt tinh thần vào thời bấy giờ. Đây là sự kiện chia phe nhóm thứ hai sau lần ở Kosambī được ghi chép lại, tiêc răng sử liệu này dừng ở thời

diêm két thúc của lân két tập này mà không tiêt lộ thêm chi tiêt nào vê sự phân chia tông phái vê sau này. ***

Chúng tôi khởi đầu việc nghiên cứu phần Pali văn của Tam tạng với tập Cullavagga (Tiểu phẩm) do nhu cầu tìm tòi tư liệu dẫn chứng về sự hình thành tu viện thời đức Phật. Chúng tôi chợt nảy ra ý kiến ghi lại bằng tiếng Việt ngõ hầu giúp cho độc giả người Việt có cơ hội biết thêm về những lời dạy cao quý của đức Phật trong những trang sách còn được khép lại. Việc này đã đem lại cho chúng tôi niềm hoan hỷ khi nghĩ rằng việc học tập của bản thân có thể đem lại phần nào lợi ích cho người khác. Phần lời Việt được hoàn tất trong thời gian khoảng gần hai tháng. Thời gian đó quá ngắn đối với số lượng công việc quá lớn lao trong lúc vừa phải đọc sách tham khảo, tra cứu từ điển, và thực hiện việc ghi lại băng máy vi tính. Lời văn tiêng Việt được chúng tôi sử dụng rát gân với câu trúc của câu văn Pâli nhăm làm nôi bật câu trúc văn phạm của loại ngôn ngữ này theo phong cách cổ điển đã được đa số các nhà học giả phương Tây áp dụng. Điêu này sẽ thuận tiện cho việc hiệu đính vê sau và có thê hữu ích cho các độc giả đang nghiên cứu lời dạy của đức Phật dựa vào văn bản gốc. Do những vấn đề đã trình bày ở trên, chúng tôi mong mỏi sẽ nhận được những lời chỉ dạy của các bậc cao minh và các sự khuyến khích góp ý của quý độc giả. Tuy đã nỗ lực kiểm tra lại nhiều làn nhưng chúng tôi biết rằng bản dịch này vẫn còn nhiều sai sót, xin quý độc giả đánh dấu cho những điểm cần sửa chữa và tùy duyên chuyển đến chúng tôi qua địa chỉ email: dinda@u. washington.edu để chúng tôi dễ dàng trong việc hiệu đính hầu đem lại lợi ích thiết thực chung cho tất cả. Xin thành tâm cảm tạ. Bản dịch của chúng tôi được thực hiện và trình bày theo văn bản Pâli La-tinh từ Compact Disk BUDSIR IV của trường Đại học Mahidol ở thủ đô Bangkok, Thái Lan. Phần mục lục chúng tôi thực hiện theo các chữ số đánh dấu ở đầu mỗi vấn đề; trình bày theo cách này sẽ giúp quý vị tiết kiệm được thời gian trong việc xác định vấn đề cần tham khảo.

482 TIỂU PHẨM

Xin chân thành ghi nhận công đức của Thượng tọa Tiến sĩ Bửu Chánh về CD Tam tạng BUDSỈR IV. Thượng tọa Bodhinando (Canada), Đại đức Hộ Phạm, Đại đức Giác Hạnh, và Đại đức Tâm An về CD Tam Tạng Chattha Sañgāyana và các bản dịch Anh ngữ cũng như những sự động viên và ý kiến đóng góp trong thời gian chúng tôi thực hiện bản dịch này. Công đức này xin dâng đến Hòa thượng trụ trì và chư Tăng chùa Sri Jayawardhanaramaya, Colombo, Tích Lan đã bảo bọc và tạo điêu kiện thuận lợi cho chúng tôi trong công việc học tập và nghiên cứu Phật pháp trong thời gian qua. Mong sao hết thảy chúng sanh đều được tiến hóa trong ánh hào quang của Chánh pháp. Colombo, ngày 15 tháng 9 năm 2003 Bhikkhu Indacanda (Trương Đình Dũng) (Hiệu đỉnh lần thứ nhất hoàn tất ngày 30-7-2004)

L CHƯƠNG HÀNH sự

1. HÀNH Sự KHIỂN TRÁCH 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngu tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Chính vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka,1 bản thân von là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi

cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đen gặp các Tỳ-khiru khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: “Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài.” Vì thế mà những sự xung đột chưa sanh liền sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại dức, các ngài đừng để vi đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển?,^ Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu5 nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí, và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ- khưu khác cũng là những vi thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận,

1 Hai vị này là 2 trong 6 vị đứng đầu nhóm Lục Sư. Thứ tự được trình bày là 2 vị Panduka và Lohitaka ở Sāvatthi, Mettiya va Bhummăaka ở Rājagaha, Assaji và Punabbasuka ở vùng núi Kītā.

nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: uNày các Đại đức, các ngài đừng để vi đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngai"; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ5 không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn5 không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu? vì sao những kẻ rồ dại ấy, bản thân vốn là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những kẻ thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ? tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vây: "Này các Đại đức, các ngài đừng đê vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vi đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng

tôi sẽ về phe của các ngài"; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển? Này các Tỳ-khưu5 sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đôi [niêm tin] của một sô người đã có đức tin. 3. Sau đó, khi đã khiển trách các vi Tỳ-khưu ấy bàng nhiều phương thức, đức Thế Tôn đã chê trách về sự khó khăn trong việc cấp dưỡng, sự khó khăn trong việc ăn uống, sự tầm cầu quá nhiều, sự không biết đủ, sự kết phe nhóm, sự biếng nhác; và bằng nhiều phương thức, Ngài đã ngợi khen về sự dễ dàng trong việc cáp dưỡng, sự dê dàng trong việc ăn uông, sự ít tâm câu, sự biêt đủ, sự từ khước, sự tiêt chê, sự hài hòa, sự đoạn giảm, sự ra sức tinh tân. Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự khiển trách đen các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, các Tỳ-khưu Panduka và Lohitaka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 4. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vi thường gây nên các sự xung

L CHƯƠNG HÀNH sự 485

đột, cãi cọ5 tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vây: 'Này các Đại đức, các ngài đừng đê vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn, và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài9; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiên đên tình trạng gia tăng và phát triên. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này, bản thân vôn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ..(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đen gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vị thường gây nên các sự xung đột,...(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại đức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiên đên tình trạng gia tăng và phát triên. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này, bản thân vốn là những vị

thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khiru khác cũng là những vi thường gây nên các sự xung đột, ...(nt)... và tranh tụng trong hội chúng, roi nói như vây: 'Này các Đại dức, các ngài đừng để vị đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn vị đó. Các ngài chớ có sợ vị đó. Chúng tôi sẽ vê phe của các ngài'; vì thê mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý 9 ỉ v v việc thực hiện hành sự khiên trách đên các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này, bản thân vôn là những vị thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, lại còn đi đến gặp các Tỳ-khưu khác cũng là những vi thường gây nên các sự xung đột, ...(nt).. và tranh tụng trong hội chúng, rồi nói như vầy: 'Này các Đại dức, các ngài đừng để vi đó đánh bại. Các ngài hãy phản bác lại thật mạnh bạo. Các ngài sáng trí hơn, kinh nghiệm hơn, học rộng hơn và nổi bật hơn

vi đó. Các ngài chớ có sợ vi đó. Chúng tôi sẽ về phe của các ngài'; vì thế mà những sự xung đột chưa sanh đã sanh khởi và những sự xung đột đã sanh khởi càng tiến đến tình trạng gia tăng và phát triển. Hội chúng thực hiện hành sự khiên trách đên các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đông ý việc thực hiện hành sự khiên trách đên các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay."

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện,23được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự . .c. z . a r • sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được/ được thực hiện với tội đã được sám hối. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. Này các Tỳ-khtru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực

hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu to này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này

2 Được thực hiện thiếu sự hiện diện (ạsammukhã katarn) được giải thích là uđược thực hiện không có sự hiện diện của hôi chúng, của Pháp, của Luật và của vị bị khiên trách,, (VìnA. VI. 1155). ở chương IV, có đề cập chi tiết về việc này bắt đầu từ trang 396. 3 Là tội Pārājika hoặc tội Saùghãdỉsesa (VinA. VI. 1155).

các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khxru, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 8. Này các Ty-khưu, hành sự khiên trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 9. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khmi, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 11. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe e9 ỉ r . l . . nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách có ba yêu tô này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khiru? hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải

quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp.

488 « TIỂU PHÀM

MƯỜI HAI HÀNH Sự • ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự" khiên trách .c. có Lba Lyêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối. được thực hiện với tội chưa được sám hối. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 3. Này các Tỳ-khiru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự 9 # r L ° đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở5 được thực hiện sau khi đã xác đinh tội. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự . . r r • r r _ • đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khun5 hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 5. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu to khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực

L CHƯƠNG HÀNH sự 489

hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhát. Này các Tỳ-khưu? hành sự khiên trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 9. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết

tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu? hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 11. Này các Tỳ-khiru, hành sự khiển trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhác nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách có ba yếu to này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai hành sự đúng Pháp.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành Sự khiên trách đên vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khxru, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển r . : r r trách đên vị Tỳ-khiru có ba yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành Sự khiên trách đên vị Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Vị bị hư hỏng vê giới thuộc tăng thượng giới, vị bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh,

vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan.4 Này các Tỳ-khiru, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vi chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến vị Tỳ-khưu có ba yêu tô này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khxru: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; hạng sông thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành

sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khiru này. 5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng vê tri kiên thuộc tri kiên cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ- khưu này. 6. Này các Tỳ-khiru, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự khiển trách đến đối với ba hạng Tỳ-khmi khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự khiển trách đến ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn.

MƯỜI TÁM PHÂN Sự 1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu bi thực hiện hành sự khiển trách nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni,

4 Theo Chủ giải: Tăng thượng giới (adhisĩlà) gồm có 4 tội Pārājika và 13 tội Sañghādisesa, tăng thượng hạnh (afjhācara) là các toi khác thuộc vê 5 nhóm tồi của Giới bổn (Pātimokkha), tà kiến cực đoan (atiditthī) là từ bỏ chánh kiến và chấp nhận hữu biên kiến (VìnA. v. 989). Xem phan giải thích vê "hữu biên kiên" (Antaggāhikāditthī) trong Patỉsambhidãmagga (Phân tích đạo), TTTĐPGVN, tập 8, tr. 888-92; TTPV, tập 37, tr. 286-95. •

không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đoi với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. không nên đình chỉ lễ Pavãranã, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không r r - X • nên quở trách, không nên nhác nhở, không nên câu két với các Tỳ-khưu. Dứt mười tám phận sự.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách đến các Tỳ-khiru nhóm Panduka và Lohitaka. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: -Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, chúng tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ chúng tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton. 5 r > e 9

-Này các Tỳ-khưu9 chính vì điêu ây, hội chúng hãy thu hôi hành sự khiên trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. 2. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vi ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ- khtru-ni khi đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách không

nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavãraụã. làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [đê buộc tội], quở trách, nhác nhở, vị câu két với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu9 hành sự khiển trách không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường họp không nên thu hồi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu9 hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ9 khônệ ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni? không giảng dạy Tỳ-khiru-ni dâu đã được chỉ đinh. Này các Tỳ" khưu, hành sự khiên trách nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiên trách nên được thu hôi đôi với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố khác nữa: Vi không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, hoặc tội tương tợ5 hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vi thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yểu tố này. 3 Này các Tỳ-khưu, hành sự khiển trách nên được thu hồi đối với vi Tỳ- khưu có tám yêu tô: Vi không đình chỉ lê Uposatha đôi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā. không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khiru, hành sự khiển trách nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yêu tô này. Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi.

[VIỆC THU HÒI] 1. Và này các Tỳ-khmi? nên được thu hồi như vầy: Này các Tỵ-khưu5 các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka ấy nên đi đến hội chúng, đáp thượnẹ y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, chúng tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi; giờ chúng tôi thỉnh câu sự thu hôi hành sự khiên trách.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt)... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khxru nhóm Panduka và Lohitaka này làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này

làm phận sự đúng dăn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh câu sự

L CHƯƠNG HÀNH sự 493

thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự khiển trách. Hội chúng thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự khiển trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự khiên trách. Hội chúng thu hồi hành sự• khiển trách cho các Tỳ-khưu y• Ả nhóm Panduka . và Lohitaka. Đại • đức X , 1 Ằ • -l A r , ‘ , nào đông ý việc thu hôi hành sự khiên trách cho các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự khiển trách đến các Tỳ-khưu nhóm Panduka và Lohitaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt hành sự khiển trách là thứ nhất. -ooOoo-

2. HÀNH Sự CHỈ DẠY 1. Vào lúc bấy giờ? Đại đức Seyyasaka là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt Parivãsa. trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mãnatta. trong khi giai tội. 2. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Seyyasaka lại là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], lại sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt Parỉvãsa, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mãnatta, trong khi giải toi?^ Sau đó5 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

494 TIỂU PHẨM

3. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Seyyasaka là kẻ ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt Parỉvãsa, trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mânatta. trong khi giải tội, có

đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 4. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ ro dại ấy, lại là kẻ ngu si, khờ khạo, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]? lại sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi ban cho hình phạt Parỉvãsa. trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mânatta. trong khi giải tội? 5. Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 chính vì điêu ây, hội chúng hãy thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka rằng: "Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ.,, Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Seyyasaka cân được quở trách; sau khi quở trách, cân được nhác nhở; sau khi nhăc nhở, can xác đinh tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ- khưu kinh nghiệm, có năng lực: 6. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội], sống thân cận với các gia chủ bang những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt Parỉvãsa. trong khi đưa vê lại [hình phạt] ban đâu, trong khi ban cho hình phạt Mãnatta, trong khi giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự chỉ dạy đoi với Tỳ-khưu Seyyasaka rang: 'Ngươi cân phải sông với sự nương nhờ/ Đây là lời đê nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Seyyasaka này là vi ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [ve tội], sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt Parỉvãsa. trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình

L CHƯƠNG HÀNH sự 495

phạt Mānatta, trong khi giải tội. Hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka răng: 'Ngươi cân phải sông với sự nương nhờ/ Đại đức nào đong ý việc thực hiện hành sự chỉ dạy đoi với Đại đức Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Seyyasaka này là vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Hơn nữa, các Tỳ-khưu thường xuyên bị bận rộn trong khi cho vị ấy hình phạt Parỉvãsa. trong khi đưa về lại [hình phạt] ban đầu, trong khi ban cho hình phạt Mânatta, trong khi giải tội. Hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy đôi với Tỳ-khưu Seyyasaka răng: 'Ngươi cân phải sông với sự nương nhờ? Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Đại đức Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ9 xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự chỉ dạy đối với Đại đức Seyyasaka rằng: 'Ngươi cần phải sống với sự nương nhờr' đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự

việc này là như vay?9

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu5 hành sự chỉ dạy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu5 hành sự chỉ dạy có ba yếu to này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ... 3. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ... 4. Này các Tỳ-khiru? ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ... 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...

6. Này các Tỳ-khưu5 ..(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ... 7. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ... 8. Này các TV-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm.... 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ... 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. c6 ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm.... 11. Này các Tỳ-khun, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm.... 12. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy có ba yếu to này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp thuộc hành sự chỉ dạy.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu9 hành sự chỉ dạy có ba yêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu5 hành sự chỉ dạy là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đen việc sám hoi, được thực hiện với tội chưa được sám hối.... 3. Này các Ty-khưu,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở,

được thực hiện sau khi đã xác định tội. ... 4. Này các Tỳ-khưu, có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...

L CHƯƠNG HÀNH sự 497

5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất.... 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ... 7. Này các Ty-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ... 8. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất.... 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ... 10. Này các Tỳ-khưu, ...(ĩ!t)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất.... 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất... 12. Này các Tỳ-khưu,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác đinh tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy có ba yếu to này là hành sự đúng Pháp, .c. L L là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp. Dứt mười hai hành sự đúng Pháp thuộc hành sự chỉ dạy.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN L Này các Tỳ-khưu9 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vi ngu si, thiêu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; vị sông thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khxru có ba yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bi hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vi bi hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này.

498 TIỂU PHẨM

3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Là vị chê bai đức Phật, là vị chê bai Giáo pháp, là vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu to này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên

sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bang những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 5. Này các Tỳ-khưu, Hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bi hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có the thực hiện hành sự chỉ dạy đoi với ba hạng Tỳ-khưu này. 6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự chỉ dạy đối với ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muôn thuộc hành sự chỉ dạy.

MƯỜI TÁM PHẬN Sự 1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu bị thực hiện hành sự chỉ dạy nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vi Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. không nên đình chỉ lễ Pavāranā. không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự chỉ dạy.

L CHƯƠNG HÀNH sự 499

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka rằng: "Ngươi cần phải sống với sự nương nhờ?9 Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, vi ấy trong khi thân cận, trong khi quan hệ, trong khi gần gũi bạn tốt, trong khi nhờ họ đọc tụng, trong khi đặt câu hỏi đã trở thành vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ các đầu đề, là vị sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ây làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận để sửa dổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào? r • • Á _ 1 • _ g Ạ rrn LTM
A Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thu hôi hành sự chỉ dạy đoi với Tỳ-khưu Seyyasaka. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu, hành sự

chỉ dạy không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu to này. 3. Này các Tỳ-khxru, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ9 hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành SỊT, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu to: Vị đình chỉ lễ Uposatha đoi với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavãraụã. làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [đe buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cau kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ- khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành SỊT, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành Sự chỉ dạy nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3 Này các Tỳ-khiru, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vi không đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā. không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khmi. Này các Tỳ-khưu, hành sự chỉ dạy nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi.

[VIỆC THU HỒI] L Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Seyyasaka ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, tôi làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi; giờ tôi thỉnh câu sự thu hồi hành sự chỉ dạy." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt). 2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: r a "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy

đối với Tỳ-khưu Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy

L CHƯƠNG HÀNH sự 501

đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự chỉ dạy, Tỳ-khưu Seyyasaka này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự chỉ dạy. Hội chúng thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự chỉ dạy đối với Tỳ-khưu Seyyasaka đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt hành sự chỉ dạy là thứ nhì. —ooOoo—

3. HÀNH Sự XUA ĐUÔI [Hành vi sai trái của các vị nhóm Assaji và Punabbasuka]

L Vào lúc bấy giờ, các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tôi, không biết hô thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa két một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. 2. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tăng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu, đem tăng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. 3. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tâm trải, năm chung một tâm đáp, năm chung một tâm trải và tâm đáp. Họ ăn sái giờ, họ uông rượu, họ đeo dây chuyên, xức nước hoa và phân thơm.

502 TIỂU PHẨM

Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang ca hát, ca hát cùng với người nữ đang ca hát, tấu đàn cùng với

người nữ đang ca hát, vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang tấu đàn, ca hát cùng với người nữ đang tấu đàn, tấu đàn cùng với người nữ đang tấu đàn, vui đùa cùng với người nữ đang tấu đàn; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lôi sáp vòng tròn, họ chơi lôi rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thoi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập bắn cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi, chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các nắm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà rồi mời cô vũ nữ rằng: "Này cô em, hãy nhảy ở đây này9\ họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. 4. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kâsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn, đã trú tại vùng Kītāgiri. Khi ấy, vào buổi sáng, vị Tỳ-khưu ấy đã mặc y, cầm y bát và đi vào vùng Kītāgiri để khất thực. Vi ấy có phong cách chững chạc, mắt nhìn xuống, với vẻ chăm chú khi đi tới, bước lui, lúc nhìn ngam, khi cử động co duỗi. 5. Dân chúng sau khi nhìn thấy vị Tỳ-khmi ấy đã nói như vầy: Người này là ai mà xem ra vô cùng yêu ớt, xem ra vô cùng lười biêng, xem ra vô cùng ngớ ngẩn vậy? Khi gã đi đến, ai mà chịu bố thí đồ ăn đây? Trong khi các ngài thuộc nhóm Assaji và Punabbasuka của chúng ta thì lịch thiệp, thân thiện, nói năng hòa nhã, luôn cười xã giao, luôn mời mọc đen thăm viếng, không có ngớ ngẩn, khuôn mặt lại rạng rỡ, luôn mở đầu câu chuyện; chính vì thê, đô ăn khát thực nên được cúng dường đên các ngài. 6. Có nam cư sĩ nọ đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu ấy đang đi khất thực ở vùng Kītāgiri, sau khi thấy đã đi đến gần vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy và nói điều này: -Thưa ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vậy? -Này đạo hữu, đô khát thực chưa có nhận được. Thưa ngài, xin hãy đên. Chúng ta sẽ đi vê nhà.

L CHƯƠNG HÀNH sự 503

7. Rồi nam cư sĩ ấy đã dẫn vi Tỳ-khưu ấy về nhà, dâng thức ăn và đã nói điều này: Thưa ngài, ngài sẽ đi đâu? Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn. Thưa ngài, chính vì điều ấy, xin ngài đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con, và xin ngài hãy thưa như vầy: “Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kītāgiri đã bị hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường tru tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác két lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa két một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đầu, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ

khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tăng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa, đem tăng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đầu? đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chil, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một cốc, ngồi chung trên một chỗ ngồi, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tâm đáp. Họ ăn sái giờ, họ uông rượu, họ đeo dây chuyên, xức nước hoa và phấn thơm. Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu đàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cùng với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; [Nên thực hiện sự luân phiên]...(nt).. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui dùa, ca hát cùng với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiên cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lôi sáp vòng tròn, họ chơi lôi rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo. Họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm cối xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi bắn cung, họ chơi trò đố chữ, họ chơi trò đoán ý9 họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều

khiên xe, họ tập băn cung, họ tập đao kiêm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi, chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau băng các năm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà roi mời cô vũ nữ rằng: 'Này cô em, hãy nhảy ở đây này họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra di, còn các Tỳ-khiru tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khưu đến vùng Kītāgiri; như vậy sự sinh sông ở vùng Kītāgiri có thê tôn tại." 8. Này đạo hữu, được rồi. Vị Tỳ-khưu ấy sau khi lắng nghe nam cư sĩ ấy đã ra đi về hướng thành Sāvatthi. Tuần tự, vị ấy đã đến thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika, gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. 9. Điều này đã trở thành thông lệ của chư Phật Thế Tôn, là niềm nở đối với các Tỳ-khiru đi đến. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vị Tỳ-khiru ấy điều này: Này Tỳ-khưu, sức khỏe có khá không? Mọi việc có được tốt đẹp không? Ngươi đi đến, đường xa có được ít mệt nhọc không? Và này Tỳ-khưu, ngươi từ đâu đến vậy? Bạch Thế Tôn, sức khỏe khá. Bạch Thế Tôn, mọi việc tốt đẹp. Bạch Ngài, con đi đường xa không mệt lắm. 10. Bạch Ngài, con đây đã trải qua mùa [an cư] mưa ở xứ Kâsi, trong khi đi đến thành Sāvatthi để diện kiến đức Thế Ton, đã trú tại vùng Kītāgiri. Bạch Ngài, khi ấy, vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, đi vào vùng Kītāgiri

để khát thực. Bạch Ngài, có nam cư sĩ nọ đã nhìn thây con đang đi khát thực ở • . /r • Ji. Ấ A* r • vùng Kītāgiri, sau khi thây đã đi đên gân con, sau khi đên đã đảnh lê con và nói điều này: "Thua ngài, đồ khất thực có nhận được chưa vay?" "Này đạo hữu, đồ khất thực chưa có nhận được y "Thua ngài, xin hãy đến. Chúng ta sẽ đi về nha?5 Bạch Ngài, sau đó nam cư sĩ ấy đã dẫn con về nhà5 dâng thức ăn, rồi đã nói điều này: “Thua ngài, ngài sẽ đi dâu?” "Này đạo hữu, giờ ta sẽ đi Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.^, "Thua ngài, chính vì điều ấy5 xin ngài đê đầu đảnh lễ ở bàn chân của đức Thế Tôn với lời thăm hỏi của con và xin ngài hãy thưa như vầy: 'Bạch Ngài, sự sinh sống ở vùng Kītāgiri đã bi hủ hóa. Các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt)... Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách. Bạch Ngài, những người trước đây mộ đạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khiru tồi cư ngụ. Bạch Ngài, lành

thay nếu đức Thế Tôn có thể phái các Tỳ-khxru đến vùng Kītāgiri, như vậy sự sinh sống ở vùng Kītāgiri có thể tồn lại.'” Bạch Thế Tôn, con từ xứ đó đi đến. 11. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị nhóm Assaji và Punabbasuka thường trú tại vùng Kītāgiri là những Tỳ-khưu tồi, không biết hổ thẹn. Họ cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vầy: Họ trồnậ bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt).. Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiễu cách. Những người trước đây mộ dạo, có niềm tin, bây giờ không còn mộ đạo, mất niềm tin. Những tập quán cúng dường đến hội chúng trước đây giờ cũng đã bị gián đoạn. Các Tỳ-khưu tốt ra đi, còn các Tỳ-khưu tồi cư ngụ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 12. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, thật không đúng dăn cho những kẻ rô dại ây, ...(nt).. Này các Tỳ-khiru, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại cư xử hành vi sai trái, có hình thức như thế? Họ trồng bông hoa hoặc bảo kẻ khác trồng, ...(nt)... Họ cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách? 13. Này các Tỳ-khiru, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin,...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo Sāriputta và Moggallâna rằng: -Này Sāriputta và Moggallâna, hai ngươi hãy đi đến vùng Kītāgiri rồi hãy thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka; các vị này là những đệ tử của hai ngươi. 14. Bạch Ngài, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka thì dữ tợn và thô lỗ, làm the nào chúng con thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu ấy được? Này Sāriputta và Moggallâna, chính vì điều ấy, hai ngươi hãy đi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu. Bạch Ngài, xin vâng. Sāriputta và Moggallâna đã trả lời đức Thế Tôn. 15. — Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, can xác định tội; sau khi xác đinh tội, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khiru kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành

động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bi hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà

còn được nghe đồn nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rang: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītāgiri.5 Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kĩtãgiri/Đại đức nào đong ý việc thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītāgiri9 xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka này là những kẻ làm hư hỏng các gia đình và có các hành động sai trái. Các hành động sai trái của họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đon nữa. Các gia đình bị hư hỏng vì họ không những được thấy rõ mà còn được nghe đồn nữa. Hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kĩtãgiri/ Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự xua đuổi ra khỏi vùng Kītāgiri đối với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītāgiri, xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Hành sự xua đuôi ra khỏi vùng Kītāgiri đôi với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rang: 'Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kītāgiri5 đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt việc thực hiện hành sự xua duỗi.

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP THUỘC HÀNH sự XUA ĐUỔI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai e ỉ \ . ĩ r e .L • . Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuôi có ba yêu tô này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt). 3 Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai

Pháp,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu? hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp,...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khxru9 hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(lít)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ,..(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu? hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)...có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hôi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ,..(nt). 11. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuôi là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác đinh tội. được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuôi có ba yêu tô này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp thuộc hành sự xua đuổi.

508 TIỂU PHẨM

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuôi có ba yêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám h6i. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác đinh tội. .,.(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất....(nt) 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu,

hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp,...(nt)... có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đên việc sám hôi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu? hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuôi là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhác nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ,..(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng

theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai hành sự đúng Pháp thuộc hành sự xua đuổi.

MƯỜI BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vi sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có the thực hiện hành sự xua đuổi đôi với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự đùa giỡn bằng thân, vị có sự đùa giỡn bằng khẩu, vị có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Vị có sở hành sai trái băng thân, vị có sở hành sai trái băng khâu, vi có sở hành sai trái băng thân và khẩu. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ..(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Vị có sự gây tôn hại bằng thân, vị có sự gây tổn hại bằng khẩu, vị có sự gây tổn hại bằng thân và khẩu....(nt). 7. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, vi có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, vị có sự nuôi mạng sai trái bằng thân và khẩu. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với vị

Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đoi với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiêu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; hạng sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia.

Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuôi đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô này. 9. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành Sự xua đuôi đôi với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng vê giới thuộc tăng thượng giới, hạng bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. ,..(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có Sự đùa giỡn băng thân, hạng có sự đùa giỡn băng khâu, hạng có sự đùa giỡn bằng thân và khẩu. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khiru, ...(nt)... đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có sở hành sai trái bằng thân, hạng có sở hành sai trái bằng khẩu, hạng có sở hành sai trái bằng thân và khẩu. ...(nt). 13. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. đôi với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có Sự gây tôn hại băng thân, hạng có sự gây tôn hại băng khâu, hạng có sự gây tôn hại bằng thân và khẩu. ...(nt). 14. Này các Tỳ-khmi, ...(nt).. đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng thân, hạng có sự nuôi mạng sai trái bằng khẩu, hạng có sự nuôi mạng sai trái bang thân và khau. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự xua đuổi đối với ba hạng Tỳ- khưu này. Dứt mười bốn trường hợp trong khi mong muôn thuộc hành sự xua đuôi.

MƯỜI TÁM PHẢN Sự 1-18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự xua đuổi nên làm phận sự đúng đan. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đan ây là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự xua đuổi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Sau đó, hội chúng Tỳ-khưu dẫn đầu là Sāriputta và Moggallâna đã đi đến vùng Kītāgiri và đã thực hiện hành sự xua đuôi ra khỏi vùng Kītāgiri đôi với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka rằng: "Các Tỳ-khiru nhóm Assaji và

Punabbasuka không được cư ngụ tại vùng Kítagiri." Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuôi, các vị ây không làm phận sự đúng dăn, không trở nên thu thúc, không làm bon phận đe sửa đoi, không làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ mang nhiếc, họ gièm pha, do có sự thiên vị vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vi vì si mê, do có sự thiên vi vì sợ hãi, họ bị sa đọa, họ bỏ đi, họ hoàn tục. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khun nhóm

Assaji và Punabbasuka khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuôi lại không làm phận sự đúng dăn, không trở nên thu thúc, không làm bổn phận để sửa đổi, không làm cho các Tỳ-khưu hài lòng, họ lại mắng nhiếc, họ lại gièm pha, do có sự thiên vi vì thương, do có sự thiên vị vì ghét, do có sự thiên vi vì si mê, do có sự thiên vị vì sợ hãi, họ bị sa đọa, họ bỏ di, họ hoàn tục?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đã trình sự việc ây 1 Ạ. «4• r-r^l Ắ FT, A len đức Thê Ton. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka không làm phận sự đúng đắn ..(nt).. họ hoàn tục, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khun, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thu hôi hành sự xua đuôi. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vi ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ- khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khiru có năm yêu tô này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ- khưu có năm yêu tô khác nữa: Vi tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuôi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị* thực H . / > . r • 9 • hiện hành sự. r Này acác ẢTỳ-khưu y 5 hành sự • xua đuổi không nên thu hôi đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khiru có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vi cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu9 hành sự xua đuổi không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ- khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khiru-ni dàu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuôi nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, hoặc tội tương tợ9 hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự5 không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu5 hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vi không đình chỉ lễ Uposatha đối với vi Tỳ-khiru trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự xua đuổi nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp nên được

thu hồi thuộc hành sự xua đuổi.

[VIỆC THU HỒI] L Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hôi như vây: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu đã được thực hiện hành sự xua đuổi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các vị Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bon phận đe sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua du6i." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự xua đuổi đối với vi Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khiru này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại

L CHƯƠNG HÀNH sự* 513

đức nào đông ý việc thu hôi hành sự xua đuôi đôi với vị Tỳ-khưu tên [như vây] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự xua đuổi, vị Tỳ-khưu này tên [như vây] làm phận sự đúng đăn5 trô nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự xua đuổi. Hội chúng thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khiru tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự xua đuổi đối với vị Tỳ-khiru tên [như vầy] đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.99 Dứt hành sự xua đuổi là thứ ba. —ooOoo—

4. HÀNH Sự HÒA GIẢI 1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sudhamma là vị thường trú, là vi trông nom công trình mói, là vị thường xuyên thọ lãnh vật thực của gia chủ Citta ở làng Macchikāsanda. Mỗi khi gia chủ Citta có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, thì gia chủ không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của Đại đức Sudhamma. 2. Vào lúc bấy giờ, nhiều vị Tỳ-khưu trưởng lão như Đại đức Sāriputta, Đại đức Mahāmoggallāna, Đại đức Mahākaccāna, Đại đức Mahākotthika, Đại đức Mahâkappina, Đại đức Mahâcunda, Đại đức Anuruddha, Đại đức Revata, Đại đức Ưpāli, Đại đức Ānanda và Đại đức Râhula đang du hành trong xứ Kãsi và đã đen ngụ tại Macchikāsanda. 3. Gia chủ Citta đã nghe rằng: "Nghe nói các vi Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đên Macchikāsanda.59 Khi ây, gia chủ Citta đã đi đên gặp các vị Tỳ-khưu trưởng lão, sau khi đên đã đảnh lê các vị Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuông một bên. Khi gia chủ Citta đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã chỉ dạy, thức

tinh, khuyên khích và tạo niêm phân khởi cho gia chủ Citta băng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Sāriputta chỉ dạy, thức tinh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bang bài pháp thoại, gia chủ Citta đã nói với các vị Tỳ-khưu trưởng lão điều này: Bạch các ngài, xin các Trưởng lão hãy nhận lời con về bữa ăn dành cho các vị vãng lai vào ngày mai. Các vị Tỳ-khưu trưởng lão đã nhận lời bằng thái độ im lặng.

4. Sau đó? khi hiểu được sự nhận lời của các vị Tỳ-khưu trưởng lão, gia chủ Citta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ các vị Tỳ-khưu trưởng lão5 hướng vai phải nhiễu quanh rồi đã đi đến gặp Đại đức Sudhamma, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sudhamma rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, gia chủ Citta đã nói với Đại đức Sudhamma điều này: Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị Trưởng lão. 5. Khi ấy, Đại đức Sudhamma [nghĩ rằng]: "Trước đây, gia chủ Citta này mỗi khi có ý muốn thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân, thì ông ta không thỉnh mời hội chúng, hoặc nhóm, hoặc cá nhân khi chưa hỏi qua ý kiến của ta. Giờ đây, ông ta không hỏi ý ta mà đã thỉnh mời các vi Tỳ-khưu trưởng lão; giờ dây, gia chủ Citta này đã hư hỏng, hờ hững, ngó bộ không còn gan bó với ta nữa", nên đã nói với gia chủ Citta điều này: Này gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời. Đen lần thứ nhì,...(nt)...Đen lần thứ ba, gia chủ Citta đã nói với Đại đức Sudhamma điều này: Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sudhamma nhận lời con về bữa ăn vào ngày mai cùng với các vị Trưởng lão. Này gia chủ, thôi đi. Ta không nhận lời. Khi ây5 gia chủ Citta [nghĩ răng]: "Ngài Sudhamma sẽ gây ra điêu gì cho ta cho dù nhận lời hay không nhận l&i?" nên đã đảnh lễ Đại đức Sudhamma, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. 6 Sau đó, khi đêm ấy trôi qua, gia chủ Citta đã cho người chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm cho các vị Tỳ-khưu trưởng lão. Khi ấy, Đại đức Sudhamma [nghĩ rằng]: "C6 lẽ ta nên xem qua vật đã được chuẩn bị cho các vi _ e . • Tỳ-khxru trưởng lão của gia chủ Citta như thê nào?" nên vào buôi sáng đã mặc y, cầm y bát, đi đen nhà của gia chủ Citta, sau khi đen đã ngoi xuống ở chỗ ngoi được sắp đặt sẵn. 7. Khi ây, gia chủ Citta đã đi đên gặp Đại đức Sudhamma, sau khi đên đã đảnh lễ Đại đức Sudhamma rồi ngồi xuống một bên. Khi gia chủ Citta đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này: Này gia chủ, thức ăn loại cứng, loại mềm này đã được ngươi chuẩn bị thật là đầy đủ. Còn một thứ ở đây không có, đó là "bánh mè.^, Thưa ngài, trong khi rất nhiều điều cao quý được tìm thấy trong lời dạy của đức Phật, vậy mà điều gì đâu lại được ngài Đại đức Sudhamma nói đen, đó là "banh mể., 8. Thưa ngài, trong thời quá khứ, các thương buôn người phương Nam đã đi đến xứ sở phía Đông vì việc buôn bán. Từ xứ ấy, họ đã đem về một con gà mái. Thưa ngài, sau đó, con gà mái ấy đã được cho ở chung với con quạ. Nó đã

sanh ra con gà con. Thưa ngài, khi con gà con ây muôn kêu tiêng kêu của con quạ thì nó kêu: "Quạ quạ 6-6-000" khi nào nó muốn kêu tiếng kêu của con gà trống thì nó kêu: uÒ-ó-000 quạ qu@." Thưa ngài, tương tợ y như thế, trong khi rất nhiều điều quý báu được tìm thấy trong lời dạy của đức Phật, vậy mà điều gì đâu lại được ngài Đại đức

Sudhamma nói đến, đó là "bánh mè.,, 9. - Này gia chủ, ngươi mắng nhiếc ta. Này gia chủ, ngươi gièm pha ta. Này gia chủ, đây là trú xứ của ngươi, ta sẽ bỏ đi. Thưa ngài, con không có măng nhiêc, con không có gièm pha ngài Đại đức Sudhamma. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Sudhamma hãy cư ngụ ở Macchikāsanda. Khu rừng xoài thật là khả ái! Con sẽ ra sức đối với ngài Đại đức Sudhamma về các vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú và thuốc men khi bị bệnh. Đen lần thứ nhì, ..(nt)... Đen lần thứ ba, Đại đức Sudhamma đã nói với gia chủ Citta điều này: —Này gia chủ, ngươi măng nhiêc ta. Này gia chủ, ngươi gièm pha ta. Này gia chủ, đây là trú xứ của ngươi, ta sẽ bỏ đi. Thưa ngài, ngài Đại đức Sudhamma sẽ đi đâu? Này gia chil, ta sẽ đi đến Sāvatthi để diện kiến đức Thế Tôn.

—Thưa ngài, chính vì điêu ây, nên điêu gì ngài đã nói và điêu gì con đã nói, tất cả các điều ấy xin ngài hãy trình lên đức Thế Tôn. Thưa ngài, việc ngài Đại đức Sudhamma sẽ trở lại Macchikāsanda một làn nữa là điều không kỳ lạ. 10. Sau đó, Đại đức Sudhamma đã dọn dẹp chỗ trú ngụ, rồi cầm y bát đi đến Sāvatthi. Theo tuần tự, Đại đức Sudhamma đã đi đến Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika gặp đức Thế Tồn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sudhamma đã trình lên đức Thế Tôn tất cả điều gì bản thân đã nói và điều gì gia chủ Citta đã noi. 11. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, thật là không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại sỉ vả một cách thậm tệ? lại khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng? Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 12. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: "Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ 16i." Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Sudhamma cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi

nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác đinh tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Sudhamma này sỉ vả một cách thậm te, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi? Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Sudhamma này sỉ vả một cách thậm te, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Hội chúng thực hiện hành sự hòa giải đoi với Tỳ-khưu Sudhamma rang: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi/ Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khiru Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi5 xin im lặng; vi nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông

báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Sudhamma này sỉ vả một cách thậm tệ, khinh bỉ một cách thậm tệ gia chủ Citta, là người thí chủ có niềm tin, mộ đạo, là người làm công quả, là người hộ độ hội chúng. Hội chúng thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi.9 Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: 'Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ 16i' xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự hòa giải đôi với Tỳ-khưu Sudhamma răng: 'Ngươi nên yêu câu gia chủ Citta thứ 16i' đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay."

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yêu tô này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hoi. ...(nt).

L CHƯƠNG HÀNH sự> 517

3. Này các Tỳ-khiru, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yêu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ..(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự sai Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác đinh tội, được thực hiện

không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp thuộc hành sự hòa giải.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP

1. Này các Tỳ-khưu,e hành sự hòa giải s là hành sự r đúng r

Pháp, là hành

9 sự

..

đúng Luật, và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô: Được thực hiện với sự hiện diện. được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này

các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu9 hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật, và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khun, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. (nt) 7. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ..(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(lít). 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải là hành sự đúng Pháp, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải có ba yếu to này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai trường hợp hành sự

đúng Pháp thuộc hành sự hòa giải.

L CHƯƠNG HÀNH sự 519

BỐN TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUÔN L Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi lộc, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, vị ra sức làm cho các người tại gia bị mất chỗ tru ngụ, vị mắng nhiếc gièm pha các người tại gia, vị chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ- khưu có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vi Tỳ-khiru có năm yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật trước [mặt] các người tại gia, vị chê bai Giáo pháp trước [mặt] các người tại gia, vị chê bai Hội chúng trước [mặt] các người tại gia, vị sỉ vả các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ, vị không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đoi với năm hạng Tỳ-khưu: Hạng ra sức làm cho các người tại gia bi mất lợi lộc, hạng ra sức làm cho các người tại gia bị mất lợi ích, hạng ra sức làm cho các người tại gia bi mất chỗ trú ngụ, hạng mắng nhiếc gièm pha các người tại gia, hạng chia rẽ các người tại gia với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu này. 4. Này các Tỳ-khưu9 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật trước [mặt] các người tại gia, hạng chê bai Giáo pháp trước [mặt] các người tại gia, hạng chê bai Hội chúng trước [mặt] các người tại gia, hạng sỉ vả các người tại gia một cách thậm tệ và khinh bỉ các người tại gia một cách thậm tệ9 hạng không thực hiện điều hứa hẹn hợp lý đối với các người tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự hòa giải đối với năm hạng Tỳ-khưu này. Dứt bốn trường hợp trong khi mong muốn.

MƯỜI TÁM PHẬN Sự THUỘC HÀNH sự HÒA GIẢI 1-18. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu được thực hiện hành sự hòa giải nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã

520 TIỀU PHẨM

được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ hành lễ Pavāranā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở,

không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Dứt mười tám phận sự thuộc hành sự hòa giải.

1. Sau đó5 hội chúng đã thực hiện hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma rằng: "Ngươi nên yêu cầu gia chủ Citta thứ 16i." Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, vị ấy đã đi đến Macchikāsanda nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vị ấy đã quay trở lại Sāvatthi lần nữa. Các Tỳ-khiru đã nói như vầy: Này Đại đức Sudhamma, Đại đức đã yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi chưa? -Này các Đại đức, trong trường hợp này, tôi đã đi đến Macchikāsanda nhưng vì xấu hổ không thể yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Các vị đa trình sự việc áy len đức The Ton. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy cho sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khiru cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho vị Tỳ-khưu tên [như vầy] làm sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng cho vị Tỳ-khưu tên [như vay] làm sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, đe yêu cau gia chủ Citta thứ lỗi. Đại đức nào đong ý việc cho vị Tỳ-khưu tên [như vay] làm sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là sứ giả cùng đi với Tỳ-khưu Sudhamma, để yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi đã được hội chúng cho phép. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, 3. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Sudhamma ấy và vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi, nên đi đến Macchikāsanda và nên yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi rằng: “Này gia chủ, hãy thứ lỗi. Tôi đang làm cho người hoan hy.” Nếu được nói như vậy mà vi ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vi ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi nên nói rang: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị Tỳ-khưu này. Vị ấy đang làm cho người hoan hy.” Nếu được nói như vậy mà vị ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi nên nói

rằng: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vi Tỵ-khưu này. Tôi đang làm cho người hoan hỷ.,, Nếu được nói như vậy mà vi ây thứ lôi, như thê việc ây là tót đẹp. Nêu vi ây không thứ lôi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi nên nói răng: "Này gia chủ, hãy thứ lỗi cho vị Tỳ-khưu này vì lời nói của hội chiiĩig." Nếu được nói như vậy mà vi ấy thứ lỗi, như thế việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không thứ lỗi, vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi không nên dẫn Tỳ-khưu Sudhamma đi khỏi tầm nhìn, không nên dẫn đi khỏi tầm nghe của gia chủ Citta, nên bảo đắp thượng y một bên vai, bảo ngôi chôm hôm5 bảo chăp tay lên và bảo sám hôi tội ây. 4. Sau đó? Đại đức Sudhamma và vị Tỳ-khiru sứ giả cùng đi đã đi đến Macchikāsanda và đã yêu cầu gia chủ Citta thứ lỗi. Vi ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: —Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự khiển trách, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trinh sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây,

hội chúng hãy thu hôi hành sự hòa giải đoi với Tỳ-khưu Sudhamma.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu9 hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hôi đôi với vi Tỳ-khiru có năm yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vi Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā. làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự hòa giải.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khiru, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khiru có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ- khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu5 hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 3 Này các Tỳ-khưu9 hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu CÓ tám yêu tô: Vị không đình chỉ lê Uposatha đôi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vi không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự hòa giải nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự hòa giải.

[VIỆC THU HỒI] l. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Sudhamma ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, roi ngôi chôm hôm, chăp tay lại và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, tôi làm phận Sự đúng dăn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi; giờ tôi thỉnh câu sự thu hồi hành sự hòa giải.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt)... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, Tỳ-khtru Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để

sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, Tỳ-khưu Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh càu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma. Đại đức nào

đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự hòa giải, Tỳ-khưu Sudhamma này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự hòa giải. Hội chúng thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự hòa giải đối với Tỳ-khưu Sudhamma đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vạy.^, Dứt hành sự hòa giải là thứ tư. —ooOoo—

5. HÀNH Sự ÁN TREO VÈ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẬN TÔI • • •

L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt)... các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận t0i?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. _ r r r Khi ây, đức The Ton nhan ly do áy, nhan sự kiện áy đã triệu tạp hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Channa sau khi phạm tội lại không muôn nhìn nhận tội, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 3 Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 4. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hét, Tỳ-khưu Channa cân được quở trách; sau khi quở trách, cân được

nliắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác đinh tội, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 5. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khiru Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi.

Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn nhìn nhận tội. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đong ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khiru Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên. Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channaṃ [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 6. Và này các Tỳ-khưu, hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: "Tỳ-khưu Channa đã được [hội chúng] thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chiiĩig."

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu9 hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô: Được thực hiện thiêu sự hiện diện. được thực hiện thiêu sự tra hỏi. được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận •. tội có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự••sai Luật và đã được • giải quyêt tôi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt).

L CHƯƠNG HÀNH sự 525

3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). r L e 9 r 5. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu9 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Ty-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hoi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có

ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu? hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội có ba yêu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai hành sự sai Pháp.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khuu? hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận .. a Z .c. tội có ba yêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp.

2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu to khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt). 4. Này các Ty-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hoi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai hành sự đúng Pháp.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN L Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đan với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vị bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng vê tri kiên thuộc tri kiên cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 5. Này các Tỳ-khưu? hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bi hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng ve hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các

Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội đối với ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

BỐN MƯƠI BA PHẬN sự THUỘC HÀNH sự ÁN TREO VÈ VIỆC KHÔNG NHÌN NHẢN TÔI 1-43. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội nên làm phận sự đúng đan. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên

bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên bôi nhọ vị Tỳ-khiru trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các Tỳ-khưu? nên học tập về việc học tập của Tỳ-khưu, không nên cư ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không nên cư ngụ nơi không phải là chỗ trú nhung chung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, nên đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vi Tỳ-khưu trong sạch, không nên xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ lễ Pavāranā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

[VIỆC LÀM PHẬN Sự ĐÚNG ĐẮN CỦA TỲ-KHƯU CHANNA] l. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị

L CHƯƠNG HÀNH sự 529

ây khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Tại đó, các Tỳ-khưu đã không đảnh lễ, đã không đứng dậy, đã không chắp tay, đã không làm hành động thích hợp, đã không Ưọng vọng, đã không cung kính, đã không sùng bái? đã không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vi ấy bi đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khxru cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, đã không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vi ấy bi đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vi ấy bị đối xử thiếu trọng vọng nên đã quay trở về lại Kosambī. 2. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khiru và nói như vầy: Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc r 9 không nhìn

nhận tội, tôi làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa.

BÓN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HÒI 1. Nàỵ các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hôi đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô: Vị ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ- khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này.

3. Này các Tỳ-khưu? hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu to khác nữa: Vị ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngoi của vi Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 6 Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu to khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các Tỳ-khưu9 không học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hôi đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô khác nữa: Vị ngụ ở chô tru chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vi Tỳ-khưu trong sạch, không đứng dậy từ chỗ ngoi khi thay vị Tỳ-khưu trong sạch, xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo

về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

L CHƯƠNG HÀNH sự 531

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hôi đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hôi đôi với vi Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không . , l x • . . r X * nhìn nhận tội, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 4. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vi không bôi nhọ vị Tỳ- khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiêm, không bôi nhọ với sự hư hỏng vê tri kiên, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không đeo vật biểu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại dạo, không phục vụ các ngoại đạo, phục vụ các Tỳ-khưu, học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không ngụ ở chỗ trú chung một mái che,

không ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái

532 TIỂU PHẨM

che, không ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhimg chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, vị đứng dậy từ chỗ ngồi khi thấy vị Tỳ- khưu trong sạch, không xúc phạm vi Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khiru? hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khuu có năm yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā, không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhác nhở, vi không câu két với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ- khưu, hành sự án treo vê việc không nhìn nhận tội, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội.

[VIỆC THU HỒI] 1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ- khưu Channa ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, tôi làm phận sự đúng đan, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận toi.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì.... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.... Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 2. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hoi hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Tỳ-khxru Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

L CHƯƠNG HÀNH sự 533

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không nhìn nhận tội, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng dăn, trở nên thu thúc, làm bôn phận đê sửa đôi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đoi với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc

không nhìn nhận tội đoi với Tỳ- khưu Channa xin im lặng; vị nào không đòng ý có thể nói lên. Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội đối với Tỳ-khưu Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậyy Dứt hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội là thứ năm. —ooOoo-

6. HÀNH Sự ÁN TREO VÈ VIỆC KHÔNG SỬA CHỮA LÔI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Kosambī, tu viện Ghosita. Vào lúc bay giờ, Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa 16i?" 2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Channa sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rồ dại này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 4. — Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khiru Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúnệ. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hét, Tỳ-khưu Channa cân được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, cần xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

“Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đông ý việc thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lỗi đoi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vị nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Channa này sau khi phạm tội lại không muốn sửa chữa lỗi. Hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng, vi nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như V0' Và này các Tỳ-khưu9 hãy thông báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng:

"Tỳ-khưu Channa đã được [hội chúng] thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng.

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm. được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt).

L CHƯƠNG HÀNH sự 535

3. Này các Tỳ-khưu,...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện khi chưa xác đinh tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ..(nt). 5. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đen việc không sám hoi được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu? ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu,...(nt)...có ba yếu tố khác nưa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khmi, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai trường hợp về hành sự sai Pháp thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP •

1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi

536 TIỂU PHẨM

CÓ ba yêu tô này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khxru, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu9 ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu9 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). n. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khiru, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

L CHƯƠNG HÀNH sự 537

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 1. Này các Tỳ-khưu? hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô: Vi thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; vi sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi đoi với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vi bi hư hỏng về hạnh kiêm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng vê tri kiên thuộc tri kiên cực đoan. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khiru có ba yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện

hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vi chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ- khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đoi với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng ve giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng ve hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng ve tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các

Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lỗi đối với ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

BỐN MƯƠI BA PHẦN sự 1-43. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự án treo vê việc không sửa chữa lỗi nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đan ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự? không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lung trong khi tắm của vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không nên bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không nên chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu, không nên đeo vật biểu hiện của người tại gia, không nên đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không nên phục vụ các ngoại đạo, nên phục vụ các Tỳ-khưu? nên học tập ve việc học tập của Tỳ-khưu, không nên cư ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không nên cư ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú chung một mái che cùng với vi

Tỳ-khưu trong sạch, nên từ chỗ ngoi đứng dậy khi thay vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên xúc phạm vi Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Đoi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ lễ Pavārariā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [đe buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cau kết với các Tỳ-khưu. Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đoi với Tỳ-khưu Channa, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Vị ấy khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác.

L CHƯƠNG HÀNH sự 539

2. Tại đó, các Tỳ-khiru đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vi ấy bị đoi xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. 3. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy, không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ- khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ấy bi đối xử thiếu trọng vọng nên đã đi từ trú xứ ấy đến trú xứ khác. Ngay tại nơi đó, các Tỳ-khưu cũng đã không đảnh lễ, không đứng dậy5 không chắp tay, không làm hành động thích hợp, không trọng vọng, không cung kính, không sùng bái, không cúng dường. Trong khi không được các Tỳ-khưu trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, vị ây bị đôi xử thiêu trọng vọng nên đã quay trở vê lại Kosambī. 4. Vị ấy làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, rồi đi đến gặp các Tỳ-khưu và nói như vầy: —Bạch chư Đại đức, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây5 hội chúng hãy thu hôi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa.

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô: Vi ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu- ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khiru có năm yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi, không nên thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự đảnh lễ9 sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị

Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt).

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có năm yếu tố khác nữa: Vị ưng thuận sự sửa soạn chô năm, nước rửa chân, ghê kê chân tâm chà chân, sự tiêp rước y bát, sự kỳ cọ limg trong khi tăm của vị Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị bôi nhọ vị Tỳ- khưu trong sạch với sự hư hỏng về giới, bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, bôi nhọ với sự hư hỏng vê tri kiên, bôi nhọ với sự hư hỏng vê nuôi mạng, chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu?...(nt).. có năm yếu tố khác nữa: Vị đeo vật biểu hiện của người tại gia, đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, phục vụ các ngoại đạo, không phục vụ các Tỳ-khưu, không học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vi ngụ ở chỗ trú chung một mái che, ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đứng dậy từ chô ngôi khi thây vị Tỳ-khmi trong sạch, xúc phạm vi Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu9 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khmi có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā. làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yêu tô này. Dứt bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

BỐN MƯƠI BA TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khiru-ni dầu đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. ...(nt).

3 Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi của vị Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có năm yếu tố khác nữa: Vị không ưng thuận sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của vi Tỳ-khưu trong sạch. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vi không bôi nhọ vị Tỳ-khưu trong sạch với sự hư hỏng

về giới, không bôi nhọ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, không bôi nhọ với sự hư hỏng về tri kiến, không bôi nhọ với sự hư hỏng về nuôi mạng, không chia rẽ Tỳ-khưu với các Tỳ-khưu. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yêu tô khác nữa: Vị không đeo vật biêu hiện của người tại gia, không đeo vật biểu hiện của kẻ ngoại đạo, không phục vụ các ngoại đạo, phục vụ các Tỳ-khưu, học tập về việc học tập của Tỳ-khưu. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có năm yếu tố khác nữa: Vị không ngụ ở chỗ trú chung một mái che, không ngụ nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che, không ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú nhưng chung một mái che cùng với vi Tỳ-khưu trong sạch, đứng dậy từ chô ngôi khi thây vi Tỳ- khưu trong sạch, không xúc phạm vị Tỳ-khưu trong sạch dầu ở trong tu viện hay ở ngoài. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 8. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị không đình chỉ lễ Uposatha đối với vi Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā. không làm công việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhắc nhở, vị không cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ- khưu, hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này. Dứt bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi.

[VIỆC THU HỒI] 1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ- khưu Channa ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa 16i."

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi? Tỳ-khiru Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hoi hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi đoi với Tỳ-khưu Channa. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đồng ý việc thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khiru Channa xin im lặng; vi nào không đong ý có the nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ ba: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không sửa chữa lỗi, Tỳ-khưu Channa này làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm

bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi. Hội chúng thu hôi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa. Đại đức nào đông ý việc thu hôi hành sự án treo vê việc không sửa chữa lôi đôi với Tỳ- khưu Channa xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi đối với Tỳ-khưu Channa đã được hội chúng thu hồi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi là thứ sáu. -ooOoo—

7. HÀNH Sự ÁN TREO VỀ VIỆC KHÔNG TỪ Bỏ TÀ KIẾN Ác 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của Ông Anāthapindika. Vào lúc bây giờ, Tỳ-khưu tên Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vay: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành."

L CHƯƠNG HÀNH sự > 543

2. Nhiều vị Tỳ-khưu đã nghe rằng: “Nghe nói Tỳ-khưu tên Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vày: 'Theo như ta hiêu vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyêt giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.'” 3 Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huân luyện chim ưng, sau khi đên đã nói với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng điều này: Này Đại đức Arittha, nghe nói Đại đức đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: "Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn đe cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành,\ có đúng không vậy? —Này các Đại đức, đúng như vậy. Theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thể Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành. 4. - Này Đại đức Arittha, chớ có nói như thế. Chớ có vu khống đức Thế Ton, bơi vì việc vu không đức The Ton là không tot. Bơi VI đức The Ton không có nói như thế. Này Đại đức Arittha, đức Thế Tôn đã giảng giải bằng nhiều \ • r

phương thức răng các pháp chướng ngại có khả năng đem đên sự chướng ngại cho người thực hành. Đức Thế Tôn đã giảng giải rằng dục tình chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiêu ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là bộ xương, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là miếng thịt, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là cây đuốc cỏ, nhiều khổ đau, nhiêu ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là hố than cháy rực, nhiều khổ dàu, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thê Tôn giảng giải như là giác mơ, nhiêu khô đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thê Tôn giảng giải như là vật vay mượn, nhiêu khô đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn

giảng giải như là trái trên cây, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là lò sát sanh, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn.

544 TIỂU PHẨM

Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là mũi lao nhọn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được đức Thế Tôn giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. 5. Khi được các vị Tỳ-khưu ấy nói như thế, Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, do có sự ngoan cố? chấp giữ và bảo thủ tà kiến ác ấy nên vẫn phát biểu giống như the: Này các Đại đức, theo như tôi hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành. Bởi vì các vi Tỳ-khưu ấy không thể giúp cho Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng thoát khỏi tà kiến ác ấy, sau đó các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đã trình sự việc áy lên đức Thê Tôn. 6 Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng rằng: Này Arittha, nghe nói tà kiên ác đã sanh khởi ở ngươi như vây: “Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn đe cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành9\ có đúng không vậy? Bạch Ngài, đúng như vậy. Theo như con hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức The Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành. Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi lại hiểu pháp được Ta thuyết giảng là như thế? Này kẻ rồ dại, không phải Ta đã giảng giải bằng nhiều phương thức rằng các pháp chướng ngại có khả năng đem đến sự chướng ngại cho người thực hành hay sao? 7. Dục tình đã được Ta giảng giải là chỉ có chút ít khoái lạc, nhiều khổ đau, nhiêu ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng ệiải như là bộ xương, nhiêu khô đau, nhiêu ưu phiền, ơ đó điều bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là miếng thịt, nhiều khổ dàu, nhiều ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là cây đuốc cỏ5 nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là hố than cháy rực, nhiều khổ đau. nhiêu ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là giấc mơ, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn.

L CHƯƠNG HÀNH sự 545

Dục tình đã được Ta giảng giải như là vật vay mượn, nhiều khổ dàu, nhiều ưu phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là trái trên cây, nhiều khổ đau, nhiều ưu \ r <• l e 9 y phiên, ơ đó điêu bát lợi còn nhiêu hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là lò sát sanh, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là mũi lao nhọn, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. Dục tình đã được Ta giảng giải như là đầu rắn độc, nhiều khổ đau, nhiều ưu phiền, ở đó điều bất lợi còn nhiều hơn. 8. Này kẻ

rồ dại, hơn nữa, ngươi không những vu khống Ta do sự sai lạc của bản thân mà ngươi còn làm tôn hại chính bản thân và tích lũy nhiêu điêu bát thiện nữa. Này kẻ rô dại, chính điêu ây sẽ đem lại cho ngươi sự thát bại và khổ đau lâu dài. Này kẻ rồ dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 chính vì điều ấy, hội chúng hãy thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Arittha, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Arittha, , # r : \ n , ... *• trước đây là người huân luyện chim ưng, cân được quở trách; sau khi quở trách, can được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở, can xác định tội; sau khi xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 9. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Arittha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: 'Theo như ta hiên vê pháp đã được đức Thê Tôn thuyêt giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành/ Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huân luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đây là lời đe nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Arittha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vầy: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành.5 Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến

ác đối với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt)...Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Tỳ-khưu Arittha này, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã sanh khởi tà kiến ác như vay: 'Theo như ta hiểu về pháp đã được đức Thế Tôn thuyết giảng thì những pháp chướng ngại được đức Thế Tôn đề cập không có khả năng đem lại sự chướng ngại cho người thực hành/Vị ấy không chịu từ bỏ tà kiến ác ấy. Hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Đại đức nào đông ý việc thực hiện hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huân luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 10. Và này các Tỳ-khưu, hãy thông

báo từ trú xứ này sang trú xứ khác rằng: "Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chiing."

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu to này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi khi có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện với tội đã được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện khi chưa nhác nhở, được thực hiện khi chưa xác định tội. ...(nt).

L CHƯƠNG HÀNH sự 547

4. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. •.(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện thiêu sự tra hỏi, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự không thừa nhận, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội không vi phạm, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu,...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc không sám hối được, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 9. Này các Tỳ-khtru, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội đã được sám hối, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa quở trách, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khiru, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa nhắc nhở, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. ..(nt) 12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện khi chưa xác đinh tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. Dứt mười hai trường hợp về hành sự sai Pháp.

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu tố: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. 2. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác là

hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp khi có ba yếu

tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm. được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện với tội chưa được sám hối. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện sau khi đã xác định tội. ...(nt). 4. Này các Tỳ-khưu5 ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự hiện diện, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 6. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với sự thừa nhận, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ..(nt). r 7. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện với tội vi phạm đưa đến việc sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất•...(nt) 9. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yêu tô khác nữa: Được thực hiện với tội chưa được sám hối, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 10. Này các Tỳ-khưu, ..(nt)... có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã quở trách, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 11. Này các Tỳ-khưu, ...(nt)...có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã nhắc nhở, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. ...(nt). 12. Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba yếu tố khác nữa: Được thực hiện sau khi đã xác định tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. Dứt mười hai trường hợp về hành sự đúng Pháp.

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 1. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố: Vị thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh

luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; vị ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội? không có giới hạn [về tội]; vị sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không dúng đan với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 2. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị bi hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, vi bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, vi bi hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu9 hội chúng trong khi mong muốn, có thể

thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 3. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vi Tỳ-khưu có ba yếu tố này. 4. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác đoi với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ5 thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 5. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khiru khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bi hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tri kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu này. 6. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có the thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với ba hạng Tỳ-khưu này. Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn thuộc hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiến ác.

BỐN MƯƠI BA PHÀN sự 1-43. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu được thực hiện hành sự án treo ve việc không từ bỏ tà kiến ác nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, không nên tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vị thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khiru trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. không nên đình chỉ lễ Pavāranā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhăc nhở, không nên câu két với các Tỳ-khiru. Dứt bốn mươi ba phận sự thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

1. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, [tức là] việc không cùng thọ hưởng với hội chúng. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị ấy đã hoàn tục. 2. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt)... các vị ây phàn

nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 3. Khi áy, đức Thê Tôn nhan ly do ay, nhan sự kiện ay đã triệu tập nội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói Tỳ-khưu Arittha, trước đây là người huấn luyện chim ưng, khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đã hoàn tục, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 4. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -... (nt) ... Này các Tỳ-khưu, vì sao kẻ rô dại ây khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác lại hoàn tục? Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

L CHƯƠNG HÀNH su 551

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP KHÔNG NÊN THU HỒI 5. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, không nên thu hôi đôi với vi Tỳ-khun có năm yêu tô: Vi ban phép tu lên bậc trên, ban cho phép nương nhờ, bảo Sa-di phục vụ, ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ- khưu-ni, giảng dạy Tỳ-khưu-ni khi đã được chỉ định. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 6. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, chỉ trích hành sự, chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu5 hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố này. 7. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, không nên thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có tám yếu tố: Vị đình chỉ lễ Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở, vị cấu kết với , Ạ -g 9 5 1 • Ấ các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, không nên thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có tám yêu tô này. Dứt mười tám trường hợp không nên thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

MƯỜI TÁM TRƯỜNG HỢP NÊN ĐƯỢC THU HỒI 1. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vi không ban phép tu lên bậc trên, không ban cho phép nương nhờ, không bảo Sa-di phục vụ, không ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 2. Này các Tỳ-khưu9 hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, nên được thu hồi đối với vị Tỳ-khưu có năm yếu tố khác nữa: Vị không tái phạm tội đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, không chỉ trích hành sự, không chỉ trích các vị thực hiện hành sự. Này các Tỳ-khưu, hành sự

án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, nên được thu hôi đôi với vị Tỳ-khưu có năm yêu tô này. 3. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hôi đôi với vi Tỳ-khiru có tám yêu tô: Vị không đình chỉ lê Uposatha đối với vị Tỳ-khưu trong sạch, không đình chỉ lễ Pavāranā. không làm công

việc khuyên bảo, không khởi xướng việc cáo tội, không thỉnh ý [để buộc tội], không quở trách, không nhăc nhở, vị không câu két với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu, hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, nên được thu hồi đối với vi Tỳ-khưu có tám yếu to này. Dứt mười tám trường hợp nên được thu hồi thuộc hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác.

[VIỆC THU HỒI] 1. Và này các Tỳ-khưu, nên được thu hồi như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu đã được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên trình với hội chúng như vầy: "Bạch các ngài, được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, tôi làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi; giờ tôi thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến C." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, vị Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên [như vầy], Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa dổi, giờ thỉnh câu sự thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác. Hội chúng thu 1 X• 1 Ã r y \ 9 y 1 ỉ -r • ,• . hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với vị Tỳ-khưu tên [như vây]. Đại đức nào đông ý việc thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiến ác đoi với vị Tỳ-khưu tên [như vay] xin im lặng; vị nào không đong ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ nhi. ...(nt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Khi được hội chúng thực hiện hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, Tỳ-khưu này tên [như vầy] làm phận sự đúng đắn, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi, giờ thỉnh cầu sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Hội chúng thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác đối với vị Tỳ-khưu tên

[như vây]. Đại đức nào đông ý việc thu hôi hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với vị Tỳ-khưu tên [như vây] xin im lặng; vi nào không đông ý có thể nói lên. Hành sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác đôi với vị Tỳ-khưu tên [như vây] đã

được hội chúng thu hôi. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Dứt hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác là thứ bảy. Dứt chương í6Hành sự55 là thứ nhất.

Trong chương này có bảy sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Các Tỳ-khưu thuộc nhóm Panduka và Lohitaka, bản thân vốn là những vị thường gây nên các sự xung đột, đã đi đến các vị có sở hành tương tợ và ra sức tạo ra các sự xung đột. 2. Các sự xung đột chưa xảy ra thì các vị tạo ra và đã xảy ra rồi thì làm cho tăng trưởng. Các vị Tỳ-khiru tốt lành, ít ham muốn, phàn nàn. Bậc Pháp Chủ. 3. Đấng Duy Trì Chánh Pháp, đức Phật, bậc Tự Tại, nhân vật Tối Cao, đấng Chiến Thắng ở thành Sāvatthi ra lệnh làm hành sự khiển trách. 4. Việc ây được thực hiện thiêu sự hiện diện, thiêu sự tra hỏi, với sự không thừa nhận, và việc ấy được thực hiện với tội không có vi phạm, không sám hối được, đã được sám hối. 5. Việc ấy được thực hiện khi chưa quở trách, chưa nhắc nhở, chưa xác định tội, và việc ấy được thực hiện thiếu sự hiện diện, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. 6. Việc ây được thực hiện thiêu sự tra hỏi, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. Và việc ấy còn được thực hiện với sự không thừa nhận, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. 7. Và việc ấy còn được thực hiện với tội không có vi phạm, không theo pháp và còn theo phe nhóm nữa. Và còn với tội đưa đến việc không sám hối được, không theo pháp và theo phe nhóm nữa. 8. Và tương tợ như thế ấy với tội đã được sám hối, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa. Và tương tợ như thế ấy khi chưa quở trách, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa. 9. Và tương tợ như thế ấy khi chưa nhắc nhở, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa. Và tương tợ như thế ấy khi chưa xác định, không theo pháp, còn theo phe nhóm nữa.

10. Theo đúng phương thức của các trường hợp tối, trường hợp sáng được nghiệm ra. Và trong khi mong muốn, hội chúng có thể thực hiện việc khiển trách đến vi ấy. 11. Sự xung đột, vị ngu si, sống thân cận, vị bị hư hỏng về tăng thượng giới, về tăng thượng hạnh, vi bi hư hỏng về tà kiến cực đoan, hội chúng nên thực hiện việc khiển trách. 12. Và vi nào chê bai đức Phật, Giáo pháp, Hội chúng thì hội chúng nên thực hiện việc khiển trách đoi với cả ba vị Tỳ-khưu này. 13. Hạng thường gây nên sự xung đột, ngu si, nươiiệ tựa vào sự thân cận, về tăng thượng giới, vê tăng thượng hạnh, tương tợ như thê ây vê tà kiên cực đoan. 14. Và hạng nào chê bai đức Phật, Giáo pháp, Hội chúng, việc thực hành phận sự đúng dăn đối với hạng đã được thực hiện hành sự khiển trách là như vậy. 15. Việc cho tu bậc trên, việc ban phép nương nhờ, sự phục vụ của Sa-di, việc giáo giới, cho dù đã được chỉ định, vị đã được thực hiện hành sự thì không nên làm. 16. Và tương tợ như thế, không nên phạm lại tội ấy, tội tương tợ như vậy và nghiêm trọng hơn thế, không nên chỉ trích hành sự và luôn cả các vị thực hiện hành sự. 17. Đối với vi Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. lễ Pavāranā. việc khuyên bảo, việc cáo tội, việc thỉnh ý [để buộc tội] và với việc quở trách. 18. Việc nhắc nhở và việc kết bè phái, việc tương tợ như thế là không nên làm. Việc cho tu bậc trên, ban cho phép nương nhờ, sự phục vụ của Sa-di. 19. Việc giáo gi&i, cho dầu đối với vị đã được chỉ định, với năm yếu tố thì không được thu hồi. Và vị phạm lại tội ấy, tội tương tợ như vậy

và nghiêm trọng hơn thế. 20. Vi chỉ trích hành sự và các vị thực hiện hành sự thì không thu hồi. Lễ Uposatha, lễ Pavāranā, việc khuyên bảo, việc cáo tội. 21. Việc thỉnh ý [để buộc tội], và luôn cả việc quở trách, việc nhắc nhở, việc kết bè phái, vị nào gắn bó với tám điều này thì không thu hồi. 22. Theo đúng phương thức của các trường hợp tối, trường hợp sáng được nghiệm ra. Vị Seyyasa là ngu si, phạm nhiều tội và lại còn thân cận. 23. Đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí đã ra lệnh làm hành sự chỉ dạy. ở Kītāgiri có hai vi Tỳ"khxru Assaji và Punabbasuka. 24. Họ không thu thúc và đã thực hành việc sai trái các loại. Bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng, ở thành Sāvatthi [đã cho phép] hành sự xua đuổi. Vi Sudhamma ở Macchikāsanda đã là vị thường trú của [gia chủ] Citta. 25. Vi Sudhamma sỉ vả nam cư sĩ Citta về câu chuyện dòng dõi. Đấng Thiện Thệ đã ra lệnh làm hành sự hòa giải.

I. CHƯƠNG HÀNH Sự 555

26. Vi Tỳ-khưu Channa ở thành Kosambī không muốn nhìn nhận tội. Đấng Chiến Thắng Tối Thượng đã ra lệnh treo tội về việc không nhìn nhận. 27. Channa không muốn sửa chữa chính tội lỗi ấy, vị Lãnh Đạo đã ra lệnh làm hành sự án treo vê việc không sửa chữa [lôi]. 28. Tà kiến ác, được nương tựa ở sự thiếu trí, đã khởi đến vị Arittha. Hành A r : : r r . . c . Sự án treo vê việc không từ bỏ tà kiên đã được bậc Chiên Thăng giảng giải. 29. Hành sự chỉ dạy, xua đuôi, và hòa giải là tương tợ như thê, vê việc không nhìn nhận, sửa chữa và không từ bỏ tà kiến. 30. Việc đùa giỡn, sở hành sai trái, việc làm tôn hại và nuôi mạng sái quây, các điêu phụ trội này là ở hành sự xua đuôi. 31. Mất lợi lộc, chê bai, hai lần năm có tên là "hai nhóm năm,\ các điều phụ trội này là ở hành sự hòa giải. 32. Việc khiển trách và việc chỉ dạy, cả hai hành sự ấy là tương tợ. Việc xua đuổi, việc hòa giải là có các điều còn lại. 33. Ba hành sự án treo là tương tợ và đã được phân tích. Cũng theo phương thức của hành sự khiển trách, các hành sự còn lại được nghiệm ra. Dứt chương “Hành sự.^ —ooOoo—

IL CHƯƠNG PARIVÃSA

1. PHẬN Sự CỦA VỊ HÀNH PARIVÃSA 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu hành Parỉvãsa ung thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt)...các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu hành Parivãsa lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?” Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu hành Parivãsa ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu hành Parỉvãsa lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chô ngôi, sự sửa soạn chô năm, nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, sự tiếp rước

y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru hành Parỉvãsa không nên img thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata. 5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, việc chắp tay, hành động thích hợp, việc sửa soạn chỗ ngồi, việc sửa soạn chỗ nằm, nước rửa

chân, ghê kê chân, tâm chà chân, việc tiêp rước y bát, việc kỳ cọ lưng trong khi tam giữa các Tỳ-khưu hành Parivãsa với nhau được tính theo thâm niên. 6. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposatha. lễ Pavāranā. y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đoi với các Tỳ-khưu hành Parỉvãsa} 7. Này các Tỳ-khưu5 chính vì điều ấy, Ta sẽ quy đinh phận sự cho các Tỳ-khưu hành Parỉvâsa. các Tỳ-khưu hành Parỉvâsa nên thực hành theo như thế. Này các Tỳ-khưu5 vi Tỳ-khưu hành Parivâsa nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: 8. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ đinh, hội chúng đã cho hình phạt Parivãsa với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vi thực hiện hành sự, đoi với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ lễ Pavāranā. không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để " r L buộc tội], không nên quở trách, không nên nhác nhở, không nên câu két với các Tỳ-khưu. 9. Này các Tỳ-khưu? vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chô năm cuôi cùng, trú xá cuôi cùng của hội chúng và vị ây nên ưng thuận việc ấy. 10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvâsa không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đâu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình.,, 11. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khtru hành Parivãsa là vị vãng lai nên trình báo [về hình phạt đang thọ đến các Tỳ-khưu thường trú], nên trình báo đến vị vãng lai, nên trình báo trong lễ Uposatha, nên trình báo trong lễ Pavāranā. Nêu bị bệnh, nên cho người đại diện trình báo giùm. 12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu? trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivâsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ- khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khưu hành Parivâsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi

Nghĩa là theo thứ tự thâm niên so với các Tỳ-khưu trong sạch (VỉnA. VI. 1160).

đến chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khmi trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ tru không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đen nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu5 vi Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khun, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng tru,2 trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đong cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khiru, vi Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 16. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu? nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu hành Parỉvâsa

2 Hai nền tảng của việc không đọng cộng trú: Tự bản thân thực hiện việc không đồng cộng trú cho bản thân, hoặc]à hội chúng hợp nhất ban án treo vị ấy về việc không nhìn nhận tọi, hoặc ve việc không sửa chữa lỗi, hoặc về việc không từ bỏ tà kiến ác. Xem tr. 452 trong tập này; TTPV, tập 5, Mv. n, chương X, tĩ. 335.

từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 17. Này các Tỳ-khtru, vị Tỳ-khiru hành Parỉvãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ- khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đên nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là khônậ đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiêm. Này các Tỳ- khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu? nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ- khtru trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 18. Nàỵ các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú có Tỳ-khiru có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khtru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khiru, vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến nơi không J>hải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đong cộng tru và biết được rang: "Ta có the đi đen nội trong ngày nay." Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ tru có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khiru, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỵ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng tru và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.95 Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khiru ở nơi ấy là đồng cộng trú và biêt được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.,, Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu hành Parivãsa từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." 20. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu hành Parivãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.^, Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến nơi không phải la chỗ trú có Tỵ-khưu? nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa từ chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, có thể đi đến chỗ trú hoặc nơi không

phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." 21. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu hành Parivãsa cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru cùng một mái che. Khi thay

vi Tỳ-khiru trong sạch nên từ chỗ ngôi đứng dậy. Vi Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chô ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngôi với vi Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngôi trên chô ngôi cao [khi vị kia] nẹôi ở chô ngôi tháp, không nên ngôi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền dát, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đát. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa cùng với vi Tỳ-khưu hành Parivãsa thâm niên hơn ...(nt).. cùng với vi Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta (nt) cùng với vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta (nt) cùng với vị Tỳ-khưu
xứng đáng sự giải tội, không nên cư ngụ chung ở chỗ tru cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] nệồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đât? không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 22. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vị hành Parivãsa mà ban cho hình phạt Parỉvãsa. đưa ve lại [hình phạt] ban đau, ban cho hình phạt Mânatta. có vi ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. Dứt chín mươi bốn phận sự của vi hành Parivãsa.

23. Khi ấy, Đại đức upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức upâli đã nói với đức Thế Tôn rằng: -Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu hành Parivãsa có bao nhiêu sự đứt đêm? Này Upli, vị Tỳ-khưu hành Parivãsa có ba sự đứt đêm: Sự cư ngụ chung [với các hạng Tỳ-khưu đã nêu trong phân phận sự ở trên], sự cư ngụ tách rời [chỉ có một mình], sự không trình báo [cho các Tỳ-khưu vãng lai, v.v...]. Này Upli, đây là ba sự đứt đêm của vi Tỳ-khưu hành Parỉvãsa,

24. Vào lúc bấy giờ, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo tụ hội tại Sāvatthi. Các Tỳ-khưu hành r Parỉvãsa không the hoàn thành hình phạt Parivâsa. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. 25. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngưng hình phạt Parivāsa. Và này các Tỳ-khưu, nên ngưng như vây: Vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa nên đi đên một vi Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, roi ngoi chom hom, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi ngưng hình phạt Parỉvãsay Hình phạt Parỉvãsa đã được ngưng lại. "Tôi ngưng [thực hành] phận sự." Hình phạt Parivãsa đã được ngưng lại. 26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ở Sāvatthi đã ra đi nơi này nơi nọ. Các Tỳ-khưu hành Parivãsa có thể hoàn thành hình phạt Parivãsa, Các vị Tỳ-khưu ay đã trình sự việc ay len đức The Ton. 27. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép thọ trì hình phạt Parivāsa. Và này các Tỳ-khưu, nên thọ trì như vầy: Vị Tỳ-khưu hành Parivāsa nên đi đến một vị Tỳ- khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi thọ trì hình phạt

Parỉvâsay Hình phạt Parivãsa đã được thọ trì. "Tôi thọ trì phận sự.^, Hình phạt Parỉvãsa đã được thọ trì. Dứt phận sự của vi hành Parívãsa. —ooOoo—

2. PHẬN Sự CỦAVỊ XÚNG ĐÁNG VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU 1. Vào lúc bây giờ, các vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu, ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt dử, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thh sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?” Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa ve lại [hình phạt] ban đầu, ưng thuận sự đảnh lễ5 sự đứng dậy, (nt) sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

3 Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tăm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niêm tin] của một sô người đã có đức tin. Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: 4. Này các Tỳ-khưu5 vi Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đâu không nên ưng thuận sự đảnh lê, sự đứng dậy, sự chăp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ- khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata. 5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt).. việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu với nhau được tính theo thâm niên. 6. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposatha, lễ Pavāranā. y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. 7. Này các Tỳ-khưu? chính vì điều ấy, Ta sẽ quy đinh phận sự cho các Tỳ- khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu, các Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu nên thực hành theo như thê. Này các Tỳ- khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu nên thực hành phận sự đúng dăn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đan ây là: 8. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ- khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt]

ban đâu đã được hội chúng thực hiện với tội nào thì không nên tái phạm tội ây, hoặc tội tương tợ, hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ây, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vi thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha, không nên đình chỉ lễ Pavāranā, không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội, không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc : r Ị. nhở, không nên câu két với các Tỳ-khưu. 9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. r l X • ỵ A r 9 r e • Nên cho vị ây chô ngôi cuôi cùng, chô năm cuôi cùng, trú xá cuôi cùng của hội chúng và vị ây nên ưng thuận việc ây.

10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khmi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu5 không nên đi đến các gia đình với vi Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về minh." 11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khxru xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu, không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu từ chô trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khuu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ- khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 13. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khtru ...(nt).. không nên đi đen chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 14. Này các Tỳ-khưu? vi Tỳ-khiru xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ- khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt).. không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khiru không nên đi đến chỗ trú có Tỳ- khum, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng tru, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt).. không nên đi đến

nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu. ...(nt)... không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chô trú có Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.

II. CHƯƠNG PARIVĀSA 565

16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khmi, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vi Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm.…(lít)... không r ĩ nên đi đên nơi không phải là chô trú có Tỳ-khưu. ,..(nt)... không nên đi đên chô trú hoặc nơi không phải là chô trú có Tỳ-khưu5 nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu5 nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt) 18. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khxru xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là đông cộng trú và biêt được răng: "Ta có thê đi đên nội trong ngày nay.” ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt). 19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có the đi đen nội trong ngày nay." ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ..(nt).. chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ây là đông cộng trú và biêt được răng: "Ta có thê đi đên nội trong ngày nay." 20. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu cùng với vi Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vi Tỳ- khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngoi trên chỗ ngoi cao [khi vị kia] ngoi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu cùng với vị Tỳ-khưu hành Parivãsa, ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu thâm niên hơn ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khiru xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(lít)... cùng với vị Tỳ-khưu thực hành

566 TIỂU PHẨM

Mānatta ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng

một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chô ngôi cao [khi vị kia] ngôi ở chô ngôi tháp, không nên ngôi trên chô ngôi [khi vị kia] ngôi ở trên nên đât9 không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vi kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 21. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vi thứ tư là vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu mà ban cho hình phạt Parỉvãsa. đưa về lại [hình phạt] ban đau, ban cho hình phạt Mãnatta. có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. Dứt phận sự của vi xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. -ooOoo-

3. PHẬN Sự CỦA VỊ XỬNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MÃNATTA 1. Vào lúc bấy giờ, các vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ- khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tăm của các Tỳ-khưu trong sạch?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ây đã trình —“ J, n —f A s Xe ây • • sự việc len đức The Ton. 2. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. 3. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi

tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: 4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta không nên ưng thuận sự đảnh lễ9 sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt).. việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta với nhau được tính theo thâm niên. 5. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposathaf lễ Pavāranā, y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khxru xứng đáng hình phạt Mãnatta. 6. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta. các Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta nên thực hành theo như thế. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta nên thực hành phận sự đúng đan. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là: 7. Không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép

nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, ...(nt).. không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuôi cùng, chô năm cuôi cùng, trú xá cuôi cùng của hội chúng và vị ây nên ưng thuận việc ấy. 8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru xứng đáng hình phạt Mãnatta không nên đi đến các gia đình với vi Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình.^, 9. Này các Tỳ-khiru, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khiru không nên đi đến chỗ trú khôĩiẸ có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khxru trong sạch, trừ phi có nguy hiêm. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mānatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu9 trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đen chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 10. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ tru không có Tỳ-khưu ...(nt)...

[không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 11. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt).. [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ- khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu5 trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 12. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ tru có Tỳ-khưu9 nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khim trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt).. [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ..(nt)... [không nên] đi đen chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ- khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 13. Này các Tỳ-khưu5 vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ nơi không phải là chồ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khxru ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đen chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu5 nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 14. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ tru có Tỳ- khưu ...(nt)... [không nên] đi đen nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng

đáng hình phạt Mânatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khmi ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” ...(nt)... nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt).. chỗ trú hoặc nơi khôỉiệ phải là chỗ tru có Tỳ-khưu9 nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là đông cộng trú và biêt được răng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.,, 16. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khiru có thể đi đến chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ..(nt).. chỗ trú hoặc nơi khônệ phải là chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khiru ở nơi ấy là đong cộng trú và biết được rang: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.^, 17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta từ chỗ trú, hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(lít)... chỗ trú hoặc nơi không

phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay." 18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thay vi Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vi kia] nệồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngôi ở trên nên đát, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta cùng với vị Tỳ-khưu hành Parỉvãsa ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa ve lại [hình phạt] ban đầu ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta thâm niên hơn ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [trong khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngôi ở trên nên đât9 không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [khi vi kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vi kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 20. Này các Tỳ-khưu, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vị xứng đáng hình phạt Mãnatta mà ban cho hình phạt Parỉvãsa. đưa ve lại [hình phạt] ban đau, ban cho hình phạt Mãnatta. có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. Dứt phận sự của vi xứng đáng hình phạt Mãnatta. —ooOoo—

4. PHẬN Sự CỦA VỊ THỰC HÀNH M4X4T7M 1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khiru thực hành Mãnatta ưng thuận sự đảnh lễ? sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chô năm, nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, sự tiêp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham

r r # A

muôn, ...(nt)... các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ..(nt)... sự kỳ cọ lưng trong_ khir tăm của các__ ATỳ-khưu • Ạ _ A s_ A 4_ __ rT^i r FT1 A trong sạch?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ây đã trình sự việc ây len đức The Ton. . • r À__ J. r ' r-ry _ rr^-l Ạ 1 _ - A__ . ĩ_ _____ _____ 2. Khi áy, đức The Tôn nhân ly do ay? nhan sự kiên ay đã triêu tập hội chung Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu thực hành Mânatta ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)...sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 3. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta không nên ưng thuận sự đảnh lễ5 sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch; vi nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata, 4. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt)... việc kỳ cọ lưng trong khi tam giữa các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta với nhau được tính theo thâm niên. 5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposatha, lễ Pavāranā, y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được tính theo thâm niên đoi với các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta. 6. Này các Tỳ-khưu9 chính vì điều ấy, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khiru thực hành Mãnatta. các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta nên thực hành theo như thế. 7. Này các Tỳ-khưu? vi Tỳ-khưu thực hành Mânatta nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ định giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dầu đã được chỉ định, hội chúng đã cho hình phạt Mãnatta với tội nào thì không nên tái phạm tội ấy, hoặc tội tương tợ9 hoặc tội nghiêm trọng hơn tội ấy, không nên chỉ trích hành sự, không nên chỉ trích các vi thực hiện hành sự, đối với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên đình chỉ lễ Uposatha. không nên đình chỉ lễ Pavāranā. không nên làm công việc khuyên bảo, không nên khởi xướng việc cáo tội5 không nên thỉnh ý [để buộc tội], không nên quở trách, không nên nhắc nhở, không nên cấu kết với các Tỳ-khưu.

8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru thực hành Mãnatta không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vị Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi cuối cùng, chỗ nằm cuối cùng, trú xá cuối cùng của hội chúng và vị ấy nên ưng thuận việc ấy. 9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatía không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vi Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về mình.,, 10. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta là vị vãng lai nên trình báo [về hình phạt đang thọ đến các Tỳ-khưu thường trú], nên trình báo đến vị vãng lai, nên trình báo trong lễ Uposatha, nên trình báo trong lễ Pavāranā, nên trình báo mỗi ngày. Nếu bi bệnh, nên cho người đại diện trình báo giùm. 11. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khmi, vị Tỳ- khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nen] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 13. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu thực hành Mānatta tò chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 14. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đên chô tru có Tỳ-khưu9 nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ,..(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu5 nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 15. Này các Tỳ-khưu9 vi Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khiru, nếu các Tỳ-khưu ở

nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [không nên] đi đến nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khtru ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 16. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là không đồng cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt).. [không nên] đi

đến nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt)... [không nên] đi đến chỗ tru hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu5 nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là không đông cộng trú, trừ phi [cùng đi] với hội chúng, trừ phi có nguy hiểm. 17. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khiru thực hành Mãnatta từ chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ..(nt).. chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 18. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khmi thực hành Mãnatta từ nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ tru có Tỳ-khưu ...(nt)... nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỵ-khưu, nếu các Tỳ-khun ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 19. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ tru có Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ở nơi ấy là đồng cộng trú và biết được rằng: “Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.^, 20. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu thực hành Mãnatta cùng với vị Tỳ-khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ tru cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khiru trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngoi. Không nên ngoi chung một chỗ ngoi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành [với vi Tỳ-khưu trong sạch], không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 21. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta cùng với vị Tỳ-khưu hành Parivãsa ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khmi xứng đáng việc đưa ve lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khiru xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(nt)...cùng

với vị Tỳ-khiru thực hành Mānatta thâm niên hơn ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cung một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi VỊ kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngồi trên chỗ ngồi [khi vị kia] ngồi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 22. Này các Tỳ-khưu5 nếu [nhóm] có vi thứ tư là vị thực hành Mãnatta mà ban cho hình phạt Parỉvãsa, đưa về lại [hình phạt] ban đầu, ban cho hình phạt Mãnatta. nếu có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. 23. Khi ấy, Đại đức upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức upāli đã noi vơi đức The Ton răng: Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu

thực hành Mānatta có bao nhiêu sự đứt đêm? Này Upāli, vị Tỳ-khưu thực hành Mānatta có bốn sự đứt đêm: Sự cư ngụ chung [với các hạng Tỳ-khưu đã nêu trong phan phận sự ở trên], sự cư ngụ riêng rẽ [chỉ có một mình], sự không trình báo [cho các Tỳ-khưu vãng lai, V.V...], sự thực hành ở nhóm thiếu [nhân sự], Này upâli, đây là bon sự đứt đêm của vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta. 24. Vào lúc bấy giờ, có hội chúng Tỳ-khưu đông đảo đã tụ hội tại Sāvatthi. Các Tỳ-khưu thực hành Mãnatta không thể hoàn thành hình phạt Mãnatta. Các VỊ đã trình sự việc ay len đức The Ton. 25. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngưng hình phạt Mãnatta. Và này các Tỳ-khưu, nên ngưng như vầy: Vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta nên đi đến một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi ngưng hình phạt Mãnattay Hình phạt Mãnatta đã được ngưng lại. "Tôi ngưng [thực hành] phận sự." Hình phạt Mãnatta đã được ngưng lại. 26. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu ở Sāvatthi đã ra đi nơi này nơi nọ. Các Tỳ-khưu thực hành Mânatta có thể hoàn thành hình phạt Mãnatta, Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ trì hình phạt Mãnatta, Và này các Tỳ- khưu, nên thọ trì như vay: Vi Tỳ-khưu thực hành Mãnatta nên đi đen một vị Tỳ-khưu, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại, và nên nói như vầy: "Tôi thọ trì hình phạt Mānatta^ Hình phạt Mãnatta đã được thọ trì. "Tôi thọ trì phận sụ*." Hình phạt Mãnatta đã được thọ trì. Dứt phận sự của vi thực hành Mãnatta. —ooOoo—

5. PHẬN sự CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG sự GIẢI TÔI 1. Vào lúc bấy giờ, các vị Tỳ-khun xứng đáng sự giải tội ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, hành động thích hợp, sự sửa soạn chỗ ngồi, sự sửa soạn chỗ nằm, nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sự tiếp rước y bát, sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ-khưu trong sạch. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch?" 2. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội ưng thuận sự đảnh lễ5 sự đứng dậy, ...(nt).. sự kỳ cọ lưng trong khi tắm của các Tỳ-khưu trong sạch, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: —Này các Tỳ-khưu, tại sao các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)...sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ-khưu trong sạch? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: 3. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, ...(nt)... sự kỳ cọ lưng trong khi tam của các Tỳ- khưu trong sạch; vị nào ưng thuận thì phạm tội Dukkata. 4. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, ...(nt)... việc kỳ cọ lưng trong khi tắm giữa các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội với nhau được tính theo thâm niên. 5. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm sự việc là lễ Uposatha, lễ Pavāranā. y tắm mưa, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai được

tính theo thâm niên đoi với các Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội. 6. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu xứng đáng sự giải tội, các Tỳ-khtru xứng đáng sự giải tội nên thực hành theo như thế. 7. Này các Tỳ-khưu9 vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội nên thực hành phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên,...(nt).. không nên cấu kết với các Tỳ-khưu. [Phận sự của 5 • M \ r * vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu như thê nào thì nên giải thích

chi tiết [về phận sự] của ba vị là vị xứng đáng hình phạt Mânatta. vi thực hành Mãnatta, vi xứng đáng sự giải tội một cách tương tợ.] 8. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên đi phía trước, không nên ngồi phía trước vi Tỳ-khưu trong sạch. Nên cho vị ấy chỗ ngồi Ạ • A _ -í Ạ w___ — Ạ • _ \ _ A___ r ____ Ạ • _ A___ __ __ ___ À wi cung, cho năm ------ trú CUÔ1 cùng, ------ ----xá cuối cùng ---------- ----------và vị ấy của hội chúng nên A-* ưng ------ thuận việc ấy. 9. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội không nên đi đến các gia đình với vị Tỳ-khưu trong sạch làm vị Sa-môn đi trước hoặc làm Sa-môn theo sau, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] cư ngụ ở trong rừng, không nên thọ trì pháp [đầu-đà] hành khất thực, không vì lý do đó mà cho người đem lại vật thực [nghĩ rằng]: "Chớ để họ biết về minh." 10. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú có Tỳ- khưu không nên đi đến chỗ trú không có Tỳ-khiru, trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú có Tỳ-khưu không nên đi đến nơi không phải là chỗ trú không có Tỳ-khưu9 trừ phi [cùng đi] với vị Tỳ-khưu trong sạch, trừ phi có nguy hiểm. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]. 11. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội từ chỗ trú ...(nt).. từ nơi không phải là chỗ tru ...(nt).. từ chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu có thể đi đến chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt)... [đi đến] nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu ...(nt).. [đi đến] chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú có Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ở nơi ây là đông cộng trú và biêt được răng: "Ta có thể đi đến nội trong ngày nay.” 12. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội cùng với vị Tỳ- khưu trong sạch không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ tru cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che. Khi thấy vị Tỳ-khưu trong sạch nên từ chỗ ngồi đứng dậy. Vị Tỳ-khưu trong sạch nên được mời chỗ ngồi. Không nên ngồi chung một chỗ ngồi với vị Tỳ-khưu trong sạch, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngồi ở chỗ ngồi thấp, không nên ngôi trên chô ngôi [khi vị kia] ngôi ở trên nên đát. Không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành [với vi Tỳ-khưu trong sạch], không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 13. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội cùng với vị Tỳ- khưu hành Parivãsa ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)... cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu thực hành Mãnatta ..(nt).. cùng với vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội thâm niên hơn

không nên cư ngụ chung ở chỗ trú cùng

một mái che, không nên cư ngụ chung ở nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên cư ngụ ở chỗ trú hoặc nơi không phải là chỗ trú cùng một mái che, không nên ngồi chung một chỗ ngồi, không nên ngồi trên chỗ ngồi cao [khi vị kia] ngôi ở chô ngôi tháp, không nên ngôi trên chô ngôi [khi vị kia] ngôi ở trên nền đất, không nên đi kinh hành chung một đường kinh hành, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành cao [trong khi vị kia] đi kinh hành ở đường kinh hành thấp, không nên đi kinh hành ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi kinh hành ở trên mặt đất. 14. Này các Tỳ-khiru, nếu [nhóm] có vị thứ tư là vi xứng đáng sự giải tội mà ban cho hình phạt Parỉvãsa. đưa vê lại [hình phạt] ban dâu, ban cho hình phạt Mãnatta, có vị ấy là vị thứ hai mươi mà giải tội, [như thế] không phải là hành sự và không nên thực hành. Dứt phận sự của vi xứng đáng sự giải tội. Dứt chương Parivãsa là thứ nhì.

Trong chương này có năm sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Các vị hành Parivâsa ưng thuận sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay và hành động thích hợp của các Tỳ-khưu trong sạch. 2. Chô ngôi, sự sáp xép chô năm, nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân, Sự tiêp rước y và bình bát, việc kỳ cọ lưng khi tăm và các vi tót phàn nàn. 3. Vị ưng thuận có tội Dukkata, giữa các vị với nhau thì có năm điều được tính theo thâm niên là lễ Uposatha. lễ Pavāranā, y tắm, sự phân chia [vật cúng dường], bữa thọ trai. 4. Và việc làm phận sự đúng đắn trong trường hợp ấy, khi vị ấy cùng đi với vị Tỳ-khưu trong sạch, vật nào là sau cùng, không với vị Sa-môn là vi đi trước hay đi sau. 5. Việc ở trong rừng, việc đem lại thức ăn, [trình báo] các vi vãng lai, vào ngày lễ Uposatha. lễ Pavãraụã, nhờ vị đại diện và nơi nào có Tỳ-khưu thì có thể đi đến. 6. Không nên cư ngụ chung ở chỗ cùng một mái che, khi [vi kia] ngoi ở trên nền đất, ở chỗ ngồi thấp và đi ở đường kinh hành [trong khi vị kia] đi ở trên mặt đất. 7. Đoi với vị thâm niên, không phải là hành sự, các sự đứt đêm và vì sự hoàn thành, việc tạm ngưng, việc thọ trì lại, việc liên quan đen hình phạt Parivãsa cần được biết đến.

8. về lại [hình phạt] ban đầu, vị xứng đáng hình phạt Mānatta. vị thực hành Mānatta là tương tợ như thê, và luôn cả vị xứng đáng sự giải tội, cũng theo cách thức của sự phân chia. 9. Có ba điều cho các vi hành Parivāsa. bốn điều cho các vi thực hành Mānatta là không đạt yêu cầu trong các trường hợp đứt đêm, và ở các trường hợp Mānatta là việc [trình báo] hàng ngày. Hai hành sự là tương tợ, ba hành sự còn lại là giống như nhau. —ooOoo-

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TÔI .

L TÔI . XUẤT TINH L Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Vi ây đã kê lại cho các Tỳ-khưu răng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không CÓ che giâu; vậy tôi nên thực hành như thê nào? Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton.

HÌNH PHẠT MẪNATTA CỦA TÔI KHÔNG có CHE GIẤU 2. - Này các Tỳ-khưu? chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý5 không có che giâu đên Tỳ- khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hôm, chăp tay lại và nên nói như vây: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm . . r . r e y một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Bạch các ngài, lân thứ nhì tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Bạch các ngài, lân thứ ba tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu." 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý? không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu đên Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đông ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khiru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ- khiru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giấu. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý5 không có che giâu đên Tỳ- khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đã được hội chúng ban cho Tỳ-khiru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như

vay?9 Dứt hình phạt Mãnatta của tội không có che giấu.

VIỆC GIẢI TÔI CỦA TÔI KHÔNG có CHE GIẤU 1. Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, vi ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý5 không có che giâu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuat tinh có sự cô y5 không có che giâu đên tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mānatta. vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 581

2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúnệ hãy giải tội cho Tỳ- khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vay: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mânatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ nhì. Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mãnatta, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội lần thứ ba." 3. Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khxru Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vi ấy đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu đến Tỳ-khtru Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vi ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giau. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mânatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ- khưu Udāyi. Đại đức nào đong ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lăng; vị nào không đong ý có the nói lên.

Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khiru Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu đên Tỳ-khưu Udāyi. Vi ấy đã hoàn tất hình phạt Mânatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự CÔ v, không có che giâu. Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cau hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc giải tội của tội không có che giấu.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA CỦA TÔI CHE GIẤU MÔT NGÀY L Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu một ngày. Vị áy đã kê lại cho các Tỳ-khưu răng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. - Này các Tỳ-khưu5 chính vì điêu áy, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hôm, chăp tay lại và nên nói như vây: r 7

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày.^, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...

3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giau một ngày. Vị ấy thỉnh cau

hội chúng hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giau một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvâsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt) Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ ba. ,..(nt). Hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khiru Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lăng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' Dứt hình phạt Parivữsa của tội che giấu một ngày.

HÌNH PHẠT MĀNATTA CỦA TÔI CHE GIẤU MÔT NGÀY 1. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: —Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu một nẹày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn thành hình phạt Parỉvãsa, vậy tôi nên thực hành như the nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. 2. - Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu? nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ây nên đi đên hội chúng, đáp thượnệ y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ-khxxu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy:

"Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giâu một n^ày. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn thành hình phạt Parỉvâsa. giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngay." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ,đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ây đã hoàn thành hình phạt Parivãsa, giờ thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu một ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Vi ấy

đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn thành hình phạt Parỉvâsa. giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có Sự cô ỷ, đã được che giâu một ngày đên Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đông ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt) Hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.^ Dứt hình phạt Mãnatta của tội che giấu một ngày.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 585

VIỆC GIẢI TỒI CỦA TÔI CHE GIẤU MÔT NGÀY L Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mânatta. vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc ay len đức The Tone 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy5 hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khiru, nên giải tội như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượnệ y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giau một ngày. Tôi đây đã thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến tôi đây. Bạch các ngài, tôi đây đã hoàn tất hình phạt Mãnatta, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải t0i." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì.... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã

được che giấu một ngày đến Tỳ- khưu Udāyi. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời

điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu một ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ- khưu Udāyi. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu một ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Vị ấy đã hoàn tất hình phạt Mãnatta. giờ thỉnh cau hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt). Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Dứt việc giải tội của tội che giấu một ngày.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA CỦA TÔI CHE GIẤU NĂM NGÀY 1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu hai ngày•...(nt).. đã được che giấu ba ngày. ...(nt).. đã được che giấu bốn ngày. ...(nt)... Vào lúc bấy ệiờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Vị ây đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô y, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượnệ y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chún^ hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày.”

Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì.... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa năm ngày của

một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khiru Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khiru Udāyi xin im lặng; vị nào không đong ý có the nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt). Hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt hình phạt Parivãsa của tội che giấu năm ngày.

VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU CỦA VỊ HÀNH PARIVÃSA 1. Lúc đang hành Parivãsa, dâu còn dở dang, vị ây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý? không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khmi rằng: Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chiing hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giau năm ngày đen tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như the nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy:

Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vây: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Bạch các ngài, rtôi đây đã thỉnh * chúng hình jF câu hội r phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giấu." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng can được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Vị ây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày.

Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Nếu là thời điểm tlúch hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Đây là lời đê nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giau. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về . A r C,.— r • . lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Đại đức nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của Tỳ-khiru Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 589

Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vầyy Dứt việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của vi hành Parivãsa.

VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG HÌNH PHẠT MĀNATTA
1. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý? không có che giâu; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. - Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đxra Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa vê lại

[hình phạt] ban đâu như vây: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khiru trưởng thượng, rồi ngồi chồm hôm, chăp tay lại và nên nói như vây: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu

590 e TIỀU PHẨM

của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi dây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giau. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khtru kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Vi ấy đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuât tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến vị ấy. Lúc đang hành Parivâsa. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Hội chúng đã đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Với hình phạt Parivâsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội là tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giâu. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố v, không có che giấu. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ..(nt)... Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuât tinh có sự cô ý9 không có che giâu. Đại đức nào đông ý việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu của Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt).

Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vi xứng đáng hình phạt Mãnatta.

HÌNH PHẠT MẴNATTA CỦA NHÓM BA TÔI 1. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)...Tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The T6n. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đen Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hom, chắp tay lại và nên nói như vay: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, dâu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý9 không có che giâu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giâu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của ba t0i." Nên thỉnh cầu đến làn thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

3"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khuu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. ...(nt)... Vi ấy có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vi ấy có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đen Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đong ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào

không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt). y

Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt). Hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt hình phạt Mãnatta của nhóm ba tội.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU CỦA VỊ THỰC HÀNH MẴNATTA L Lúc đang thực hành Mãnatía, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. ...(nt).. Lúc đang thực hành Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm. Và này các Tỳ- khưu, nên đưa ve lại [hình phạt] ban đau như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chôm hổm, chắp tay lại và nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giau năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa năm ngày

của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày đến tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố y, không có che giau. Tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành Mãnatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội5 là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành nên đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt

Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang thực hành Mãnatta. dẫu còn dở dang, vị ây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Dâu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Đây là lời đe nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Lúc đang thực hành Mãnatta, dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý9 không có che giâu. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đàu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, không có che giâu. Đại đức

nào đồng ý việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt).. của Tỳ-khưu Udāyi, xin im lặng; vi nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt) Tỵ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' 4. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt).. và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)...Hội chúng đã đưa tôi đây ...(nt).. về lại [hình phạt] ban đầu ...(nt)...Tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý? không có che giấu. ...(Dt).. Hội chúng đã đưa tôi đây ...(nt).. về lại [hình phạt] ban đầu ...(îìt).. Tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành nên đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã cho hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành Mânatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. ...(nt)... Bạch các ngài, dâu còn dở dang, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt). Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này ...(nt). thỉnh cau hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm ...(nt)... Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho Tỳ-khiru Udāyi ...(nt)... hình phạt Mãnatta sáu đêm ...(nt).. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm ..(nt)... đến Tỳ-khưu Udāyi. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt) Hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vāy/9 Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu vi thực hành Mãnatta.

VIỆC ĐƯA VỀ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ XỨNG ĐÁNG sự GIAI TỘI 1. Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tát và xứng đáng sự giải tội, dâu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Vi ấy đã ke lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu; vậy tôi nên thực hành như thê nào? Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Này các Ty-khiru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu, rồi ban cho hình phạt Mānatta sáu đêm. Và này các Tỳ- khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Mānatta như vầy: ...(nt). Hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giau đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vi xứng đáng sự giải tội.

VIỆC GIẢI TÔI CỦA VỊ ĐƯỢC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÂU 1. Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt Mānatta đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như the nào? Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đen hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giau năm ngày đen tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đàu của một tội xuất tinh có sự cố

ý9 không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giâu. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự cố y, không có che giấu. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đen tôi đây. r đang thựcr hành Mãnatta, dẫur còndở dang, tôi đây đã phạm một Lúc • • 5 tội, là tội xuât tinh có sự cô

y, không có che giâu. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giấu. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuât tinh có sự CÔ ý, không có che giâu. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giấu đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội.99 Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvâsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa năm ngày của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội9 là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý9 không có che giau. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu.

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 597

Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự co ý, không có che giau. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đen Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang thực hành Mãnatta, dâu còn dở dang, vị ây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự CÔ ý9 không có che giâu. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dâu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố v, không có che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy đã thỉnh cau hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Hội chúng đã ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Với hình phạt

Mãnatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, không có che giấu. Dàu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố y, không có che giấu. Hội chúng đã đưa Tỳ- khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh z t r \ • CÓ sự cô ý9 không có che giâu. Dâu còn dở dang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự co ý, không có che giau. Hội chúng đã ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuât tinh có sự cô ý, không có che giâu. Vị ây có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tát, giờ thỉnh câu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Việc giải tội của vi được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA CỦA TÔI CHE GIẤU NỬA THÁNG 1. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: —Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng; vậy tôi nên thực hành như thê nào? Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivāsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi áy nên đi đên hội chúng, ...(nt)... và nên nói A như vây: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa nửa tháng của một tội xuat tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Vi ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa nửa tháng của một tội xuât tinh có sự cô ý5 đã được che giấu nửa tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đê nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Vị ây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố y, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuât tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ-khiru Udāyi. Đại đức nào đông ý việc ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của

một : xuất tội o tinh có sự côA ý, đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ-khưu Udāyi xin im 9

lặng; vi nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Hình phạt Parivãsa của tội che giấu nửa tháng.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 599

VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU CỦA VỊ HÀNH PARIVĀSA NỬA THÁNG 1. Lúc đang hành Parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Vị ây đã kê lại cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý9 đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dâu còn dở dang, tôi đây thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý? đã được che giâu nửa tháng. Vi ây đã thỉnh càu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng,

600 TIỂU PHẨM

hội chúng nên cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố v, đã được che giấu năm ngày. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Vị ây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý9 đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ- khiru Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa, dầu ở vào giai đoạn nửa chừng, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự CÔ ý5 đã được che giâu năm ngày. Đại đức nào đông ý việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày của Tỳ- khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lăng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhi. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, đã được hội chúng đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của vi hành Parivãsa nửa tháng.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA KÉT HỢP 1. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây như vầy: Này các Tỳ-khưu5 Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ..(nt)... và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng đên tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Bạch các ngài, dẫu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 601

r a a r ĩ hình phạt Parỉvâsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. Vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu

còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự co ý? đã được che giau năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự CÔ ý9 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, hình phạt Parỉvâsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý9 đã được che giâu năm ngày. Đây là lời đề nghị. 3. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cô y, đã được che giâu nửa tháng đên Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dàu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giau năm ngày. Hội chúng ban cho hình phạt Parivâsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt).

602 TIỂU PHẨM

Hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như V0' Dứt hình phạt Parivãsa kết hợp.

VIEC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU VV.. CỦA VỊ XỨNG
ĐẤNG HÌNH PHẠT MÃNATTA

1. Với hình xphạt•

Parỉvãsar đã được hoàn thành và xứng ĩ đáng hình phạt / r ~ •

Mānatta, dâu còn dở dang, vi ây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giấu năm ngày. Vi ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2. - Này các Tỳ-khưu9 chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại

[hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi hãy ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây. Và này các Tỳ-khiru, nên đưa về lại [hình phạt] ban đàu như vầy: ...(nt) Và nàỵ các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây như vầy: ...(nt). Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: 3. "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. ...(lít)... Hội chúng đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây. Đại đức nào đồng ý ...(nt).. xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v... của vị xứng đáng hình phạt Mãnatta.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 603

HÌNH PHẠT MĀNATTA CỦA NHÓM BA TÔI 1. Với hình phạt Parivāsa đã được hoàn thành, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu rằng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội, ...(nt)... đã được che giâu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa nửa tháng ...(nt).. đến tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, ...(nt).. đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội, ...(nt)... đã được che giau năm ngày. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, ...(nt)... đã được che giâu năm ngày. Bạch các ngài, dâu còn dở dang, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội, ...(nt)... đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa két hợp ...(nt)... của một tội, ...(nt)... đã được che giâu năm ngày đên tôi đây. Tôi đây có hình phạt Parivāsa đã được hoàn thành, vậy tôi nên thực hành như thế nào? r , Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khim, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khxru Udāyi. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu9 Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt).. và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu nửa tháng. ...(nt)... Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 2. Hội chúng can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội

đen Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu nửa tháng. ...(nt)... Vị ấy có hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, giờ thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu

đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý việc ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.^, Dứt hình phạt Parìvãsa của nhóm ba tội.

VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU v.v... CỦA VỊ THỰC ïiẮÑÍÍ MỸNATTA ỉ. Lúc đang thực hành Mãnatta. dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các A Tỳ-khiru răng: -Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Lúc đang thực hành Mãnatta. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây, [sau đó] ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm. 2. Và này các Tỳ-khưu9 nên đưa về lại [hình phạt] ban đầu như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivâsa kết hợp với tội trước đây như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm như vầy: ...(nt).. Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm đến Tỳ-khưu Udāyi. ...(nt). Hình phạt Mānatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã che giâu năm ngày, được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Dứt các việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, v.v... của vi thực hành Mãnatta.

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 605

VIÊC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU VV.. CỦA VỊ XỨNG ĐẤNG Sự GIẢI TỘI 1. Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giau năm ngày. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày, rồi ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây, [sau đó]

ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm. Và này các Tỳ-khưu, nên đưa vê lại [hình phạt] ban đâu như vây: ...(nt).. Và này các Tỳ-khưu5 nên ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây như vầy: ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm như vầy: ...(nt)... Hội chúng ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm đến Tỳ-khưu Udāyi. ...(nt). Hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã che giâu năm ngày được hội chúng ban cho Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt các việc đưa về lại [hình phạt] ban dầu, v.v... của vi xứng đáng sự giải tội.

VIỆC GIẢI TÔI CỦA TÔI CHE GIẤU NỬA THÁNG 1. Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, vị ấy đã kể lại cho các Tỳ- khưu răng: Này các Đại đức, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Tôi đây có hình phạt Mânatta đã được hoàn tất, vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Tone Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. 2. Và này các Tỳ-khưu, nên giải tội như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Udāyi ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: “Bạch các ngài, tôi đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu nửa tháng. Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng

của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô y, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây, dâu còn dở dang. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh CÓ sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây, dâu còn dở dang. Với hình phạt Parivãsa đã được hoàn thành, tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến tôi đây. Lúc đang thực hành

Mãnatta, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi dây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp . . — —. L . / r • với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến tôi đây, dẫu còn dở dang. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đên tôi đây, dâu còn dở dang.

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 607

Với hình phạt Mānatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, tôi đây đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã đưa tôi đây, dẫu còn dở dang, ve lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày đen tôi đây, dẫu còn dở dang. Dầu còn dở dang, tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giau năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mânatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự co ,đã được che giâu năm ngày đên tôi đây, dâu còn dở dang. Bạch các ngài, tôi đây có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải toi.^ Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhi. ...(nt).. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ...(nt) 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Vị ấy đã thỉnh cau hội chúng hình phạt Parỉvãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa nửa tháng của một tội xuất tinh có sự co ý, đã được che giấu nửa tháng đến Tỳ- khưu Udāyi. LÚC đang hành Parivãsa, dâu còn dở dang, vị ây đã phạm một tội, là tội xuât tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đau của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành và xứng đáng hình phạt Mãnatta, dẫu còn dở dang,

vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dầu còn dở dang, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước

đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Parỉvãsa đã được hoàn thành, vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của ba tội đến Tỳ-khưu Udāyi. Lúc đang thực hành Mânatta, dẫu còn dở dang, vi ấy đã phạm một tội, là r r •L tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý9 đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Parivâsa đã được hoàn thành, dẫu còn dở rdang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng -r r hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý? đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cô ý, đã được che giâu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất và xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, vị ấy đã phạm một tội, là tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị áy đã thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của một tội xuất tinh có sự cô ý5 đã được che giâu năm ngày. Hội chúng đã đưa Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của một tội xuất tinh có sự cô ý9 đã được che giâu năm ngày. Dâu còn dở dang, vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý? đã được che giấu năm ngày. r

Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của một tội xuất tinh có sự cố ý5 đã được che giấu năm ngày đến Tỳ-khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Với hình phạt Parỉvâsa đã được hoàn thành, dẫu còn dở dang, vi ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày. Hội chúng đã ban cho hình phạt Mãnatta sáu đêm của một tội xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu năm ngày đến Tỳ- khưu Udāyi, dẫu còn dở dang. Vị ấy có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tất, giờ thỉnh cầu hội chúng sự giải tội. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Udāyi này đã phạm một tội, là tội

xuất tinh có sự cố ý, đã được che giấu nửa tháng. ...(nt)... Vị ây có hình phạt Mãnatta đã được hoàn tát, giờ thỉnh câu hội chúng sự giải

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 609

tội. Hội chúng giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi. Đại đức nào đồng ý sự giải tội cho Tỳ-khưu Udāyi xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Tỳ-khưu Udāyi đã được hội chúng giải tội. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt việc giải tội của tội che giấu nửa tháng. Tội xuất tinh được đầy đủ. -ooOoo—

2. HÌNH YHẠ^PARIVẴSA

HÌNH PHẠT PARIVĀSA KÉT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI 1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một , r e r J tội đã được che giâu một ngày, một tội đã được che giâu hai ngày, một tội đã được che giấu ba ngày, một tội đã được che giấu bốn ngày, một tội đã được che giâu năm ngày, một tội đã được che giâu sáu ngày, một tội đã được che giâu bảy ngày, một tội đã được che giấu tám ngày, một tội đã được che giấu chín ngày, một tội đã được che giấu mười ngày. 2. Vi ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giâu một ngày, ...(nt)... một tội đã được che giâu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như thế nào? Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khiru, chính vì điêu ây9 nên hội chúng hãy ban cho vị Tỳ-khưu ấy hình phạt Parivãsa, kết hợp với giá tri của tội nào đã được che giấu mười ngày trong sô các tội ây. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vây: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ây nên đi đên hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vây: “Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giấu một ngày, ..(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, tội nào trong so các tội ấy đã được che giau mười ngày, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp với giá tri của tội ấy.” Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa\ Một tội đã được che giấu một ngày,

610 TIỂU PHẨM

...(nt)... một tội đã được che giâu mười ngày. Tội nào trong sô các tội ây đã được che giâu mười ngày, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa két hợp với giá trị của tội ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá tri của tội đã được che giau mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khxru tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. r Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vay], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giau một ngày, ..(nt)... một tội đã được che giấu mười ngày. Tội nào trong số các tội ấy đã được che giâu mười ngày, vi ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp với giá tri của tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giấu mười ngày, trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại

đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giâu mười ngày, trong sô các tội ây đên Tỳ-khưu tên [như vây] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của tội đã được che giâu mười ngày, trong sô các tội ây đên Tỳ-khưu tên [nhưvây]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sựviệc này lànhư vay." Hình phạt Parivãsa kết hựp với giá tri của tội.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA KÉT HỢP VỚI GIÁ TRỊ CỦA TỘI CHE GIẤU DÀI NGÀY 1. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đã phạm nhiều tội Sarìghãdisesa: Một tội đã được che giấu một ngày, hai tội đã được che giấu hai ngày, ba tội đã được che giâu ba ngày, bôn tội đã được che giâu bôn ngày, năm tội đã được che giâu năm ngày, sáu tội đã được che giấu sáu ngày, bảy tội đã được che giấu bảy ngày, tám tội đã được che giấu tám ngày, chín tội đã được che giấu chín ngày, mười tội đã được che giấu mười ngày. 2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt)... mười tội đã được che giấu mười ngày; vậy tôi nên thực hành như the nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy nên hội chúng hãy ban cho vị Tỳ-khưu ấy hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của những tội nào đã được che giấu dài ngày nhất trong so các tội ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng,...(nt).. và nên nói như vầy:

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 611

"Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giấu một ngày, ...(nt).. mười tội đã được che giấu mười ngày. Bạch các ngài, những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa kết hợp với giá trị của những tội ấy." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì.... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa\ Một tội đã được che giấu một ngày, ..(nt).. mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá tri của những tội ấy. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Một tội đã được che giau một ngày, ...(nt).. mười tội đã được che giấu mười ngày. Những tội nào trong số các tội ấy đã được che giấu dài ngày nhất, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp với giá trị của những tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá trị của những tội đã được che giấu dài ngày nhất trong số các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có

thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt) Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp với giá tri của những tội đã được che giâu dài ngày nhát trong sô các tội ây đên Tỳ-khưu tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Dứt hình phạt Parivãsa kết hợp với giá trị của tội che giấu dài ngày.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA HAI THÁNG _ _ 1. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ, đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội, đã che giấu hai tháng?" Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội

chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị áy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesaf đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng?9 Ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giau hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parỉvãsa. pháp hô thẹn đã xuất hiện ở ta đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?"' 2. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu rằng: -Này các Đại dức, tôi đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai thang?" Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai thang?" Vậy tôi nên thực hành như the nào? 3. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây? hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vi Tỳ- khưu ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vay: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu ây nên đi đên hội chúng, đáp thượng y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, roi ngôi chôm hôm, chăp tay lại và nên nói như vây: "Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã

phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?9 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã

ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rang: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng, hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivâsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giâu hai tháng?' Bạch các ngài, tôi đây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vây], đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Vị ây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng, hay là ta nên thỉnh càu hội chúng hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng?9 Vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội đã được che giâu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vi ấy: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Ta đây đã khởi ý răng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh càu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa hai tháng của một tội đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivâsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giau hai tháng?' Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vây], đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Vị ây đã khởi ý rang: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?9 Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa

hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vi ấy: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giâu hai tháng?9 Vị ây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đong ý với việc ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giâu hai tháng đên Tỳ-khưu tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị Tỳ-khưu ấy nên hành Parỉvâsa hai tháng.

CÁCH THỨC NÊN HÀNH PARIVĀSA HAI THÁNG 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khiru phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Vị ây khởi ý như vây: “Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?,, Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giau hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ây: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Ta đây đã khởi ý răng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng?9 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa hai tháng của một tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 615

LÚC đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giâu hai tháng?"' Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, vì lý do ây, vi Tỳ-khưu ây nên hành Parỉvãsa hai tháng. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội vị ấy nhận biết, một tội vi ấy

không nhận biết. Tội mà vị ấy nhận biết, vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa. vi ấy nhận biết được tội kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesaf đã được che giau hai tháng: Một tội ta đã nhận biết, một tội ta đã không nhận biết. Tội mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa. ta đây nhận biết được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai thang?^ Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giau hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vi Tỳ-khưu ấy nên hành Parỉvãsa hai tháng. 3. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu phạm hai tội Sanghãdisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội vị ấy nhớ, một tội vi ấy không nhớ. Tội mà vị ấy nhớ, vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giau hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa. vị ấy nhớ được luôn cả tội kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội ta đã nhớ, một tội ta đã không nhớ. Tội mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvâsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, ta đây nhớ được luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng?59 Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvâsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vi ây. Này các Tỳ-khưu, vì lý do ây, vị Tỳ-khưu ây nên hành Parỉvãsa hai tháng.

4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khmi phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ây, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. LÚC đang hành Parỉvâsa, vị ây không còn nghi ngờ luôn cả tội kia. Vi ây nghĩ như vây: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng: Một tội không nghi ngờ, một tội có nghi ngờ. Với tội không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa. ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tội kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai thang?^ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của luôn cả tội kia, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, vì lý do ấy, vị

Tỳ-khưu ấy nên hành Parivãsa hai tháng. 5. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khiru phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giâu không nhận biêt. Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc vị ấy đang hành Parỉvãsa, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành Parỉvãsaì" Các vị ấy nói như vầy: “Này Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có nhận biết, một tội đã được che giấu không nhận biết. Vi ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ây. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ây. Vị Tỳ-khưu này hành Parỉvãsa vì các tội ấy.” Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tội nào đã được che giấu có nhận biêt, việc ban cho hình phạt Parỉvâsa của tội ây là hợp lý; sự hợp lý đem lại két quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu không nhận biết, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta đối với một w

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 617

6. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu có ghi nhớ, một tội đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giau hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ây, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. LÚC vị ây đang hành Parỉvâsa. có vi Tỳ-khưu khác đi đên, là vị nghe nhiêu, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành ParỉvãsaT' Các vi ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng: Một tội đã được che giâu có ghi nhớ, một tội đã được che giâu không ghi nhớ. Vi ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ây. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ây. Vị Tỳ-khưu này hành Parỉvãsa vì các tội ấy." Vị ây nói như vây: "Này các Đại đức, tội nào đã được che giâu có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mânatta đối với một toi.” 7. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng

hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc vị ấy đang hành Parivâsa, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu dề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ây nói như vây: "Này các Đại dức, vi Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành ParivãsaT' Các vị ấy nói như vầy: uNày Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tội đã được che giấu không nghi ngờ, một tội đã được che giâu có nghi ngờ. Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa hai tháng của các tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vi Tỳ- khưu này hành Parivãsa vì các tội ấy."

Vị áy nói như vây: "Này các Đại đức, tội nào đã được che giâu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt Parivāsa của tội ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tội nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tội ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại két quả. Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta đôi với một toi.59 8. Này các Tỳ-khưu, có vị Tỳ-khưu nọ, đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: “Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?" Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivâsa một tháng của hai tội, đã được che giâu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vi ấy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng. Ta đây đã khởi ý răng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?5 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?"' r 7 A Vị ây đã kê lại cho các Tỳ-khưu răng: "Này các Đại đức, tôi đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý răng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giâu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai

tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hô thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội? đã được che giấu hai tháng?9 Vậy tôi nên thực hành như thế nào?”

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 619

9. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khtru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị Tỳ- khiru áy. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vây: Này các Ty-khiru9 vi Tỳ- khưu ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giau hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở tôi đây: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng. Tôi đây đã khởi ý rang: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giau hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Tôi đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến tôi đây. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hô thẹn đã xuāt hiện ở tôi đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?5 Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 10. Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Vi ấy đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giâu hai tháng?' Vị áy đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hô thẹn đã xuat hiện ở vị áy: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giau hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Vị ấy thỉnh cầu hội

chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ- khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy đã khởi ý rằng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Vị ây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành Parỉvãsaf pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở vị ấy: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý rằng: Ta đã phạm hai tội Sañghādisesaf đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng? Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội? đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt Parivâsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt) Hình phạt Parivãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng, đã được hội chúng ban cho Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành Parivãsa hai tháng. 11. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sanghãdỉsesa, đã được che giấu hai tháng. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?^ Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đên vị ây. Lúc đang hành Parỉvãsa, pháp hô thẹn đã xuât hiện ở vị ây:

“Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng. Ta đây đã khởi ý răng: 'Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng?9 Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivāsa một tháng của hai tội, đã được che

giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivāsa, pháp hổ thẹn đã xuất hiện ở ta đây: 'Hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?"Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivāsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành Parivāsa hai tháng. 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sanghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng vị ấy nhận biết, tháng kia vị ấy không nhận biêt. Tháng mà vị ây nhận biêt, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa tháng ấy, là tháng vị ấy nhận biết của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc đang hành Parivãsa, vị ấy nhận biết luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vầy: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng ta đã nhận biết, tháng kia ta đã không nhận biết. Tháng mà ta đã nhận biết, ta đây đã thỉnh cau hội chúng hình phạt Parỉvãsa tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa tháng ấy, là tháng ta đã nhận biết của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa. ta đây nhận biết luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?" Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giâu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vi Tỳ-khưu ấy nên hành Parỉvãsa hai tháng. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giâu hai tháng: Một tháng vi ây nhớ, tháng kia vị ây không nhớ. Tháng mà vi ây nhớ, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa tháng ây của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa tháng ấy5 là tháng vị ấy nhớ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. LÚC đang hành Parỉvãsa, vị ây nhớ được tháng kia. Vị ây nghĩ như vây: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng ta đã nhớ, tháng kia ta đã không nhớ. Tháng mà ta đã nhớ, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng

hình phạt Parivãsa tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa tháng ấy, là tháng ta đã nhớ, của hai tội đã được che giau hai tháng đen ta đây. Lúc đang hành Parivâsa. ta đây nhớ được luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giâu hai tháng?" Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giâu hai tháng đên vi ây. Này các Tỳ-khưu9 tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ây nên hành Parỉvâsa hai tháng. 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng mà không nghi ngờ, vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa tháng ấy của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che

giấu hai tháng đên vị ây. Lúc đang hành Parivãsa, vị ây không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia. Vị ấy nghĩ như vày: "Ta đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng không nghi ngờ, một tháng có nghi ngờ. Tháng mà không nghi ngờ, ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivâsa tháng ây của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa tháng ấy, là tháng không nghi ngờ, của hai tội đã được che giấu hai tháng đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, ta đây không còn nghi ngờ luôn cả tháng kia, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng?^, Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa luôn cả tháng kia của hai tội, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. Này các Tỳ-khưu, tính luôn tháng trước, vị Tỳ-khưu ấy nên hành Parivãsa hai tháng. 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giâu không nhận biêt. Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội? đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Lúc vị ấy đang hành Parivãsa. có vi Tỳ-khưu khác đi đến, là vi nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ây nói như vây: “Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành ParivãsaV

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 623

Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có nhận biết, một tháng đã được che giấu không nhận biết. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvâsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vi Tỳ- khưu này hành Parỉvãsa vì các tội ấy." Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tháng nào đã được che giấu có nhận biết, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại két quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giâu không nhận biêt, việc ban cho hình phạt Parỉvãsa của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt Mânatta đối với tội một tháng.,, 16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng đến vi ấy. Lúc vị ấy đang hành Parỉvãsa, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu dề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vi Tỳ-khưu này hành ParivâsaT' Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội

Sanghādỉsesa, đã được che giâu hai tháng: Một tháng đã được che giâu có ghi nhớ, một tháng đã được che giấu không ghi nhớ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng đến vị ấy. Này Đại đức, vị Tỳ-khưu này đã phạm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu này hành Parivãsa vì các tội ay?9 Vị ây nói như vây: "Này các Đại đức, tháng nào đã được che giau có ghi nhớ, việc ban cho hình phạt Parivãsa của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu không ghi nhớ, việc ban cho hình phạt Parỉvâsa của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt Mãnatta đối với tội một tháng." 17. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu không nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa hai tháng của hai tội, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. Lúc vi ây

đang hành Parỉvâsa, có vị Tỳ-khưu khác đi đến, là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu dề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hôi hận, ưa thích sự học tập. Vị ây nói như vầy: "Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã phạm tội gì? Vì sao vị Tỳ-khưu này hành ParivãsaT' Các vị ấy nói như vầy: "Này Đại dức, vị Tỳ-khưu này đã phạm hai tội Sañghādisesa, đã được che giấu hai tháng: Một tháng đã được che giấu không nghi ngờ, một tháng đã được che giấu có nghi ngờ. Vị ấy đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giấu hai tháng. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivâsa hai tháng của hai tội ấy, đã được che giâu hai tháng đên vị ây. Này Đại đức, vi Tỳ-khưu này đã phạm các tội ây. Vị Tỳ-khưu này hành Parỉvãsa vì các tội ay?9 Vi ây nói như vây: uNày các Đại đức, tháng nào đã được che giấu không nghi ngờ, việc ban cho hình phạt Parỉvâsa của tháng ấy là hợp lý; sự hợp lý đem lại kết quả. Này các Đại đức, còn tháng nào đã được che giấu có nghi ngờ, việc ban cho hình phạt Parỉvãsa của tháng ấy là không hợp lý; sự không hợp lý không đem lại kết quả. Này các Đại đức, vi Tỳ-khưu là xứng đáng hình phạt Mânatta đoi với tội một tháng?5 Dứt cách thức nên hành Parivãsa hai tháng.

HÌNH PHẠT PARIVĀSA TỪ MỐC TRONG SẠCH L Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ phạm nhiều tội Sañghādisesa. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ sô lượng của các tội, không nhớ sô lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy đã kể lại cho các Tỳ-khiru ràng: Này các Đại đức, tôi đã phạm nhiều tội Sañghādisesa. Tôi không biết số lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ sô lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã giâu]; vậy tôi nên thực hành như thê nào? Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 2.

Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho hình phạt Parivāsa từ móc trong sạch1 của các tội ây đên vị Tỳ-khưu ây. Và này các Tỳ- khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, ...(nt)... và nên nói như vây:

1 Hình phạt Parivãsa từ mốc trong sạch: Bản dịch Anh ngữ của Rhys Davids và Oldenberg ghi lời giải thích cua ngài Buddhaghosa là so lượng đêm thực hằnhsuddhantaparivâsa nên tính từ lúc tu lên bậc trên đến ngay hôm ấy. Cách thức đang được áp dụng hiện nay là xác định thời gian trong sạch tính từ ngày tu lên bạc trên, rồi thực hành suddhantaparivāsa cho thơi gian còn lại. Lối giải thích này phù hợp vơi y nghĩa của từ suddhanta = suddhā + anta = thời điểm cuối khi được trong sạch (ND).

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 625

"Bạch các ngài, tôi đã phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Tôi không biêt sô lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Bạch các ngài, tôi thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa từ móc trong sạch của các tội ấy." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... 3. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vầy], đã phạm nhiều tội Sañghādisesa. Vị ấy không biết số lượng của các tội, không biêt sô lượng của các đêm [đã giâu], không nhớ sô lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa từ móc trong sạch của các tội ây. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho hình phạt Parivãsa từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Vi Tỳ-khưu này tên [như vây], đã phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Vị ây không biêt sô lượng của các tội, không biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ sô lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu]. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa từ r sạch của các tội ây. Hội • r trong r móc \ chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa từ móc trong sạch của các tội ây đên Tỳ-khiru tên [như vây]. Đại đức nào đồng ý với việc ban cho hình phạt Parỉvâsa từ mốc trong sạch của các tội ây đên Tỳ-khưu tên [như vây] xin im lặng; vị nào không đông ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhi. ...(nt). y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. ...(nt) Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa từ mốc trong sạch của các tội ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 4. Và này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa từ móc trong sạch nên được ban cho như vầy, hình phạt Parivãsa nên được ban cho như vầy. 5. Và này các Tỳ-khưu5 hình phạt Parivãsa từ mốc trong sạch nên được ban cho thế nào? Vị không biêt sô lượng của các tội, không biêt sô lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã

giấu] thì hình phạt Parỉvãsa từ mốc trong sạch nên được ban cho.

626 TIÊU PHẨM _____

Vị biết sô lượng của các tội, không biết sô lượng của các đêm [đã giâu], nhớ số lượng của các tội, không nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], không nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã giâu] thì hình phạt Parivāsa từ mốc trong sạch nên được ban cho. Vi biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, không biết số lượng của các đêm, nhớ một phân sô lượng của các tội, một phân không nhớ, không nhớ sô lượng của các đêm, có nghi ngờ vê một phân sô lượng của các tội, một phân không nghi ngờ, có nghi ngờ vê sô lượng của các đêm thì hình phạt Parivāsa từ mốc trong sạch nên được ban cho. Vị không biêt sô lượng của các tội, biêt một phân sô lượng của các đêm, một phần không biết, không nhớ số lượng của các tội, nhớ một phần số lượng A 9 . . của các đêm? một phân không nhớ, có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, có nghi ngờ vê một phân sô lượng của các đêm, một phân không nghi ngờ thì hình phạt Parivãsa từ mốc trong sạch nên được ban cho. Vị biêt sô lượng của các tội, biêt một phân sô lượng của các đêm, một phân không biêt, nhớ sô lượng của các tội, nhớ một phân sô lượng của các đêm, một phần không nhớ, không nghi ngờ về số lượng của các tội, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đêm? một phần không nghi ngờ thì hình phạt Parỉvâsa từ mốc trong sạch nên được ban cho. Vi biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, biết một phần số lượng của các đêm, một phần không biết, nhớ một phần số lượng của các tội, một phân không nhớ, nhớ một phân sô lượng của các đêm, một phân không nhớ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các tội, một phần không nghi ngờ, có nghi ngờ về một phần số lượng của các đêm, một phần không nghi ngờ thì hình phạt Parivâsa từ móc trong sạch nên được ban cho. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivãsa từ móc trong sạch nên được ban cho như thế. .(.c 6. Và này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa nên được ban cho thê nào? Vị biêt sô lượng của các tội, biêt sô lượng của các đêm [đã giâu], nhớ sô lượng của các tội, nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], không nghi ngờ về số lượng của các tội, không nghi ngờ về số lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt Parỉvãsa nên được ban cho. Vị không biết số lượng của các tội, biết số lượng của các đêm [đã giấu], không nhớ sô lượng của các tội, nhớ sô lượng của các đêm [đã giâu], có nghi ngờ vê sô lượng của các tội, không nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã giâu] thì hình phạt Parỉvãsa nên được ban cho. Vị biết một phần số lượng của các tội, một phần không biết, biết số lượng của các đêm [đã giấu], nhớ một phần số lượng của các tội, một phần không nhớ, nhớ số lượng của các đêm [đã giấu], có nghi ngờ về một phần số lượng của các

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 627

A \ X -i tội, một phân không nghi ngờ, không nghi ngờ vê sô lượng của các đêm [đã giấu] thì hình phạt Parivāsa nên được ban cho. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivāsa nên được ban cho như thế. Dứt hình phạt Parivāsa. —ooOoo—

3. BỐN MƯƠI TRƯỜNG HỢP HÀNH PARIVĀSA Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ đang hành Parivāsa đã hoàn tục. Vị áy đã trở lại và thỉnh cầu sự tu lên bậc trên. Các vị đã

trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. L Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parivãsa lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa không áp dụng cho vị hoàn tục. Nêu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parỉvãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phân nào đã được hành Parỉvãsa là đã được hành Parỉvâsa tót đẹp. Nên hành Parỉvãsa phan còn lại. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa lại xuống Sa-di. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivãsa không áp dụng cho vị Sa-di. Nêu vi ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phan nào đã được hành Parivãsa là đã được hành Parỉvãsa tốt đẹp. Nên hành Parivãsa phần còn lại. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parivãsa lại bị điên. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa không áp dụng cho vị bị điên. Nhưng nếu vị ấy hết bi điên, chính việc ban cho hình phạt Parỉvãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phan nào đã được hành Parỉvãsa là đã được hành Parỉvãsa tốt đẹp. Nên hành Parỉvãsa phần còn lại. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa bi loạn trí. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa không áp dụng cho vi bị loạn trí. Nhưng nếu vị ấy hết bi loạn trí, chính việc ban cho hình phạt Parỉvâsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành Parivãsa là đã được hành Parỉvãsa tốt đẹp. Nên hành Parỉvãsa phan còn lại. 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa bị thọ khổ hành hạ. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivãsa không áp dụng cho vị bi thọ khổ hành hạ. Nhưng nếu vị ấy hết bị thọ khổ hành hạ, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vi ấy. ...(nt).

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvâsa lại bi án treo về việc không nhìn nhận tội. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parivâsa không áp dụng cho vị bi án treo. Nhưng nếu vi ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parỉvâsa trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt). 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa lại bi án treo ve việc không sửa chữa lỗi. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvãsa không áp dụng cho vị bị án treo. Nhimg nếu vi ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. ...(nt). 8 Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa lại bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Parỉvâsa không áp dụng cho vi bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần nào đã được hành Parỉvãsa là đã được hành Parỉvâsa tót đẹp. Nên hành Parỉvãsa phân còn lại. 9-16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu là vị xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu9 việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu không áp dụng cho vị hoàn tục. Nêu vị áy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parivāsa trước đây là dành cho vi ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Này các Tỳ-khưu5 trường

hợp vị Tỳ-khưu là vi xứng đáng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu lại xuồng Sa-di•...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ kho hành hạ. ...(nt)... bị án treo ve việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác. Này các Tỳ-khưu, việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu không áp dụng cho vị bị án treo. Nhtrng nếu vị ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivāsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tót đẹp. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. 17-24. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Mãnatta không áp dụng cho vị hoàn tục. Nêu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivãsa nào đã được hoàn thành là đã được : r r hoàn thành tót đẹp. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đên vi ây. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta lại xuống Sa- di....(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bi thọ kho hành hạ. ...(nt)... bi án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bi án treo về việc không sửa chữa lỗi. ..(nt).. bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Này các Tỳ-khưu, hình phạt

Mānatta không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nếu vi ấy được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivāsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đến vị ấy. 25. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang thực hành hình phạt Mānatta lại hoàn tục. Này các Tỳ-khưu, việc thực hành hình phạt Mānatta không áp dụng cho vị hoàn tục. Nấu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parỉvãsa trước đây là dành cho vi ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt Mānatta nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phàn hình phạt Mānatta nào đã được hoàn tất là đã : JF r x

được hoàn tát tót đẹp. Nên thực hành phân còn lại. 26-32. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang thực hành hình phạt Mānatta lại xuống Sa-di. ..(nt).. bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ khổ hành hạ. ...(nt).. bị án treo vê việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bị án treo vê việc không sửa chữa lôi. ...(nt)... bị án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác. Này các Tỳ-khưu, việc thực hành hình phạt Mānatta không áp dụng cho vi bị án treo. Nhưng nếu vị ấy được phục hoi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivāsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivāsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tót đẹp. Hình phạt Parivāsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt Mānatta nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Phần hình phạt Mānatta nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Nên thực hành phan còn lại. 33. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại hoàn tục.

Này các Tỳ-khưu, sự giải tội không áp dụng cho vị hoàn tục. Nếu vị ấy tu lên bậc trên lại, chính việc ban cho hình phạt Parivãsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parivâsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parivâsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình phạt Mãnatta nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Mânatta nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vi Tỳ-khưu ấy nên được giải tội. 34-40. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội lại xuống Sa-di. ...(nt).. bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt).. bi thọ kho hành hạ. ...(nt).. bị án treo về việc không nhìn nhận tội. ...(nt)... bi án treo về việc không sửa chữa lỗi. ...(nt)... bị án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác. Này các Tỳ-khưu, sự giải tội không áp dụng cho vị bị án treo. Nhưng nêu vi ây được phục hồi lại, chính việc ban cho hình phạt Parivâsa trước đây là dành cho vị ấy. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Parỉvãsa nào đã được hoàn thành là đã được hoàn thành tốt đẹp. Hình

phạt Mānatta nào đã được ban cho là đã được ban cho tốt đẹp. Hình phạt Mānatta nào đã được hoàn tất là đã được hoàn tất tốt đẹp. Vi Tỳ-khưu ấy nên được giải tội. Bốn mươi trường hợp hành Parivāsa được đầy đủ. -ooOoo-

4. BA MƯƠI SÁU TRƯỜNG HỢP HẢNHR4RIVỸSA

1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parivāsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Vi Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. 2. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giấu. Vi Tỳ- khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 3 Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 4-9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khiru đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu. ..(nt).. không hạn lượng, có che giau. ...(nt)... không hạn lượng, có che giau và không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ..(nt).. có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giau như the nên được ban cho vi ấy. 10-36. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(nt)... đang thực hành hình phạt Mãnatta ..(nt)... xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. ...(nt).. có hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... có hạn lượng, có che giấu và không che giấu (nt) không hạn lượng, không che giấu (nt) không hạn lượng, có che giâu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giâu và không che giâu. ..(nt).. có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)...

có hạn lượng và không hạn lượng, có che giâu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn

lượng, có che giấu và không che giấu. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. Ba mươi sáu trường hợp được đầy đủ. —ooOoo-

5. MỘT TRÀM TRƯỜNG HỢPMẴNATTÂ 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru phạm nhiêu tội Sanghãdisesa, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy dãtu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, hình phạt Mãnatta nên được ban cho vi Tỳ-khưu ấy. 2. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa. không che giâu, roi hoàn tục. Vi ây đã tu lên bậc trên lại và giâu gièm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế về sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnaíta. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mânatta. 4. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa, có che giấu, rồi hoàn tục. Vi ấy đã tu lên bậc trên lại và giấu giếm các tội ấy. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta, 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa. Các tội của vị ây có che giâu và không che giâu. Vị ây đã hoàn tục roi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này không giấu gièm; các tội nào trước đây vị ây đã không giâu giêm? các tội ây sau này cũng không giau giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 6. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghãdisesa. Các tội của vị ây có che giâu và không che giâu. Vi ây đã hoàn tục roi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ây đã giâu gièm, các tội ây sau này không giâu giếm; các tội nào trước đây vi ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu gièm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã

được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta, 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghãdisesa. Các tội của vi ây có che giâu và không che giâu. Vị ây đã hoàn tục roi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ây đã không giâu gièm, các tội ây sau này không giâu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giâu như thê trước đây và sau này đên vị Tỳ-khưu ây, roi nên ban cho hình phạt Mãnatta, 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghãdisesa. Các tội của vi ấy có che giấu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước

đây vi ây đã giâu gièm, các tội ây sau này giâu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Này các Tỳ-khưu5 nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vi ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vi ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục roi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giau giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 10. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vi ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận • • • v • N. • • • • y •

biết, vi ây giâu gièm các tội ây; các tội nào vị ây không nhận biết, vị ây không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ây nhận biết và đã giâu gièm, các tội ây sau này nhận biết và không giâu giếm; các tội nào trước đây vi ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giâu như thê trước đây và sau này đên vị Tỳ-khưu ấy, roi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 11. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biêt, vị ây giâu gièm các tội ây; các tội nào vi ây không nhận biêt, vị ây không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy

sau này nhận biết và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giâu như thê trước đây và sau này đên vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 12. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhận biết, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vi ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy không nhận biết và đã không giau giếm, các tội ấy sau này nhận biết và giấu giếm. Này các Tỳ-khiru, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, roi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy nhớ và đã giấu giếm, các

tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy không nhớ và đã không giau giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giau giếm. Này các Tỳ-khtru, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 14. Này các Tỳ-khmi, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vi ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vi Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vi ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau nay nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này nhớ và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvâsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mânatta. 16. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vị ấy giấu

giếm các tội ấy; các tội nào vi ấy không nhớ5 vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ ya đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy đã không nhớ và đã không giâu giếm, các tội ây sau này nhớ và giâu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvâsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 17. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngơ va không giau gièm; các tội nao trước đay vi áy co nghi ngơ va đa khòng giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Này các Tỳ- khưu, nên ban cho hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giau như thế trước đây đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mânatta. 18. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khtru phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vi ấy không giấu giếm các tội ấy. Vi ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho

hình phạt Parivãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 19. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khmi phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một số tội vi ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Này các Tỳ-khưu5 nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta. 20. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vi ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho

hình phạt Parivāsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vi Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mānatta. 21-40. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khmi sau khi phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giâu, roi xuống Sa-di. [Nên được giải thích chi tiêt như phần trên] ...(nt). 4160.…(nt).. bi điên. ...(nt). 6180. ...(nt).. bị loạn trí. ...(nt). 81-100. ...(nt)... bi thọ khô hành hạ. ...(nt).. Các tội của vị ây có che giâu và không che giấu. ...(nt)…Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vi ấy có nghi ngờ vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vi ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ va đã không giau gièm, các tôi áy sau nay không nghi ngơ va không giau gièm. ..(nt)... Các tội nào trước đây vi ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(nt).. Các tội nào trước đây vị ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vi ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm. Này các Tỳ-khưu, nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo nhóm các tội đã được che giấu như thế trước đây và sau này đến vị Tỳ-khưu ấy, rồi nên ban cho hình phạt Mãnatta, Dứt một trăm trường hợp Mãnatta. —ooOoo—

6. BÓN TRĂM TRƯỜNG HỢP ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU 1. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giấu, rồi hoàn tục. Vi ấy đã tu lên bậc trên lại và không giấu giếm các tội ấy. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu.

2. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa, không che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giâu gièm các tội ây. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ây. 3. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. có che giâu, roi hoàn tục. Vi ây đã tu lên bậc trên lại và không giâu gièm các tội ây. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ây. 4. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa, có che giấu, rồi hoàn tục. Vị ấy đã tu lên bậc trên lại và giâu gièm các tội ây. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 5. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Các tội của vị ấy có che giấu và không che giấu. Vi ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ây đã giâu gièm, các tội ây sau này không giâu gièm; các tội nào trước đây vi ây đã không giâu gièm, các tội ây sau này không giâu gièm. Vị Tỳ-khiru ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ấy. 6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Các tội của vị ây có che giâu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đa tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ây đã giâu gièm, các tội ây sau này không giâu gièm; các tội nào trước đây vi ây đã không giâu gièm, các tội ây sau này giâu gièm. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Các tội của vi ây có che giâu và không che giấu. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm; các tội nào trước đây vị ây đã không giâu gièm, các tội ây sau này không giâu gièm. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sanghãdisesa. Các tội của vị ấy có che giấu và không được che giâu. Vị ây đã hoàn tục roi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào

trước đây vị áy đã giâu gièm, các tội áy sau này giâu gièm; các tội nào trước đây vi ấy đã không giấu giếm, các tội ấy sau này giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivāsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ây không nhận biêt, vi ây không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giau giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhận biết và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhận biết và không giấu giếm. Vi Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 10. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivâsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vi ây nhận biêt, một sô tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ây không nhận biêt, vị ây không giâu gièm các tội ây. Vi ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhận biết và đã giấu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây đã không nhận biêt và đã không giâu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và giâu gièm. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivāsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ây. 11. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivāsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị ây nhận biêt, một sô tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vi ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vi ây không nhận biêt, vị ây không giâu gièm các tội ây. Vi ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã nhận biết và đã giấu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và giâu gièm; các tội nào trước đây vi ây đã không nhận biêt và đã không giâu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và không giấu giếm. Vi Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. 12. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. Các tội nào vị ấy nhận biết, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vi ây không nhận biêt, vi ây không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã nhận biết và đã giấu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây đã

không nhận biêt và đã không giâu gièm, các tội ây sau này nhận biêt và giâu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ây. 13. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khiru đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị ây nhớ, một sô tội không nhớ. Các tội nào vị áy nhớ, vị áy giâu gièm các tội áy; các tội nào vị áy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy

đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vi ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vi Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivāsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 14. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị ây nhớ, một sô tội không nhơ. Các tôi nao vi áy nhơ, vi áy giau gièm các tôi áy; các tôi nao vi áy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vi ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị áy đã không nhớ và đã không giâu gièm, các tội áy sau này nhớ và giâu gièm. Vị Tỳ-khưu áy nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như the nên được ban cho vị ấy. 15. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vi ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vị ấy nhớ, vi ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy đã nhớ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này nhớ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 16. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. Các tội nào vi ấy nhớ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy không nhớ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tôi nao trước đay vi áy đa nhơ va đa giau gièm, các tôi ây sau nay nhớ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy đã không nhớ và đã không giấu gièm, các tội ây sau này nhớ và giâu gièm. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 639

17. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vi Tỳ-khưu đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vi ây không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ây; các tội nào vị ây có nghi ngờ, vi ây không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục roi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giâu gièm. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như the nên được ban cho vi ấy. 18. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Pañvãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị áy không nghi ngờ, một sô tội có nghi ngờ. Các tội nào vị áy không nghi ngờ, vị áy giâu gièm các tội ây; các tội nào vi ây có nghi ngờ, vị ây không giâu gièm các tội ây.

Vi ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vi ấy không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vi ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đau. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vị ây. 19. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. Một so tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vị ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ấy; các tội nào vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vi ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvâsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thê nên được ban cho vi ây. 20. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa. Một sô tội vị ây không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ, vị ấy giấu giếm các tội ây; các tội nào vị ây có nghi ngờ, vị ây không giâu gièm các tội ây. Vị ây đã hoàn tục rồi đã tu lên bậc trên lại. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm. Vị Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Ã e r Và hình phạt Parivãsa két hợp với tội trước đây của các tội đã được che giâu như thế nên được ban cho vị ấy.

21-40. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu đang hành Pariyãsa. dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giấu, rồi xuống Sa-di. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phan dưới]. 41-60. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiêt như phân dưới]. 61-80. ...(nt)... bi loạn trí. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiêt như phân dưới]. 81-100. ...(nt)... bi thọ khổ hành hạ. ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phân dưới] Các tội của vị ây có che giâu và không che giâu ...(nt)... [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới]. Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ...(nt)... Một số tội vi ấy nhớ, một số tội không nhớ. Một số tội vị ấy không nghi ngờ, một số tội có nghi ngờ. Các tội nào vi ấy không nghi ngờ thì vi ấy giấu giếm, các tội nào vị ấy có nghi ngờ thì vị ấy không giấu giếm. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bi thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt).. Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu gièm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ây không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm; các tội nào trước đây vị ây có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không

nghi ngờ và không giâu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm; các tội nào trước đây vị ấy có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm. Vi Tỳ-khưu ây nên được đưa vê lại [hình phạt] ban đâu. Và hình phạt Parỉvãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vị ấy. 101-200. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng hình phạt Mãnatta ...(nt)... [dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa, không che giấu, rồi hoàn tục] ...(nt) 201-300. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu là vị đang thực hành hình phạt Mãnatta ...(nt)... [dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giấu, rồi hoàn tục] ...(nt). 301-400. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa. không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt)... [Vị xứng đáng hình phạt Mãnatta. vị thực hành Mãnatta. và vị xứng đáng giải tội nên được giải thích chi tiết như vị hành Parivãsa]. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu xứng đáng sự giải tội, dẫu còn dở dang, lại phạm nhiều tội Sañghādisesa, không che giấu, rồi xuống Sa-di. ...(nt)... bị điên. ...(nt)... bị loạn trí. ...(nt)... bị thọ kho hành hạ. Các tội của vị ấy có che

giấu và không che giấu.(nt)... Một số tội vị ấy nhận biết, một số tội không nhận biết. ,..(nt)... Một số tội vị ấy nhớ, một số tội không nhớ. ...(nt)... Một số tội vị áy không nghi ngờ, một sô tội có nghi ngờ. Các tội nào vị áy không nghi ngờ, vi ấy giấu giếm các tội ấy; các tội vị ấy có nghi ngờ, vị ấy không giấu giếm các tội ấy. Vị ấy bị thọ khổ hành hạ. Sau khi không còn bị thọ khổ hành hạ nữa, các tội nào trước đây vị áy không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị áy có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và không giâu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu giếm, các tội áy sau này không nghi ngờ và không giâu gièm; các tội nào trước đây vị áy có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. ...(rít)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giấu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và giâu gièm; các tội nào trước đây vi áy có nghi ngờ và đã không giâu gièm, các tội áy sau này không nghi ngờ và không giấu giếm. ...(nt)... Các tội nào trước đây vị ấy không nghi ngờ và đã giâu gièm, các tội ây sau này không nghi ngờ và giâu gièm; các tội nào trước đây vi ấy có nghi ngờ và đã không giấu giếm, các tội ấy sau này không nghi ngờ và giấu giếm. Vị Tỳ-khưu ấy nên được đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Và hình phạt Parivãsa kết hợp với tội trước đây của các tội đã được che giấu như thế nên được ban cho vi ấy. Dứt bốn trăm trường hợp đưa về lại [hình phạt] ban đầu. —ooOoo—

7. TÁM TRƯỜNG HỢP có HẠN LƯỢNG vv“ 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). 2. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa cùng một tội danh, không che giấu, roi hoàn tục. ...(nt). 4. Này

các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa khác tội danh, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). 5. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa cùng nhóm phân loại, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). __ .__

6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa khác nhóm phân loại, không che giấu, roi hoàn tục. ...(nt).

7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa riêng biệt, không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt). 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khiru phạm nhiều tội Sanghãdỉsesa có liên quan/ không che giấu, rồi hoàn tục. ...(nt) [Nên được giải thích chi tiết như phần dưới] Dứt tám trường hợp có hạn lượng, v.v... -ooOoo—

8. MƯỜI MỘT TRƯỜNG HỢP VỀ HAI VỊ TỲ-KHƯU 1. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sanghãdisesa, Hai vị có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sañghādisesa. Một vị giâu gièm, một vi không giâu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vi ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giâu đên vị áy. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đến cả hai vi. 2. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Hai vị có nghi ngờ là tội Sañghādisesa. Một vị giấu giếm, một vi không giấu giếm. Vi nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đến cả hai vị. 3. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa, Hai vị có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội Sañghādisesa. Một vị giâu gièm, một vi không giâu gièm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giâu đên Vị áy. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đen cả hai vi. 4. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội lẫn lộn. Hai vi có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội lẫn lộn. Một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vi nào giấu giếm, nên khuyên vi ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt Mānatta nên được ban cho đến cả hai vị. 5. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội lẫn lộn. Hai vi có quan điểm là tội lẫn lộn trên 9 J A • l [R " 4 • •Á • Á 4 1 •Á •Á r • > •Á • Á Cơ sơ tỏi lan lọn. Mọt vi giau gièm, mọt vị không giau gièm. Vi nao giau gièm, nên khuyên vi ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivãsa theo như đã được che giâu đên vi ây. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đên cả hai vị.

2 Trong số 13 tội Sañghādisesa, các tội l, 5, 12, 13 là vavatthitã (riêng biệt), các nhóm tội (2, 3, 4), (6, 7, 8), (9, 10, 11) là sambhinnã (có liên quan), về hai từ sabhãgã (cùng nhom phân loại) va visabhagã (khấc nhóm phan loại) chỉ khác cách nói còn ý nghĩa thì tương tự (VinA. VI. 1191).

6. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội nhẹ.3 Hai vị có quan điểm là Sañghādisesa trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giâu gièm, một vị không giâu gièm. Vị nào giâu gièm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata. Cả hai vị nên được hành xử theo pháp. 7. Hai vi Tỳ-khưu phạm tội nhẹ. Hai vị có quan điểm là tội nhẹ trên cơ sở tội nhẹ. Một vị giâu gièm, một vị

không giâu gièm. Vi nào giâu gièm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata. Cả hai vi nên được hành xử theo pháp. 8. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Hai vị có quan diêm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sanghãdỉsesa. Một vi [nghĩ rang]: “Ta sẽ khai bao^; vi kia [nghĩ rằng]: "Ta sẽ không khai báo." Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi hừng đông đã ló dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giấu giếm, nên khuyên vị ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đến cả hai vi. 9. Hai vi Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Hai vị có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sañghādisesa. Hai vị ra đi [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ khai b9o." Trên đường đi, pháp giả dối sanh khởi ở một vi [nghĩ rằng]: “Ta sẽ không khai bao?9 Vị ấy giấu giếm ở canh thứ nhất, giấu giếm ở canh thứ nhì, giấu giếm ở canh thứ ba, khi hừng đông đã ló dạng thì tội đã được giấu giếm. Vị nào giâu gièm, nên khuyên vị ây trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình 9 r r # r *

phạt Parivâsa theo như đã được che giâu đên vị ây. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đến cả hai vị. 10. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Hai vị có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sañghādisesa. Hai vị bị điên. Ve sau, khi hai vị hết bi điên, một vị giấu giếm, một vị không giấu giếm. Vi nào giấu giếm, nên khuyên vi ấy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parỉvãsa theo như đã được che giấu đến vị ấy. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đến cả hai vị. 11. Hai vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. Khi Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đang được đọc tụng, hai vi phát biêu như vây: “Cho đên hôm nay, chúng tôi mới biêt được răng: Nghe nói pháp này cũng được truyên lại trong Giới bôn, được chứa đựng trong Giới bổn và được đưa ra đọc tụng vào mỗi nửa thang." Hai vị có quan điểm là tội Sañghādisesa trên cơ sở tội Sañghādisesa. Một vị giâu gièm, một vị không giâu gièm. Vị nào giâu gièm, nên khuyên vị áy trình báo tội Dukkata và nên ban cho hình phạt Parivāsa theo như đã được che giấu r r • r

đên vị ây. Hình phạt Mãnatta nên được ban cho đên cả hai vi. Dứt mười một trường hợp về hai vi Tỳ-khưu. —ooOoo—

3 Chủ giải giải thích rằng, sau tội Sañghādisesa là nhóm các tội nhẹ (VinA. VI. 1191).

9. CHÍN TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐẦU 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vi ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivâsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta sai Pháp, rồi giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu,

vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch vơi các tôi áy. 2. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parivāsa két hợp của các tội áy đên vị ây. Lúc đang hành Parivāsa, dâu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, roi ban cho hình phạt Mãnatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy. 3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ây thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parivāsa két hợp của các tội ây đên vị ây. Lúc đang hành Parivãsa. dâu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sanghãdisesa có hạn lượng, có che giấu và không che giâu. Dâu còn dở dang, vị ây thỉnh câu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mânatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy.

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 645

4-7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùnẹ nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cau hội chúng hình phạt Parỉvâsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vi ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt).. không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt).. có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy. 8. Này các T]-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vi ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đen vị ấy. Lúc đang hành Parivâsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giâu. Dầu còn dở dang, vi ây thỉnh câu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội

chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, và ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy tri, rồi ban cho hình phạt Mânatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khmi, vi Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, cùng tội danh, khác tội danh, cùng nhóm phân loại, khác nhóm phân loại, riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parivâsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giau. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cau hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta sai Pháp và giải tội sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy không được trong sạch với các tội ấy. Dứt chín trường hợp không được trong sạch trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. —ooOoo—

10. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH TRONG VIỆC ĐƯA VÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU 1-3. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ..(nt).. riêng biệt và có liên quan. Vị ấy y • . • -r n , A.

thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp của các tội ây. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. ...(nt).. có hạn lượng, có che giấu. ...(nt).. có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. ...(nt).. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivâsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa dổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy. 4-6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa\ Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội ây. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đen vị ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy. 7-9. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội

Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp của các tội ây. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa két hợp của các tội ây đên vị ây. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. ...(nt).. có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta

đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy. Dứt chín trường hợp được trong sạch trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. -ooOoo-

11. CHÍN TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC TRONG SẠCH THỨ NHÌ TRONG VIỆC ĐUÀVÈ LẠI [HÌNH PHẠT] BAN ĐÀU 1. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiêu tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vi ấy thỉnh cau hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến vi ấy. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, vi ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành Parivãsa'\ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vị ấy [suy nghĩ] như sau: “Ta đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng,...(nt).. riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Dầu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành Parivãsa\ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không the sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp

và sự giải tội đúng Pháp?"

648 TIỂU PHẨM

Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở 2 r A

dang của các tội khác, [thỉnh câu] hình phạt Parỉvãsa két hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, [thỉnh câu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vi ây vê lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, roi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy được trong sạch với các tội ấy. 2-3. Này các Tỳ-khưu9 trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng,...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vi ấy thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivãsa két hợp của các tội ây. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội ây đên vị ây. Lúc đang hành Parivãsa. dâu còn dở dang, vi ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giấu....(nt).. có hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa vê lại [hình phạt] ban đâu của các tội. Hội chúng đưa vị ây? dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: “Ta đang hành Parivãsa'\ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giâu và không che giâu. Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vi ấy [nghĩ] như sau: “Ta đã phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng ...(nt)..., riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành Parivãsa. dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiêu tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giâu và không che giâu. Dâu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dâu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của các tội và đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành Parivâsa\ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, có che giau và không che giau. Đứng ở mức độ đó, ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh câu] hình phạt Parivãsa két hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, [thỉnh câu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?”

m. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI 649

Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mānatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt Parivāsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mānatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu? vị Tỳ-khiru ấy được trong sạch với các tội ấy. 4-6. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)..., riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivāsa két hợp của các tội áy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vi ấy. Lúc đang hành Parivāsa, dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa không hạn lượng, không che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu. ...(nt)... không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vi ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivāsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành Parivāsd\ ...(nt)... ban cho hình phạt Parivāsa két hợp đúng Pháp, roi ban cho hình phạt Mānatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ây được trong sạch với các tội ây. 7. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa\ Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội ây đên vi ây. Lúc đang hành Parỉvãsa. dâu còn dở dang, vị ây lại phạm nhiêu tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, không che giấu. Dàu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, vê lại [hình phạt] ban đâu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa két hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Vị ấy, trong khi biết rằng: "Ta đang hành Parivãscỉ\ ...(nt)... ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp đúng Pháp, rồi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ây được trong sạch với các tội ây. 8. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sanghãdisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vị ấy. Lúc đang hành Parỉvâsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không

hạn lượng, có che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vi ấy, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: "Ta đang hành Parivãsa'\ dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và

không hạn lượng, có che giấu. Đứng ở mức độ đó9 vị ây nhớ lại các tội, dâu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác. Vi ấy [suy nghĩ] như sau: "Ta đã phạm nhiều tội Sañ^hādisesa: Có hạn lượng ...(nt).. riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh câu hội chúng hình phạt Parivâsa két hợp của các tội ấy. Hội chúng đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy đến ta đây. Lúc đang hành Parỉvãsa, dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rằng: 'Ta đang hành Parivãsa\ dẫu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu. Đứng ở mức độ đó? ta đây nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parỉvâsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp?" Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cau hội chúng việc đưa ve lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mãnatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt Parỉvâsa kết hợp đúng Pháp bằng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, rồi ban cho hình phạt Mãnatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu? vi Tỳ-khmi ây được trong sạch với các tội ây. 9. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu phạm nhiều tội Sañghādisesa: Có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Vị ấy thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivãsa kết hợp của các tội ấy. Hội chúng ban cho hình phạt Parỉvãsa kết hợp của các tội ấy đến vi ấy. Lúc đang hành Parỉvãsa. dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu

hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đưa vị ấy, dẫu còn dở dang, ve lại [hình phạt] ban đau của các tội và ban cho hình phạt Parivāsa kết hợp sai Pháp bằng hành sự sai Pháp, có thể sửa đổi, không đáng duy trì. Trong khi biết rang: "Ta đang hành Parivāsa ", dẫu còn dở dang, vị ấy lại phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, vị ấy nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây, và nhớ lại các tội, dâu còn dở dang của các tội khác. Vị ây [suy nghĩ] như sau: "Ta đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng, không hạn lượng, ...(nt)... riêng biệt và có liên quan. Ta đây đã thỉnh cầu hội chúng hình phạt Parivāsa két hợp của các tội áy. Hội chúng đã ban

cho hình phạt Parỉvãsa két hợp của các tội áy đên ta đây. Lúc đang hành Parivãsa, dâu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiều tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Dầu còn dở dang, ta đây đã thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội. Hội chúng đã đưa ta đây, dẫu còn dở dang, về lại [hình phạt] ban đầu của các tội và đã ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp sai Pháp băng hành sự sai Pháp, có thê sửa đôi, không đáng duy trì. Trong khi biêt răng: 'Ta đang hành Parivãsa\ dâu còn dở dang, ta đây đã phạm nhiêu tội Sañghādisesa có hạn lượng và không hạn lượng, có che giấu và không che giấu. Đứng ở mức độ đó, ta nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và nhớ lại các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, hay là ta nên thỉnh càu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh cầu] hình phạt Parivãsa két hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, [thỉnh câu] hình phạt Mānatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Php?" Dầu còn dở dang, vị ấy thỉnh cầu hội chúng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác, [thỉnh câu] hình phạt Parivãsa két hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thể sửa đổi, đáng được duy trì, [thỉnh cầu] hình phạt Mānatta đúng Pháp và sự giải tội đúng Pháp. Hội chúng đưa vị ấy về lại [hình phạt] ban đầu của các tội, dẫu còn dở dang của các tội trước đây và của các tội, dẫu còn dở dang của các tội khác và ban cho hình phạt Parivãsa kết hợp đúng Pháp băng hành sự đúng Pháp, không thê sửa đôi, đáng được duy trì, roi ban cho hình phạt Mānatta đúng Pháp và giải tội đúng Pháp. Này các Ty-khim, vị Ty-khtru ấy được trong sạch với các tội ấy. Dứt chín trường hợp không được trong sạch thứ nhì trong việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu. Chương 6'Tích lũy t0i" là thứ ba.

652 TIỂU PHẨM

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Bậc Hiền Sĩ đã thuyết về tội không che giấu, [che giấu] một ngày, hai ngày, ba ngày và bốn ngày, năm ngày, nửa tháng, mười ngày và [hình phạt Parivāsā] từ móc trong sạch. 2. Trong khi hoàn tục, về tám trường hợp có hạn lượng, hai vị Tỳ-khưu, tại nơi ây có sự suy nghĩ, cả hai nghi ngờ, có quan diêm là tội lân lộn, có quan diêm là tội nặng trên cơ sở tội lẫn lộn. 3. Có quan điểm là tội lẫn lộn trên cơ sở tội lẫn lộn, có quan điểm là tội nặng trên cơ sở tội nhẹ, có quan diêm là trong sạch và vị giâu gièm, roi với vị ra đi. 4. Vi bị điên và việc trình báo, về lại [hình phạt] ban dầu, vị trong sạch trở lại. Các lời dạy vì sự tồn tại của Chánh pháp là của các Giáo thọ sư nhóm Vibhajja, cư trú tại Mahāvihāra, những vi làm rạng ngời đảo Tambapanni. Dứt chương ĔÍTích lũy tQi." —ooOoo-

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP

1. HÀNH XỬLUẬTVỚI Sự HIỆN DIỆN Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bay giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo đối với các vị Tỳ-khưu không có hiện diện. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: —Vì sao các

Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện? Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy? đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, thật không đúng đắn cho những kẻ rồ dại ấy, thật không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này các Tỳ-khưu5 vì sao những kẻ rồ dại ấy lại thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuổi, hòa giải, án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo cho các Tỳ-khưu không có hiện diện; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata.

CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI SAI PHÁP Một người nói sai Pháp, nhiêu người nói sai Pháp, hội chúng nói sai Pháp. Một người nói đúng Pháp, nhiều người nói đúng Pháp, hội chúng nói đúng Pháp.

654 TIẾU PHẨM

1. Một người nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này.” Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 2. Một người nói sai Pháp khiên nhiêu người nói đúng Pháp biêt được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lay điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 3. Một người nói sai Pháp khiên hội chúng nói đúng Pháp biêt được, nhận thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu nay/9 Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 4. Nhiêu người nói sai Pháp khiên một người nói đúng Pháp biêt được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu này.,, Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 5. Nhiều người nói sai Pháp khiến nhiều người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 6. Nhiều người nói sai Pháp

khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 7. Hội chúng nói sai Pháp khiến một người nói đúng Pháp biết được, nhận thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu rõ được: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này?9 Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. 8. Hội chúng nói sai Pháp khiên nhiêu người nói đúng Pháp biêt được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP * 655

9. Hội chúng nói sai Pháp khiến hội chúng nói đúng Pháp biết được, nhận r r e e 9 < // :

thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu này." Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt sai Pháp theo hình thức của cách hành xử Luật với sự hiện diện. Dứt chín trường hợp nói sai Pháp.

CHÍN TRƯỜNG HỢP NÓI ĐÚNG PHÁP 1. Một người nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điêu này.,^ Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. , 2. Một người nói đúng Pháp khiên nhiêu người nói sai Pháp biêt được, nhận M é ..M , ly

thức được, thây được, thây rõ được, hiên được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 3 Một người nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điêu này." Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 4. Nhiều người nói đúng Pháp khiến một người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo su, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu nay.99 Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 5. Nhiêu người nói đúng Pháp khiên nhiêu người nói sai Pháp biêt được, nhận thức được, thây được, thây rõ được, hiên được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là

được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 6. Nhiều người nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lấy điều này, hãy ưa thích điêu này.,, Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện.

e r . • r

7. Hội chúng nói đúngr Pháp khiên một người nói sai Pháp biêt được, nhận r e 9 e 9 :

thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu rõ được: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lay điều này, hãy ưa thích điều này." Nếu sự tranh tụng ấy được giải quyết như thế là được giải quyết đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 8. Hội chúng nói đúng Pháp khiến nhiều người nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thấy được, thấy rõ được, hiểu được, hiểu rõ được: “Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu này." Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. 9. Hội chúng nói đúng Pháp khiến hội chúng nói sai Pháp biết được, nhận thức được, thây được, thây rõ được, hiêu được, hiêu r rõ được: “Bây là Pháp, y

đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư, hãy chọn lây điêu này, hãy ưa thích điêu này." Nêu sự tranh tụng ây được giải quyêt như thê là được giải quyêt đúng Pháp theo cách hành xử Luật với sự hiện diện. Dứt chín trường hợp nói đúng Pháp. —ooOoo—

2. HÀNH XỬ LUẬT BẰNG sự GHI NHỚ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc.1 Vào lúc bấy giờ, phẩm vị A-la-hán đã được Đại đức Dabba Mallaputtā chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Vị ây đã đạt được tát cả những gì vị đệ > •L k < x •

tử cân phải đạt đên. Và đôi với vị ây, không có bát cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Khi ấy, Đại đức Dabba Mallaputtā, trong lúc thiên tịnh ở nơi thanh văng, có ý nghĩ suy tâm như vây đã khởi lên: 'Thẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bất cứ việc gì cao thượng hơn cần phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chong?" Rồi điều này đã khởi đến • B Ti r a -í x

cho Đại đức Dabba Mallaputtā: "Hay là ta nên phân bô chô cư ngụ và săp xép các bữa ăn cho hội chiing?" 2. Sau đó vào buổi tối, Đại đức Dabba Mallaputtā đã xuất khỏi thiền tinh _ _ f _ l f \ _ ỉ f

và đi đen gặp đức The Ton, sau khi đen đa đanh le đức The Ton roi ngồi xuồng một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Dabba Mallaputtā đã nói với đức _ỉ _ rrn-f — \ _ A rrn A Ji. • Á The Ton điêu nay:

1 Câu chuyện này được thấy ở điều học Sañghādisesa 8 nhưng đoạn kết khác biệt. Xem TTTĐPGVN, tập 10, tr. 236-42; TTPV, tạp l, tr. 416-25.

Bạch Ngài, trường hợp con trong lúc thiền tịnh ở nơi thanh vắng có ý nghĩ suy tầm như vầy đã khởi lên: "Phẩm vị A-la-hán đã được ta chứng ngộ vào lúc bảy tuổi. Ta đã đạt được tất cả những gì vị đệ tử cần phải đạt đến. Và đối với ta, không có bát cứ việc gì cao thượng hơn cân phải làm hoặc sự tích lũy thêm đối với việc đã làm. Vậy ta nên thực hiện việc phục vụ gì cho hội chúng?,, Bạch Ngài, rồi điều này đã khởi đến cho con: "Hay là ta nên phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng?,, Bạch Ngài, con muốn phân bố chỗ cư ngụ và sắp xếp các bữa ăn cho hội chúng. Này Dabba, tốt lắm, tốt lắm! Chính vì điều ấy, ngươi hãy phân bố chỗ cư ngụ va sáp xép các bưa ăn cho nọi chúng. Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Dabba Mallaputtā đã đáp lại đức Thế Tôn. 3. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các vị Tỳ-khưu rang: - Này các Tỳ-khiru, chính vì điều ấy, hội chúng hãy chỉ định Dabba Mallaputtā là vi phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vây: Trước hét, Dabba cân được yêu câu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh Đại đức Dabba Mallaputtā là vị phân bố chô trú và là vị sáp xép các bữa ăn. Đây là lời đê nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Đại đức Dabba Mallaputtā là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Đại đức Dabba Mallaputtā là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Đại đức Dabba Mallaputtā đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú và là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, 4. Và khi đã được chỉ đinh, Đại đức Dabba Mallaputtā phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu có cùng sở hành. Vị ây phân bô chô trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên về Kinh [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ tụng đọc Kinh với nhau." Vi ây phân bô chô trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu rành rẽ về Luật [nghĩ rằng]: “Các vi sẽ xác định về Luật với nhau.,, Vị ấy phân bo chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên giảng pháp [nghĩ rằng]: "Các vị sẽ thảo luận về pháp với nhau." Vi ấy phân bố chỗ trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên vê thiên [nghĩ răng]: "Các vi sẽ không quây rây lân nhau.^, Vị ây phân bô chô trú chung một khu vực cho các Tỳ-khưu chuyên nói chuyện thê tục, sinh hoạt có nhiêu sự năng động vê thân [nghĩ rằng]: “Các Đại đức này cũng sẽ yên ổn với thú vui ấy." Còn các Tỳ-khưu

r 7 r r 9 - í < -

đi đên vào buổi tôi, vị ây thê nhập vào hỏa giới và phân bô chô trú cho các vị ây băng chính ánh sáng ây. 5. Cho nên, các Tỳ-khưu cố ý đi đến vào buổi tối [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ chứng kiên sự kỳ diệu vê thân thông của Đại đức Dabba Mallaputtā." Sau khi đi

đến gặp Đại đức Dabba Mallaputtā, các vị ấy nói như vầy: -Này Đại đức Dabba, hãy phân bố chỗ trú cho chúng tôi. Đại đức Dabba Mallaputtā nói với các vị ây như vây: -Các Đại đức thích chỗ nào? Tôi sẽ phân bố chỗ nào? Các vi ấy cố ý đề cập các chỗ xa xôi: Này Đại đức Dabba, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ tru ở núi Gijjhakūta. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở khe núi Kẻ Cướp. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở sườn núi Isigili, chỗ tảng đá Đen. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở sườn núi Vebhāra, hang Sattapanna. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở Sītavana, động Sappasondika. Này Đại dức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Gotama. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở hẻm núi Tinduka. Này Đại đức, hãy phân bô cho chúng tôi chô trú ở hẻm núi Tapoda. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở khu vườn Tapoda. Này Đại đức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở vườn xoài của Jīvaka. Này Đại dức, hãy phân bố cho chúng tôi chỗ trú ở Maddakucchi, nơi vườn Nai. 6. Đôi với các vị ây, Đại đức Dabba Mallaputtā đã thê nhập vào hỏa giới và đi ở phía trước với ngón tay đang được thắp sáng. Chính nhờ ánh sáng ấy, các vị ấy đi theo sát ở phía sau Đại đức Dabba Mallaputtā. Đại đức Dabba Mallaputtā phân bố chỗ trú cho các vi ấy như vầy: "Đây là giường, đây là ghế, đây là nệm, đây là gối, đây là chỗ tiêu, đây là chỗ tiểu, đây là nước uống, đây là nước rửa, đây là gậy chông, đây là quy định của hội chúng: 'Giờ này có thê đi vào. Giờ này có thể đi ra.”' Sau khi đã phân bố chỗ trú cho các vị ấy, Đại đức Dabba Mallaputtā quay trở về lại VeḌuvana. 7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka chỉ là các vi mới tu và phước báu ít ỏi. Các vị ấy thường nhận được những chỗ trú kém thuộc vê hội chúng và những bữa ăn tôi. Vào lúc bây giờ, dân chúng ở Rājagaha mong muốn cúng dường đen các Tỳ-khưu trưởng lão thức ăn được chuẩn bị hoàn hảo, gôm có bơ lỏng, dâu ăn, phân ăn thượng hạng, và thường dâng đên các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka vật bình thường theo khả năng, gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. Các vị ấy khi đi thọ thực về, sau bữa ăn thường hỏi các Tỳ~khưu trưởng lão rằng: Này các Đại đức, các vị đã có thức gì ở tại nhà ăn? Các vị đã có thức gì? Một số Trưởng lão trả lời như vầy: Này các Đại đức, chúng tôi có bơ lỏng, có dầu ăn, có phần ăn thượng hạng.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 659

Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka nói như vầy: Này các Đại đức, chúng tôi đã không được gì cả, chỉ là vật bình thường theo khả năng, gồm có cơm tấm và món thứ hai là cháo chua. 8. Vào lúc bấy giờ, có vị gia chủ là người có bữa ăn ngon, thường cúng dường đên hội chúng, bữa ăn gôm bôn phân là bữa ăn thường lệ. Vị ây cùng vợ và các con thường hiện diện và phục vụ ở nhà ăn. Họ dâng các vị này cơm, dâng các vị kia canh, dâng các vị nọ dầu ăn và dâng các vị khác phần ăn thượng hạng. Vào lúc bấy giờ, bữa ăn vào ngày hôm sau của vi gia chủ có bữa ăn ngon đã được săp xép cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Hôm ây, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đến tu viện bởi công việc cần làm nào đó. Vị ấy đã đi đến Đại đức Dabba Mallaputtā, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Dabba Mallaputtā roi ngôi xuông một bên. Khi vị gia chủ có bữa ăn ngon đã ngôi xuống một bên, Đại đức Dabba Mallaputtā đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho vị gia chủ có bữa ăn ngon bằng bài pháp

thoại. 9. Sau đó, khi đã được Đại đức Dabba Mallaputtā chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, vi gia chủ có bữa ăn ngon đã nói với Đại đức Dabba Mallaputtā điều này: Thưa ngài, bữa ăn vào ngày mai ở nhà chúng tôi đã được sáp xép cho vị nào? -Này gia chủ, bữa ăn vào ngày mai ở nhà gia chủ đã được sáp xép cho các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka. Khi ây, vị gia chủ có bữa ăn ngon đã không được hài lòng [nghĩ răng]: "Tại sao các Tỳ-khưu tôi lại thọ thực ở nhà của chúng ta?" roi đã đi vê nhà và dặn dò người tớ gái rằng: —Này con, hãy xép đặt chô ngôi cho các vị đên thọ thực vào ngày mai ở nhà kho, hãy phục vụ các vị ấy với cơm tam và món thứ hai là cháo chua. Thưa ông chủ, xin vâng. Người tớ gái ấy đã đáp lại vị gia chủ có bữa ăn ngon. 10. Khi ấy, các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc rằng]: “Này các Đại đức, hôm qua bữa ăn của vị gia chủ là người có bữa ăn ngon đã được sắp xếp cho chúng ta. Vào ngày mai, vị gia chủ có bữa ăn ngon cùng vợ và các con sẽ hiện diện và phục vụ chúng ta. Họ sẽ dâng các vị này cơm, sẽ dâng các vị kia canh, sẽ dâng các vi nọ dầu ăn và sẽ dâng các vị khác phan ăn thượng hạng.” Do chính tâm vui mừng ấy, ban đêm các vi đã không ngủ được như ý. 11. Sau đó, vào buổi sáng, các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka đã mặc y, cầm y bát, đi đến nhà của vị gia chủ có bữa ăn ngon. Cô tớ gái ấy đã nhìn thây các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka từ đàng xa đang đi lại, sau khi nhìn thấy, đã xếp đặt chỗ ngồi ở nhà kho và nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: Thưa các ngài, xin hãy ngồi.

Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka khởi ý điều này: "Chắc hẳn đến giờ này, bữa ăn vẫn chưa hoàn tất nên chúng ta mới được cho ngồi ở nhà kho như thê này!” Sau đó, cô tớ gái ây đã trở lại với cơm tâm và món thứ hai là cháo chua [nói rằng]: Thưa các ngài, xin hãy thọ thực. -Này chi gái, chúng tôi là các vị thọ nhận bữa ăn thường lệ. Tôi biết các ngài Đại đức là các vi thọ nhận bữa ăn thường lệ. Tuy nhiên, chính ngày hôm qua, tôi đã được vị gia chủ dặn dò rằng: "Này con, hãy xếp đặt chỗ ngồi cho các vi đến thọ thực vào ngày mai ở nhà kho, hãy phục vụ các vị ấy với cơm tấm và món thứ hai là cháo chua." Thưa các ngài, xin hãy thọ thực. 12. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka [bàn bạc rằng]: “Này các Đại dức, hôm qua vị gia chủ có bữa ăn ngon đã đi đen tu viện gặp Dabba Mallaputtā. Chác chăn răng chúng ta đã bi Dabba Mallaputtā ly gián với vị gia chủ!,, Chính vì tâm bực bội ấy, các vị ấy đã không thọ thực được như ý. Sau đó, khi trở về từ chỗ thọ thực sau bữa ăn, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã đi đến tu viện, bỏ bê y bát, rồi ngồi xuống ôm đầu gối bằng y hai lớp ở phía bên ngoài cổng ra vào của tu viện, im lặng, rút vai lại, mặt cúi xuống, trầm ngâm, không nói năng. 13. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni Mettiyā đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khiru nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: -Tôi xin chào các ngài Đại đức. Khi được nói như thê, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Đen lần thứ nhì,...(ĩit)... Đen lần thứ ba, Tỳ-khưu-ni Mettiyã đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka điều này: -Tôi xin chào các ngài Đại đức. Đen lần thứ ba, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã không đáp lại. Có phải tôi làm phật lòng các ngài Đại đức? Tại sao các ngài Đại đức không nói chuyện với tôi? Này chi gái, bởi vì cô vẫn

dửng dưng như thế trong khi chúng tôi bị Dabba Mallaputtā làm tổn hại. Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì? Này chị gái, nếu cô chiu làm thì ngay trong ngày hôm nay, đức Thế Tôn 7 r

CÓ thê trục xuất Dabba Mallaputtā. Thưa các ngài Đại dức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì? 14. - Này chi gái, hãy đến. Cô hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vầy: "Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không

thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quốc độ ấy có sự sợ hãi, có tai họa và có sầu khổ. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputtā." Thưa các ngài Đại đức, xin vâng. Rồi Tỳ-khưu-ni Mettiyã nghe theo các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, Tỳ-khưu-ni Mettiyâ đã nói với đức A A, 4. • À A The Ton điêu nay: Bạch Ngài, điều này là không đúng đắn, không thích đáng. Bạch Ngài, chính ở quốc độ nào không có sự sợ hãi, không có tai họa, không có sầu khổ thì chính ở quôc độ ây có sự sợ hãi, có tai họa và có sâu khô. Từ nơi nào gió lặng đi thì từ nơi ấy có bão tố. Con nghĩ rằng, nước đã bùng cháy lên rồi; con đã bị ô nhục bởi ngài Đại đức Dabba Mallaputtā. 15. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Dabba Mallaputtā rằng: -Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này đã nói không? Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà. Đen lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Dabba Mallaputtā điều này: Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này đã nói không? -Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà....(nt) Đen lần thứ ba, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Dabba Mallaputtā điều này: Này Dabba, ngươi có nhớ ngươi là kẻ đã làm việc như thế, giống như điều Tỳ-khưu-ni này đã nói không? Bạch Ngài, con như thế nào thì đức Thế Tôn biết mà.

-Này Dabba, các vị [dòng dõi] Dabba không phủ nhận như thế. Nếu ngươi có làm, hãy nói: "C6 làm" nếu ngươi không làm, hãy nói: "Không lAm." —Bạch Ngài, từ khi con được sanh ra, con không thấy mình là kẻ đã thực hành việc đôi lứa ngay cả trong lúc ngủ mơ, huống gì là tỉnh thức. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, các ngươi hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyâ và hãy tra hỏi các Tỳ-khưu này. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào trú xá. 16. Sau d6, các Tỳ-khưu ấy đã trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyā. Khi ấy, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này:

-Này các Đại đức, chớ có trục xuất Tỳ-khưu-ni Mettiyâ, cô ta không làm sai điều gì. Vì chúng tôi nổi giận, không hài lòng, có ý định loại trừ nên xúi giục cô ta thôi. -Này các Đại dức, có phải các vi bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng ve giới không có nguyên cớ? Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ..(nt).. các

vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka lại bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên CỚT' 17. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

-Này các Tỳ-khưu, nghe nói các ngươi bôi nhọ Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(ĩit). Sau khi khiên trách, ...(nt)... Ngài đã nói pháp thoại thích đáng và phù hợp cho các Tỳ-khưu rồi bảo các Tỳ-khưu rang: 18. - Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy, hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Dabba Mallaputtā là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ.2 Và này các Tỳ-khiru, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Dabba Mallaputtā ây nên đi đên hội chúng, đăp thượng y một bên vai, đảnh lê ở bàn chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, roi ngôi chôm hôm, chăp tay lại và nên nói như vay: “Bạch các ngài, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ.^, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt). Nên thỉnh câu đên lân thứ ba. "Bạch các ngài, các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ tôi với sự hư hỏng ve giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ lân thứ ba.” 19. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, Đại đức Dabba Mallaputtā thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời

2 Ngài Buddhaghosa giải thích cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ này nên cho đến chính vị có các lậu hoặc đã được đoạn diệt, không cho đến vị khác ngay cả vị Bất lai (Sđd. 1192).

điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật bàng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtaṃ là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghi. r

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là vi thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, Đại đức Dabba Mallaputtā thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đầy đủ vê sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ ba. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Các Tỳ-khưu nhóm Mettiya và Bhummajaka này bôi nhọ Đại đức Dabba Mallaputtā với sự hư hỏng về giới

không có nguyên cớ. Là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, Đại đức Dabba Mallaputtā thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho Đại đức Dabba Mallaputtā, là vị thành tựu đây đủ vê sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ: Vị Tỳ-khưu được trong sạch không có phạm tội, các vị [khác] vu cáo vi ấy, vị ấy thỉnh cầu, hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đên vi ây đúng Pháp, với sự hợp nhát. Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Dứt cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. -ooOoo-

3. HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG L Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khxru Gagga bị điên và bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách Tỳ-khiru Gagga với tội đã được thực hiện [bởi vi ấy] khi bị điên, bi thay đổi tâm tính:

Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?

Vị ây nói như vây: Này các Đại dức, tôi đã bị điên, đã bi thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng. Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?

2. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)...các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: —Vì sao các Tỳ-khưu lại khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện khi vị ấy bị điên, bị thay đổi tâm tính: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?" Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bi điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cu8ng." Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rang: "Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Sau khi khiển trách, ...(nt).. Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: 3. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu Gagga ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở bàn chân các Tỳ- khưu trưởng thượng, rồi ngồi chồm hổm5 chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều

việc không xứng là Sa-môn bang lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bi thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này :. r y không?9 Tôi nói với các vị ây như vây: 'Này các Đại dức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng/ Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách răng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thê này không?9 Bạch các ngài,

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP > 665

giờ không điên cuông, tôi đây thỉnh câu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng.,, Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ...(nt). Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. "Bạch các ngài, tôi đã bi điên, đã bi thay đổi tâm tính. Nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bi điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách tôi với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Tôi nói với các vị ấy như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bi thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng/ Mặc dầu được tôi nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Bạch các ngài, giờ không bị điên cuồng, tôi đây thỉnh càu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng lần thư ba.” 4. Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: r

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này đã bị diên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vi ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện khi bị điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Vị ấy nói như vầy: 'Này các Đại đức, tôi đã bị điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Tôi không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bi điên cuồng/ Mặc dầu được vi ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Vi ấy giờ không bị điên cuồng nên thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Gagga này đã bị điên, đã bị thay đôi tâm tính. Nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi vi ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khxru khiển trách Tỳ-khưu Gagga với tội đã được thực hiện khi bi điên, bị thay đổi tâm tính: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Vị M ,. X . ây nói như vây: 'Này các Đại đức, tôi đã bi điên, đã bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện bởi tôi đây khi bị điên, bị thay đổi tam tính. Tôi

không nhớ được điều ấy. Điều ấy đã được làm bởi tôi khi bị điên cuồng/ Mặc dầu được vị ấy nói như vậy, các vị vẫn khiển trách

rằng: 'Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?9 Vị ấy giờ không bị điên cuồng nên thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật khi không điên cuồng. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến Tỳ-khưu Gagga khi không bị điên cuồng xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Cách hành xử Luật khi không điên cuồng đã được hội chúng ban cho Tỳ- khưu Gagga khi không bị điên cuồng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.99 5. Này các Tỳ-khưu5 đây là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng, ba [sự ban cho] là đúng Pháp. Thê nào là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiêu vi, hoặc một vị khiên trách vị ây vê điêu ây: Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?" Vị ấy dầu có nhớ vẫn nói như vầy: "Này các Đại dức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế.” Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp vị Tỳ-khiru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiêu vị5 hoặc một vi khiên trách vi ây vê điêu ây: "Vị Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này khong?^ Vi ấy dầu có nhớ vẫn nói như vầy: “Này các Đại đức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vậy.,, Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuông đên vị áy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp. Này các Tỳ-khưu, trường hợp vi Tỳ-khxru vi phạm tội. Hội chúng, hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vj Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này không?^ Vị ấy là vị không bi điên, [giả vờ] hành động trên cơ sở bị điên [nói rằng]: "T6i cũng làm như thế. Các vị cũng làm như thế. Điêu ây cũng được phép đôi với tôi. Điêu ây cũng được phép đôi với các vj.” Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là sai Pháp. Đây là ba sự ban cho sai Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng. r

6. Thê nào là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu bị điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiêu việc kông

vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?” Vị ấy thật không nhớ được nên nói như vầy: uNày các Đại đức, tôi không nhớ được là đã phạm tội như the?9 Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp. Này các Tỳ-khiru, trường hợp vị Tỳ-khưu bị điên, bi thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vi ấy khi bi điên, bi thay đổi

tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vi ấy về điều ấy: "Vj Đại đức có nhớ la đã phạm tội như thế này kh6ng?" Vị ấy thật không nhớ được nên nói như vầy: "Này các Đại dức, tôi nhớ như là từ giấc mơ vay." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vị ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu? trường hợp vị Tỳ-khưu bi điên, bi thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động được thực hiện bởi vị ấy khi bi điên, bị thay đổi tâm tính. Hội chúng hoặc nhiều vj, hoặc một vi khiển trách vi ấy về điều ấy: "Vi Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này khong?95 Vị ấy là vi bị điên, hành động trên cơ sở bị điên [nói rằng]: "Tôi cũng làm như thế. Các vi cũng làm như thế. Điều ấy cũng được phép đối với tôi. Điều ấy cũng được phép đối với các vj." Hội chúng ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng đến vi ấy. Việc ban cho cách hành xử Luật khi không điên cuồng là đúng Pháp. Đây là ba sự ban cho đúng Pháp của cách hành xử Luật khi không điên cuồng. —ooOoo-

4. VIỆC PHÁN XỬ THEO TÔI ĐẢ Được thừa nhận 7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư thực hiện các hành sự khiển trách, chỉ dạy, xua đuôi, hòa giải, và án treo đôi với các Tỳ-khưu không có sự thừa nhận. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại thực hiện các hành sự khiên trách, chỉ dạy, xua đuôi, hòa giải, và án treo đôi với các Tỳ-khiru không có sự thừa nhan?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 hành sự khiển trách hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo không nên thực hiện đối với các Tỳ-khưu không có sự thừa nhận; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 8. Này các Tỳ-khưu, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như vầy là sai Pháp, như vây là đúng Pháp. Và này các Tỳ-khưu, thê nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp? Vị Tỳ-khưu phạm tội pārajika. Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "C6 phải vị Đại đức đã phạm tội Pārājikai" Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội Pārājika, tôi đã phạm tội Sañghādisesay Hội chúng hành sự cho vi ấy với tội Sañghādisesa. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Vị Tỵ-khưu phạm tội Pārājika, Hội chúng hoặc nhiều vi, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "C6 phải vị Đại đức đã phạm tội PārājikaT" Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội Pārājika. tôi đã phạm tội Thullaccaya. ...(nt)... tộiPãcittiya. ...(nt)... tộìPãtidesanĩya. ...(nt)... iộiDukkata. ...(nt)... tội Dubbhāsitā. Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội Dubbhāsitā. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... tội Thullaccaya. ...(nt)... tội Pãcỉttiya. ...(nt)... tội Pātidesanīya....(nt)... tội Dukkata. ...(nt)... tội Dubbhāsitā. Hội chúng, hoặc nhiều vi, hoặc một vị khiển trách vi ấy về điều ấy: "C6 phải vị Đại đức đã phạm tội Dubbhāsitaṃ" Vi ấy nói như vầy: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội Dubbhāsitā, tôi đã phạm tội Pārājikay Hội chúng hành sự cho vị ây với tội Pārājika. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Vị Tỳ-khưu phạm tội

Dubbhāsitā, Hội chúng hoặc nhiều vị, hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: “C6 phải vị Đại đức đã phạm tội Dubbhāsitaṃ Vị ấy nói như vay: "Này các Đại đức, tôi đã không phạm tội Dubbhāsitā, tôi đã phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... tôi đã phạm tội Thuỉiaccaya, ...(nt)... tội Pãcỉítiya, ...(nt)... tội Pātidesariīya. ...(nt)... tội Dukkata^ Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội Dukkata, Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là sai Pháp. Này các Tỳ- khiru, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thê gọi là sai Pháp. 9. Này các Tỳ-khưu, thế nào là việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp? Vị Tỳ-khưu phạm tội Pārājika, Hội chúng hoặc nhiều vị9 hoặc một vị khiển trách vị ấy về điều ấy: "C6 phải vi Đại đức đã phạm tội Pārājika!" Vị ấy nói như vay: "Này các Đại đức, tôi đã phạm tội Pārājikay Hội chúng hành sự cho vi ấy với tội Pārājika, Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp. Vị Tỳ-khưu phạm tội Sañghādisesa. ...(nt)... tội Thullaccaya. ...(nt)... tội Pãcittỉya. ...(nt)... tộiPātỉdesanĩya....(nt)... tộiDukkata. ...(nt)... Dubbhāsitā.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 669

Hội chúng hoặc nhiều vị9 hoặc một vi khiển trách vị ấy về điều ấy: "C6 phải vị Đại đức đã phạm tội Dubbhāsitaṃ Vị ấy nói như vầy: "Này các Đại dức, tôi đã phạm tội Dubbhāsitaṃ Hội chúng hành sự cho vị ấy với tội Dubbhāsitā. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận là đúng Pháp. Này các Tỳ-khưu, việc phán xử theo tội đã được thừa nhận như thế gọi là đúng Pháp. —ooOoo—

5. THUẬN THEO số ĐÔNG 10. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sống có nảy sinh các sự xung đột giữa hội chúng, có nảy sinh các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi và làm tổn thương lẫn nhau bằng các vũ khí của mồm miệng. Họ không thể giải quyết sự tranh tụng ấy. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép giải quyêt sự tranh tụng có hình thức như thế thuận theo số đông. 11. Vị Tỳ-khưu có năm yếu tố nên được chỉ định làm vị phân phát thẻ: Là vi không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bi chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê? không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi và là vị biết [thẻ] đã được nhận hay đã không được nhận. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ đinh như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đây là lơi đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Tỳ-khmi tên [như vầy] là vị phân phát thẻ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tỳ-khiru tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 12. Này các Tỳ-khưu? đây là mười sự phân phát thẻ sai Pháp, mười [sự phân phát thẻ] đúng Pháp. Thế nào là mười sự phân phát thẻ sai Pháp? Khi sự tranh tụng là việc nhỏ nhặt, chưa đến mức phải xử lý,3 không được nhớ lại hoặc [không được] làm cho nhớ lại, [vị phân phát thẻ] biết rằng: "Các vị nói sai Pháp là nhiều hơn",

3Na gatigatarn hoti'. Ngài Buddhaghosa giải thích rằng sự tranh tụng ấy chưa được đưa đến hai, ba trú xứ, tại nơi ấy hoặc tại chính nơi kia chưa được phán xét hai, ba lần (VinA. VI. 1192).

670 TIẾU PHẨM

[nghĩ rằng]: "C6 lẽ các vị nói sai Pháp là nhiều hơn", biết rằng: "Hội chúng sẽ bị chia "[nghĩ rằng]: “C6 lẽ hội chúng sẽ bị chia rẽ9\ các vị nhận lãnh thẻ không được hợp lệ, các vị có sự chia phe nhóm khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh không theo quan điểm [của bản thân]. Đây là mười sự phân phát thẻ sai Pháp. Thế nào là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp? Khi sự tranh tụng không phải là việc nhỏ nhặt, đã đến mức phải xử lý, được nhớ lại hoặc [được] làm cho nhớ lại, [vị phân phát thẻ] biết rằng: “Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", [nghĩ rằng]: “C6 lẽ các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", biết rằng: "Hội chúng sẽ không bị chia rẽ9\ [nghĩ rằng]: “C6 lẽ hội chúng sẽ không bị chia rẽ9\ các vị nhận lãnh thẻ một cách hợp lệ, các vi có sự hợp nhất khi nhận lãnh thẻ, các vị nhận lãnh theo quan điểm [của bản thân]. Đây là mười sự phân phát thẻ đúng Pháp. —ooOoo—

6. THEO TÔI CỦA VỊ ẤY 13. Vào lúc bấy giờ, Tỳ-khưu Uvâḷa, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Các Tỳ-khiru nào ít ham muôn, ...(nt).. các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao Tỵ-khưu Uvãḷa, trong khi được thẩm vấn vê tội giữa hội chúng đã phủ nhận roi lại thừa nhận, đã thừa nhận roi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối tra?59 14. Sau đó? các Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe n6i ...(nt).. có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, hội chúng hãy thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu Uvâḷa. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vầy: Trước hết, Tỳ-khưu Uvāla cần được quở trách; sau khi quở trách, cần được nhắc nhở; sau khi nhắc nhở rồi cần được xác định tội; sau khi được xác định tội, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Tỳ-khưu Uvâḷa này, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nêu là thời điểm thh hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đến Tỳ-khưu Uvãḷa. Đây là lời đề nghi.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 671

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Tỳ-khưu Uvâḷa này, trong khi được thẩm vấn về tội giữa hội chúng đã phủ nhận rồi lại thừa nhận, đã thừa nhận rồi lại phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đen Tỳ-khưu Uvâḷa. Đại đức nào đong ý việc thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đen Tỳ-khtru Uvãḷa xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lân

thứ ba. ...(nt). Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực hiện đến Tỳ-khưu Uvāla. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vạy?9 Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự thực hiện đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy: Là vị không trong sạch, không có hổ thẹn, có sự khiển trách, hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vị ấy cho vi ấy đúng theo pháp, với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, đây là năm sự thực hiện đúng Pháp của hành sự theo tội của vị ấy.

MƯỜI HAI HÀNH Sự SAI PHÁP 15. Này các Tỳ-khưu5 hành sự theo tội của vi ấy là hành sự sai Pháp, là hành Sự sai Luật, và đã được giải quyêt tôi khi có ba yêu tô: Được thực hiện thiêu sự hiện diện, được thực hiện thiếu sự tra hỏi, được thực hiện với sự không thừa nhận. ,..(nt)... Được thực hiện khi chưa xác định tội, được thực hiện không theo pháp, được thực hiện theo phe nhóm. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy có ba yếu tố này là hành sự sai Pháp, là hành sự sai Luật và đã được giải quyết tồi. [Nên được giải thích chi tiết như hành sự khiển trách].

MƯỜI HAI HÀNH Sự ĐÚNG PHÁP 16. Này các Tỳ-khiru? hành sự theo tội của vị ây là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyêt tót đẹp khi có ba yêu tô: Được thực hiện với sự hiện diện. được thực hiện từ sự tra hỏi, được thực hiện với sự thừa nhận. ,..(nt)... Được thực hiện sau khi xác đinh tội, được thực hiện đúng theo pháp, được thực hiện với sự hợp nhất. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy có ba yếu tố này là hành sự đúng Pháp, là hành sự đúng Luật và đã được giải quyết tốt đẹp. [Nên được giải thích chi tiết như phần sáng ở hành sự khiển trách].

SÁU TRƯỜNG HỢP TRONG KHI MONG MUỐN 17. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự theo tội của vi ây đôi với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô: Vi thường gây nên sự xung đột, thường gây nên sự cãi cọ, thường gây nên sự tranh luận, thường gây nên sự nói chuyện nhảm nhí, thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiêu kinh nghiệm, phạm nhiêu tội, không có giới hạn [vê tội]; hạng sông thân cận với các gia chủ băng những giao thiệp không đúng dăn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vi ây đôi với vị Tỳ-khưu có ba yêu tô này. (l) Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành Sự theo tội của vị ây đôi với vi Tỳ-khưu có ba yêu tô khác nữa: Vị bị hư hỏng vê giới thuộc tăng thượng giới, vị bị hư hỏng vê hạnh kiêm thuộc tăng thượng hạnh, vị bị hư hỏng về tri kiến thuộc tà kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu? ...(nt).. có ba đặc tính này. (2) Này các Tỳ-khưu, ...(nt).. có ba đặc tính khác nữa: Vị chê bai đức Phật, vị chê bai Giáo pháp, vị chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu9 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với vị Tỳ-khưu có ba yếu tố này. (3) Này các Tỳ-khưu5 hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ây đôi với ba hạng Tỳ-khưu: Hạng thường gây nên sự xung đột, ...(iit)...thường gây nên sự tranh tụng trong hội chúng; hạng ngu si, thiếu kinh nghiệm, phạm nhiều tội, không có giới hạn [về tội]; hạng sống thân cận với các gia chủ bằng những giao thiệp không đúng đắn với hàng tại gia. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đoi với ba

hạng Tỳ-khưu này. (4) Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muốn, có thể thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới, hạng bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh, hạng bị hư hỏng về tri kiến thuộc tà kiến cực đoan. Này các Tỳ-khưu, ...(ĩìt)... đối với ba hạng Tỳ-khiru này. (5) Này các Tỳ-khưu, ...(nt)... có ba hạng Tỳ-khưu khác nữa: Hạng chê bai đức Phật, hạng chê bai Giáo pháp, hạng chê bai Hội chúng. Này các Tỳ-khưu, hội chúng trong khi mong muôn, có thê thực hiện hành sự theo tội của vị ây đôi với ba hạng Tỳ-khưu này. (6) Dứt sáu trường hợp trong khi mong muốn.

IV. CHƯƠNG DÀN XÉP 673

MƯỜI TÁM PHẢN Sự 18. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu được thực hiện hành sự theo tội của vị ấy nên làm phận sự đúng đắn. Trong trường hợp này, các phận sự đúng đắn ấy là không nên ban phép tu lên bậc trên, không nên ban cho phép nương nhờ, không nên bảo Sa-di phục vụ, không nên ưng thuận sự chỉ đinh giảng dạy Tỳ-khưu-ni, không nên giảng dạy Tỳ-khưu-ni dâu đã được chỉ định, ...(nt)... [không nên] câu kết với các Tỳ-khưu. Sau đó, hội chúng đã thực hiện hành sự theo tội của vị ấy đối với Tỳ-khưu Uvāla. —ooOoo—

7. CÁCH DÙNG Cỏ CHE LẤP 19. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ5 đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Khi ây, điêu này đã khởi đên các vị Tỳ-khưu ây: "Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa; vậy chúng ta nên thực hành như thế nào?" 20. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ây, nêu các Tỳ-khưu [nghĩ] như vây: "Chúng ta trong khi sông CÓ nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô5 đưa đên tranh cãi, có nhiêu việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa?^, Này các Tỳ- khưu, Ta cho phép giải quyết sự tranh tụng có hình thức như thế bằng cách dùng cỏ che lấp. Và này các Tỳ-khưu, nên giải quyêt như vây: Toàn bộ tát cả nên tụ họp lại một chỗ; sau khi tụ họp lại, hội chúng can được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nêu chúng ta xử

674 TIỂU PHẨM _____

lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng,

hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng/ ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si." 21. Một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu, cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại đức, xin hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hiện. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho —\ r

chư Đại đức, tôi sẽ trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng tội của chính chư Đại đức và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính chư Đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si." Rồi một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại đức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn ...(nt)...đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại dức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư Đại đức và tội của tôi? vì sự lợi ích của chính chư Đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ?9 22. Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong sô các Tỳ-khưu cùng thuộc vê một phe răng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống CÓ nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn ...(nt)...đưa đên chia rẽ [hội chúng] nữa. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ f y trường hợp có liên quan đên cư sĩ. Đây là lời đê nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn ...(nt).. đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin trình báo bang cách dùng cỏ

4 Lỗi nghiêm trọng là tội Pārājika và tội Sañghādisesa (VinA. VI. 1194).

che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đên cư sĩ, xin im lặng; vị nào không đông ý có thể nói lên. Các tội này của chúng tôi đã được trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đên cư sĩ. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay?9 23. Rồi hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khmi kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng

thuộc về phe kia rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt).. đưa đên chia rẽ [hội chúng] nữa. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ..(nt).. ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt).. đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, (nt) ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm Ượng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng đôi với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đen cư si, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Các tội này của chúng tôi đã được trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. Và này các Tỳ-khưu, như thế các Tỳ-khưu ấy đã được thoát khỏi các tội ấy, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ, ngoại trừ [các vị] có quan điểm khác về hành sự này, ngoại trừ các vị không hiện diện ở đó. —ooOoo—

8. BỐN sự TRANH TỤNG 24. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tranh cãi với các Tỳ-khưu-ni, các Tỳ- khưu-ni cũng tranh cãi với các Tỳ-khmi. Tỳ-khxru Channa, sau khi theo phe các Tỳ-khưu-ni cũng tranh cãi với các Tỳ-khiru và được xem là thuộc phe các Tỳ- khưu-ni. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Tỳ-khiru Channa, sau khi theo phe các Tỳ-khưu-ni, lại tranh cãi với các Tỳ-khưu và được xem là thuộc phe các Tỳ-khưu-ni?,^ Sau đó, các vị Tỳ-khxru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe n6i ...(nt).. có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khmi rằng: 25. - Này các Tỳ-khiru, đây là bôn sự tranh tụng: Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội và sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: "Bây là Pháp", hoặc "dây không phải là Pháp hoặc "đây là Luậf\ hoặc “dây không phải là Luậf\ hoặc “diều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến”, hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết giản^ và nói đến”hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành”, hoặc “diều áy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành9\ hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy dinh", hoặc "diều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy dinh99, hoặc "diều ấy là phạm tội5\ hoặc "diều ấy là không phạm toi", hoặc "điêu ấy là tội nhq”, hoặc "điêu ấy là tội nặng,\ hoặc "tội còn dư s6t', hoặc "tội không còn dư s6t”,5 hoặc "tội xàu xa", hoặc "tội không xấu xa.” ở đây, việc nào là sự xung đột, sự gây go, sự tranh luận, sự tranh cãi, nhiều quan diêm, khác quan diêm, sự nói lời thô lô, sự cãi vã;

việc ây được gọi là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. ơ đây, thê nào là sự tranh tụng liên quan đên khiên trách? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vi Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng vê hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về tri kiên, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến tội? Năm nhóm tội6 là sự tranh tụng liên quan đến tội, bảy nhóm tội7 là sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đen tội.

5 Tội không còn dư sót là nhóm tội Pārājika. Tội còn dư sót là sáu nhóm tội còn lại (VìnA. VII. 1319). 6 Năm nhóm tội: Pārājika, Sañghādisesa, Nissaggiya Pâcỉttiya, Pâcittỉya và Dukkata. 7 Thêm vào Thulỉaccaya và Dubbhāsitā là bảy.

ở đây, thế nào là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? Việc gì thuộc về hội chúng cần phải hoàn thành, cần phải thực hiện, [tức là] hành sự với lời công bố,8 hành sự với lời đề nghi, hành sự có lời đề nghi đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư. Việc ấy được gọi là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. 26. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là gì? Có sáu nguyên nhân tranh cãi là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. Cũng có ba nguyên nhân không tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi và cũng có ba nguyên nhân tốt đẹp là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đen tranh cãi. Sáu nguyên nhân tranh cãi nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khưu trở nên giận dữ, có sự hằn học. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự hằn học, vi ấy sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; ...(nt).. Giáo pháp; ...(nt)... Hội chúng; ..(nt).. có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ây, các ngươi nên nô lực cho sự châm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai, cho chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây có được sự châm dứt. Như thê nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Này các Tỳ-khưu5 còn có điều khác nữa: Có vị Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả, dối trá; ...(nt).. trở nên đố kỵ, bon xẻn; ...(nt)... trở nên mưu mẹo, xảo trá; ...(nt)... trở nên ác dục

tà kiến; ...(nt)... trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liễu, ương ngạnh, khó sửa đổi, vi ấy sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng

8 Hành sự công bố hành xử 5 trường hợp: Sự phục hồi, sự đuổi đi, hành sự cạo tóc (bhandukammā), hình phạt Brahma (Phạm đàn), và hanh sự có sự khác biệt về tướng trạng là thứ năm. Xem tr. 1399 trong tập này; TTPV, tập 9, Parivārā (Tập yếu) II, tr. 306.

bậc Đạo sư; (nt) Giáo pháp; (nt) Hội chúng; (nt)...có sự thực hành
không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên sự tranh cãi trong hội chúng. Đó là sự tranh cãi đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân tranh cãi có hình thức như r r thê một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khiru? trong trường hợp ây, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây. Như thê nguyên nhân tranh cãi xâu xa ây có được sự chấm dứt. Như thế nguyên nhân tranh cãi xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Sáu nguyên nhân tranh cãi này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi. 27. Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến

là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Cơ thể (thân) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách và lời nói (khẩu) cũng là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Sáu nguyên nhân khiển trách nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Này các Tỳ-khưu, trường hợp vị Tỳ-khmi trở nên giận dữ, có sự hằn học. Vị Tỳ-khưu nào trở nên giận dữ, có sự han học, vị ây sông không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sống không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sống không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khmi nào song không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư;...(nt).. Giáo pháp; ...(nt).. Hội chúng; ...(nt).. có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vị ấy gây nên
sự khiển trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu, nêu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiên trách có hình thức như

thê một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên nỗ lực cho sự chấm dứt của chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thê một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ- khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành để không đem lại sự hỗ trợ trong tương lai cho chính nguyên nhân khiên trách xâu xa ây. Như thê nguyên nhân khiên trách xâu xa ây có được sự châm dứt. Như thê nguyên nhân khiên trách xấu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. 29. Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa: Có vi Tỳ-khưu trở nên đạo đức giả, dối trá; ...(nt)... trở nên đố ky, bon xẻn; ...(nt)... trở nên mưu mẹo, xảo trá; ...(nt).. trở nên ác dục, tà kiên; ...(nt).. trở nên châp thủ một cách lộ liêu, ương ngạnh, khó sửa đổi. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu nào trở nên chấp thủ một cách lộ liêu, ương ngạnh, khó sửa đôi, vi ây sông không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; sông không tôn kính, không phục tùng Giáo pháp; sông không tôn kính, không phục tùng Hội chúng; có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập. Này các Tỳ-khiru, vị Tỳ-khưu nào sống không tôn kính, không phục tùng bậc Đạo sư; ...(nt).. Giáo pháp; ...(nt).. Hội chúng;...(nt).. có sự thực hành không trọn vẹn việc học tập, vi ây gây nên sự khiên trách trong hội chúng là sự khiển trách đem lại sự không lợi ích cho nhiều người, đem lại sự không an lạc cho nhiều người, đem lại sự không tấn hóa cho nhiều người, đem lại sự không lợi ích và khổ đau cho chư thiên và nhân loại. Này các Tỳ-khưu? nếu các ngươi nhận thức được nguyên nhân khiển trách có hình thức như thế một cách chủ quan và khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ây, các ngươi nên nô lực cho sự châm dứt của chính nguyên nhân khiên trách xâu xa ây. Này các

Tỳ-khưu, nêu các ngươi không nhận thức được nguyên nhân khiên trách có hình thức như thế một cách chủ quan hoặc khách quan, này các Tỳ-khưu, trong trường hợp ấy, các ngươi nên thực hành đe không đem lại sự hỗ trợ trong txrơng lai cho chính nguyên nhân khiển trách xấu xa ấy. Như thế nguyên nhân khiển trách xâu xa ây có được sự châm dứt. Như thê nguyên nhân khiên trách xâu xa ấy không có được sự hỗ trợ trong tương lai. Sáu nguyên nhân khiển trách này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. 30. Ba nguyên nhân không tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đên khiên trách? Này các Tỳ-khưu5 trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vi Tỳ-khmi do tâm tham lam, khiên trách do tâm xâu xa, khiên trách do tâm mê muội với sự hư hỏng vê giới, hoặc với sự hư hỏng vê hạnh kiêm, hoặc với sự hư hỏng vê tri kiên, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Ba nguyên nhân không tót đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Ba nguyên nhân tốt đẹp nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Này các Tỳ-khưu5 trường hợp các Tỳ-khưu khiển trách vi Tỳ-khưu do tâm không tham lam, khiển trách do tâm không xấu xa, khiển trách do tâm không mê muội với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng vê tri kiên, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Ba nguyên nhân tót đẹp này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. 9 r

31. Cơ thê (thân) như thê nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? - ở đây, có vị có màu da tối, có vóc dáng xấu xí? lùn tịt, nhiều bệnh: Hoặc là chột mắt. hoặc là chân bi tật, hoặc bi què, hoặc bi liệt nửa thân. các vi khiển trách vị áy vê điêu áy. Cơ thê (thân) như thê áy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. Lời nói (khẩu) như thế nào là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? ở đây, có vi có giọng nói khó [nghe], có tật cà lăm, có giọng nói khàn khàn, các vi khiển trách vi ấy về điều ấy. Lời nói (khẩu) như thế ấy là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. 32. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội là gì? Sáu nguôn sanh tội là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đên tội. Có sự phạm tội sanh lên do thân, không do khẩu, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do khẩu, không do thân, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do khâu, không do ý. Có sự phạm tội sanh lên do thân và do ý, không do khâu. Có sự phạm tội sanh lên do khau và do ý5 không do thân. Có sự phạm tội sanh lên do thân, do khau và do ý. Sáu nguồn sanh tội này là nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến tội.

IV. CHƯƠNG DÀN XÉP 681

33. Nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là gì? -Có một nguyên nhân của sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là hội chúng. 34. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi là tốt, là xấu, [hay] là không tốt không xấu? Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu. ở dây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là tốt? Này các Tỳ-khưu9 trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi do tâm thiện: “Bây là Pháp99, hoặc "đây không phải là Pháp”, ...(nt).. hoặc "tội xấu xa", hoặc "tội không xâu xa." Trong trường hợp ây, việc nào là sự xung đột, gây gô, tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được gọi là tốt. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là xấu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi do tâm bất thiện: “Dây là Pháp", hoặc "dây không phải là Ph”,...(nt).. utội xấu xa", hoặc utội không xâu xa.” Trong trường hợp ây, việc nào là sự xung đột, gây gô5 tranh luận, tranh cãi, nhiều quan điểm, khác quan điểm, sự nói lời thô 16, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được gọi là xấu. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi nào là không tốt không xấu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các vị Tỳ-khưu tranh cãi với tâm vô ký: “Bây là Pháp”hoặc "đây không phải là Pháp", ...(nt)... hoặc utội xấu xa”, hoặc utội không xâu xa." Trong trường hợp ây, việc nào là sự xung đột, gây gô, ..(nt)...sự nói lời thô lỗ, sự cãi vã; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, được gọi là không tốt không xấu. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách là tốt, là xấu, [hay] là không tốt không xấu? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu. ơ đây, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách nào là tót? Này các Tỳ-khưu? trường hợp các Tỳ-khmi do tâm thiện khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng vê giới, với sự hư hỏng vê hạnh kiêm, với sự hư hỏng về tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, được gọi la tốt. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách

nào là xấu? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu do tâm bất thiện khiển trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng vê giới, hoặc với sự hư hỏng vê hạnh kiêm, hoặc với

Sự hư hỏng vê tri kiên, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Trong trường hợp ây, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng, liên quan đến khiển trách, được gọi là xấu. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách nào là không tốt không xấu? - Này các Tỳ-khưu? trường hợp các Tỳ"khưu do tâm vô ký khiển trách vị Tỳ-khiru với sự hư hỏng về giới, với sự hư hỏng về hạnh kiểm, với sự hư hỏng vê tri kiên, hoặc với sự hư hỏng vê nuôi mạng. Trong trường hợp ây? việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy tức là sự tranh tụng, liên quan đến khiển trách, được gọi là không tốt không xấu. 36.9 Sự tranh tụng liên quan đến tội là xấu [hay] là không tốt không xấu? Sự tranh tụng liên quan đến tội có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu, không có sự tranh tụng liên quan đến tội là tốt. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến tội nào là xấu? Việc [vi Tỳ-khiru] có sự vi phạm trong khi nhận biết, trong khi nhận thức rõ, đã cô y, roi vượt qua; việc ây tức là sự tranh tụng liên quan đên tội được gọi là xấu. ơ đây, sự tranh tụng liên quan đên tội nào là không tót không xâu? Này các Tỳ-khưu, việc [vị Tỳ-khiru] có sự vi phạm trong khi không nhận biết, trong khi không nhận thức rõ, đã không cố ý, rồi không vượt qua; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đen tội, được gọi là không tốt không xấu. 37. Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ là tốt, là xấu, [hay] là không tốt không xấu? Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ có thể là tốt, có thể là xấu, có thể là không tốt không xấu. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là tốt? Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đê nghị đên lân thứ hai, hành sự có lời đê nghị đên lân thứ tư với tâm thiện; việc ây tức là sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ, được gọi là tót. ở đây, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ nào là xấu? Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến làn thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm bất thiện; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được gọi là xấu.

9 Dọ đánh số nhầm từ bản gốc Pali (không có số 35) nên dịch giả giữ nguyên số lại như vậy để dễ đối chiếu (BBT).

ơ đây, sự tranh tụng liên quan đên nhiệm vụ nào là không tót không xâu? Việc hội chúng thực hiện hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghi, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư với tâm vô ký; việc ấy tức là sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, được gọi là không tốt khòng xấu. 38. [Một việc có thể] là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi; là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi; vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi [hay không]? [Một việc] có thể là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng, liên quan đến tranh cãi; có thê là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng; có thê là sự

tranh tụng, không là sự tranh cãi; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi. ở dây, việc nào là sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi rằng: “Bây là Pháp”, hoặc "dây không phải là Ph", ...(nt)...hoặc "tội xấu xa hoặc "tội không xấu xa." Trong trường hợp ấy, việc nào là sự xung đột, gây gổ? tranh luận, tranh cãi, nhiêu quan diêm, khác quan diêm, sự noi lơi tho lo, sự cãi va; việc áy la sự tranh cãi [hoặc là] sự tranh tụng, liên quan đến tranh cãi. ở đây, việc nào là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng? Mẹ tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với mẹ, cha tranh cãi với con trai, con trai tranh cãi với cha, anh em trai tranh cãi với anh em trai, anh em trai tranh cãi với chi em gái, chị em gái tranh cãi với anh em trai, bạn bè tranh cãi với bạn bè; việc ấy là sự tranh cãi, không là sự tranh tụng. ở đây, việc nào là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi? Sự tranh tụng liên quan đên khiên trách, sự tranh tụng liên quan đên tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; việc ấy là sự tranh tụng, không là sự tranh cãi. ở dây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi vừa là sự tranh tụng vừa là sự tranh cãi. 39. [Một việc có thể] là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; là sự khiển trách, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là sự khiên trách; vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiên trách [hay không]? [Một việc] có thể là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách; có thể là sự khiển trách, không là sự tranh tụng; có thể là sự tranh tụng, không là sự khiên trách; có thê vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiên trách. ở đây, việc nào là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách? Này các Tỳ-khưu, trường hợp các Tỳ-khưu khiên trách vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới, hoặc với sự hư hỏng về hạnh kiểm, hoặc với sự hư hỏng về

tri kiến, hoặc với sự hư hỏng về nuôi mạng. Trong trường hợp ấy, việc nào là sự khiển trách, sự xoi mói, sự buộc tội, sự chỉ trích, sự moi móc, sự xúi giục, sự khích động; việc ấy là sự khiển trách [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến khiển trách. ở đây, việc nào là sự khiển trách, không là sự tranh tụng? Mẹ khiển trách con trai, con trai khiển trách mẹ, cha khiển trách con trai, con trai khiển trách cha, anh em trai khiển trách anh em trai, anh em trai khiển trách chi em gái, chi em gái khiển trách anh em trai, bạn bè khiển trách bạn bè; việc ấy là sự khiển trách, không là sự tranh tụng. ở đây5 việc nào là sự tranh tụng, không là sự khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến tội, sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi; việc ây là sự tranh tụng, không là sự khiển trách. ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, vừa là sự tranh tụng vừa là sự khiển trách. 40. [Một việc có thể] là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội; là sự phạm tội, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là sự phạm tội; vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội [hay không]? [Một việc] có thể là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội; có thể là sự phạm tội, không là sự tranh tụng; có thể là sự tranh tụng, không là sự phạm tội; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội. ở đây, việc nào là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội? -Năm nhóm tội là sự tranh tụng liên quan đến tội và bảy nhóm tội là sự tranh tụng liên

quan đến tội; việc ấy là sự phạm tội [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến tội. ở dây, việc nào là ãpattỉ (sự phạm tội), không là sự tranh tụng? Quả vi Nhập lưu (Sotãpattí), sự thành đạt (samāpatti)*, việc ấy là ãpatti (có tiếp vĩ ngữ ãpattí) không là sự tranh tụng.10 ở đây, việc nào là sự tranh tụng, không là sự phạm tội? -Sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ, sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đên khiên trách; việc ây là sự tranh tụng, không là sự phạm tội.

10 Đây là nghệ thuật chơi chữ: Nghĩa căn bản của từ ãpattỉ là "sự đạt đến", nghĩa thông dụng là "SỊT phạm tội, hay tội vi phạm.,, Trường hợp hai hợp từ làsotãpattỉ (sota-ãpạttí) N^Lsamāpatti (sam-āpattī) do được ghép với tiếp vĩ ngữ āpatti. Tư sotāpatti có ý nghĩa là sự đạt đến dòng chảy, sự tiền vào dòng Thánh, tưc la quả vị Nhập lưu; còn từ samāpatti có y nghĩa là sự đạt đến trọn vẹn, sự tự mình đạt đến, dịch là sự chứng đạt. Do không phải làrsự phạm tội nên không liên quan đến sự tranh tụng. Đoạn văn này không thể diễn đạt trọn vẹn sang tiếng Viẹt (ÑD).

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 685

ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội? Sự tranh tụng liên quan đến tội vừa là sự tranh tụng vừa là sự phạm tội. 41. [Một việc có thể] là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ; là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng; là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ; vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ [hay không]? [Một việc] có thể là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm 7 2 -J vụ; có thê là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng; có thê là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ; có thể vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ. ở đây, việc nào là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ? Việc nào thuộc vê hội chúng cân phải hoàn thành, cân phải thực hiện [tức là] hành sự với lời công bố, hành sự với lời đề nghị, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ hai, hành sự có lời đề nghị đến lần thứ tư; việc ấy là nhiệm vụ [hoặc là] sự tranh tụng liên quan đến nhiệm vụ. ở đây, việc nào là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng? Nhiệm vụ của thầy giáo thọ, nhiệm vụ của thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy tế độ, nhiệm vụ của các vị chung thầy giáo thọ; việc ấy là nhiệm vụ, không là sự tranh tụng. ở đây? việc nào là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ? -Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi, sự tranh tụng liên quan đến khiển trách, sự tranh tụng liên quan đến tội; việc ấy là sự tranh tụng, không là nhiệm vụ. ở đây, việc nào vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ? Sự tranh tụng liên quan đen nhiệm vụ vừa là sự tranh tụng vừa là nhiệm vụ. —ooOoo—

9. CÁCH GIẢI QUYẾT sự TRANH TỤNG HÀNH XỬ LUẬT VỚI Sự HIỆN DIỆN 42. Sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi được lắng diu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? —Sự tranh tụng liên quan đên tranh cãi được lăng diu bởi hai cách dàn xép: Bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện và bằng cách thuận theo số đông. Nếu sự tranh tụng liên quan đến tranh cãi không đi đến một cách dàn xếp là thuận theo sô đông, thì có thê được lăng dịu băng một cách dàn xép là cách hành xử Luật với sự hiện diện hay không? -Nên trả lời rằng: "C6 thể." Như vậy là thế nào?

-Trường hợp các Tỳ-khưu tranh cãi: "Đây là Pháp", hoặc "dây không phải là Pháp hoặc "đây là Luậty, hoặc "đây không phải là Luật\ hoặc "điều ấy đã được đấng Thiện Thệ thuyết giảng và nói đến", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thuyết gjảng và nói đến", hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ thực hành", hoặc "diều ấy đã được đấng Thiện Thệ quy hoặc "điều ấy đã không được đấng Thiện Thệ quy djnh", hoặc "điều ấy là ^hạm tộr\ hoặc "diều ấy là không phạm toi", hoặc "điêu ấy là tội nhq", hoặc "điêu ấy là tội nang^, hoặc "tội còn dư s6t", hoặc "tội không còn dư sóf\ hoặc "tội xấu xa"hoặc "tội không xấu xa." Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy có thể giải quyết sự tranh tụng ấy, này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. 43. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? Các Tỳ-khưu theo sô lượng cân thiêt cho hành sự đã đi đên, sự tùy thuận của các vị xứng đáng ệởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đoi; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? -Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo su, sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị tranh cãi, vi tranh cãi với vi ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vi gởi thỏa thuận phê phán, vi phê phán phạm tội Pãcỉttỉya. Này các Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ây không thê giải quyêt sự tranh tụng ây tại trú xứ ấy, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ấy nên đi đến tru xứ có nhiều Tỳ- khưu hơn. Này các Tỳ-khưu, trong lúc đang đi trên đường đến trú xứ kia, nếu các Tỳ-khưu ây có thê giải quyêt sự tranh tụng ây; này các Tỳ-khưu? điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự.

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 687

44. Và ở dây, sự hiện diện của hội chúng là gì? -Các Tỳ-khiru theo số lượng càn thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy thuận của các vị xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở dây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? -Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư [mà] sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở dây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vi ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội Pãcỉttiya. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khxru ấy trong lúc đang đi trên đường đến tru xứ kia, không thê giải quyêt sự tranh tụng ây; này các

Tỳ-khưu, sau khi đi đên trú xứ kia, các Tỳ-khưu ây nên nói các Tỳ-khưu thường trú như vây: "Này các Đại dức, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vay, đã diễn tiến như vầy, lành thay! Xin các Đại đức hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư; như thê sự tranh tụng này có thê đã được giải quyêt tốt dẹp." Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu thường tru thâm niên hơn và các Tỳ- khưu đi đến là kém thâm niên, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu thường trú nên nói với các Tỳ-khưu đi đến như vầy: "Này các Đại đức, các vị hãy sang một bên trong chốc lát để chúng tôi còn hội y." Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu thường tru kém thâm niên và các Tỳ-khưu đi đen là thâm niên hơn, này các Tỳ- khưu, các Tỳ-khưu thường trú nên nói với các Tỳ-khưu đi đến như vầy: "Này các Đại đức, chính vì điều ấy, xin các vị hãy chờ tại đây trong chốc lát để chúng tôi còn hội y." 45. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khiru thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vây: "Chúng ta không thê giải quyêt sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư được9\ các Tỳ-khưu thường trú không nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy. Này các Tỳ-khxru, nêu các Tỳ-khưu thường trú trong lúc hội ý khởi lên như vày: "Chúng ta có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo su"; này các Tỳ-khtru, các Tỳ-khưu thường trú ấy nên nói với các Tỳ-khưu đi đên như vây: "Này các Đại dức, nêu các vị trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào, đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ nhận lãnh

sự tranh tụng này. Này các Đại đức, nếu các vị không trình bày cho chúng tôi sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào, đã diễn tiến như thế nào, chúng tôi sẽ giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư theo cách sẽ không được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ không nhận lãnh sự tranh tụng này.,, Này các Tỳ-khưu, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các Tỳ-khưu thường trú nên nhận lãnh sự tranh tụng ấy. 46. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu đi đến ấy nên nói với các Tỳ-khưu thường trú như vầy: "Chúng tôi sẽ trình bày cho các Đại đức sự tranh tụng này đã sanh khởi như thế nào, đã diễn tiến như thế nào. Nếu các Đại đức có thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong khoảng thời gian chừng này hoặc chừng này, như thế [sự tranh tụng] sẽ được giải quyêt tót đẹp; như vậy chúng tôi sẽ giao phó sự tranh tụng này cho các Đại đức. Nếu các Đại đức không thể giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư trong khoảng thời gian chừng này hoặc chừng này, như thế [sự tranh tụng] sẽ không được giải quyết tốt đẹp; như vậy chúng tôi sẽ không giao phó sự tranh tụng này cho các Đại đức, chính chúng tôi sẽ là người chủ trì sự tranh tụng này." Này các Tỳ-khưu, sau khi xem xét kỹ lưỡng như vậy, các Tỳ-khưu đi đến nên giao phó sự tranh tụng ấy cho các Tỳ-khưu thường trú. Này các Tỳ-khưu9 nêu các Tỳ-khiru ây có thê giải quyêt sự tranh tụng ây, này các Tỳ-khưu, điêu ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyêt nhờ vào điêu gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân SỊT•...(nt).. Này các

Tỳ-khiru? nếu có vi khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội Pãcittỉya.

CÁCH GIẢI QUYẾT THEO LÓI ĐẠI BIỂU 47. Này các Tỳ-khưu, trong khi các Tỳ-khtru ấy phán xét sự tranh tụng ấy, nếu các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý • • 9 • r r nghĩa; này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giải quyêt sự tranh tụng như thê ây theo lối đại biểu. Theo lối đại biểu, cần chỉ định vi Tỳ-khưu có được mười yếu tố: Là vị có giới hạnh, sông thu thúc theo sự thu thúc của Giới bôn (Pãtỉmokkhă). thành tựu về hạnh kiểm và chốn đi lại, thấy được sự nguy hiểm trong những tội lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và thực hành theo các điều học; là vị nghe nhiều, nắm giữ và tích

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 689

lũy các điêu đã được nghe, các pháp nào là tót đẹp phân đâu, tót đẹp phân giữa, tốt đẹp phần cuối, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ; các pháp có hình thức như thế được [vi ấy] nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích; cả hai bộ Giới bổn (Pātimokkha) đã khéo được truyền thừa với chi tiết đến vị ấy, khéo được phân tích, khéo được ứng dụng, khéo được xác định theo từng điều học, theo từng từ ngữ; là vị tinh xảo về Luật không có bối rối; là vi có năng lực làm cho cả hai phe đối địch với nhau hiểu biết được, làm cho suy nghĩ lại, làm cho suy tư, làm cho thấy được và làm cho hoan hỷ; khéo léo giải quyết sự sanh khởi của cuộc tranh tụng; vị hiểu biết sự tranh tụng; hiểu biết nguyên cớ của cuộc tranh tụng; hiêu biêt sự châm dứt của cuộc tranh tụng; hiêu biết đường lối thực hành để cham dứt cuộc tranh tụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định theo lối đại biểu vị Tỳ-khưu có được mười yếu tố này. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi vô bô được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vay] và tên [như vay] đe giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi chúng ta phán xét sự tranh tụng này, các lời bàn cãi vô bổ được sanh khởi và không lời phát biểu nào có ý nghĩa. Hội chúng chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để giải quyết sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] để giải quyết sự tranh tụng này theo lôi đại biêu xin im lặng; vị nào không đông ý có thê nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] và tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này theo lôi đại biêu. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Này các Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ây có thê giải quyêt sự tranh tụng ây theo lôi đại biêu, này các Tỳ-khưu, điều ây được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? —Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện. Và ở dây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của

Pháp, sự hiện diện của Luật. ..(nt).. Này các Tỳ-khiru, nếu có vi khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thê, vi khơi lại phạm tội Pãcittỉya. Này các Tỳ-khưu, trong khi các Tỳ-khưu ây đang phán xét sự tranh tụng ây5 nếu ở đó, có vị Tỳ-khưu là Pháp sư nhưng vị ấy là không được truyền thừa về

690 « TIỂU PHẨM

kinh điên, vê sự phân tích Giới bôn, vị ây trong khi không xem xét ý nghĩa lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Các Tỳ-khưu ấy cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch chư Đại dức, xin hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khmi tên [như vầy], là Pháp sư, nhưng vị ây là không được truyền thừa vê kinh điên, vê sự phân tích Giới bổn, vị ấy trong khi không xem xét ý nghĩa, lại phủ nhận ý nghĩa ẩn sau các văn tự. Nếu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, chúng ta nên loại ra vị Tỳ-khưu tên [như vây] và những người còn lại [chúng ta] sẽ giải quyêt sự tranh tụng nay?9 Này các Tỳ-khưu, nêu các Tỳ-khưu ây sau khi loại vị Tỳ-khưu ây ra, có thê giải quyêt sự tranh tụng ây; này các Tỳ-khưu, điêu ây được gọi là sự tranh tụng . ? • 9 • Mi c • đã được giải quyêt. Được giải quyêt nhờ vào điêu gì? Nhờ vào cách hành

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 691

CÁCH HÀNH XỬ LUẬT THUẬN THEO số ĐÔNG 48. Này các Tỳ-khưu, nếu các Tỳ-khưu ấy không thể giải quyết sự tranh tụng ấy theo lối đại biểu, này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ấy nên giao lại sự tranh tụng ây cho hội chúng: "Bạch các ngài, chúng tôi không thê giải quyêt sự tranh tụng này theo lối đại biểu. Hãy để hội chúng giải quyết sự tranh tụng này.,, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giải quyết thuận theo số đông sự tranh tụng có hình thức như thế. Cần chỉ định vị phân phát thẻ là vi Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bi chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, và vị biết [thẻ] đã được nhận hay chưa được nhận. ...(nt)... Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vi Tỳ-khưu cần được yêu cầu. Sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát thẻ. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định Tỳ-khưu tên [như vầy] là vi phân phát thẻ xin im lặng; vi nào không đong ý có thể nói lên. Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phát thẻ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Vi Tỳ-khưu phân phát thẻ ấy nen phân phát các thẻ. [Trường hợp] các Tỳ- khưu là các vị nói đúng Pháp có [số lượng] nhiều hơn nói [nên giải quyết] như thế nào, thì sự tranh tụng ấy nên được giải quyết như thế ấy. Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gi? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và thuận theo số đông. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? Các Tỳ-khưu theo số lượng cần thiết cho hành sự đã đi đến, sự tùy

thuận của các vị xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vị hiện diện không phản đối; ở dây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng. Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? -Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư, sự tranh tụng ấy được giải quyết; ở dây, điều ấy là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật.

Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị tranh cãi, vị tranh cãi với vị ấy, cả hai phe đối địch với nhau đều hiện diện; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là liên quan đến thuận theo số đông? Điêu nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đên, sự thỏa thuận, sự chập nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự thuận theo số đông; ở đây, điều ấy là liên quan đến thuận theo số đông. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vi khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vi gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội Pãcittiya.

BA CÁCH PHÂN PHÁT THẺ 49. Vào lúc bấy giờ, ở Sāvatthi, có sự tranh tụng đã xảy ra như vầy, đã sanh khởi như vầy. Khi ấy, các vị Tỳ-khmi ấy không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của hội chúng ở Sāvatthi và đã nghe rằng: "Nghe nói ở trú xứ kia, có nhiều Trưởng lão cư ngụ, là các vi nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là các bậc sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu các Trưởng lão ây có thê giải quyêt sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo su, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt âepy Sau đó5 các Tỳ-khưu ấy đã đi đến trú xứ ấy và đã nói với các Trưởng lão ấy điều này: Thưa các ngài, sự tranh tụng này đã sanh khởi như vầy, đã diễn tiến như vầy. Thưa các ngài, lành thay, các Trưởng lão hãy giải quyết sự tranh tụng này theo Pháp, theo Luật, theo lời dạy của bậc Đạo sư, như vậy sự tranh tụng này sẽ được giải quyết tốt đẹp. 50. Khi ấy, các Trưởng lão ấy [nghĩ rằng]: uSự tranh tụng đã được hội chúng ở Sāvatthi giải quyêt như thê ây là đã được giải quyết tốt dẹp", rồi đã giải quyêt sự tranh tụng ây như thê. Sau đó, các Tỳ-khưu ây không hài lòng với lôi giải quyêt tranh tụng của hội chúng ở Sāvatthi, không hài lòng với lối giải quyết tranh tụng của nhiều vi Trưởng lão và đã nghe rang: "Nghe nói ở trú xứ kia, có ba vi Trưởng lão cư ngụ, ...(nt).. có hai vị Trưởng lão cư ngụ,...(nt).. có một vị Trưởng lão cư ngụ, là vi nghe nhiêu, kinh điên được truyên thừa, rành rẽ vê Pháp, rành rẽ vê Luật, rành rẽ về các đầu đề, sáng trí, có khả năng, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu Trưởng lão ấy có thể giải quyết sự

thợrộằợaộ:ằịóựìợnộằợhộ7ỵ

-Nếu vị ấy biết rằng: "Các vị nói đúng Pháp là nhiều hơn", chính nhờ vào sự quả quyết nên phân phát [thẻ] bằng cách phân phát thẻ theo lối công khai. Này các Tỳ-khưu, như vậy là cách phân phát thẻ theo lối công khai. Này các Tỳ-khưu, đây là ba cách phân phát thẻ.

HÀNH XỬ LUẬT BẰNG sự GHI NHỚ 53. Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? Sự tranh tụng liên quan đến khiển trách được lắng dịu bởi bốn cách dàn xếp: Bằng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ, bằng cách hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vị ấy. Nêu sự tranh tụng liên quan đên khiên trách không đi đên hai cách dàn xép là cách hành xử Luật khi không điên cuồng và theo tội của vi ấy, thì có thể được lăng dịu băng hai cách dàn xép, là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ hay không? -Nên trả lời rằng: “C6 thể." Như vậy là thế nào? -Trường hợp các Tỳ-khưu bôi nhọ vị Tỳ-khưu với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Này các Tỳ-khiru? đôi với vị Tỳ-khưu được thành tựu đây đủ về sự ghi nhớ, cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ nên được ban cho. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, các Tỳ-khiru bôi nhọ tôi với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Bạch các ngài, là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, tôi đây thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nh&." Nên thỉnh cầu đến lần thứ nhì. ... Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba. ... Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu bôi nhọ vi Tỳ-khưu tên [như vầy] với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người được thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ, vi ấy thỉnh cầu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên ban cho cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ đên vi Tỳ-khưu tên [như vây], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Các Tỳ-khưu bôi nhọ vị Tỳ-khiru tên [như vầy] với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ. Là người thành tựu đây đủ vê sự ghi nhớ, vi ây thỉnh câu hội chúng cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Hội chúng ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị

IV. CHƯƠNG DÀN XÉP 695

Tỳ-khiru tên [như vầy], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ. Đại đức nào đồng ý việc ban cho cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy], là người thành tựu đầy đủ về sự ghi nhớ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba....(nt) Cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ đã được hội chúng ban cho vị Tỳ-khmi tên [như vây], là người thành tựu đây đủ vê sự ghi nhớ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Này các Tỳ-khưu5 điêu ây được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyêt. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ. Và ở đây, điêu gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sụ*. ...(nt) Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị khiển trách và vị bị vị ấy khiển trách, cả hai phe đối địch với nhau đều , * ỵ r hiện diện; ở đây, điêu ây là sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đôi thuộc vê

hành sự hành xử Luật băng sự ghi nhớ; ở đây, điêu ây là ở trong cách hành xử Luật băng sự ghi nhớ. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vi khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vi gởi thỏa thuận phê phán, vi phê phán phạm tội Pãcỉttỉya.

HÀNH XỬ LUẬT KHI KHÔNG ĐIÊN CUỒNG 54. Nếu sự tranh tụng liên quan đến khiển trách không đi đến hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật bằng sự ghi nhớ và theo tội của vị ấy, thì có thể được lắng dịu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách hành xử Luật khi không điên cuồng hay không? - Nên trả lời rằng: “C6 thể." Như vậy là thế nào? Trường hợp vi Tỳ-khưu bi điên, bị thay đổi tâm tính. Nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành bởi vị ấy khi bị điên, bị thay đổi tâm tính. Các Tỳ-khưu buộc tội vị ấy với tội đã được thực hiện

khi bi điên, bi thay đổi tâm tính: Đại đức có nhớ là đã phạm tội như thế này kh6ng?” Vị ấy nói như vầy: "Này các

Vi ấy nói như vy: "Này Đại đức, tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội Pārājika hoặc gàn với tội Pārājika. tôi chỉ nhớ là đã phạm tội nhỏ nhoi như thế ấy.” Trong khi vị ấy chối từ, vị kia lại già lý lẽ hơn nữa: "Này Đại dức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thế này, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika không?9 Vi ấy nói như vầy: "Này Đại dức, bởi vì sau khi phạm tội ấy, cho dầu là nhỏ nhoi, tôi sẽ thú nhận dầu không được hỏi đến. Sau khi phạm tội nặng như thế ấy, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika. không lẽ tôi lại không thú nhận khi được hỏi đến hay sao?” Vị kia nói như vây: "Này Đại đức, bởi vì sau khi phạm tội ây, mặc dù là nhỏ nhoi, Đại đức sẽ không thú nhận khi không được hỏi đen. Thì sau khi phạm tội nặng như thê ây9 là tội Pārājika hoặc gân với tội Pārājika. không lẽ Đại đức lại thú nhận khi không được hỏi đến? Này Đại dức, hãy suy xét thật kỹ lưỡng, xem thử có nhớ lại là đã phạm tội nặng như thê này, là tội Pārājika hoặc gân với tội Pārājika khong?99 Vi ấy nói như vầy: "Này Đại đức5 tôi nhớ ra là đã phạm tội như thế ấy, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika. Điều nói rằng: Tôi không nhớ là đã phạm tội như thế ấy, là tội Pārājika hoặc gần với tội Pārājika. điều này được tôi nói vội, điều này được tôi nói theo thói quen.,, 56. Này các Tỳ-khưu, hành sự theo tội của vị ấy nên được ban cho Tỳ-khưu ây. Và này các Tỳ-khưu9 nên thực hiện như vây: Hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự theo tội của vi ấy đến Tỳ-khiru tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Vị Tỳ-khưu này tên [như vầy], trong khi được tra hỏi tội nặng giữa hội chúng đã phủ nhận rồi thừa nhận, đã thừa nhận rồi phủ

nhận, tránh né tội ấy bằng một tội khác, cố tình nói lời dối trá. Hội chúng thực hiện hành sự theo tội của vi ấy đến Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đông ý việc thực hiện hành sự theo tội của vị ây đên Tỳ-khiru tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt). Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. ...(nt). Hành sự theo tội của vị ấy đã được hội chúng thực hiện đến Tỳ-khiru tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,,

IV. CHƯƠNG DÀN XÉP « 699

Này các Tỳ-khưu, điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và theo tội của vị ấy. Và ở dây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ...(nt). Và ở đây, điêu gì là ở trong [cách giải quyêt] theo tội của vi ây? Điều nào là sự thực hiện, sự hành động, sự đạt đến, sự thỏa thuận, sự chấp nhận, sự không phản đối thuộc về hành sự theo tội của vi ấy; ở đây, điều ấy là ở trong [cách giải quyết] theo tội của vị ấy. Này các Tỳ-khưu, nếu có vị khơi lại sự tranh tụng đã được giải quyết như thế, vị khơi lại phạm tội Pãcittiya; [nếu] vị gởi thỏa thuận phê phán, vị phê phán phạm tội Pãcittiya.

VIỆC PHÁN XỬ THEO TỒI ĐÃ ĐƯỢC THỪA NHÂN 57. Sự tranh tụng liên quan đến tội được lắng dịu bởi bao nhiêu cách dàn xếp? -Sự tranh tụng liên quan đên tội được lăng dịu bởi ba cách dàn xép: Băng cách hành xử Luật với sự hiện diện, bằng việc phán xử theo tội đã được thừa nhận và bằng cách dùng cỏ che lấp. Nếu sự tranh tụng liên quan đến tội không đi đến một cách dàn xếp là cách dùng cỏ che lấp, thì có thể được lắng diu bằng hai cách dàn xếp là cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận hay không? Nên trả lời rằng: “C6 thể.” Như vậy là thế nào? Trường hợp này, vị Tỳ-khưu là phạm tội nhẹ. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ- khưu ấy nên đi đến gặp một vị Tỳ-khưu [khác], đắp thượng y một bên vai, rồi ngồi chồm hổm, chắp tay lại và nên nói như vầy: “Thua Đại dức, tôi đã phạm tội tên [như vầy], tôi xin trình tội ấy." Vị kia nên nói rằng: “Bại đức có nhận thấy [tội] kh6ng?” “Thua có, tôi nhan thấy.” “Bại dức hãy thu thúc trong tương lai.” Này các Tỳ-khưu, điêu ây được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyêt. Được giải quyết nhờ vào điều gì? -Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và việc phán xử theo tội đã được thừa nhận. y Và ở dây, điêu gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? -Sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. ..(nt)

700 TIÊU PHẨM

Và ở đây, sự

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP 701

59. Nếu vi ấy chấp nhận như thế, theo đó việc ấy là tốt đẹp. Nếu vị ấy không châp nhận như thê, này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khiru ây nên đi đên hội chúng,

, y • 9 • ĩ\ X . tM n ' . l 7\ Và này các Tỳ-khưu, nên giải quyết như vây: Tát cả nên tụ họp lại một chô; sau khi tụ họp lại, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống CÓ nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gô, đưa đên tranh cãi, nhiêu việc không xứng là Sa-môn băng lời nói và hành động, đã được thực hành. Nêu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng cách dùng cỏ che lấp, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si." Một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong sô các Tỳ-khiru cùng thuộc về một phe nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại dức, xin hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột5 các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn bằng lời nói và hành động đã được thực hành. Nếu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nêu là thời điểm thích hợp cho chư Đại đức, tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính chư Đại đức và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính chư Đại đức và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường họp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ.,, Rồi một vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khưu cùng thuộc về phe kia nên thông báo đến phe của mình rằng: "Bạch chư Đại đức, xin hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ? đưa đến tranh cãi, ...(nt).. tôi sẽ trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng ...(nt).. ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si." Sau đó, hội chúng nên được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực trong sô các Tỳ-khưu cùng thuộc vê một phe răng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ5 đưa đen tranh cãi, nhiều việc không xứng là Sa-môn ...(nt).. đã được thực hành. Nêu chúng ta xử lý lẫn nhau bằng các tội này, sự tranh tụng ấy còn có thể đưa đến lủng củng, đưa đến sôi động, đưa đến chia rẽ [hội chúng] nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, vì sự lợi ích của chính các Đại đức này và vì sự lợi ích của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, ...(nt)... tôi xin trình

báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đại đức nào đồng ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ5 xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Các tội này

của chúng tôi đã được trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Rồi hội chúng nên được thông báo bởi vi Tỳ-khini kinh nghiệm, có năng lực trong số các Tỳ-khiru cùng thuộc về phe kia rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Chúng ta trong khi sông, có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ, đưa đến tranh cãi, ...(nt).. t6i xin trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng, ...(nt).. ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư sĩ. Đây là lơi đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Chúng ta trong khi sống có nảy sinh các sự xung đột, các sự gây gổ? đưa đen tranh cãi, ,..(nt)... tôi xin trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng tội của chính các Đại đức này và tội của tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đen cư sĩ. Đại đức nào đong ý việc trình báo bằng cách dùng cỏ che lấp giữa hội chúng đối với các tội này của chúng tôi, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đến cư si, xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Các tội này của chúng tôi đã được trình báo băng cách dùng cỏ che lâp giữa hội chúng, ngoại trừ trường hợp có lỗi nghiêm trọng, ngoại trừ trường hợp có liên quan đên cư sĩ. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 61. Này các Tỳ-khưu5 điều ấy được gọi là sự tranh tụng đã được giải quyết. Được giải quyết nhờ vào điều gì? -Nhờ vào cách hành xử Luật với sự hiện diện và cách dùng cỏ che lấp. Và ở đây, điều gì là ở trong cách hành xử Luật với sự hiện diện? Sự hiện diện của hội chúng, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật, sự hiện diện của nhân sự. Và ở đây, sự hiện diện của hội chúng là gì? -Các Tỳ-khưu theo sô lượng cân thiêt cho hành sự đã đi đên, sự tùy thuận của các vi xứng đáng gởi sự tùy thuận đã được đem lại, các vi hiện diện không phản đối; ở đây, điều ấy là sự hiện diện của hội chúng.

Và ở đây, sự hiện diện của Pháp, sự hiện diện của Luật là gì? Với Pháp nào, với Luật nào, với lời giảng dạy nào của bậc Đạo sư, sự tranh tụng ây được giải quyêt; ở đây, điêu ây là sự hiện diện của Pháp, là sự hiện diện của Luật. Và ở đây, sự hiện diện của nhân sự là gì? Vị khai báo [tội]

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự

1. CÁC TIỂU Sự 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeḶuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây trong lúc tắm. Dân vi.. . _ chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử trong lúc tắm lại cọ xát cơ thể, luôn cả bắp chân, cánh tay, ngực và lưng vào thân cây, giống

vật và những người thành phố tô điểm làn da

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự 707

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, không nên tăm với chuôi hột chà lưng; vị nào tăm thì phạm tội Dukkata. 7. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khtru nhóm Lục Sư bảo vị khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." ...(nt). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên bảo vị khác kỳ cọ theo cách dùng thân thể cọ xát lẫn nhau; vị nào bảo làm thì phạm tội Dukkata. 8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tắm với cây chà lưng [làm # r * 9 y r băng răng cá kiêm]. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay." ...(nt). Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên tắm với cây chà lưng; vị nào tắm thì phạm tội Dukkata. 9. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh ghẻ. Đối với vi ấy, không có cây chà lưng không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cây chà lưng chưa được chế biến đối với vị bi bệnh. 10. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ già cả yêu đuôi, trong lúc tăm không thể kỳ cọ cơ thể của mình. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc dùng dây vải. 11. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ ngân ngại làm công việc kỳ cọ phân lưng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng tay như thường lệ. 12-19. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(nt)... đeo hoa tai dạng chuỗi ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở cổ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở hông ..(nt)... đeo vòng ...(nt)... đeo vòng ở ngực ...(nt).. đeo đồ trang sức ở tay ..(nt)... đeo nhẫn ở ngón. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đeo hoa tai ...(nt).. đeo hoa tai dạng chuỗi ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở cổ ...(nt)... đeo xâu chuỗi ở hông ...(nt)... đeo vòng ...(nt)... đeo vòng ở ngực ...(nt)... đeo đồ trang sức ở tay ..(nt)... đeo nhẫn ở ngón, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

..2 \ Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khmi, không nên đeo hoa tai, không nên đeo hoa tai dạng chuỗi, không nên đeo dây chuỗi ở co, không nên đeo dây chuỗi ở hông, không nên đeo vòng, không nên đeo vòng ở ngực, không nên đeo đồ trang sức ở tay, không nên đeo nhẫn; vị nào đeo thì phạm tội Dukkata. 20. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư để tóc dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khmi, không nên để tóc dài; vị nào để [tóc dài] thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [đê tóc] hai tháng hoặc [đê dài] hai lóng tay. 21-25. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư chải tóc bằng lược •.(nt)...chải tóc bằng vật giống hình mang rắn ...(nt).. chải tóc bằng tay xòe ra ...(nt)... chải tóc với sáp ong ...(nt).. chải tóc với dầu nước. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ,..(nt). y y Này các Tỳ-khưu, không nên chải tóc băng lược, không nên chải tóc băng vật giống hình mang rắn, không nên chải tóc bằng tay xòe ra, không

nên chải tóc với sáp ong, không nên chải tóc với dầu nước; vi nào chải tóc thì phạm tội Dukkata. 26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư nhìn nét mặt ở gương soi, và ở trong chậu nước nữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước; vi nào nhìn thì phạm tội Dukkata. 27. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở mặt. Vị ấy đã hỏi các Tỳ-khưu răng: Này các Đại đức, vết thương của tôi ra làm sao? Các Tỳ-khưu đã nói như sau: Này Đại đức, vết thương của ngài là như thế đó. Vị ấy không tin. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, do nhân duyên bệnh, Ta cho phép nhìn nét mặt ở gương soi hoặc ở trong chậu nước. 28. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư thoa dầu khuôn mặt, xoa bóp khuôn mặt, thoa phấn khuôn mặt, tô điểm khuôn mặt bằng bột phấn đỏ, vẽ màu ở thân thể, vẽ màu ở khuôn mặt, vẽ màu ở thân thể và ở khuôn mặt. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục v'Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt).

32. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay.99 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên mặc áo choàng có phủ lông phía bên ngoài; vi nào mặc thì phạm tội Dukkata. 33. Vào lúc bấy giờ, trong khu vườn của đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, các cây xoài đang ra trái. Đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã cho phép răng: Hãy để các ngài Đại đức thọ dụng xoài một cách thoải mái. Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã bảo hái luôn cả xoài non rồi thọ thực. Sau đó5 đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha muốn dùng xoài. Khi ấy, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã ra lệnh cho mọi người rằng: r Này các khanh, hãy đi đên vườn và mang xoài lại. -Tâu Bệ hạ, xin vâng. Những người ấy theo lệnh đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha, đã đi đến vườn và nói với các người giữ vườn điều này: Này các ngươi, đức vua muốn dùng xoài. Các ngươi hãy dâng xoài. Các ngài oi, không còn xoài nữa. Các Tỳ-khưu đã bảo hái luôn cả xoài non và thọ dụng. Sau đó, những người ây đã trình sự việc ây lên đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha. Này các khanh, xoài đã được các ngài Đại đức thọ dụng ngon lành; tuy nhiên, sự chừng mực đã được đức Thế Tôn ngợi khen cơ mà! Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao các Sa-môn Thích tử lại thọ dụng xoài của đức vua không biết chừng mực vay?" Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ- khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên thọ dụng xoài; vi nào thọ dụng thì phạm tội Dukkata. 34. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Các miếng xoài đã được bỏ vào trong món súp. Các Tỳ-khưu ngan ngại không thọ lãnh. Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thọ dụng] xoài miếng. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Họ đã không học hỏi để làm xoài thành miếng, ở phòng ăn, họ đã tiến hành với các trái xoài hãy còn nguyên vẹn. Các Tỳ-khưu ngần ngại không thọ lãnh.

-Này các Tỳ-khưu, hãy thọ lãnh và thọ dụng. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với Sa-môn theo năm cách: Đã được hoại bởi lửa, đã được hoại bởi dao, đã được hoại bởi móng tay, không có hột và hột đã được lấy ra là cách thứ năm. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thọ dụng trái cây đã được làm thành được phép đối với Sa-môn theo năm cách này. 35. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi răn căn và chét đi. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, chắc chắn là vi Tỳ-khưu ấy đã không rải tâm từ đến bôn loài răn chúa này roi. Này các Tỳ-khưu5 bởi vì nêu vị Tỳ-khưu ây rải tâm từ đên bôn loài răn chúa này, nàyr các 7 iF -t Tỳ-khưu, A • r vị• Tỳ-khmi ây dâu bị• răn ỉ căn cũng không thê nào chét được. Bôn loài răn chúa là các loài nào? Loài răn chúa Virũpakkha, loài rắn chúa Erãpatha, loài rắn chúa Chabyãputta, loài rắn chúa Kanhāgotamaka. Này các Tỳ-khưu, chắc chắn là Tỳ-khtru ấy đã không rải tâm từ đên bôn loài răn chúa này roi. Này các Tỳ-khưu, bởi vì nêu vị Tỳ-khiru ây rải tâm từ đến bốn loài rắn chúa này, này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ấy dầu bị rắn cắn cũng không thể nào chết được. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải tâm từ đên bôn loài răn chúa này đê thực hiện sự hộ trì bản thân nhăm gìn giữ bản thân, nhăm bảo vệ bản thân. Và này các Tỳ-khưu, nên thực hành như vây: "Tôi có tâm từ đối với các Virũpakkha, tôi có tâm từ đối với các Erãpatha, tôi có tâm từ đôi với các Chabyâputta, và tôi có tâm từ đôi với các Kanhāgotamaka. Tôi có tâm từ đối với các loài không chân, tôi có tâm từ đối với các loài hai chân, tôi có tâm từ đối với các loài bốn chân, tôi có tâm từ đối với các loài nhiều chân. Loài không chân đừng hãm hại tôi, loài hai chân đừng hãm hại tôi, loài bốn chân đừng hãm hại tôi, loài nhiều chân đừng hãm hại tôi. e r r r 9

Hỡi tát cả chúng sanh, tát cả các sinh vật, tát cả các sanh linh và toàn thê, xin tát cả hãy nhìn thây các điêu lành, điêu xâu xa chớ có xảy đên bát cứ ai. Đức Phật là vô lượng, Giáo pháp là vô lượng, Hội chúng là vô lượng. Các loài bò sát [như là] các loài răn, bọ cạp, rét, nhện, thăn lăn? chuột là có hạn lượng. Tôi đã thực hiện các sự bảo vệ, tôi đã thực hiện sự hộ trì, xin các sanh linh hãy tránh xa. Tôi đây kính lễ đức Thế Tôn, kính lễ bảy vị Chánh Đẳng GiAc.” 36. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị dằn vặt bởi sự không được thỏa thích nên đã cắt đi dương vật của bản thân. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thê Ton. Này các Tỳ-khưu5 trong khi vật khác cần được đoạn trừ, kẻ rồ dại ấy lại đoạn trừ vật khác. Này các Tỳ-khưu, không nên cắt đi dương vật của bản thân; vi nào cắt thì phạm tội Thullaccaya,

712 TIỂU PHẨM

37. Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú ở thành Rājagaha có được khúc gỗ tràm hương của lõi gỗ trầm hương rất quý giá. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã khởi ý điều này: "Hay là ta cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ trầm hương này? Và phần gỗ vụn sẽ là vật sử dụng của ta, còn cái bình bát, ta sẽ cho đi làm quà biếu.” Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ trầm hương ấy, rồi kéo lên bằng sợi dây và treo ở ngọn cây tre, xong buộc nhiều cây tre tiếp nối nhau và nói như vầy: -rVị Sa-môn er hoặc Bà-la-môn nào là vịr A-la-hán và lại có thân thông nữa thì hãy

lây quà biêu, chính là cái bình bát xuồng. Khi ấy, Pūrana Kassapa đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: Này gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, ngươi hãy dâng cái bình bát cho ta. Thưa ngài, nếu ngài là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, thì ngài hãy lấy quà biếu, chính là cái bình bát xuống đi. Sau đó, Makkhaligosāla, Ajita Kesakambalaṃ Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Belatthiputta, Nigantha Nātaputta1 đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: Này gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, ngươi hãy dâng cái bình bát cho ta. Thưa ngài, nêu ngài là vị A-la-hán và lại có thân thông nữa, thì ngài hãy lấy quà biếu, chính là cái bình bát xuống đi. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Mahāmoggallāna và Đại đức Pindolabhāradvāja, vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực. Khi ấy, Đại đức Pindolabhāradvāja đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này: Đại đức Mahāmoggallāna quả là vi A-la-hán và lại có thần thông nữa. Này Đại đức Mahāmoggallāna, hãy đi và lấy xuống cái bình bát này. Cái bình bát ấy là của Đại đức. Đại đức Pindolabhāradvāja cũng là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa. Này Đại đức Pindolabhāradvāja, hãy đi và lấy xuống cái bình bát này đi. Cái bình bát ấy là của Đại đức. Khi ấy, Đại đức Pindolabhāradvāja đã bay lên không trung, cầm lấy cái bình bát áy và đi [trên không] quanh thành Rājagaha ba vòng. Vào lúc bây giờ, nhà đại phú thành Rājagaha cùng vợ và con đang đứng ở tại nhà của họ, hai tay chắp lên, thành kính làm lễ rằng: Thưa ngài, xin ngài Đại đức Bhāradvāja hãy ngự đến nhà của chúng tôi ở ngay chỗ này.

Pūrana Kassapa và năm vị này đứng đầu sáu nhóm ngoại đạo thời đó (ND).

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự 713

Sau đó, Đại đức Pindolabhāradvāja đã ngự đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã nhận lấy cái bình bát từ tay của Đại đức Pindolabhāradvāj a, chất đầy vật thực cứng loại đắt giá rồi dâng lại cho Đại đức Pindolabhāradvāj a. Khi ấy, Đại đức Pindolabhāradvāj a đã nhận lại bình bát ấy rồi đi về tu viện. Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha, đã được lấy xuống bởi ngài Đại đức pmdolabhradvāja." Và các người ây với âm thanh ôn ào? với âm thanh âm ĩ, đã nối đuôi nhau đi phía sau Đại đức Pindolabhāradvāj a. Đức Thế Tôn đã nghe âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rằng: -Này Ānanda, âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ ấy là gì vậy? Bạch Ngài, cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi Đại đức Pindolabhāradvāja. Bạch Ngài, dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi ngài Đại đức PmdolabhMadvâja." Và bạch Ngài, những người ấy với âm thanh ồn ào, với âm thanh ầm i, đã nối đuôi nhau tuần tư đi phía sau Đại đức Pindolabhāradvāja. Bạch Ngài, bạch Thế Tôn, âm thanh ồn ào, âm thanh ầm ĩ kia là chuyện ấy. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức Pindolabhāradvāja rằng: Này Bhāradvāja, nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được nhà ngươi lấy xuống, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn,

đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này Bhāradvāja, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không thích đáng, không xứng pháp Sa-môn, không được phép, không nên làm. Này Bhāradvāja, vì sao ngươi lại phô bày pháp thượng nhân, tức là sự kỳ diệu của phép than thông đến hàng tại gia vì nguyên nhân của cái bình bát gỗ tầm thường? Này Bhāradvāja, cũng giống như người đàn bà cho xem chỗ kín vì nguyên nhân của đông bạc tâm thường; này Bhāradvāja, tương tợ như thê9 vì nguyên nhân cái bình bát gô tâm thường, pháp thượng nhân, tức là sự kỳ diệu của phép thân thông

61. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu may y bằng lông gà và lạt tre. Y được may vụng về. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kim khâu. Các kim khâu bị rỉ sét. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ống đựng kim khâu. Cho dù ở trong ống đựng, các kim khâu cũng bị rỉ sét. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phủ đầy với bột gây men. Cho dù ở trong bột gây men, các kim khâu cũng bị rỉ sét. y Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phủ đây với bột lúa mạch. Cho dù ở trong bột lúa mạch, các kim khâu cũng bị rỉ sét. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] bột đá. Cho dù với bột đá, các kim khâu cũng bị rỉ sét. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trộn với mật và sáp ong. Bột đá bi rời rạc. Này các Tỳ-khmi5 Ta cho phép [trộn] bột đá với nhựa cây. 62. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu cắm cọc ở các nơi, buộc [vải] lại với nhau rồi may y. Y có các góc không vuông vức. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm y mẫu, dây buộc ở tấm y mẫu, sau khi buộc y vào chỗ này chỗ kia roi may. Các vi trải ra tấm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng. Tấm y mẫu bị rời ra. Này các Tỳ-khưu, không nên trải ra tấm y mẫu ở chỗ không bằng phẳng; vị nào trải ra thì phạm tội Dukkata. Các vi trải ra tấm y mẫu ở trên mặt đất. Tấm y mẫu bị dơ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thảm cỏ. Đường viền của tấm y mẫu bị sờn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thiêt lập đường biên, tức là vòng đai xung quanh. Tấm y mẫu không đạt kích thước. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép buộc y vào khung y mẫu, vào thanh gỗ dẹp, vao cọc go, vào day buộc, vao chỉ buộc roi may. Các khoảng cách của các đường chỉ không đều nhau. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đo đạc. Các đường chỉ bi cong quẹo. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đường chỉ may tạm.

63. Vào lúc bấy giờ,

- Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao. A 7 r Nên móng bị đô xuông. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng bằng gạch, nền móng bằng dá, nền móng bằng gỗ. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bi té trong khi bước lên [bậc thang]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. Vào lúc bấy giờ, rác cỏ rơi vào trong nhà may y. Này các

Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. 70. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi may y xong,

ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khiru đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] túi đựng dép. Dây mang vai không có. -Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] dây mang vai là chỉ kết lại. 74. Vào lúc bấy giờ, ở khoảng giữa cuộc hành trình, nước chưa được làm thành đúng phép. Đồ lược nước không có. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức rrM Á FT^ A _ The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đồ lược nước. Mảnh vải lược không có hiệu quả. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đồ lược nước gắn ở gáo múc. Mảnh vải lược không có hiệu quả. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép đô lọc nước thông thường. 75. Vào lúc bấy giờ, có hai vị Tỳ-khiru đang đi đường xa trong xứ Kosala. Một Tỳ-khiru hành xử điều sai trái. Vị Tỳ-khưu thứ hai đã nói với vị Tỳ-khưu ấy điều này: “Này Đại đức, chớ làm như thế. Điều ấy không được phép."

chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khmi rằng: Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đi đường xa khi được hỏi mượn đồ lược nước không thể không đưa cho; vi nào không đưa cho thì phạm tội Dukkata. Và này các Tỳ-khưu, vị không có đồ lược nước không nên đi đường xa; vị nào đi thì phạm tội Dukkata. Nếu không có đồ lược nước hoặc đồ lọc nước thông * 2 : r e thường, có thê chú nguyện chéo y hai lớp: "Tôi sẽ uông sau khi lược nước băng vật này." 76. Sau

Sau đó? đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đường kinh hành và phòng tắm hơi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru đi kinh hành ở đường kinh hành không bằng phẳng. Các bàn chân bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm cho băng phăng. Đường kinh hành có nền thấp nên bị ngập nước. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép làm nên cao. ỵ 9 r Nên móng bị đô xuông. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng băng gạch, nền móng bằng đá, nên móng bằng gỗ. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. 79. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi đi kinh hành ở đường kinh hành bị té. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] viền rào ở đường kinh hành. 80. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu trong

khi đi kinh hành ở ngoài trời bị mệt mỏi vì lạnh và nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà đi kinh hành. Rác cỏ rơi vào trong nhà đi kinh hành. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. 81. Vào lúc bây giờ, phòng tăm hơi có nên tháp nên bi ngập nước. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao. Nên móng bi đô xuống. —Này các Tỳ-khưu, Ta

Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. Phòng tắm hơi không có cửa. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chót xoay, tay năm, chót gài, đinh khóa chót, chót phụ, lô khóa, lô đê xỏ dây, dây thừng đe luồn qua. 82. Chân tường của phòng tắm hơi bi hư hỏng. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép xây mô tròn. Phòng tắm hơi không có ống thông khói. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] ống thông khói. 83. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu làm chỗ đốt lửa ở giữa phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp. Lối đi lại không có. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm chỗ đốt lửa một bên góc ở phòng tắm hơi có khuôn viên hẹp, ở giữa [phòng tắm hơi] có khuôn viên rộng. Trong phòng tắm hơi, ngọn lửa đốt nóng mặt [các Tỳ-khưu]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đất sét [đắp] ở mặt. Các vị nhồi ướt đất sét ở tay. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] máng đựng đất sét. Đất sét có mùi hôi. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ủ [đất sét]. Vào lúc bây giờ, ở trong phòng tăm hơi, ngọn lửa đót nóng thân thê [các Tỳ-khưu]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép mang nước lại. Các vi mang nước lại băng năp bình bát và băng bình bát. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vại chứa nước [và] gáo múc nước. 84. Mái lợp cỏ làm phòng tăm hơi trở nên dơ bân. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới. Phòng tắm hơi bi lầy lội. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép lót nền bằng ba loại nền: Nen gạch, nền đá, nền gỗ. [Phòng tắm hơi] vẫn còn bị lầy lội. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rửa sạch. Nước còn đọng lại. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh thoát nước. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu ngồi xuống trên nền đất của phòng tắm hơi, các phần thân thể bị ngứa ngáy. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] ghế ngồi ở phòng tắm hơi.

không nên bảo [vi

92. Vào lúc bây giờ, các phân cơ thê của các Tỳ-khưu bi lạnh. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm ráo [nước] cho dù chỉ bằng miếng vải thấm nước. r A >

Vào lúc bây giờ, có nam cư sĩ nọ có ý định cho xây dựng hô trữ nước nhăm sự lợi ích của hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] hồ trữ nước. Bờ thành của hồ trữ nước bị sụp đổ. —Này các Tỳ-khưu?

Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng bằng gạch, nền móng bằng đá5 nên móng bằng gỗ. Các vi bị khó khăn trong khi bước lên. -Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. Nước trong hô trữ nước bị ôi. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ống dẫn nước, ống tháo nước. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ có ý định cho thực hiện phòng tắm hơi có mái vòm nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [thực hiện] phòng tắm hơi có mái vòm. 93. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi nhóm Lục Sư lìa xa tọa cụ trong bốn tháng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, không nên lìa xa tọa cụ trong bốn tháng; vị nào lìa xa thì phạm tội Dukkata. 94. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nằm trên những chỗ nằm có rải hoa. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy nên phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình Sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nen năm trên những chô năm có rải hoa; vị nào nam thì phạm tội Dukkata, Vào lúc bấy giờ, dân chúnệ đi đến tu viện, mang theo dầu thơm và vòng hoa. Các Tỳ-khưu trong khi ngân ngại không thọ lãnh. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sau khi nhận dầu thơm rồi thì in dấu năm ngón tay lên cửa, sau khi nhận hoa rồi thì đem đặt ở một góc ở trong trú xá. 95. Vào lúc bấy giờ, có tấm thảm len đã phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton.

v. CHƯƠNG CÁC TIỀU Sự < 729

-Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thảm len. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý như vầy: —Thảm len nên được chú nguyện đê dùng riêng hay là nên được chú nguyện để dùng chung? Này các Tỳ-khưu, thảm len không nên được chú nguyện để dùng riêng, không nên được chú nguyện để dùng chung. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư thọ thực [dựa vào] gối kê được rắc dầu thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vậyy Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên thọ thực [dựa vào] gối kê được rắc dầu thơm; vị nào thọ thực [như thế] thì phạm tội Dukkata. 96. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ bi bệnh. Vị ấy trong khi ăn? không thể kềm giữ bình bát bằng tay được. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giá đỡ bình bát. 97. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ăn chung trong một tô9 uống chung trong một cốc, nằm chung trên một giường, nằm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Dân chúng phàn nàn,

730 • TIỂU PHẨM

_ _ > Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điêu gì? -Này đạo hữu Vaddha, nếu ngươi chịu làm thì ngay trong ngày hôm nay, đức Thế Tôn có thể trục xuất Đại đức Dabba Mallaputtā. -Thưa các ngài Đại đức, tôi làm được điều gì? Tôi có thể làm điều gì? Này đạo hữu Vadặha, hãy đến. Ngươi hãy đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến hãy nói với đức Thế Tôn như vầy: "Bạch Ngài, điều này là không

-Này đạo hữu Vaddha, đúng

với hội chúng. Đại đức nào đồng ý việc mở bình bát đối với Vaddha Licchavī, [tức là] việc cùng thọ hưởng với hội chúng xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Bình bát đã được hội chúng mở ra đối với Vaddha Licchavī, [tức là] việc cùng thọ hưởng với hội chúng [đã được thực hiện]. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Tụng phẩm thứ nhì.

TỤNG PHẨM THỨBA 100. Sau đó, khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến xứ Bhaggâ. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến xứ Bhaggâ. Tại nơi đó, ở xứ Bhaggaṃ đức Thế Tôn ngự tại Surpsumãragira, trong khu rừng Bhesakalâ, nơi vườn Nai. Vào lúc bây giờ, lâu đài tên Kokanada của Vương tử Bodhi vừa mới được xây dựng không bao lâu, chưa có Sa-môn hoặc Bà-la-môn hay bất cứ người nào vào cư ngụ. Khi ấy, Vương tử Bodhi đã bảo chàng thanh niên, con trai bà Safljikā rằng: Này con trai củ:"ị?ựựũỵÀũ3ợVộảợựộ)ảịảằ:"":ợợộằ"ịựì"ởảũ"ự?NNũểảồũũợ ộệạó^NNũ

Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ây, chàng thanh niên, con trai bà Sañjikā, sau khi biêt được sự nhận lời của đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đưng dậy, đi đến gặp Vương tử Bodhi, sau khi đến đã nói với Vương tử Bodhi điều này: Thưa ngài, chúng tôi đã bạch đức Thế Tôn Gotama ấy với lời nói của ngài: "Vuông tử Bodhi xin đê đầu đảnh lễ Ngài Gotama và hỏi thăm [Ngài] về sự ít bệnh, ít dàu, trạng thái nhẹ nhàng, khỏe mạnh, sống thoải mái. Và nói như vầy: Xin Ngài Gotama cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa thọ trai vào ngày mai của Vương tử Bodhi.,, Và Sa-môn Gotama đã nhận lời. 101. Sau đó, khi trải qua đêm ấy Vương tử Bodhi đã cho chuẩn bi

103. Vào lúc bấy giờ, sau khi ngự tại xứ Bhaggā theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó, trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Khi ấy, Visākhā, mẹ của Migāra mang y r 7^ -t r theo cái chum, vật chà chân [băng đát nung] và cái choi, đã đi đên gặp đức Thê Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā, mẹ của Migāra đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn thọ nhận cái chum, vật chà chân [bằng đất nung], và cái chổi của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài. Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái chum và cái chổi. Đức Thế Tôn đã không thọ nhận vật chà chân [băng đát nung]. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā, mẹ của Migāra bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, Visākhā, mẹ của Migāra đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh

lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân Sự kiện áy đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái chum và cái chổi. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng vật chà chân [bằng đất nung]; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ba vật chà chân: Cát, sỏi và đá bọt biển. 104. Khi ấy, Visākhā, mẹ của Migâra mang theo cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn] đã đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Visākhā, mẹ của Migâra đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thê Tôn thọ nhận cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn] của con; việc ấy sẽ đem lại cho con sự lợi ích và an vui lâu dài. Đức Thế Tôn đã thọ nhận cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn]. Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho Visākhā, mẹ của Migâra bằng bài pháp thoại. Sau đó, Visākhā, mẹ của Migâra ...(nt).. hướng vai phải nhiễu quanh, roi ra đi. Sau đó, đức The Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái quạt [hình vuông] và cái quạt lá cọ [hình tròn]. 105. Vào lúc bây giờ, quạt đuôi muôi được phát sanh đên hội chúng. Các vị đa trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] quạt đuổi muỗi. Quạt đuôi bò rừng được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự 737

Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng quạt đuôi bò rừng; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ba loại quạt: Làm bang vỏ cây, làm bang loại rễ cây usīra, làm bang lông đuôi chim công. 106. Vào lúc bấy ô dù được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ô dù. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang ô dù đi lại đó đây. Vào lúc bây giờ, có nam cư sĩ nọ đã đi đên công viên cùng với nhiêu tín đô của đạo lõa thê. Các tín đồ của đạo lõa thể đã nhìn thấy từ đàng xa các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mang ô dù đang đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với nam cư sĩ ấy điều này: -Này ông, các bậc khả kính kia của ông mang ô dù đi đến kìa, giống như đám quan đại thần vậy. Này quý vi, các vị ây không phải là các Tỳ-khưu, là các du sĩ ngoại đạo. -Là các Tỳ-khưu? không phải là các Tỳ-khưu. Họ đã thực hiện việc cá độ. Sau đó, nam cư sĩ ây khi đi lại gân biêt được rõ ràng nên mới phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại mang ô dù đi đó day?99 Các Tỳ-khưu đã nghe được nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt).. có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng ô dù; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. 107. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị bệnh. Đối với vị ấy? không có ô dù, không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ô dù đối với Tỳ-khưu bị bệnh. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: UÔ dù đã được đức Thế Tôn cho phép đối với Tỳ-khưu bi bệnh, không cho đối với vị không bị bênh" rồi ngần ngại che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ

cận tu viện. Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu không bị bệnh che ô dù ở trong tu viện, ở vùng phụ cận tu viện. 108. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ buộc bình bát băng sợi dây thừng treo ở cây gậy, rồi đi ngang qua cổng của ngôi làng nọ vào lúc chiều tối. Dân chúng [bàn bạc rằng]: "Này các vị, gã trộm kia đang đi, gươm của gã lấp lánh kia”rồi đã đuổi theo, giữ lại, đến khi biết rõ, đã thả ra. Sau đó9 vị Tỳ-khưu ấy đã đi đen tu viện và ke lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu.

738 TIỂU PHẨM

—Này Đại đức, có phải Đại đức mang theo gậy và dây thừng? Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khmi nào ít ham muốn, tự biết dử, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích ằ22"n sự học tập, các v,

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự < 739

 Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ban cho sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng đến Tỳ-khiru bị bệnh. Và này các Tỳ-khưu, nên ban cho như vầy: Vi Tỳ- khưu bị bệnh ấy cần đi đến gặp hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu trưởng thượng, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, tôi bi bệnh, không có sợi dây thừng không thể mang bình bát. Bạch các ngài, tôi đây thỉnh cầu hội chúng sự đồng ý về [việc sử dụng] dây thừng.,, Nên thỉnh cầu đến làn thứ nhì. Nên thỉnh cầu đến lần thứ ba.

740 TIỂU PHẨM

Bạch các ngài, xin hội chúng

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự* 741

được rằng]: “Hành động này là của chính người đàn bà này, vi Tỳ-khiru

742 TIÊU PHẨM

nên tạo dáng lông ngực, không nên tạo dáng lông bụng, không nên làm đứng giống ngà voi, không nên nhổ [cạo] lông ở chỗ kín; vị nào nhổ [cạo] thì phạm tội Dukkata. 119. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở chỗ kín. Thuốc không thể bám vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhổ [cạo] lông ở chỗ kín do duyên cớ bệnh. 120. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo cắt tóc bằng kéo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giong như các kẻ tại gia hưởng dục vạy. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên bảo căt tóc băng kéo; vi nào bảo căt thì phạm tội Dukkata. 121. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bị vết thương ở trên đầu, không thể xuống tóc bằng dao cạo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bảo cắt tóc bằng kéo do duyên cớ bệnh. 122. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu để lông mũi dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giống như các kẻ thờ phụng quỷ thần vay." Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đê lông mũi dài; vị nào đê thì phạm tội Dukkata. 123. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu lấy lông mũi ra với mảnh sành hoặc bằng sáp ong. Hai lỗ mũi bị đau. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cái nhíp [nhổ lông]. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo nhổ tóc bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giong như các kẻ tại gia hưởng dục vRy.” Các vi đa trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên bảo nhổ tóc bạc; vị nào bảo nhổ thì phạm tội Dukkata. 124. Vào lúc bấy giờ, các lỗ tai của vị Tỳ-khưu nọ bi các ráy tai che bít. Các VỊ đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] đô lây ráy tai. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các đồ lấy ráy tai đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các đồ lấy ráy tai đủ loại; vi nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳkhưu, Ta cho phép làm bằng xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bang sậy, làm bang tre, làm bằng gỗ, làm băng nhựa cây, làm băng trái cây, làm băng đông, làm băng vỏ sò.

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự 743

125. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư tích trữ nhiều đồ vật làm băng đông thau và đô vật làm băng đông đỏ. Dân chúng trong khi dạo quanh tu viện nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại tích trữ nhiều đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ giống như nhà buôn bán đồ đồng vay?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức FT'I A FT1 Ạ The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên tích trữ đồ vật làm bằng đồng thau và đồ vật làm bằng đồng đỏ; vị nào tích trữ thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu ngân ngại [sử dụng] thuôc cao, que bôi thuôc cao, đồ lấy ráy tai và vật dùng làm cán [tay cầm]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thuốc cao, que bôi thuốc cao, đồ lấy ráy tai, vật dùng làm cán [tay cam]. 126. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư ngồi ôm đầu gối bằng y hai lớp. Các lớp vải của y hai lớp bị tơi tả. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên ngôi ôm đâu gói băng y hai lớp; vị nào ngôi thì phạm tội Dukkata, Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ bi bệnh. Không có vải băng bó, vi ây không được thoải mái. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] vải băng bó. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi y diều này: "Vải băng bó nên được làm ra như thế nao?99 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khung dệt, con thoi, sợi dệt, kim dệt và tất cả vật dụng liên quan đến việc dệt. 127. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ không buộc dây thắt lưng đã đi vào làng để khất thực, ở trên đường đi, y nội của vi ấy đã bị tuột xuống. Dân chúng đã kêu ồ lên. Vị Tỳ-khưu đã bi xấu hổ. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khxru đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, vị không buộc dây thắt lưng không nên đi vào làng; vị nào đi vào thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dây thắt lưng. 128. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư sử dụng các dây thắt lưng đủ loại: Loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các dây thắt lưng đủ loại: Loại do nhiều sợi bện lại, loại giống hình đầu

rắn nước, loại có bện cái trống nhỏ, loại

744 TIỂU PHẨM

giống như dây xích; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] hai loại dây thắt lưng: Loại bằng vải và cái ruột tượng. Các mép của dây that lưng bị sờn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] loại có bện cái trông nhỏ, loại giống như dây xích. Đâu chóp của dây that lưng bị sờn. - Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép khâu tròn [hai đầu chóp], thắt nút [hai đầu chóp]. Hai đầu chóp của dây thắt lưng đã khâu lại bị sờn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khóa thắt lưng. 129. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các khóa thắt lưng đủ loại làm băng vàng, làm băng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vi đã trình sự việc ấy _ 1 Ạ w_ _ Ạ rm ỉ len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các khóa thắt lưng đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép làm bang xương, làm bằng ngà răng, làm bằng sừng, làm bằng sậy, làm bằng tre, làm bằng gỗ, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò? làm bằng chỉ sợi. 130. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Ānanda đã đắp các y hai lớp mỏng nhẹ rồi đi vào làng đê khát thực. Do cơn gió xoáy, các y hai lớp đã bi tóc lên. Sau đó, Đại đức Ananda đã đi vê lại tu viện và kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đa trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hột nút, cái nơ buộc. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các hột nút đủ loại làm bằng vàng, làm bằng bạc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục V0' Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các hột nút đủ loại; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm bang xương, làm băng ngà răng, làm băng sừng, làm băng sậy, làm băng tre, làm băng gô, làm bằng nhựa cây, làm bằng trái cây, làm bằng đồng, làm bằng vỏ sò, làm bằng chỉ sợi. 131. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru cài hột nút, cài cái nơ buộc ở trên y. Y bi sờn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] hột nút hình dẹp, cái nơ buộc hình dẹp. Các vị cài hột nút hình dẹp, cài cái nơ buộc hình dẹp ở góc chéo [của y]; phần cuối [của y] bi mở ra. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

v. CHƯƠNG CÁC TIÊU sự 745

Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép cài hột nút hình dẹp ở góc chéo [của y]; cài cái nơ buộc hình dẹp sau khi lùi vào bảy lóng tay hoặc tám lóng tay. 132. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc vải lót trong của người tại gia: Loại quân như vòi voi, loại vát lên như đuôi cá, loại đê hở bôn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay.” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên mặc vải lót trong của người tại gia: Loại quấn như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc, loại vải có tua, loại vải thật dài; vi nào mặc thì phạm tội Dukkata. 133. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc váy. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Giống như phu mang vác của đức vua vay.” Các VỊ đa trình sự việc ay len đức The Ton. Này

các Tỳ-khưu, không nên mặc váy; vị nào mặc thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục V0' Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia; vị nào trùm thì phạm tội Dukkata. 134. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đeo túi quàng ở hai vai. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như phu mang vác của đức vua vậyy Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên đeo túi quàng ở hai vai; vị nào đeo thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép túi đeo một bên vai, túi hai người xách, vật đội trên đầu, vật mang ở vai, vật mang ở hông, túi xách. 135. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không nhai gỗ chà răng. Miệng trở nên có mùi hôi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng: Không có ích lợi cho mắt, miệng trở nên có mùi hôi, các vị giác không tinh tê, mật và đờm che lâp thức ăn, vị ây không hứng thú với thức ăn. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều bất lợi trong việc không nhai gỗ chà răng. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điêu lợi ích trong việc nhai gô chà răng: Có ích lợi cho mắt, miệng không có mùi hôi, các vị giác được tinh tế, mật và đờm không che lấp thức ăn5 vị ấy hứng thú với thức ăn. Này các Tỳ-khưu, đây là năm điều lợi ích trong việc nhai gỗ chà răng. 136. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nhai gô chà răng loại dài. Các vị còn đánh [gõ] các Sa-di bằng chính những cây gỗ ấy. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên nhai gỗ chà răng loại dài; vi nào nhai thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép gỗ chà răng dài tối đa tám

ngón tay và không nên đánh [gõ] Sa-di băng cây gô ây; vị nào đánh thì phạm tội Dukkata. 137. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ trong khi nhai cây gỗ chà răng quá ngắn nên bị vướng ở cổ họng. Các

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này những kẻ rồ dại kia, vì sao các ngươi lại nói như vầy: "Bạch Ngài, hãy đe chúng con hoán chuyển lời dạy của đức Phật sang dạng có niêm mát?" Này những kẻ rồ dại kia, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đôi [niêm tin] của một sô người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, không nên hoán chuyển lời dạy của chư Phật sang dạng có niêm luật; vị nào hoán chuyển thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ- khưu, Ta cho phép học tập lời dạy của đức Phật bằng tiếng địa phương của chính bản thân.5 141. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư học tập việc giải đoán diêm lành dữ. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các Tỳ-khưu đã nghe được những người dân ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đã trình sự việc ây lên đức A A The Ton. Này các Tỳ-khưu, kẻ chuyên chú trong việc giải đoán điềm

lành dữ có thể đạt được sự tiến triển, sự tăng trưởng, sự lớn mạnh trong Pháp và Luật này không? - Bạch Ngài, không có điều ấy. Hoặc vị chuyên chú trong Pháp và Luật này có thê học tập việc giải đoán điềm lành dư không? Bạch Ngài, không có điêu ây. Này các Tỳ-khiru? không nên học tập việc giải đoán điềm lành dữ; vị nào học tập thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dạy việc giải đoán điềm lành dữ. ...(nt).. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức ồũếêLảũìS?NNi 2óâ22sB222.ậ9é;22Tằ222á T Ế-ủeÀ2ii2àÎy2b222ÀØỉủ2òừừUừ

5 Saka nirutti'. Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: UỞ đây, 'saka niruttr nghĩa là sự giảng giải được nói ra bởi đấng Chánh Đẳng Giác, tức là sự phát biêu bằng"ngộn ngữ của xư Magadh^ (Sdd. 1214). Các nhà học gia trong thời hiện tại đã nêu ra tranh luận về van đề nay, biện luận rang từ sakāya còn có liên quan đến từ saka thân) ám chỉ ngôn ngữ địa phương của mỗi cá nhân, thay vì Sakyā (dòng dõi Thích-ca) ý nói đến ngôn ngữ cổ thời bay giơ theo như lời giải thích của ngài Buddhaghosa. Chúng tôi ghi lời Viết theo ý kiên của các học giả thơi sau này (ND).

nã

Này các Tỳ-khưu, không nên học tập kiên thức nhảm nhí; vi nào học tập thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu e nhóm A : kiên thức e nhảm * rSư dạy Lục e nhí. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vạy. Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên dạy kiến thức nhảm nhí; vị nào dạy thì phạm tội Dukkata. 142. Vào lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo, trong lúc đang giảng pháp đã hắt hơi. Các Tỳ-khưu đã gây nên âm thanh ồn, tiếng động lớn rằng: "Bạch Ngài, mong rằng đức Thế Tôn hãy sống, mong rằng đấng Thiện Thệ hãy song?9 Do âm thanh ấy, sự giảng pháp đã bi gián đoạn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu5 khi hat hơi mà được nói răng: "Mong răng người hãy s6ng", do duyên ấy có thể tiếp tục sống hay có thể chết đi? -Bạch Ngài, không có điêu áy. Này các Tỳ-khưu, khi [ai đó] hắt hơi không nên nói rằng: "Mong rằng người hãy s8ng." Vị nào nói thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, khi các Tỳ-khưu hat hơi, dân chúng nói răng: "Thua các ngài, mong răng các ngài hãy s6ng." Các Tỳ-khưu trong khi ngân ngại không đáp lại. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử khi được nói răng: 'Thưa ngài, mong răng ngài hãy song9 lại không đáp l&i?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, những người tại gia mong điều tốt lành. Này các Tỳ- khưu, khi được nói răng: \ mong răng "Thua ngài, r ngài hãy s6ng", Ta cho phép đáp lại người tại gia răng: "Mong răng người sông lâu." 143. Vào lúc

Vào lúc bấy giờ, Đại đức Sāriputta bi bệnh đau bụng gió. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đen gặp Đại đức Sāriputta, sau khi đen đã nói với Đại đức Sāriputta điều này: -Này Đại đức Sāriputta, trước đây khi bị bệnh đau bụng gió, Đại đức được thoải mái nhờ vật gì? Này Đại đức, đối với tôi nhờ tỏi. Các vị đã trình sự việc ấy

lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhai tỏi do duyên cớ bệnh. 144. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tiểu tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép tiểu tiện ở một góc. Tu viện trở nên có mùi hôi. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] lu nước tiểu. Các vị đi tiêu tiện, ngôi xuông một cách khó khăn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [thực hiện] bục tiểu tiện. Bục tiểu tiện ở nơi trống trải. Các Tỳ-khưu hổ thẹn khi tiểu tiện. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [bang] ba loại hàng rào: Hàng rào băng gạch, hàng rào băng đá, hàng rào băng gô. Lu nước tiểu không được đậy lại nên có mùi hôi. _ Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] năp đậy. 145. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đại tiện đó đây trong tu viện. Tu viện trở nên dơ bẩn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đại tiện ở một góc. Tu viện trở nên có mùi hôi. —Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] hố tiêu. Thành hô tiêu bị sụp xuồng. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép [xây dựng] ba loại nên móng: Nên móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ. Hố tiêu có nền thấp nên bị ngập nước. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao. Nên móng bị đô xuông. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nen móng bằng gạch, nền móng bằng đá, nền móng bằng gỗ. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, \ K • • bậc thang băng dá, bậc thang băng gô.

Các vị bi té trong khi bước lên [bậc thang].

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

Ngồi ở rìa mép, các vị bi té trong khi đại tiện.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải lót, làm cái lỗ ở giữa để đại tiện.

Các vi đi đại tiện, ngồi xuống một cách khó khăn.

Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép [thực hiện] bục đại tiện.

Các vị tiểu tiện ra ở bên ngoài.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] rãnh dẫn nước tiểu.

Gỗ chùi không có.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép

Nen móng bị đổ xuống. ...(nt).. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: ..(nt). Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [thực hiện] tay câm đê vịn. Nhà kho chứa đồ không có cửa. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua. Rác cỏ rơi ở nhà kho chứa đồ. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trăng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bang răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại. Căn phòng bi lầy lội. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát. Các vị không thành công. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiên. Nước còn đọng lại. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] rãnh

thoát nước. Lu nước rửa không có. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] lu nước rửa. Gáo múc nước để rửa không có. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] gáo múc nước để rửa. Các vị rửa, ngồi xuống một cách khó khăn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] bục ngồi rửa. Bục ngồi rửa ở nơi trống trải. Các Tỳ-khiru hổ thẹn khi rửa. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh [băng] ba loại hàng rào: Hàng rào băng gạch, hàng rào băng dá, hàng rào băng gô. Lu nước rửa không được đậy lại nên bị các rác cỏ, luôn cả các vật dơ rơi vào. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] nắp đậy.
147. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư cư xử hành vi sai trái, có hình thức như vây: Họ trông bông hoa hoặc bảo kẻ khác trông, họ tưới hoặc bảo kẻ khác tưới, họ hái hoặc bảo kẻ khác hái, họ kết lại hoặc bảo kẻ khác kết lại, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa két một mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm tràng hoa kết hai mặt, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm thảm hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đội đau, họ

làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa đeo tai, họ làm hoặc bảo kẻ khác làm vòng hoa che ngực. Họ đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết một mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng tràng hoa kết hai mặt, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng thảm hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tăng vòng hoa, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đội đau, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa đeo tai, đem tặng hoặc bảo kẻ khác đem tặng vòng hoa che ngực cho những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình. Họ cùng với những nữ gia chủ, các cô tiểu thơ, những cô gái trẻ, các cô dâu, những cô tớ gái của các gia đình ăn chung trong một đĩa, uống chung trong một CÓC, ngôi chung trên một chô ngôi, năm chung trên một giường, năm chung một tấm trải, nằm chung một tấm đắp, nằm chung một tấm trải và tấm đắp. Họ ăn sái giờ, họ uống rượu, họ đeo dây chuyền, xức nước hoa và phấn thơm. Họ nhảy múa, họ ca hát, họ tấu dàn, họ vui đùa. Họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang nhảy múa, ca hát cung với người nữ đang nhảy múa, tấu đàn cùng với người nữ đang nhảy múa, vui đùa cùng với người nữ đang nhảy múa; họ lại còn nhảy múa,... ca hát,... tấu đàn,... vui đùa cùng với người nữ đang ca hát; họ lại còn nhảy múa,... ca hát,... tâu đàn,... vui đùa cùng với người nữ đang tâu đàn; họ lại còn nhảy múa cùng với người nữ đang vui đùa, ca hát cung với người nữ đang vui đùa, tấu đàn cùng với người nữ đang vui đùa, vui đùa cùng với người nữ đang vui đùa. Họ còn tiêu khiển cờ tám ô vuông, cờ mười ô vuông, họ chơi với bàn cờ tưởng tượng ở trên không, họ chơi lối sắp vòng tròn, họ chơi lối rút quân cờ, họ chơi ném xúc xắc, họ chơi đánh gậy, họ chơi trò vẽ bằng tay, họ chơi trò sấp ngửa, họ chơi trò thổi kèn bằng lá cây, họ chơi trò uốn dẻo, họ chơi trò nhào lộn, họ chơi trò dùng lá cọ giả làm coi xay gió, họ chơi trò đo lường, họ chơi trò đua xe, họ thi ban cung, họ chơi trò đo chữ, họ chơi trò đoán ý, họ chơi trò nhái điệu bộ, họ tập cỡi voi, họ tập cỡi ngựa, họ tập điều khiển xe, họ tập ban cung, họ tập đao kiếm, họ chạy phía trước voi, họ chạy phía trước ngựa, họ chạy đi chạy lại phía trước xe; họ huýt sáo, họ vỗ tay, họ vật lộn, họ đánh nhau bằng các năm tay. Họ trải y ca-sa hai lớp ở giữa nhà roi mời cô vũ nữ răng: "Này cô em, hãy nhảy ở đây nay9\ họ còn vỗ tay tán thưởng. Họ cư xử hành vi sai trái theo

nhiều cách. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu5 không nên cư xử hành vi sai trái theo nhiều cách; vị nào cư xử thì nên được hành xử theo pháp. 148. Vào lúc bấy giờ, khi Đại đức Uruvelakassapa xuất gia, nhiều đồ vật băng kim loại, đô vật băng gô, đô vật băng gôm sứ được phát sanh đên hội chúng. IGii ấy, các Ty-khxra đã khởi ý rằng: "Đồ vật bằng kim loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật bằng gỗ nào

đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép? Đồ vật bằng gốm sứ nào đã được đức Thế Tôn cho phép, đồ vật nào không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả đồ vật bằng kim loại, ngoại trừ vũ khí; tất cả đồ vật bằng gỗ, ngoại trừ ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, bình bát băng gô, giày dép băng gô; tát cả đô vật băng gôm sứ, ngoại trừ đô chà chân và loại lu lớn. Chương "Các tiểu sụ*" ỉa thứ năm.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. ở thân cây, ở cột trụ và ở tường nhà, ở tấm ván xẻ, với cây kỳ cọ và chuỗi hột, cọ xát [thân thể lẫn nhau], cây chà lưng, bệnh ghẻ và vị già cả, [dùng] bàn tay như thường lệ. 2. Không nên mang ngay cả hoa tai, hoa dạng chuỗi, dây chuỗi ở cổ, ở hông, vòng, vòng ở ngực, đồ trang sức ở tay và nhẫn. 3. [về tóc] dài, lược chải, vật hình mang rắn, bàn tay [xòe ra], [thoa] sáp ong, dầu nước, gương soi và chậu nước, dầu [thoa], việc xoa bóp và thoa phấn. 4. Các vị tô điểm, việc vẽ màu ở thân hình và tô màu ở mặt, rồi cả hai việc, bệnh ở mắt và ở trên đỉnh núi, sự [ngâm nga] kéo dài, âm điệu, [áo khoác] ở bên ngoài. 5. Xoài miếng, với các trái còn nguyên, con rắn, vị đã cắt đứt và khúc gỗ trầm hương, các bình bát đủ loại, phần đáy bình bát, bằng vàng, bi dày cộm, bị lỏng chỏng. 6. Có màu sặc sỡ, bi hư hỏng, có mùi hôi, ở chỗ nắng, chúng đã bị vỡ, ở băng ghê, giường đúc, [tâm lót] cỏ, miêng vải, bục nên xung quanh và ở giỏ mây, túi đựng, dây mang vai, tương tợ như thê vê dây đeo băng chỉ két lại. 7. ở chốt đinh và ở giường, ở ghế, ở bắp vế, ở cái dù, việc mở cửa, bầu đựng nước, cái hũ, cái sọ từ thây người, các đo thừa thãi, vật chứa. 8. Vị đã xé [băng tay], dao có cán, băng vàng, lông [gà], lạt tre và ông đựng kim khâu, bột gây men, bột lúa mạch, bột dá, mật và sáp ong, nhựa cây. 9. Không vuông vức, đã buộc vào, chỗ không bằng phẳng, ở trên mặt đất, bi sờn, và không đạt kích thước, việc đo đạc và đường chỉ may tạm, chân chưa rửa, đẫm nước, mang giày dép. 10. Các ngón tay, đồ bao ngón tay, thùng chứa đồ, các dây mang vai, ở ngoài trời, nen thấp và luôn cả nen móng, các vị bi khó khăn. 11. Vi bị té, rác cỏ, việc tô vữa trong và ngoài, màu trắng, việc sơn màu đen và việc chuẩn bị màu đỏ.

12. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng, sào máng y và dây treo y, vi Lãnh Đạo đã cho phép. 13. Sau khi bỏ bê, các vị ra đi, bị gặm nhâm, bị rời ra, bị bung ra, ngay cả ở trên tường, mang theo bằng bình bát, roi ra đi. 14. Túi đựng và dây mang bằng chỉ kết lại, sau khi buộc đôi dép [ở

hông], và cái túi đựng dép, dây vải mang vai là chỉ kết lại. 15. Nước uống chưa được làm thành đúng phép, ở trên đường, đồ lược nước, miếng vải lược, đồ lọc nước thông thường, hai vị Tỳ-khưu, vị Hiền Sĩ đã đi đến Vesālī. 16. ở tại nơi ấy, Ngài đã cho phép đồ lọc có hai lớp, bể lọc nước, đồ lược nước, bởi các con muỗi, với thức ăn hảo hạng, nhiều chứng bệnh và thầy thuốc Jīvaka. 17. Đường kinh hành, nhà tắm hơi, ở nơi không bằng phẳng, các nền bị thấp, ba loại nền móng, các vị gặp khó khăn, bậc thang và tay cầm, lan can. 18. ở ngoài trời, rác cỏ, việc tô vữa trong và ngoài, màu trắng, việc sơn màu đen, và việc chuẩn bị màu đỏ. 19. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng, sào máng y và dây treo y, và các vi làm nền cao. 20. Ba loại bậc thang và tay cầm, cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nam và chốt gài. 21. Đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây và sợi dây. Mô tròn và ống thông khói, ở giữa và đất sét đắp ở mặt. 22. Máng đựng đất sét, có mùi hôi, bị phỏng, vại chứa nước, gáo múc nước, làm ra mồ hôi, [nền] bi lầy lội, đã rửa sạch, rãnh thoát nước. 23. Ghê ngôi, ở nhà kho, công việc làm, cát và đá phiên, rãnh thoát nước, các vị ở trần, ở nền đất, trời đang mưa, ba loại tấm choàng tại nơi ấy. 24. Giêng nước và bi sụp đô, băng dây rừng, sợi dây that lưng, cân giọt, cân trục quay, ròng rọc, nhiều gàu múc bi be. 25. [Gàu] bằng thiếc, bằng gỗ, bằng da thuộc, gian nhà, rác cỏ và nắp đậy, máng chứa nước, hồ tắm, hàng rào, bị lầy lội và bằng rãnh thoát nước. 26. Việc bị lạnh, hồ trữ nước và nước bị ôi, mái vòng cung, bốn tháng và các vị nằm, tấm thảm len, không nên chú nguyện để dùng riêng. 27. Được rắc dầu thơm, giá đỡ bình bát, các vị ăn chung trong một [tô], đã nằm chung, chuyện Vaddha, chuyện Bodhi, Ngài đã không bước lên, cái chum, vật chà chân [bằng đất nung], cái chổi. 28. Cát, sỏi và đá bọt biên là vật chà chân, cái quạt [hình vuông], cái quạt lá cọ? quạt đuổi muỗi và luôn cả quạt đuôi bò.

v. CHƯƠNG CÁC TIỂU Sự 755

29. Ô dù và không có, ở trong tu viện, ba sự đồng ý về sợi dây, tật nhai lại, cơm rơi, các móng dài, các vị cắt, các ngón tay bi đau. 30. Có bị chảy máu và cat sát [phân thịt], hai mươi [ngón], việc đê tóc dài, dao cạo, đá mài, bao đựng, miếng vải len, vật dụng để cạo. 31. Các vị tỉa râu, các vi đê râu, râu dưới căm, râu hình vuông, lông ngực, lông bụng, giống ngà voi, các vị nho [cạo] lông. 32. Các chứng bệnh, cái kéo, vết thương, [lông mũi] dài và bằng mảnh sành, tóc bạc, bị bít kín [lô tai], đủ các loại, vật băng đông thau và thuôc cao. 33. Ngồi ôm đầu gối và vải băng bó? sợi dệt, kim dệt, dây thắt lưng, loại do nhiêu sợi bện lại, loại giông hình đâu răn nước, loại có bện cái trông nhỏ, loại giống như dây xích. 34. Loại bằng vải và loại hai đầu được thắt lại, các mép [bị sờn], loại có bện cái trống nhỏ, loại giống như dây xích, đầu chóp, khâu tròn và còn thắt nút nữa, đau chóp đã khâu lại bị sờn. 35. về khóa thắt lưng, hột nút, cái nơ buộc, loại có loại hình dẹp ở góc chéo [của y] và nên lùi vào, vải lót trong của người tại gia: Loại quấn như vòi voi, loại vắt lên như đuôi cá, loại để hở bốn góc. 36. Loại vải có tua, loại vải thật dài, cái váy, trùm loại vải choàng bên ngoài của người tại gia, không nên đeo túi quàng ở hai vai, gỗ chà răng, việc đánh [gõ bang gỗ chà răng]. 37. Bị vướng ở cổ họng và đám lửa lớn, ngọn lửa nghịch chiều, [trèo] cây, bởi con voi, vi YameỊu, việc giải đoán điềm lành dữ, các vị đã học, các vị đã dạy lại. 38. Kiến thức nhảm nhí, việc dạy, Ngài đã hắt

hơi, điều tốt lành và [nhai] tỏi, bệnh gió, trở nên dơ bẩn và có mùi hôi, khó khăn, bục [tiểu tiện]. 39. Các vị hổ thẹn, không được đậy, có mùi hôi và các vị đại tiện đó đây, có mùi hôi, hô tiêu, bi sụp xuông, nên cao và các loại nên móng. 40. Bậc thang, tay cầm để vịn, ở rìa mép, bi khó khăn và bục đại tiện, [tiểu] ra ngoài, khe rãnh và gỗ chùi, thùng chứa và không được đậy lại. 41. Nhà tiêu, cánh cửa, luôn cả trụ cửa, rãnh xoay và chốt xoay, tay nắm và chốt gài. 42. Đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, luôn cả lỗ để xỏ dây, dây thừng, việc trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng và màu đen. 43. Việc trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y và dây treo, vi già yếu, hàng rào. 44. Và vê căn phòng ở ngay tại nơi ây nữa, việc rải cát, các đá phiên, bị đọng nước, rãnh thoát nước, luôn cả lu nước và gáo múc.

45. Bị khó khăn, hô thẹn, các năp đậy, các vi đã cư xử hành vi sai trái, Ngài đã cho phép đồ vật bằng kim loại ngoại trừ vũ khí. 46 Ngoại trừ ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, bình bát bằng gỗ và giày dép [bằng gỗ], bậc Đại Hiền Sĩ đã cho phép tất cả các đồ vật làm bằng gỗ. 47. Ngoại trừ đồ chà chân và loại lu lớn, đức Như Lai, đấng Bi Mần cũng đã cho phép tất cả đồ vật bằng gốm sứ. 48. Đối với sự việc nào, sự chỉ dẫn là tương tợ với sự việc trước và đã được tóm tắt ở trong phần tóm lược, sự việc ấy nên biết đến theo phương thức hướng dẫn. 49. Như vậy, một trăm mười sự việc ở trong phần các tiểu sự thuộc tạng Luật là sự trợ giúp cho các vị hiền thiện trong việc duy trì Chánh pháp. 50. Vị rành rẽ về luật đã được học tập khéo léo, có tâm tốt lành, vô cùng hiền thiện, làm công việc giảng giải, thông minh, nghe nhiều, là vị xứng đáng việc cúng dường. Dứt phần tóm lược. —ooOoo-

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA1

1 Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeḶuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Vào lúc bây giờ, chô trú ngụ chưa được đức Thê Tôn quy định cho các Tỳ-khiru. Và các Tỳ-khưu ấy cư ngụ ở nơi này nơi khác, ở trong rừng rậm, ở gốc cây, nơi sườn núi, nơi thung lũng, trong hang núi, nơi bãi tha ma, trong khu rừng thưa, nơi đồng trống, ở đống rơm. Các vị ấy, vào lúc sáng sớm, đã đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ gốc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thưa, từ đồng trống, từ đống rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi [tay chân], với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi. 2. Vào lúc bấy giờ, có nhà đại phú ở thành Rājagaha đã đi đến công viên vào lúc sáng sớm. Nhà đại phú thành Rājagaha đã nhìn thấy các vị Tỳ-khưu ây vào lúc sáng sớm, đang đi ra từ nơi này nơi khác, từ trong rừng rậm, từ góc cây, từ sườn núi, từ thung lũng, từ trong hang núi, từ bãi tha ma, từ khu rừng thua, từ đông trông, từ đông rơm với nét tươi tỉnh khi đi tới đi lui, khi nhìn qua nhìn lại, khi co duỗi [tay chân], với đôi mắt nhìn xuống, được thành tựu về các oai nghi. Sau khi nhìn thấy, tâm của vị ấy đã ngưỡng mộ. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đen gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đen đã nói với các vị Tỳ-khưu ấy điều này: -Thưa các ngài, nếu tôi có thể cho xây dựng các trú xá, các ngài có thể cư ngụ trong các trú xá của tôi không? 3. Này gia

chủ, các trú xá chưa được đức Thế Tôn cho phép. Thưa các ngài, chính vì điều ấy các ngài có thể hỏi đức Thế Tôn rồi báo cho tôi hay. Này gia chủ, đúng vậy. Rồi các vi Tỳ-khưu ấy nghe theo nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thê Tôn, sau khi đên đã đanh le đức The Ton roi ngôi xuong mọt ben. Khi đã ngồi xuống một bên, các vị Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này:

1 Sàng tọa (senāsana)'.f Theo Sumañgalavilāsinī (Chủ giải Kinh Trường bộ), senāsana được phân làm bốn loại: Loại thứ nhất vihāra-senasana gồm co năm loại chỗ trú ngụ là trú xá (yihāram), nhà một mái (addhayogam), tòa nhà dài (pāsādam), khụ nhà lớn (hammiyarn), hang động (guhani)\ loại thứ nhì mañcapītha-senāsana là giường ghế, nệm, gối; loại thư ba sānthata-senasana la các loại thảm; loại thứ tư okāsa-senāsanaầược giải thích là nơi mà vị Tỳ"khưu sẽ trở lại (DA. I. 208-10). Chúng tôi sẽ ghi nghĩa tiếng Việt là 4tchỗ trú ngụ,, cho loại thứ nhất, vihārasenāsana, và sẽ giữ nguyên từ 4tsàng tga" cho loại thứ hai, mañcapīthasenāsana.

Bạch Ngài, nhà đại phú ở thành Rājagaha có ý muốn cho xây dựng các trú xá. Bạch Ngài, vậy nên được thực hành như the nào? Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm loại chỗ trú ngụ là tru xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn, hang động. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: Này gia chủ, các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép, giờ đây gia chủ hãy biết về thời điểm của việc ấy. Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho dựng lên sáu mươi trú xá chỉ trong một ngày. 4. Sau đó, khi đã hoàn tất sáu mươi trú xá ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngôi xuồng một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khmi nhận lời bữa trai phạn của tôi vào ngày mai. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã bảo chuẩn bị thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: -Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát và đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mem. Đên khi đức Thê Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, nhà đại phú thành Rājagaha đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với đức Thế Tôn điều này: -Bạch Ngài, sáu mươi trú xá này đã được tôi cho xây dựng vì mục đích phước báu, vì mục đích cõi trời. Bạch Ngài, tôi nên thực hành như thế nào về những trú xá này? Này gia chủ, chính vì điêu ây ngươi hãy cho thiêt lập sáu mươi trú xá ây dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vi lai.2 -Bạch Ngài, xin vâng.

2 Āgatānāgata = āgatā + anāgatā', đã đi đến và chưa đi đến, được dịch thoát nghĩa là hiện tại và vị lai (ND).

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 759

Rồi nhà đại phú thành Rājagaha nghe theo đức Thế Tôn, đã thiết lập sáu mươi tru xá ấy dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai. 5. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ với nhà đại phú thành Rājagaha bằng những lời kệ này: "Trú xá ngăn ngừa sự nóng, sự lạnh và hơn thê nữa, các loài thú dữ, các loài rắn, các muỗi mòng và luôn cả các cơn mưa lạnh. Từ nơi ấy, cơn gió n6ng dữ dội đã sanh lên bị dội lại. Với mục đích về sự nương náu, với mục đích ve sự lạc, để thiền định và để hành minh sát. Sự bố thí tru xá đến hội chúng đã được đức Phật ngợi khen là tối thắng. Vì thế người sáng trí, trong khi nhìn thấy lợi ích cho mình ... ... nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy. [Nên Cling dường] cơm, nước, vải vóc và chỗ nằm, ngồi đến các vị ấy. Với tâm ý trong sạch, nên cúng dường ở các bậc có bản chất ngay thẳng. Các vị ấy thuyết pháp đến người [thí chủ] ấy, là pháp có sự xua tan tất cả khổ đau. Sau khi biết được pháp ấy, người [thí chửi ấy, trong đời này chứng ngộ Niet-ban, khongconlL g 8

Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ đen nhà đại phú thành Rājagaha bang những lơi kê áy, đức The Ton đã tư cho ngoi đứng dậy va ra đi. 6. Dân chúng đã nghe rằng: "Nghe nói các trú xá đã được đức Thế Tôn cho phép" rồi cho xây dựng các trú xá một cách tươm tất. Các trú xá ấy không có cửa nên các con rắn, các con bọ cạp và các con rết bò vào. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] cánh cửa. Sau khi đục lô ở tường, họ đã buộc cánh cửa băng dây leo và dây thừng. Các con chuột và các con mối đã gặm nhấm [dây buộc]. Các cánh cửa có dây buộc đã bị gặm nhấm rơi xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] trụ cửa, rãnh xoay và chốt xoay. Các cánh cửa không được sát vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. 9 y

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] dây thừng đê luôn qua. Các cánh cửa không được đóng kín. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không thể khóa cửa được. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] lỗ khóa. Có ba loại khóa: Khóa bằng đồng, khóa bằng gỗ, khóa bằng sừng.

760 TIỂU PHẨM _____

[Khi] các vị tháo chốt và đi vào trong, các trú xá không được an toàn. Các VỊ đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] then cài, đinh khóa chốt. 7. Vào lúc bấy giờ, các trú xá có mái lợp cỏ nên lạnh lẽo vào mùa lạnh, nóng nực vào mùa nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép che kín mái rồi trét vữa bên trên và bên dưới. 8. Vào lúc bây giờ, các tru xá không có cửa sô nên không tót cho mát và có mui hoi. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại cửa sổ: Cửa sổ chấn song ngang, cửa sổ gắn

lưới, cửa sổ chấn song dọc. Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở ở cửa sổ. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [làm] màn che cửa sổ. Các con sóc và dơi đi vào do các khe hở của màn che. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [làm] cánh cửa sổ, tấm chắn cửa sổ. 9. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nằm ở nền đất. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các T?-khưu, Ta cho phép [sử dụng] thảm trải bằng cỏ. Thảm trải băng cỏ bị các con chuột và môi ăn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường đúc. Nằm trên giường đúc, cơ thể bị ê ẩm. ...(nt) -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường vạc tre. 10. Vào lúc bấy giờ, giường lắp ráp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường lắp ráp. Ghế lắp ráp được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. r Z

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghê lap ráp. Vào lúc bấy giờ, giường xếp dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tồn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường xếp. Ghế xếp được phát sanh. ...(nt). Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép [sử dụng] ghế xếp. Vào lúc bấy giờ, giường có chân đẽo cong dùng để khiêng xác chết được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường có chân đẽo cong.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 761

Ghế CÓ chân đẽo cong được phát sanh. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có chân đẽo cong. Vào lúc bấy ệiờ, giường có chân tháo rời được dùng để khiêng xác chết được phát sanh đên hội chúng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] giường có chân tháo rời được. Ghê có chân tháo rời được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ây lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có chân tháo rời được. 11. Vào lúc bấy giờ, ghế gỗ vuông được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế gỗ vuông. Ghế gỗ vuông loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức A HP The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] luôn cả ghế vuông loại cao. Ghế dựa dài được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế dựa dài. Ghế dựa dài loại cao được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] luôn cả ghế dựa dài loại cao. Ghê làm băng các thanh ráp lại được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [sử dụng] ghế làm bằng các thanh ráp lại. Ghế lót vải được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế lót vải. Ghê có chô gác chân được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Á r-pì Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có chỗ gác chân. Ghê có nhiêu chân được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ây lên đức rpi Á rp The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế có nhiều chân. Tấm ván được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm ván.

Ghế mây được phát sanh. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ghế mây. Ghế lót rơm được phát sanh. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] ghế lót rơm.

762 TIẾU PHẨM

12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khtru nhóm Lục Sư nằm ở giường cao. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các tru xá nhìn thấy rồi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vi đã trình sự việc ấy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên năm giường cao; vị nào năm thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ trong khi năm ở giường tháp đã bị răn cắn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. _ Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] khung giường. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng khung giường loại cao. Các vị đu đưa với các khung giường loại cao. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng khung giường loại cao; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khung giường cao tối đa tám ngón tay. 13. Vào lúc bấy giờ, chỉ sợi được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đan chỉ ở giường. Các góc tốn nhiều chỉ. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xuyên lỗ ở các thanh và đan thành ô vuông. Mảnh vải được phát sanh. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng làm thảm lót nền. Bông gòn được phát sanh. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tháo ra dùng làm gối. Có ba loại bông gòn: Bông gòn từ cây, bông gòn từ dây leo, bông gòn từ cỏ. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư sử dụng các ệối dài nửa thân người. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thấy roi phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các kẻ tại gia hưởng dục vay." Các vi đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên sử dụng các gối dài nửa thân người; vi nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện gối có kích thước của cái đầu. 14. Vào lúc bấy giờ, có lễ hội trên đỉnh núi ở thành Rājagaha. Dân chúng chuẩn bi các loại nệm đe phục vụ các quan đại than là nệm len, nệm vải. nệm sợi Vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá. Khi lễ hội đã xong, họ tháo lấy các bao nệm rồi đem đi. Các Tỳ-khưu đã nhìn thấy tại chỗ lễ hội nhiều sợi len, sợi vải, sợi từ vỏ cây, cỏ và lá bị quăng bỏ, sau khi nhìn thấy, các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ~khưu? Ta cho phép năm loại nệm: Nệm len, nệm vải, nệm sợi vỏ cây, nệm cỏ, nệm lá.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 763

Vào lúc bấy giờ, vải phụ tùng của giường, ghế được phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] để bọc nệm. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trải nệm của giường ở ghế, trải nệm của ghế ở giường. Các nệm bị tơi tả. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép giường được bọc nệm, ghế được bọc nệm. Các vị trải lên nhưng không làm tấm lót nên đã bị rơi ra từ bên dưới. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm tấm lót [bên dưới], trải đều ra, rồi bọc nệm. Họ tháo bao nệm rồi lấy [bao nệm] đem di. ...(nt). Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép bôi màu [bao nệm]. Họ vẫn lấy đem đi. ,..(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc thực hiện các đường vẽ [ở bao nệm]. Họ vẫn

lấy đem di...(nt) Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép các đường vẽ bằng bàn tay [ở bao nệm]. 15. Vào lúc bấy giờ, các chỗ nằm của các ngoại đạo có màu trắng, nền được làm màu đen, tường được trét màu đỏ. số đông dân chúng đi đến để ngắm các chỗ nằm. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. r Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sơn] màu trăng, màu đen, trét màu đỏ ở trú xá. Vào lúc bấy giờ, màu uắng không bám được ở tường bị lồi lõm. Các vi đã trinh sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép để nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên. Màu trắng không dính chặt vào. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép để đất sét dẻo vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu trắng lên. Màu trắng không dính chặt vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng nhựa cây, bột nghiền. Vào lúc bấy giờ, màu đỏ không bám được ở tường bị lồi lõm. Các vị đã trình sự việc ay lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đê năm vỏ trâu vào, dùng cái bay gạt băng, rồi bôi màu đỏ lên. Màu đỏ không dính chặt vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép dùng đất sét trộn với cám đỏ? dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đỏ lên.

Màu đỏ không dính chặt vào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép dùng bột trái mù tạt, dầu sáp ong. [Chất ấy] bị đóng thành từng cục. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chùi đi bằng miếng giẻ. 16. Vào lúc bây giờ, màu đen không bám được ở nên đát bị lôi lõm. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép để nắm vỏ trấu vào, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên. Màu đen không dính chặt vào. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép thêm vào phân trùn và đất sét, dùng cái bay gạt bằng, rồi bôi màu đen lên. Màu đen không dính chặt vào. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dùng nhựa cây, chất làm đông. 17. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở tru xá: Hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam. Dân chúng trong khi đi dạo quanh các trú xá nhìn thây roi phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các kẻ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên bảo thực hiện hình ảnh gợi cảm ở trú xá: Hình ảnh người nữ, hình ảnh người nam; vị nào bảo thực hiện thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại. 18. Vào lúc bây giờ, các trú xá có nên tháp nên bị ngập nước. Các vi đã trình Sự việc áy len đức The Ton. M Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nên cao. Nên móng bị đô xuồng. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng 1 , y a] r A băng gạch, nên móng băng đá? nên móng băng gô. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang băng dá, bậc thang băng gô. Các vi bị té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn. 19. Vào lúc bấy giờ, các trú xá trở nên đông đảo người. Các Tỳ-khưu ái ngại khi nằm xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] màn che. Họ vén màn che lên nhìn vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] bức tường thấp.

r Họ nhìn vào từ phía trên của bức tường tháp. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] ba loại phòng: Phòng vuông, phòng chữ nhật, phòng ở trên gác xép. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu làm phòng ở chính giữa trong tru xá nhỏ. Khu Vực xung quanh không có. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép [thực hiện] phòng ở một bên trong trú xá nhỏ, ở chính giữa trong trú xá lớn. 20. Vào lúc bấy giờ, chân tường của trú xá bị hư hỏng. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cây gỗ áp vào. Tường của trú xá bị thấm nước mua. ...(nt) Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm chắn bảo vệ5 vữa hồ.3 Vào lúc bây giờ, răn từ mái cỏ rơi xuông trên vai của vị Tỳ-khưu nọ. Bị hoảng sợ, vị ấy đã kêu thét lên. Các Tỳ-khưu đã chạy lại và nói với vị Tỳ-khưu M wÀ \ • ây điêu này: Này Đại đức, vì sao Đại đức đã kêu thét lên vậy? Khi ấy, vị Tỳ-khiru ấy đã kể lại cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] vòm che ở mái. 21. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu treo các túi ở chân giường và ở cả chân ghế nữa. Chúng đã bị các con chuột và mối ăn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] chót đinh ở tường, móc ngà voi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu để y ở trên giường và ở cả trên ghế nữa. Y bị tả tơi [thành từng mảnh]. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [thực hiện] sào máng y, dây treo y ở trú xá. Vào lúc bấy giờ, các trú xá không có các mái hiên nên không che chắn [ánh nắng] được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] mái hiên, sân có mái che, sân ở phía trong, hàng hiên có mái che. Các mái hiên trở thành nơi công cộng. Các Tỳ-khưu ái ngại khi nằm xuống. ..(nt). Này các Ty.khưu, Ta cho phép [thực hiện] màn che di chuyển bằng bánh xe, màn che loại kéo lên.

3 Vữa hồ (ụddasudham)'. Ngài Buddhaghosa giải thích là vữa hồ được làm bằng đất sét trộn với tro và phân bò ậìnA. VI. 1219).

22. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu trong khi tiến hành việc phân phối bữa ăn ở ngoài trời bi mệt mỏi vì lạnh, vì nóng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức nn-t Ẵ rrn _ The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] phòng hội họp. Phòng hội họp có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nên cao. Nen móng bị đổ xuống. ...(nt). Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng bằng gạch, nền móng bằng dá, nền móng bằng gỗ. Các vị bi khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng dá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bi té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt). Này các Tỳ-khiru? Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn. Rác cỏ rơi vào trong phòng hội họp. ...(nt). Này các Tỳ-khuru, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru phơi y trên nền đất ở ngoài trời. Y bị dơ bẩn. ..(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] sào máng y, dây treo y ở ngoài trời.

Nước uống bị nắng sưởi ấm. (nt) Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] nhà nước uống, mái che chỗ nước uống. Nhà nước uống có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép làm nên cao. Nên móng bị đô xuồng. ...(nt). Này các Tỳ-khtru, Ta cho phép xây dựng ba loại nên móng: Nên móng băng gạch, nên móng băng đá, nên móng băng gô. Các vị bị khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang bằng đá, bậc thang bằng gỗ. Các vị bị té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA * 767

Rác cỏ rơi vào trong nhà nước uông. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bằng răng cá kiêm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. Tô uống nước không có. ...(nt). Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép [sử dụng] vỏ sò đê uông nước, cóc đê uống nước. 23. Vào lúc bấy giờ, các tru xá không được rào lại. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rào quanh ba loại hàng rào: Hàng rào bằng gạch, hàng rào bằng đá và hàng rào băng gỗ. Công ra vào không c6...(nt). -Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép cổng ra vào. Cổng ra vào có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép làm nền cao. Cổng ra vào không có cửa. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chốt xoay, tay nắm, chốt gài, đinh khóa chốt, chốt cửa, lỗ khóa, lỗ để xỏ dây, dây thừng để luồn qua. Rác cỏ rơi ở cổng ra vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chốt treo bang răng cá kiếm, vải trang hoàng năm loại. 24. Vào lúc bấy giờ, căn phòng bi lầy lội. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát. Các vị làm không có kết quả. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiên. Nước còn đọng lại. ,..(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [đào] rãnh thoát nước. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu thực hiện chỗ đốt lửa ở nơi này nơi nọ trong căn phòng. Căn phòng bi rác bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] nhà để đốt lửa ở một góc. Nhà để đốt lửa có nền thấp nên bị ngập nước. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nền cao. Nên móng bi đô xuông. ...(nt). Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép xây dựng ba loại nền móng: Nen móng bằng gạch, nền móng bằng dá, nên móng bằng gỗ.

768 TIỂU PHẨM

Các vi bi khó khăn trong khi bước lên. ...(nt). Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép ba loại bậc thang: Bậc thang bằng gạch, bậc thang băng đá, bậc thang băng gô. Các vi bi té trong khi bước lên [bậc thang]. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] tay cầm để vịn. Nhà để đốt lửa không có cửa. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [thực hiện] cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay, chót xoay, tay năm, chót gài, đinh khóa chót, chót cửa, lô khóa, lô đê xỏ dây, dây thừng để luồn qua. 9 r

Rác cỏ rơi vào trong nhà đê đót lửa. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chót treo băng răng cá kiêm, vải trang hoàng năm loại, sào máng y, dây treo y. 25. Vào lúc bấy giờ, tu viện không được rào lại. Các con dê và các con thú nhỏ phá hoại các cây trồng. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép bao bọc quanh bằng ba loại rào ngăn: Rào ngăn bang tre, rào ngăn bang cây gai và hào rãnh. Công ra vào không có. Tương tợ y như thê, các con dê và các con thú nhỏ phá hoại các cây trồng. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cổng ra vào, hai cánh cửa gắn nhánh cây có gai, vòm cổng và móc khóa. Rác cỏ rơi ở cổng ra vào. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm nẹp cây rồi trét vữa bên trên và bên dưới, việc sơn màu trắng, sơn màu đen, trét màu đỏ, trang hoàng hình vòng hoa, trang hoàng hình tua, chót treo băng răng cá kiêm, vải trang hoàng năm loại. Tu viện bi lầy lội. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép rải cát. Các vi làm không có kết quả. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trải đá phiên. Nước còn đọng lại. ...(nt). Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [đào] rãnh thoát nước. 26. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha có ý định cho xây dựng tòa nhà dài có tô vữa hô đát sét nhăm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu khởi ý điều này: "Mái che loại nào đã được đức Thế Tôn cho phép, loại nào không được cho phép?,, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức rT-ī-1 Ặ FTP A Thê Ton.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 769

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép năm loại mái che: Mái che lợp ngói, mái che lợp đá phiến, mái che bằng vữa hồ, mái che lợp cỏ, mái che lợp lá. Tụng phẩm thứ nhất

27. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapindika có người vợ là em gái của nhà đại phú ở thành Rājagaha. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika đã đi đến thành Rājagaha vì công việc cần làm nào đó. Vào lúc bấy giờ, nhà đại phú thành Rājagaha đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày hôm sau. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: "Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn, chuẩn bị các món canh, chuẩn bi các món ăn ngon.” Khi ấy, gia chủ Anāthapindika đã khởi ý điều này: "Trước đây mỗi khi ta đến, gia chủ này bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông ta có vẻ khẩn trương, đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng: 'Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nâu thức ăn, chuân bị các món canh, chuân bị các món ăn ngon.' Không lẽ vào ngày mai gia chủ này có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha cùng với đội quân binh?" Sau đó, khi đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công xong, nhà đại phú thành Rājagaha đã đi đến gặp gia chủ Anāthapindika, sau khi đến đã chào hỏi gia chủ Anāthapindika roi ngôi xuông một bên. Khi nhà đại phú thành Rājagaha đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapindika đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này: -Này gia chủ, trước đây mỗi khỉ ta đến, ông bỏ hết mọi công việc và đã trò chuyện với mình ta thôi. Sao hôm nay ông có vẻ khẩn trương, đã sai bảo đám tôi tớ và các người làm công rằng:

"Này các người, chính vì việc ấy các người phải thức dậy thật sớm, nấu cháo, nấu thức ăn? chuẩn bị các món canh, chuẩn bị các món ăn ngon." Này gia chủ, không lẽ vào ngày mai ông có đám rước dâu, hay là có đám đưa dâu, hay là sắp xếp cho buổi đại lễ cúng tế, hay là có mời thỉnh đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha cùng với đội quân binh? Này gia chủ, không phải tôi có đám rước dâu, cũng không có đám đưa dâu, cũng không có mời thỉnh đức Vua Seniya Bimbisãra xứ Magadha cùng với đội quân binh, nhưng mà tôi sắp xếp cho buổi đại lễ cúng dường. Hội chúng có đức Phật đứng đầu đã được thỉnh mời vào ngày mai. 28. - Này gia chủ, có phải ngươi nói: "Dức Phát?" Ồ gia chủ, tôi nói: "Bức Phát." Này gia chủ, có phải ngươi nói: “Dức Phát?”

Ồ gia chil, tôi nói: "Dức Phát." Này gia chủ, có phải ngươi nói: "Dức Phát?" Ồ gia chủ, tôi nói: “Bức Phát." Này gia chủ, cái âm này thật khó được nghe ở thế gian, đó là từ: "Bức Phát." Này gia chủ, vào giờ này tôi có thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy không vậy? Này gia chủ, giờ này không phải là lúc để đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác ây. Đê đên sáng sớm ngày mai, dượng sẽ đi đên để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy vậy. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika [nghĩ rằng]: "Sáng sớm ngày mai, ta sẽ đi đến để diện kiến đức Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ấy vay”rồi đã năm xuông với niệm tưởng vê đức Phật, và đã thức giác trong đêm ba lân? nghĩ rằng trời đã sáng. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã đi đến cổng thành dẫn đến khu rừng Sītā. Các phi nhân đã mở cổng thành. Khi ấy, trong lúc gia chủ Anāthapindika đang đi ra khỏi thành thì ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika, chính vì thế đã có ý muốn quay trở lui. Khi ấy, dạ-xoa Sĩvaka không có hiện hình đã nói lời rằng: Một trăm con voi, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ [trang điểm] với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, mười sáu lân như thê không giá trị băng một bước chân đi tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Đôi với người, việc bước tới thì tót hơn, không có việc quay lui. Khi ấy, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika đã được lắng xuống. Đen lần thứ nhì, ...(nt)... Đen lần thứ ba, ánh sáng đã biến mất, bóng tối đã xuất hiện. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika, chính vì thê đã có ý muôn quay trở lui. Đên lân thứ ba, dạ-xoa Sĩvaka không có hiện hình đã nói lời rằng: Một trăm con voi, một trăm con ngựa, một trăm xe kéo bởi lừa, một trăm ngàn thiếu nữ [trang điểm] với ngọc trai, ngọc ma-ni, và các bông hoa tai, mười sáu lan như the không giá trị bang một bước chân đi tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Này gia chủ, hãy bước tới. Đối với người, việc bước tới thì tốt hơn, không có việc quay lui. Đen lần thứ ba, bóng tối đã biến mất và ánh sáng đã hiện ra. Nỗi sợ hãi, run rẩy, lông tóc dựng đứng đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika đã được lắng xuống. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã đi đến khu rừng Sītā. Vào lúc bấy giờ, sau khi thức dậy trong đêm vào lúc hừng sáng, đức Thế Tôn đi kinh hành ở ngoài trời. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy gia chủ Anāthapindika từ đàng xa đang

đi lại, sau khi nhìn thấy, đức Thế Tôn đã rời đường kinh hành đi đến ngồi ở chỗ ngôi được sap đặt săn. 29. Sau khi ngồi xuống, đức Thế Tôn đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: - Này Sudatta, hãy đến. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika [nghĩ rằng]^ uĐức Thế Tôn gọi ta bằng ten^ nên đã mừng rỡ, phấn chấn đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã quỳ xuống, đe đau ơ hai ban chân cua đức The Ton va đa noi vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, chắc hẳn rằng đức Thế Tôn đã nghỉ ngơi được thoải mái? Đúng thê, vị Bà-la-môn đã chứng ngộ Niêt-bàn luôn luôn nghỉ ngơi được thoải mái, là người không bị vấy nhơ trong các dục, có trạng thái mát mẻ, không còn mầm tái sanh. Sau khi đoạn lìa các sự vướng mắc, vị ấy có thể điều phục nỗi khổ trong tâm, được an tịnh, nghỉ ngơi được thoải mái, sau khi tâm đã đạt được Niết-bàn. Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến gia chủ Anāthapindika. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết ve bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết ve cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biêt được tâm của gia chủ Anāthapindika đã sẵn sàng, dễ uốn nan, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khổ, tập, diệt, đạo. Cũng giống như tấm vải đã được làm sạch, không còn vết nhơ, có thể nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thê, ngay tại chô ngôi ây, pháp nhãn không nhiêm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đến gia chủ Anāthapindika: "Biêu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." 30. Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã tham nhuần pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hẳn, đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư, không còn cần sự trợ duyên của người khác, gia chủ Anāthapindika đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: “Những người cỏ mắt sẽ nhìn thấy được các hình d9ng"; tương tợ như thế, pháp đã được đức The Tôn giảng rõ bằn^ nhiều phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đen nương nhờ đức Thế Tôn áy, Giáo pháp và Hội chúng Tỵ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn và hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi.

772 TIỂU PHẨM

Nhà đại phú thành Rājagaha đã nghe rằng: “Nghe nói gia chủ Anāthapindika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đâu vào ngày mai.” Khi ây, nhà đại phú thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: Này gia chủ, nghe nói dượng đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và dượng lại là khách vãng lai. Này gia chủ, hãy để tôi cho dượng tài chánh; nhờ đó dượng có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Này gia chủ, thôi đi. Tôi có tài

chánh, với số đó tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. 31. Vị thị trưởng thành Rājagaha đã nghe rằng: "Nghe nói gia chủ Anāthapindika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy, vị thi trưởng thành Rājagaha đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: Này gia chủ, nghe nói ông đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và ông lại là khách vãng lai. Này gia chủ, hãy để ta cho ông tài chánh; nhờ đó ông có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Thưa ngài, thôi đi. Tôi có tài chánh, với số đó tôi sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nghe răng: “Nghe nói gia chủ Anāthapindika đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai." Khi ấy5 đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: Này gia chủ, nghe nói khanh đã thỉnh mời hội chúng có đức Phật đứng đầu vào ngày mai và khanh lại là khách vãng lai. Này gia chủ, hãy để trẫm cho khanh tài chánh; nhờ đó khanh có thể thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. Tâu Bệ hạ, thôi đi. Thần có tài chánh, với số đó thần sẽ thực hiện buổi trai phạn dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu. 32. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Anāthapindika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm tại tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, rồi cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong. Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Ton đã mặc y, cầm y bát đi đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ

Anāthapindika đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapindika đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn nhận lời con ve việc an cư mùa mưa tại thành Sāvatthi cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Này gia chủ, các đức Như Lai chỉ thỏa thích ở trú xứ thanh vắng. Bạch Thế Tôn, con đã được biết. Bạch Thiện Thệ, con đã được biết. Sau đó, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tinh, khuyển khích và tạo niềm phấn khởi cho gia chủ Anāthapindika bằng bài pháp thoại, rồi đã từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. 33. Vào lúc bấy giờ, gia chủ Anāthapindika có nhiều bạn bè, có nhiều cộng sự, có lời nói uy tín. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika sau khi hoàn tất công việc \ Mo q , • cân làm ây ở thành Rājagaha đã ra đi trở vê thành Sāvatthi. Sau đó, trên đường đi gia chủ Anāthapindika đã bảo với dân chúng rằng: Quý vị ơi, hãy xây dựng các tu viện, hãy cho thiêt lập các trú xá, hãy chuẩn bị các vật cúng dường. Giờ đây, đức Phật đã xuất hiện ở trên đời. Và đức Thế Tôn ấy được tôi thỉnh mời sẽ đi đến bằng con đường này. Khi ây, đám người ây được cô vũ bởi gia chủ Anāthapindika đã xây dựng các tu viện, đã cho thiết lập các trú xá và đã chuẩn bi các vật cúng dường. Sau đó, khi đã về đến thành Sāvatthi, gia chủ Anāthapindika đã xem xét quanh thành Sāvatthi [nghĩ rằng]: “Bức Thế Tôn nên ngụ ở nơi nào đây? Đối với Ngài, chỗ ấy không nên xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới

lui, dân chúng có the đi đến mỗi khi có ước muốn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiếng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tjnh." Gia chủ Anāthapindika đã nhìn thấy khu vườn của Vương tử Jeta là không xa làng mạc lắm, cũng không quá gần, thuận tiện cho việc tới lui, dân chúng có thê đi đên môi khi có ước muôn, ban ngày không đông đảo, ban đêm ít tiêng động, không nhiều gió, tách biệt với dân chúng, thích hợp cho việc thiền tịnh, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp Vương tử Jeta, sau khi đến đã nói với Vương tử Jeta điêu này: Thưa công tử, hãy cho tôi khu vườn để xây dựng tu viện. Này gia chủ, khu vườn không thể cho, ngay cả với việc trải ra mười triệu. Thưa công tử, khu vườn đã được bán. Này gia chủ, khu vườn chưa được bán. [Họ đã cãi nhau]: "Đã được bán, chưa được bWrT, rồi đã hỏi các viên đại thân lo việc xử án. Các viên quan đại thân đã nói như vây: —Thưa công tử, bởi vì giá cả đã được ngài quy định nên khu vườn đã được bán.

34. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã bảo chở tiền vàng lại bằng các xe kéo và cho trải ra mười triệu tiên vàng ở Jetavana [khu rừng của Jeta]. Tiên vàng chở lại một lần ấy còn thiếu cho khoảng trống nhỏ xung quanh chỗ cổng ra vào. Khi ây? gia chủ Anāthapindika đã bảo dân chúng răng: Này các người, hãy đi, hãy đem tiền vàng lại. Tôi sẽ trải lên khoảng trống này. Khi ấy, Vương tử Jeta đã khởi ý điều này: "'Việc này sẽ không là tầm thường bởi vì vi gia chủ này hy sinh nhiều tiền vàng đến chừng này", nên đã nói với gia chủ Anāthapindika điều này: Này gia chủ, được roi, ông không cân phải trải lên khoảng trông này nữa. Hãy cho ta khoảng trống này. Việc bố thí ấy sẽ là của ta. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika [nghĩ rằng]: "Vương tử Jeta này nổi tiếng, là người nổi danh. Niềm tin trong Pháp và Luật này của những người nổi tiếng như thế quả có lợi ích lớn lao!" nên đã nhường khoảng trống đó cho Vương tử Jeta. Sau đó, Vương tử Jeta đã cho dựng lên công ra vào ở khoảng trông đó. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã cho xây dựng ở Jetavana các trú xá, đã cho xây dựng các căn phòng, đã cho xây dựng các nhà kho, đã cho xây dựng các phòng hội họp, đã cho xây dựng các nhà để đốt lửa, đã cho xây dựng các nhà làm thành được phép, đã cho xây dựng các nhà tiêu, đã cho xây dựng các nhà tiểu, đã cho xây dựng các đường kinh hành, đã cho xây dựng các gian nhà ở các đường kinh hành, đã cho xây dựng các giếng nước, đã cho xây dựng các gian nhà ở các giếng nước, đã cho xây dựng các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các gian nhà ở các phòng tắm hơi, đã cho xây dựng các hồ trữ nước, đã cho xây dựng các mái che. 35. Sau đó, khi đã ngự tại thành Rājagaha theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi về phía thành Vesālī. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến thành Vesālī. Tại nơi đó ở Vesālī, đức Thê Tôn ngự tại Mahãvana, giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thực hiện công trình mới một cách tươm tất. Ngay cả các Tỳ-khưu phụ trách công trình mới cũng được phục vụ một cách chu đáo với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh. Khi ấy, có người thợ may nghèo nọ đã khởi ý điều này: "Theo như cách những người này thực hiện công trình mới một cách tươm tất như vầy thì việc này sẽ không là tầm thường; hay là ta cũng nên thực hiện công trình mới vay?" Sau đó, người thợ may nghèo ây đã đích thân trộn hô, chông chát các viên gạch, roi xây lên bức tường. Các viên gạch được ông ta

chông chát không khéo léo nên bức tường bị cong rồi đổ xuống. Đen lần thứ nhì,...(nt)... Đen lần thứ ba, người thợ may nghèo ấy đã đích thân trộn hồ, chồng chất các viên gạch, rồi xây lên các bức tường. Các viên gạch được ông ta chồng chất không khéo léo nên bức tường bi cong roi đô xuồng.

Khi ấy, người thợ may nghèo ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Người ' ' r ta cúng dường vật dụng là y phục, vật thực, chô trú ngụ và thuôc men chữa bệnh đến các Sa-môn Thích tử này nên các vị chỉ bảo, hướng dẫn họ và phụ trách công trình mới của họ. Trái lại, tôi thì nghèo nên không ai chỉ bảo, hướng dẫn tôi, hay phụ trách công trình mới [của t6i]." 36. Các Tỳ-khiru đã nghe được người thợ may nghèo ây phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giao công trình mới. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu là vi phụ trách công trình mới sẽ thể hiện sự tích cực [suy nghĩ rằng]: "C6 cách gì để trú xá có thể đạt đến việc hoàn thành nhanh ch6ng?" và sẽ sửa chữa chỗ bị đổ võ và hư hỏng. Và này các Tỳ-khưu, nên giao như vầy: Trước hét, vị Tỳ-khưu cân được yêu câu. Sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khmi kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đến vị Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đến vi Tỳ-khưu tên [như vầy]. Đại đức nào đồng ý việc giao công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đến vi Tỳ-khưu tên [như vầy] xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Công trình mới là trú xá của gia chủ tên [như vầy] đã được giao đến vị Tỳ- khưu tên [như vây]. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậyy 37. Sau đó5 khi đã ngự tại thành Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi về phía thành Sāvatthi. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khxru nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta." Khi ấy, Đại đức Sāriputta đi theo phía sau4 hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các trú xá đã bị giành phần và các chỗ nằm đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ nằm đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Sau đó, đức Thế Tôn trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã đằng hắng. Đại đức Sāriputta cũng đã đằng hắng.

4 Ngài Buddhaghosa giải thích về việc đi chậm ở phía sau của ngài Sāriputta như sau: "Nghe nói vị Trương lão trong khi quan tâm các vi bị bệnh, trong khi giúp đỡ các vị gia cả yếu đuối nên đi đến sau tất cả. Đây là pháp thực hành của vị ẩy,; (ỳìnÁ. VI. I22iy

-Ai ở nơi này vậy? Bạch Ngài, con là Sāriputta. Này Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây? Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn

nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, nghe nói các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta", có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ ro dại ấy lại đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu rồi giành phần các trú xá, giành phần các chỗ nằm [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thay dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta." Này các Tỳ- khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, vi nào xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất? 38. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi vua chúa, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi Bà-la-môn5 vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khiru đã nói như vầy: - Bạch Thế Tôn, vị nào xuất gia từ dòng dõi gia chủ, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: -Bạch Thế Tôn, vị nào chuyên về Kinh, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy:

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 777

Bạch Thế Tôn, vị nào rành rẽ về Luật, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vi nào là Pháp sư, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vi nào đạt sơ thiền, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào đạt nhị thiền,...(nt) Bạch Thế Tôn, vi nào đạt tam thiền,...(nt) Bạch Thế Tôn, vị nào đạt tứ thiền, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Ton, vị nào là bậc Nhập lưu, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khưu đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Nhất lai, ...(nt) Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc Bất lai, ...(nt) Bạch Thế Ton, vi nào là bậc A-la-hán, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khiru đã nói như vầy: Bạch Thế Ton, vị nào là bậc có Ba minh, vị ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. Một số Tỳ-khiru đã nói như vầy: Bạch Thế Tôn, vị nào là bậc có sáu thắng trí, vi ấy xứng đáng chỗ ngồi tốt nhất, nước uống tốt nhất, vật thực tốt nhất. 39. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, trước đây ở sườn núi của Hy-mã-lạp sơn có cây đa cổ thụ. Có ba bạn hữu là con chim đa đa, con khỉ và con long tượng đã song nương tựa vào cây ấy. Chúng sống không có sự

kính trọng, không có sự phục tùng, không có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các Tỳ-khưu, sau đó ba bạn hữu ấy đã khởi ý điều này: "Này, chúng ta nên biết ai trong chúng ta là lớn nhất tính theo sự sinh ra để chúng ta có thể trọng vọng, có thể cung kính, có thể sùng bái, có thê cúng dường vị ây và chúng ta có thê tôn tại trong sự giáo huân của vị 2y" Này các Tỳ-khtru, khi ấy con chim đa đa và con khỉ đã hỏi con long tượng rằng:

uNày bạn, bạn nhớ gì về thời xa xua?" "Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ, tôi thường đê cây đa này ở giữa hai chân roi bước qua, ngọn cây chạm vào bụng của tôi. Hai bạn à, đó là điều tôi nhớ được về thời xa xua.” Này các Tỳ-khưu? sau đó con chim đa đa và con long tượng đã hỏi con khỉ rằng: "Này bạn, bạn nhớ gì ve thời xa xua?" "Hai bạn à, khi tôi còn nhỏ, tôi thường ngồi trên mặt đất nhai đọt non của cây đa này. Hai bạn à, đó là điêu tôi nhớ được vê thời xa xua.” Này các Tỳ-khưu, sau đó con khỉ và con long tượng đã hỏi con chim đa đa rằng: "Này bạn, bạn nhớ gì về thời xa xua?" “Hai bạn à, ở khu vực kia đã có cây đa cổ thụ. Tại đó, tôi đã ăn trái cây rồi đại tiện ở chỗ này, từ đó cây đa này đã được sanh ra. Hai bạn à, như thế tính theo sự sinh ra thì tôi là lớn nhất.,, Này các Tỳ-khưu, sau đó con khỉ và con long tượng đã nói với con chim đa đa điều này: “Bạn à, bạn là lớn nhất tính theo sự sinh ra. Chúng tôi sẽ trọng vọng, sẽ cung kính, sẽ sùng bái, sẽ cúng dường bạn và chúng tôi sẽ sinh tồn trong sự giáo huấn của bạn." Này các Tỳ-khưu, sau đó con chim đa đa đã cho con khỉ và con long tượng thọ trì năm giới, bản thân nó cũng thọ trì và thực hành theo năm giới. Chúng đã sống có sự kính trọng, có sự phục tùng, có thái độ quan tâm lẫn nhau, đến khi hoại rã thân này chét đi, chúng đã sanh vê chôn an vui là cõi trời. Này các Tỳ- khưu, con chim đa đa ấy đã nổi danh là bậc hành Phạm hạnh. Những người nào tôn kính bậc cao niên những người rành rẽ về pháp, được khen ngợi ngay trong kiếp này và có cảnh giới an lạc trong kiếp sau. Này các Tỳ-khưu, ngay cả các chúng sanh là các con thú ấy còn sinh sống có sự kính trọng, có sự phục tùng và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các Tỳ-khưu9 ở đây, các ngươi hãy làm rạng rỡ việc các ngươi xuất gia làm Sa-môn trong Pháp và Luật được khéo thuyết giảng như vày, các ngươi nên sống có sự kính trọng, có sự phục tùng và có thái độ quan tâm lẫn nhau. Này các Tỳ-khiru? sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đoi [niềm tin] của một so người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép việc đảnh lễ, việc đứng dậy, hành động chăp tay, hành động thích hợp, chô ngôi tót nhát, nước uông tót nhát, vật thực

tốt nhất tính theo thâm niên. Này các Tỳ-khưu, việc liên quan đến hội chúng được tính theo thâm niên không được xâm phạm; vi nào xâm phạm thì phạm tội Dukkata. 40. Này các Tỳ-khưu, đây là mười hạng không nên được đảnh lễ: Vị tu lên bậc trên sau không nên được đảnh lễ bởi vị tu lên bậc trên trước; vị chưa tu lên bậc trên không nên

được đảnh lễ; vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói sai Pháp không nên được đảnh lễ; phụ nữ không nên được đảnh lễ; người vô căn không nên được đảnh lễ; vị thực hành hình phạt Parivãsa không nên được đảnh lễ; vị xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu không nên được đảnh lễ; vị xứng đáng hình phạt Mãnatta không nên được đảnh lễ; vi thực hành hình phạt Mãnatta không nên được đảnh lễ; vi xứng đáng sự giải tội không nên được đảnh lễ. Này các Tỳ-khiru, đây là mười hạng không nên được đảnh lễ. Này các Tỳ-khưu, đây là ba hạng nên được đảnh lễ: Vi tu lên bậc trên trước nên được đảnh lễ bởi vi tu lên bậc trên sau; vị thâm niên hơn thuộc nhóm cộng trú khác nói đúng Pháp nên được đảnh lễ; này các Tỳ-khưu, trong thế gian gồm có chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, cho đến dòng dõi Sa-môn, Bà-la-môn, các hạng chư thiên và loài người, đức Như Lai, bậc A-la-hán, đấng Chánh Đẳng Giác nên được đảnh lễ. Này các Tỳ-khưu, đây là ba trường hợp nên được đảnh lễ. 41. Vào lúc bấy giờ, dân chúng chuẩn bị mái che, chuẩn bị thảm trải, chuẩn bị chỗ trong dành riêng cho hội chúng. Các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rang]: “Chính việc liên quan đen hội chúng mới được đức Thế Tôn cho phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng [cho hội chúng],\ rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phần các thảm trải, giành phần các chỗ trống [nói rằng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta." Khi ấy, Đại đức Sāriputta đi theo phía sau hội chúng có đức Phật dẫn đầu, vì các mái che đã bị giành phần, các thảm trải đã bị giành phần, các chỗ trống đã bị giành phần, trong lúc không có chỗ trống đã ngồi xuống ở gốc cây nọ. Sau đó, đức Thê Tôn trong đêm vào lúc hừng sáng, sau khi thức dậy đã đằng hắng. Đại đức Sāriputta cũng đã đằng hắng. -Ai ở nơi này vậy? - Bạch Thế Tôn, con là Sāriputta. Này Sāriputta, vì sao ngươi lại ngồi ở đây? Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Sau đó5 đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu đệ tử của các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [nghĩ rằng]: "Chính việc liên quan đến hội chúng mới được đức Thế Tôn cho

phép tính theo thâm niên, chứ không phải việc được làm để dành riêng [cho hội chhng]", rồi đi vượt lên phía trước hội chúng có đức Phật dẫn đầu và giành phần các mái che, giành phân các thảm trải, giành phân các chô trông [nói răng]: "Chỗ này sẽ dành cho các thầy tế độ của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho các thầy dạy học của chúng ta, chỗ này sẽ dành cho chúng ta”, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, ngay cả việc được làm dành riêng [cho hội chúng] cũng được tính theo thâm niên, không được xâm phạm; vi nào xâm phạm thì phạm tội Dukkata. 42. Vào lúc bấy giờ, dân chúng sắp xếp ở trong phòng ăn, ở trong nhà các chỗ ngồi cao và các chỗ ngồi rộng như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe,

thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đau. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không ngồi lên. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, ngoại trừ ba thứ là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú5 thảm bông gòn, Ta cho phép ngồi lên chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nằm lên. Vào lúc bây giờ, dân chúng săp xép ở trong phòng ăn9 ở trong nhà loại giường và ghế độn bông gòn. Các Tỳ-khưu trong khi ngần ngại không ngồi lên. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngôi lên chô đã được trưng bày bởi gia chủ nhưng không được nam lên. 43. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến thành Sāvatthi. Tại nơi đó5 trong thành Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika đã đi đến gặp đức rTTl ạ HP /\ _ _ - 1 1 • 1 _ r _~ 4. Ạ _ 4./^ \ -4-9 \ Ā A r Ạ rr-< A _ _Á • _ Ạ • À _ _
The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuống mọt bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapindika đã nói với đức Thế Tôn điều này: - Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn cùng với hội chúng Tỳ-khưu nhận lời bữa trai phạn của con vào ngày mai. Đức Thế Tôn đã nhận lời bằng thái độ im lặng. Khi ấy, gia chủ Anāthapindika hiểu được sự nhận lời của đức Thế Tôn nên đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi trải qua đêm ấy, gia chủ Anāthapindika đã cho chuẩn bị sẵn sàng thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm, rồi đã cho thông báo thời giờ đến đức Thế Tôn: -Bạch Ngài, đã đến giờ, thức ăn đã chuẩn bị xong.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 781

Khi ấy, vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát đi đến tư gia của gia chủ Anāthapindika, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn cùng với hội chúng Tỳ-khưu. Sau đó, gia chủ Anāthapindika đã tự tay làm hài lòng và toại ý hội chúng Tỳ-khưu có đức Phật đứng đầu với thức ăn hảo hạng loại cứng, loại mềm. Đen khi đức Thế Tôn đã thọ thực xong, bàn tay đã rời khỏi bình bát, gia chủ Anāthapindika đã ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapindika đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, con tiến hành như thế nào về Jetavana? Này gia chủ, chính vì điều ấy ngươi hãy cho thiết lập Jetavana dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi gia chủ Anāthapindika nghe theo đức Thế Tôn đã thiết lập Jetavana dành cho hội chúng bốn phương hiện tại và vị lai. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói lời tùy hỷ với gia chủ Anāthapindika bằng những lời kệ này: 44. "Từ nơi ấy, chúng [các tru xá] ngăn ngừa sự nóng, sự lạnh và các loài thú dữ, các loài ran và các muỗi mòng, và luôn cả các cơn mưa lạnh. Từ nơi ấy, cơn gió nónẹ dữ dội đã sanh lên bị dội lại. Với mục đích về sự nương náu, với mục đích ve sự an lạc, để thiền định và để hành minh sát. Sự bố thí trú xá đến hội chúng đã được đức Phật ngợi khen là tối thắng. Vì thế người sáng trí, trong khi nhìn thấy lợi ích cho mình ... ... nên cho xây dựng trú xá đẹp, nên thỉnh các bậc nghe nhiều [học rộng] ngụ tại nơi ấy. [Nên cũng dường] cơm, nước, vải vóc và chỗ nằm, ngồi đến các vị ấy. Với tâm ý trong sạch, nên cúng dường ở các bậc có bản chất ngay thẳng. Các vi ấy thuyết pháp đến người [thí chủ] ấy, là pháp có sự xua tan tất cả khổ đau. Sau khi biết được pháp ấy, người [thí chủ] ấy trong đời này chứng ngộ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.,, Sau đó, khi đã nói lời tùy hỷ với gia chủ

Anāthapindika bằng những lời kệ này, đức Thế Tôn đã rời chỗ ngồi, đứng dậy và ra đi. 45. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của vị quan đại thần nọ là đệ tử đạo lõa thể. Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā đi đến trễ và đã làm cho vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy. Nhà ăn đã có sự xáo động. Khi ấy, vi quan đại thần ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử đi đến trễ, lại còn làm cho các vi Tỳ-khưu ngôi kê cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiên nhà ăn đã có sự xáo động? Ngay cả khi được ngồi chỗ khác, không lẽ không thể thọ thực theo như nhu cầu hay sao?" Các Tỳ-khưu đã nghe vị quan đại thần phàn nàn, phê phán, chê bai.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ..(nt).. các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Ưpananda đi đến trễ, lại còn làm cho vị Tỳ-khưu ngôi kê cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiên nhà ăn đã có sự xáo dOng?" Sau đó9 các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này upananda, nghe nói ngươi đi đến trễ, còn làm cho vị Tỳ-khưu ngồi kê cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiên nhà ăn đã có sự xáo động, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi đi đến trễ, lại còn làm cho vị Tỳ-khtru ngồi kế -í • Ấ J cận có sự thọ thực chưa xong phải đứng dậy, khiên nhà ăn đã có sự xáo động vậy? Này kẻ rồ dại, việc ấy không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt) Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, không nên bảo vị Tỳ-khưu ngồi kế cận có sự thọ thực chưa xong đứng dậy; vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội Dukkata. Nếu bảo đứng dậy, nên nói với vị được yêu câu [đứng dậy] răng: "Hy đi lây nước đem li."Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nêu không đạt được như vậy, [vị đang ăn] nên nuôi xuổng các hạt cơm một cách khéo léo rồi nhường lại chỗ ngồi cho vị Tỳ-khưu thâm niên hơn. Này các Tỳ-khưu, nhưng Ta không nói rằng: uChỗ ngồi của vị Tỳ-khưu thâm niên hơn có thê bị xâm phạm bởi bát cứ phương thức nào,9; vị nào xâm phạm thì phạm tội Dukkata, 46. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư bảo các Tỳ-khưu bi bệnh phải đứng dậy. Các vị bi bệnh nói như vầy: Này các Đại đức, chúng tôi không thể đứng dậy, chúng tôi bị bệnh. Chúng tôi sẽ làm cho các Đại đức đứng dậy. Roi họ đã năm lây, lôi đứng dậy và buông ra đê cho các vị ây đứng. Các vị bệnh bi ngất xỉu ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên bảo các vi bị bệnh phải đứng dậy, vị nào bảo đứng dậy thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư [bảo rằng]: "Chúng tôi bi bệnh, không nen bảo chúng tôi đứng day"rồi chiếm chỗ nằm tốt nhất. Các vị đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhường chô năm thích hợp cho vị bị bệnh. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư dùng mánh lới xâm chiếm chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các Tỳ-khưu, không nên dùng mánh lới xâm chiếm chỗ trú ngụ; vị nào xâm chiếm thì phạm tội Dukkata. 47. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư sửa

chữa ngôi tru xá lớn nọ ở vùng lân cận [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ an cư mùa mưa ở chỗ nay.^ Các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nhìn thấy các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư đang sửa chữa ngôi trú xá, sau khi nhìn thấy, đã nói như vầy: Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư này sửa chữa ngôi tru xá. Giờ chúng ta sẽ bảo họ tránh ra. Một sô vị đã nói như vây: -Này các Đại đức, hãy chờ đợi trong lúc họ sửa chữa. Khi đã được sửa chữa xong, chúng ta sẽ bảo họ tránh ra. Sau đó, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Mười Bảy Sư điều này: Này các Đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi. -Này các Đại đức, không phải là điều cần phải được báo trước hay sao? Và chúng tôi đã có thể sửa chữa cái khác. —Này các Đại đức, không phải tru xá thuộc vê hội chúng hay sao? Này các Đại đức, đúng vậy. Trú xá thuộc về hội chúng. Này các Đại đức, hãy tránh ra. Trủ xá thuộc về chúng tôi. Này các Đại đức, trú xá thì lớn, các vi ở được, chúng tôi cũng sẽ ở được. Này các Đại đức, hãy tránh ra. Trú xá thuộc về chúng tôi. Rồi [các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư] nổi giận, bất bình, nắm [các vi kia] ở cổ lôi kéo ra ngoài. Trong khi bị lôi kéo ra ngoài, các vị kia khóc lóc. Các Tỳ-khưu đã nói như vầy: Này các Đại đức, vì sao các vi khóc? Thưa các Đại dức, những Tỳ-khiru nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình rồi lôi kéo chúng tôi ra khỏi tru xá thuộc ve hội chúng. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư này nổi giận, bất bình lại lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc về hội chứng?" Sau đỏ5 các vị Tỳ-khxru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). -Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư nổi giận, bất bình rồi lôi kéo các Tỳ-khiru ra khỏi trú xá thuộc về hội chúng, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:...(îìt).. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng:

Này các Tỳ-khưu, vị nổi giận, bất bình không nên lôi kéo các Tỳ-khưu ra khỏi trú xá thuộc ve hội chúng; vị nào lôi kéo ra thì nên hành xử đúng theo pháp.5 Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối chỗ trú ngụ. 48. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Chỗ trú ngụ nên được phân phối bởi vị nào?” Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ đinh vị phân phôi chô trú ngụ là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vi không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bi chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết [chỗ trú ngụ] đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các Tỳ-khưu5 nên chỉ đinh như vay: Trước hêt5 vị Tỳ-khưu cân được yêu câu, sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phối chỗ trú ngụ. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vây] là vị phân phôi chô tru ngụ. Đại đức nào đông ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vay] là vi phân phoi chỗ trú ngụ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vi phân phối chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậyy Khi ấy, các Tỳ-khưu là các vị phân phối chỗ trú ngụ đã khởi ý điều này: "Chỗ trú ngụ nên được

phân phối như thế no?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trước tiên đếm số lượng Tỳ-khưu; sau khi đêm sô lượng Tỳ-khưu roi đêm sô lượng chô năm; sau khi đêm sô lượng chô nằm thì phân phối theo chỗ nằm. Trong khi phân phối theo chỗ nằm, các chỗ nằm đã được thừa ra. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phôi theo trú xá. Trong khi phân phối theo trú xá, các trú xá đã được thừa ra. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối theo phòng ở. Trong khi phân phối theo phòng ở, các phòng ở đã được thừa ra. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép phân phối luôn cả phần còn lại. Khi phần còn lại đã được nhận, có vi Tỳ-khưu khác đi đến, nếu [các vị] không sẵn lòng thì không cần phải cho.

5 Liên quan đến tội Pãcittiya 17 (ND).

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 785

49. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu phân phối chỗ trú ngụ cho vi đứng ở ngoài ranh giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên phân phôi sàng tọa cho vi đứng ở ngoài ranh giới; vị nào phân phoi thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sau khi nhận chỗ trú ngụ rồi chiếm giữ luôn. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, sau khi nhận chỗ trú ngụ không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng của mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "C6 bao nhiêu thời điểm phân phối chỗ trú ngq?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, đây là ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ: Thời điểm trước, thời điểm sau, thời điểm trung gian. Vào ngày kế ngày rằm của tháng ẤsãỊhã6 là thời điểm trước nên được phân phối, một tháng kế sau ngày rằm của tháng Āsālhā là thời điểm sau nên được phân phối, một ngày sau lễ Pavāranā cho đến lần an cư mùa mưa kế là thời điểm trung gian nên được phân phối. Này các Tỳ-khmi, đây là ba thời điểm phân phối chỗ trú ngụ. Dứt tụng phẩm thứ nhì.

50. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā, sau khi được phân phối chỗ trú ngụ ở thành Sāvatthi đã đi đến trú ngụ ở ngôi làng khác. Ngay cả ở nơi ấy, vị ấy đã được phân phối chỗ trú ngụ. Khi ấy, các Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: “Này các Đại dức, Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā này là vị thường gây nên các sự xung đột, cãi cọ, tranh luận, nói chuyện nhảm nhí và bất hòa trong hội chúng. Nếu vị này sẽ an cư mùa mưa ở dây, chính tất cả chúng ta sẽ sống không được thoải mái; vậy chúng ta hãy hỏi vi ấy di." Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã nói với Đại đức upananda, con trai dòng Sakyā điều này: Này Đại đức upananda, không phải Đại đức đã nhận chỗ trú ngụ ở thành Sāvatthi rồi hay sao? Này các Đại đức, đúng vậy. —Này Đại đức Upananda, tại sao Đại đức là một lại chiếm giữ hai? Này các Đại đức, giờ tôi bỏ cái chỗ này, giữ lại cái chỗ kia. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Đại đức Upananda, con trai dòng Sakyā là một lại chiếm giữ hai?,^ Các vị đã trình sự việc ấy lên

6 Tương đương ngày 16 tháng 6 âm lịch, tức là ngày đầu tiên của thời kỳ an cư mùa mưa đợt đầu (ND).

4 Ặ • Ậ _ _ J. rr^ A _ Y A- _ - rin1_ Ặ ITS _ 1- - JI _ Á -ô J A. _ đức Thê Tôn. Khi ây, đức The Ton nhan ly do áy, nhan sự kiên ây đã triệu tạp hội chúng Tỳ-khưu lại và đã hỏi Đại đức upananda rằng: -Này upananda, nghe nói ngươi là một lại chiếm giữ hai, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này kẻ rồ dại, vì sao ngươi là một lại chiếm giữ hai? Này kẻ rồ dại, chỗ kia ngươi giữ lại, chỗ này ngươi bỏ; chỗ này ngươi giữ lại, chỗ kia nẹươi bỏ. Này kẻ rồ dại, như thế ở cả hai nơi người đêu bị loại ra ngoài. Này kẻ rô dại, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu5 hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, một vị không nên chiếm giữ hai [chỗ trú ngụ], vị nào chiếm giữ thì phạm tội Dukkata. 51. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn thuyết giảng về Luật cho các Tỳ-khưu theo nhiều phương thức, Ngài ngợi khen Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen Đại đức upâli như thế này như thế khác. Các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Bằng nhiều phương thức, đức Thế Tôn thuyết giảng về Luật, ngợi khen Luật, ngợi khen sự nghiên cứu về Luật, ngợi khen Đại đức Ưpâli như thế này như thế khác. Này các Đại dức, vậy chúng ta hãy học tập về Luật với Đại đức upli.” Và các vi ây gôm nhiêu Tỳ-khiru trưởng lão, mới tu và trung niên học tập về Luật với Đại đức Upâli. Vì tôn trọng các Tỳ-khưu trưởng lão, Đại đức Ưpãli chỉ đứng để giảng giải. Vì tôn kính giáo pháp, các Tỳ-khưu trưởng lão cũng chỉ đứng để nghe giảng. Trong trường hợp ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão, luôn cả Đại đức upâli đều bị mệt mỏi. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu mới tu ngôi chô ngôi ngang bằng hoặc cao hơn trong khi giảng giải vì tôn kính giáo pháp; vị Tỳ-khưu trưởng lão ngôi chô ngôi ngang băng hoặc tháp hơn trong khi nghe giảng vì tôn kính giáo pháp. Vào lúc bấy giờ, trong sự hiện diện của Đại đức Upli, nhiều vị Tỳ-khưu chỉ đứng trong khi chờ đợi bài giảng nên bị mệt mỏi. Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi [chung] với những vi có đồng đẳng cấp. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Giới hạn đến đâu gọi là có đồng đẳng cấp?” Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngoi với vi [chênh lệch] khoảng cách ba năm [trở lại].

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 787

Vào lúc bây giờ, nhiêu Tỳ-khưu có đông đăng cáp đã ngôi xuống trên một cái giường và đã làm gãy cái giường, đã ngoi xuống trên một cái ghe và đã làm gãy cái ghế. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép giường đối với nhóm ba vị, ghế đối với nhóm ba vị. Ngay cả nhóm ba vi ngồi xuống trên cái giường cũng đã làm gãy cái giường, ngôi xuồng trên cái ghê cũng đã làm gãy cái ghê. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giường đối với nhóm hai vi, ghế đối với nhóm hai vị. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu ngân ngại không ngôi xuông trên ghê dài cùng với các vị không đồng đẳng cấp. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ngồi trên ghế dài cùng với những vị không đồng đẳng cấp, ngoại trừ người vô căn, phụ

nữ, người lưỡng căn. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Vậy ghế dài tối thiểu [ngắn nhất] là bao nhiêu?,, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ghế dài có chiều dài tối thiểu là đủ cho ba người. 52. Vào lúc bấy giờ, bà Visākhā, mẹ của Migāra có ý muốn cho xây dựng tòa nhà dài, có mái hiên hình đầu voi, nhằm sự lợi ích cho hội chúng. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "d công trình phụ của tòa nhà dài, việc gì được đức Thế Tôn cho phép, việc gì không được cho phép?" Các vị đã trình sự việc ay lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tất cả công trình phụ của tòa nhà dài. Vào lúc bây giờ, bà nội của đức Vua Pasenadi xứ Kosala từ trân. Khi bà ta từ trần, nhiều vật dụng không được phép đã phát sanh đến hội chúng như là ghế trường kỷ, ghế nệm lông thú, thảm lông cừu dài sợi, thảm lông nhiều màu, thảm lông cừu màu trắng, thảm thêu bông hoa, thảm bông gòn, thảm dệt có nhiều hình thú, thảm có lông mặt trên, thảm có lông một bên góc, thảm dệt sợi vàng, thảm lụa, thảm lớn để nhảy múa, thảm ở mình voi, thảm ở mình ngựa, thảm lót xe, thảm da beo, thảm da nai giống quý, thảm có che phủ ở bên trên và có màu đỏ ở hai đầu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép sử dụng sau khi cắt ngắn các chân của ghế trường kỷ, [cho phép] sử dụng sau khi đã hủy đi lông ở ghế nệm lông thú, [cho phép] tháo gỡ nệm bông gòn để làm gối, [cho phép] dùng làm thảm lót trên nền đất các vật còn lại. 53. Vào lúc bấy giờ, ở ngôi làng nọ không xa thành Sāvatthi, các Tỳ-khưu thường trú bi bận rộn trong khi sắp xếp sàng tọa cho các Tỳ-khưu vãng lai và xuất hành. Khi ấy, các Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: "Này các Đại dức, hiện nay chúng ta bi bận rộn trong khi sắp xếp sàng tọa cho các Tỳ-khưu vãng lai và

xuất hành. Này các Đại dức, vậy chúng ta hãy cho tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng đên một vị, roi chúng ta sẽ sử dụng đô đạc của vi áy.” Họ đã cho tát cả sàng tọa thuộc về hội chúng đến một vị. Các Tỳ-khưu vãng lai đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này: Này các Đại đức, hãy xếp đặt sàng tọa cho chúng tôi. Này các Đại dức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có, chúng tôi đã cho tất cả đến một vị. Này các Đại đức, có phải các vị phân tán sàng tọa thuộc ve hội chúng? Này các Đại dức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ..(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu lại phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng?,, Sau đó, các vi Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu phân tán sàng tọa thuộc về hội chúng, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu5 vì sao những kẻ rồ dại ấy lại phân tán sàng tọa thuộc vê hội chúng? Này các Tỳ-khưu, việc ây không đem lại niêm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, đây là năm vật không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Năm vật ấy là gì? Tu viện và khu đất của tu viện; đây là vật thứ nhất không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vi nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Trú xá và khu đất của trú xá; đây là vật thứ nhì không nên phân tán5 không được phân tán bởi hội

chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, chậu bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật

đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vi nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Dây thừng, tre, cỏ muñja, cỏ babbaja, cỏ dại, đất sét, vật làm bằng gỗ, vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vi nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya. Này các Tỳ-khưu, năm vật này không nên phân tán, không được phân tán bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân tán vẫn là chưa được phân tán; vị nào phân tán thì phạm tội Thullaccaya, 54. Sau đó, khi đã ngự tại thành Sāvatthi theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường du hành đi đến Kītāgiri cung với đại chúng Tỳ-khưu gồm năm trăm vị Tỳ-khưu, có cả Sāriputta và Moggallāna. Các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka đã nghe rằng: “Nghe nói đức Thế Tôn đi đến Kītāgiri cung với đại chúng Tỳ-khưu gồm năm trăm vị Tỳ-khưu, có cả Sāriputta và Moggallāna. Này các Đại đức, vậy chúng ta hãy phân chia tất cả sàng tọa thuộc về hội chúng. Sāriputta và Moggallāna có lòng tham muốn sái quấy, bị chi phối bởi lòng tham muốn sái quấy, chúng ta sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho hẹ)", rồi các vị ấy đã phân chia tất cả sàng tọa thuộc ve hội chúng. Sau đó, trong khi tuần tự du hành, đức Thế Tôn đã ngự đến Kītāgiri. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo nhiều vị Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy đi [trước]. Khi đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, các ngươi hãy nói như vầy: "Này các Đại đức, đức Thê Tôn đi đên cùng với đại chúng Tỳ-khưu gôm năm trâm vị Tỳ-khưu, có cả Sāriputta và Moggallâna. Này các Đại đức, hãy sáp đặt chô trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng Tỳ-khưu có cả Sāriputta và Moggallāna,,, -Bạch Ngài, xin vâng. Rồi các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn, đã đi đến gặp các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka, sau khi đến đã nói với các Tỳ-khưu nhóm Assaji và Punabbasuka điều này: - Này các Đại đức, đức Thế Tôn đi đến cùng với đại chúng Tỳ-khiru gồm năm trăm vị Tỳ-khưu luôn cả Sāriputta và Moggallãna. Này các Đại đức, hãy sắp đặt chỗ trú ngụ cho đức Thế Tôn cùng hội chúng Tỳ-khiru có cả Sāriputta và Moggallâna. Này các Đại dức, sàng tọa thuộc về hội chúng không có. Tất cả đã được chúng tôi chia nhau. Này các Đại đức, hoan nghênh đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thích trú xá nào thì Ngài sẽ ngự ở trú xá ấy. Sāriputta và Moggallâna có lòng tham muôn sái quây, bị chi phôi bởi lòng tham muôn sái quây, chúng tôi sẽ không sắp đặt chỗ trú ngụ cho họ. Này các Đại đức, có phải các vị đã phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?

Này các Đại đức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khiru nhóm Assaji và Punabbasuka lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng?" Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khmi, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. —Này các Tỳ-khưu, vì sao những kẻ rồ dại ấy lại phân chia sàng tọa thuộc về hội chúng? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu? đây là năm vật không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả những vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội Thullaccaya. Năm vật ấy là gì? Tu viện và khu đất của tu viện; đây là vật thứ nhất không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vị nào phân chia thì phạm tội Thullaccaya. Trú xá và khu đất của tru xá; đây là vật thứ nhì không nên phân chia, ...(nt). Giường, ghế, nệm, gối; đây là vật thứ ba không nên phân chia, ...(nt) Chum bằng kim loại, vại bằng kim loại, hũ bằng kim loại, chậu bằng kim loại, dao, rìu, búa, cuốc, xẻng; đây là vật thứ tư không nên phân chia, ...(nt). Dây thừng, tre, cỏ muñja, cỏ babbaja, cỏ dại, đát sét, vật làm băng gô5 vật làm bằng đất sét; đây là vật thứ năm không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vi nào phân chia thì phạm tội Thullaccaya. Này các Tỳ-khưu, năm vật này không nên phân chia, không được phân chia bởi hội chúng, hoặc bởi nhóm, hoặc bởi cá nhân. Ngay cả vật đã được phân chia vẫn là chưa được phân chia; vi nào phân chia thì phạm tội Thullaccaya. 55. Sau đó, khi đã ngự tại Kītāgiri theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến ÂỊavĩ. Trong khi du hành theo tuần tự, Ngài đã ngự đến ÂỊavĩ. Tại nơi đó ở ÂỊavĩ, đức The Tôn ngự ở trong điện thờ chính của ÂỊavĩ. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khxru ở AỊavĩ giao các công trình mới có hình thức như sau: Họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đống, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc tô vữa bức tường, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp đặt cánh cửa, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm tay nắm, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm cửa

Sổ, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sơn màu trắng, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sơn màu dèn, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc trét màu phan đỏ, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lợp mái che, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc lắp ráp, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng, họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc làm bục nền xung quanh, họ giao công trình mới đến hai mươi năm, họ giao công trình mới đến ba mươi năm, họ giao công trình mới đến trọn đời, họ giao công trình mới là tru xá đã được hoàn tất cho đến khi [chết và] hỏa táng. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, ...(nt).. các vị ây phàn nàn, phê

phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm ÂỊavaka lại giao các công trình mới có hình thức như sau: Họ giao công trình mới chỉ với mỗi một việc bảo chất lại thành đống, ...(nt)... họ giao công trình mới là trú xá đã được hoàn tất cho đến khi [chết và] hỏa tang?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. —Này các Tỳ-khưu9 nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu5 không nên giao công trình mới với mỗi một việc bảo chất lại thành đống, không nên giao công trình mới với mỗi một việc tô vữa bức tường, không nên giao công trình mới với môi một việc lăp đặt cánh cửa, không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm tay nắm, không nên giao công trình mới với môi một việc làm cửa s6, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu trắng, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sơn màu đen, không nên giao công trình mới với mỗi một việc trét màu phấn đỏ5 không nên giao công trình mới với mỗi một việc lợp mái che, không nên giao công trình mới với mỗi một việc lắp ráp, không nên giao công trình mới với mỗi một việc đặt thanh ngang ở cửa, không nên giao công trình mới với mỗi một việc sửa chữa các chỗ hư hỏng, không nên giao công trình mới với mỗi một việc làm bục nền xung quanh, không nên giao công trình mới đến hai mươi năm, không nên giao công trình mới đến ba mươi năm, không nên giao công trình mới đến trọn đời, không nên giao công trình mới là trú xá đã được hoàn tất đen khi [chết và] hoả táng; vi nào giao thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giao công trình mới chưa khởi công hoặc chưa hoàn tất, [cho phép] xem xét công việc ở trú xá nhỏ rồi giao công trình mới năm hoặc sáu năm, [cho phép] xem xét công việc ở nhà một mái rồi giao công trình mới bảy hoặc tám năm, [cho phép] xem xét công việc ở trú xá lớn rồi giao công trình mới mười hoặc mười hai năm.
56. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu giao công trình mới là toàn bộ tru xá. Các _ r r . J •
Ạ Ạ 1 A __ 4...- Ạ rr^ /\ VỊ đã trình sự việc ay len đức The Ton.

-Này các Tỳ-khưu, không nên giao công trình mới là toàn bộ trú xá; vi nào giao thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu giao hai công trình mới đến một vị. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên giao hai [công trình mới] đến một vi; vị nào giao thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu cho vị khác trú ngụ. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, sau khi nhận lãnh công trình mới, không nên cho vi khác trú ngụ; vị nào cho trú ngụ thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu chiếm giữ vật thuộc về hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khiru? sau khi nhận lãnh công trình mới, không nên chiếm giữ vật thuộc về hội chúng; vi nào chiếm giữ thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nhận lãnh một chỗ nằm tốt nhất. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên giao công trình mới đến vị đứng ở ngoài ranh giới; vị nào giao thì phạm tội Dukkata, Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu chiếm giữ luôn. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu? sau khi nhận lãnh công trình mới, không nên chiếm giữ luôn; vị nào chiếm giữ thì

phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chiếm giữ trong ba tháng mùa mưa, mùa khác không được chiếm giữ. 57. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh công trình mới, các Tỳ-khưu bỏ đi, hoàn tục, từ tràn, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vi phạm tội cực nặng, được biết là vị bị điên, được biết là bi loạn trí, được biết là vi bi thọ khổ hành hạ, được biết là vi bi án treo về việc không nhìn nhận tội, được biêt là vi bi án treo vê việc không sửa chữa lôi, được biêt là vi bi án treo vê việc không từ bỏ tà kiên ác, được biêt là người vô căn, được biêt là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]? được biêt là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khtru-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là người lưỡng căn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu9 trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị Tỳ- khưu bỏ đi. [Nên nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chiing", rồi nên giao cho vị khác. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, vị Tỳ- khưu hoàn tục, từ trần, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 793

Sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng, được biết là vi bị điên, được biết là bi loạn trí, được biết là vi bi thọ kho hành hạ, được biết là vi bi án treo ve việc không nhìn nhận tội, được biêt là vị bị án treo vê việc không sửa chữa lôi, được biết là vị bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, được biết là người vô căn, được biết là kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu]9 được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khưu-ni? được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là người lưỡng căn. [Nên nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chiing”, rồi nên giao cho vị khác. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vị Tỳ-khưu bỏ đi. [Nên nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chúng”rồi nên giao cho vi khác. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, trong khi chưa hoàn tất, vi Tỳ-khưu hoàn tục, từ tran ..(nt)... được biết là người lưỡng căn. [Nên nghĩ rằng]: uChớ làm tổn hại đến hội chiing", rồi nên giao cho vi khác. Này các Tỳ-khưu5 trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị Tỳ-khưu bỏ đi; công trình ấy còn thuộc về vị ấy [trong mùa mưa năm ấy]. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vị Tỳ-khưu hoàn tục, chết di, được biết là [xuống] Sa-di, được biết là người đã xả bỏ sự học tập, được biết là vị phạm tội cực nặng; hội chúng là chủ quản. Này các Tỳ-khưu, trường hợp sau khi nhận lãnh công trình mới, khi đã hoàn tất, vi Tỳ-khưu được biết là vi bi điên, được biết là bi loạn trí, được biết là vi bi thọ khổ hành hạ, được biết là vị bị án treo về việc không nhìn nhận tội, được biết là vị bi án treo về việc không sửa chữa lỗi, được biết là vị bi án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác; công trình ấy còn thuộc về vị ấy [trong mùa mưa năm ấy].

ĩ . các Tỳ-khmi5 trường Này •r • sau khi nhận hợp lãnh.Jcông trình mới, khi đã hoàn tát, vị Tỳ-khưu được biêt là người vô căn, được biêt kẻ trộm tướng mạo [Tỳ- khưu],

được biết là kẻ đã đi theo ngoại đạo, được biết là thú vật, được biết là kẻ giết mẹ, được biết là kẻ giết cha, được biết là kẻ giết A-la-hán, được biết là kẻ làm nhơ Tỳ-khtru-ni, được biết là kẻ chia rẽ hội chúng, được biết là kẻ làm chảy máu [đức Phật], được biết là người lưỡng căn; hội chúng là chủ quản. 58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu sử dụng sàng tọa là vật dụng trong tru xá của nam cư sĩ nọ tại một địa điểm khác. Khi ấy, nam cư sĩ ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các ngài Đại đức lại sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác?^ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khuru, không nên sử dụng đồ đạc của địa điểm này tại địa điểm khác; vị nào sử dụng thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu trong khi ngân ngại di chuyên [thảm lót] đên nhà hành lễ Uposatha và nơi tụ hội nên ngồi xuống ở nền nhà. Các phần thân thể và các y bị dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép di chuyển có tính cách tạm thời. Vào lúc bấy giờ, tru xá lớn của hội chúng bị sụp đổ. Các Tỳ-khưu trong khi ngân ngại không di chuyên sàng tọa. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khmi, Ta cho phép di chuyển vì mục đích bảo quản. Vào lúc bấy giờ, có mền len đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao đổi [vật khác] để công việc được thuận tiện. Vào lúc bấy giờ, có tấm vải dệt đắt giá là vật phụ thuộc của sàng tọa phát sanh đến hội chúng. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trao đổi [vật khác] để công việc được thuận tiện. 59. Vào lúc bây giờ, có tâm da gâu phát sanh đên hội chúng. Các vi đã trình __ • Ạ _ A ...1 _ Ạ r-r^ Ạ Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép làm vật chùi chân. Vào lúc bây giờ, có tâm vải len phát sanh đên hội chúng. Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm vật chùi chân. Vào lúc bây giờ, có tâm vải phát sanh đên hội chúng. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép làm vật chùi chân. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu bước lên chỗ nằm, ngồi với các bàn chân chưa rửa. Chỗ nằm, ngồi bi dơ bẩn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên bước lên chô năm, ngôi với các bàn chân chưa rửa; vị nào bước lên thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru bước lên chỗ nằm, ngồi với các bàn chân bị ướt. Chỗ nằm, ngồi bi dơ bẩn. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, không nên bước lên chỗ nằm, ngồi với các bàn chân bị ướt; vị nào bước lên thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu mang dép bước lên chỗ nằm, ngồi. Chỗ nằm, ngồi bi dơ bẩn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên mang dép bước lên chỗ nằm, ngồi; vị nào bước lên thì phạm tội Dukkata. 60. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhổ lên mặt nền đã được làm mới khiến màu bị lem luốc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên nhổ lên mặt nền đã được làm mới; vị nào nhổ thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] ống nhổ.

Vào lúc bấy giờ, các chân giường và các chân ghế làm trầy mặt nền được làm mới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Ty-khưu, Ta cho phép dùng vải bọc tròn lại. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu tựa vào tường đã được làm mới, khiến màu bị lem luốc. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, không nên tựa vào tường đã được làm mới; vị nào tựa thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] tấm bảng để dựa vào. Tấm bảng để dựa vào làm trầy mặt nền ở bên dưới và bức tường ở bên trên. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bọc lại ở bên dưới và bên trên với mảnh vải. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu có chân đã rửa sạch ngân ngại năm xuông. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nằm xuống sau khi đã trải ra tấm lót. 61. Sau đó, khi đã ngự tại ÂỊavĩ theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường đi đến thành Rājagaha. Trong khi du hành theo tuần tự, Ngài đã ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, ở thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. 62. Vào lúc bấy giờ? thành Rājagaha có sự khó khăn về vật thực. Dân chúng không the thực hiện bữa trai phạn dâng đen hội chúng nên muốn thực hiện bữa ăn đến các vi được chỉ đinh, sự thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào mỗi kỳ Uposatha, vào ngày đầu của mỗi nửa tháng. Các vị đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bữa trai phạn dâng đến hội chúng, bữa ăn dâng đến các vị được chỉ định, sự thỉnh mời, bữa ăn dâng theo thẻ, vào mỗi nửa tháng, vào mỗi kỳ Uposatha. vào ngày đầu của mỗi nửa tháng. 63. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lấy cho bản thân các bữa ăn thượng hạng và cho các Tỳ-khưu các bữa ăn tầm thường. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vi săp xép các bữa ăn là vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vi không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bi chi phoi bởi sự sân hận, không the bị chi phoi bởi sự si mê, không the bị chi phoi bởi sự sợ hãi, vị biết [bữa ăn] đã được sắp xếp hay chưa được sắp xếp. Và này các Tỳ-khiru, nên chỉ định như vây: Trước hét, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị sắp xếp các bữa ăn. Đây là lời đề nghị.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vây] là vi sáp xép các bữa ăn. Đại đức nào đông ý việc chỉ định vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị sắp xếp các bữa ăn xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh là vị sắp xếp các bữa ăn. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Khi ấy, các Tỳ-khưu là những vị sắp xếp các bữa ăn đã khởi ý điều này: "Bữa ăn nên được sắp xếp như thế nào?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức rTT| Á rin The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép buộc vào thẻ hoặc tấm phiếu, lần lượt rút ra, rồi sắp xếp các bữa ăn. 64. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân bố chỗ trú ngụ. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vi phân bố chỗ trú ngụ là vi Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự

sợ hãi, vi biết vật đã được phân bo và chưa được phân bo. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vi Tỳ-khưu tên [như vay] là vị phân bố chỗ tru ngụ. Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh vị Tỳ- khưu tên [như vây] là vị phân bô chô tru ngụ. Đại đức nào đông ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân bố chỗ trú ngụ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân bố chỗ trú ngụ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này lànhưvậy.,, 65. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị giữ kho đồ đạc. Các vị đã trình : Á l /X 4- / rr-11 A rpi q Sự việc áy len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị giữ kho đồ đạc là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bi chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận? không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vi biết vật đã được cất giữ và chưa được cất giữ. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vây: Trước hét, vị Tỳ-khưu cân được yêu câu, sau khi yêu câu, hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực:

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 797

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vay] là vi giữ kho đođạc.ĐayUlOTđengS.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định VỊ Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị giữ kho đồ đạc. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vi Tỳ-khưu tên [như vây] là vị giữ kho đô đạc xin im lặng; vị nào không đông ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh là vị giữ kho đồ đạc. Sự việc được hội chúng đong ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,^ 66. Vào lúc bây giờ, hội chúng không có vi tiêp nhận y. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị tiếp nhận y là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bi chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được tiếp nhận và chưa được tiếp nhận. Và này các Tỳ-khưu5 nên chỉ đinh như vây: Trước hét, vị Tỳ-khưu cân được yêu câu, sau khi yêu câu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khiru tên [như vay] là vị tiếp nhận y. Đây là lời đe nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị tiếp nhận y xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh là vị tiếp nhận y. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vạy.,, 67. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia y. Các vi đã trình sự _ r _ _ _ _ r __ _ việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép chỉ định vi phân chia y là vị Tỳ-khưu

có năm yếu tố: Vị không thể bi chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bi chi phối bởi sự sợ hãi, vi biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vi Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khiru kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân chia y. Đây là lời đề nghị.

798 TIỂU PHẨM

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vi Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị phân chia y. Đại đức nào đồng ý việc chỉ đinh vi Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị phân chia y xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia y. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vạy.,, 68. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia cháo. Các vị đã trình Sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân chia cháo là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích,...(nt).. vi biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vi Tỳ-khưu can được yêu cầu, sau khi yêu cầu ...(nt).. Vị Tỳ- khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ đinh là vị phân chia cháo. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Vào lúc bấy giờ5 hội chúng không có vị phân chia trái cây. Các vi đã trình Sự việc áy len đức The Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân chia trái cây là vi Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích,...(nt).. vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, ...(nt).. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân chia trái cây. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 69. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị phân chia thức ăn khô. Thức ăn khô không được phân chia nên bị hư. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép chỉ định vi phân chia thức ăn khô là vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, không thể bị chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phoi bởi sự si mê, không thể bị chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vay] là vị phân chia thức ăn khô. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vi phân chia thức ăn khô. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân chia thức ăn khô xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 799

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vi phân chia thức ăn khô. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." 70.

Vào lúc bây giờ, vật dụng linh tinh ở trong kho của hội chúng là dôi dào. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân phát vật linh tinh là vị Tỳ-khtru có năm yếu tố: Vị không thể bi chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết vật đã được phân chia và chưa được phân chia. Và này các Tỳ-khmi, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu nên được yêu câu, sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vi Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát vật linh tinh. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị phân phát vật linh tinh. Đại đức nào đồng ý việc chỉ đinh vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị phân phát vật linh tinh xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vi phân phát vật linh tinh. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Vi Tỳ-khưu là vị phân phát các vật linh tinh nên trao mỗi vị một cây kim, nên trao cây kéo, nên trao đôi dép, nên trao dây thắt lưng, nên trao dây quàng ở vai, nên trao đồ lược nước, nên trao đồ lọc nước thông thường, nên trao dải nối theo chiêu dọc [của y], nên trao dải nôi theo chiêu ngang [của y], nên trao mảnh lớn thuộc dải điều [của y], nên trao mảnh nhỏ thuộc dải điều [của y], nên trao vải may đường biên [của y], nên trao vải may đường viền xung quanh [của y]. Nếu hội chúng có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc mật ong, hoặc đường mía thì nên trao tức thời đê sử dụng. Nêu vật cân dùng có thêm thì nên trao tiêp tục. 71. Vào lúc bây giờ, hội chúng không có vị phân phôi vải choàng. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép chỉ định vi phân phôi vải choàng là vi Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ...(nt)... vị biết được vật đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ đinh như vầy: Trước hết, vi Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vi phân phối vải choàng. Đây là lời đề nghi.

Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị phân phối vải choàng. Đại đức nào đồng ý việc chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vầy] là vi phân phối vải choàng xin im lăng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị phân phối vải choàng. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vi phân phối bình bát. Các vị đã trình Sự việc áy len đức The T6n. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị phân phối bình bát là vị Tỳ- khưu có năm yếu tố: Vị không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ..(nt).. vị biết được vật đã được nhận hoặc chưa được nhận. Và này các Tỳ-khưu5 nên chỉ định như vây: Trước hêt? vi Tỳ-khưu cân được yêu cầu, sau khi yêu cầu,...(nt).. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.^, 72. Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị quản trị các người phụ việc chùa. Các người phụ việc chùa không được quản trị nên không làm công việc. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton.

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định vị quản trị các người phụ việc chùa là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vi không thể bị chi phối bởi sự ưa thích, ..(nt).. vị biết được việc cần quản trị và việc không cần quản trị. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vy: ...(nt).. nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.,, Vào lúc bấy giờ, hội chúng không có vị quản tri các Sa-di. Các Sa-di không được quản trị nên không làm công việc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép chỉ định vị quản trị các Sa-di là vị Tỳ-khưu có năm yếu tố: Vị không thể bi chi phối bởi sự ưa thích, không thể bi chi phối bởi sự sân hận, không thể bị chi phối bởi sự si mê, không thể bi chi phối bởi sự sợ hãi, vị biết được việc càn quản trị và việc không cần quản tri. Và này các Tỳ-khiru, nên chỉ định như vầy: Trước hết, vị Tỳ-khưu cần được yêu cầu, sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định vị Tỳ-khưu tên [như vay] là vị quản trị các Sa-di. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Hội chúng chỉ định vị Tỳ- khưu tên [như vầy] là vị quản trị các Sa-di. Đại đức nào đồng ý việc chỉ đinh vi Tỳ-khưu tên [như vầy] là vị quản trị các Sa-di xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA 801

Vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là vị quản tri các Sadi. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Tụng phẩm thứ ba. Dứt chương 6íSàng tọa95 là thứ sáu.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Vào thời ấy, tru xá vẫn chưa được quy định bởi đức Phật tối thượng, các vị đệ tử ây của đàng Chiên Thăng bước ra từ chô ngụ ở nơi này nơi khác. 2. Người gia chủ đại phú, sau khi nhìn thấy các vị ấy đã nói với các vi Tỳ- khưu điều này: Tôi có thể cho làm, các ngài có thể cư ngụ. Các vị đã hỏi bậc Lãnh Đạo. 3 Ngài đã cho phép năm loại chỗ ngụ là tru xá, nhà một mái, tòa nhà dài, khu nhà lớn và hang động. Nhà đại phú hộ đã cho xây dựng các trú xá. 4. Người ta cho xây dựng trú xá không có cửa, không đóng được, cánh cửa, trụ cửa, rãnh xoay và cái chốt xoay ở trên. 5. Lô đê luôn, sợi dây thừng và tay năm, cái chót gài, đinh khóa chót, chót cửa, lỗ khóa, khóa bằng đồng, bằng gỗ và bằng sừng. r 6 Then cài, đinh khóa chót, mái che, việc trét vữa bên trên và bên dưới, [cửa so] chan song ngang, gắn lưới, chan song dọc và màn che, với thảm trải. 7. Giường đúc và giường bằng vạc tre, ván khiêng tử thi, loại lắp ráp, loại xếp lại, có chân đẽo cong, tháo rời được, ghế vuông loại cao. 8. Ghế dựa dài, ghế làm bằng các thanh ráp lại, ghế lót vải, ghế có chỗ gác chân, ghế có nhiều chân, tấm ván, ghế mây và luôn cả ghế lót rơm nữa. 9. ở giường cao và con rắn, khung giường, khung giường cao tám ngón tay, chỉ sợi, dệt chéo ô nhỏ, mảnh vải, đệm bông gòn, [gối dài] nửa thân người. 10. Trên đỉnh núi và luôn cả các loại nệm, vải bọc và luôn cả sàng tọa, đã được bọc lại, rơi ra từ bên dưới, sau khi tháo ra và họ lấy đem đi. 11. Việc thực hiện các đường vẽ và các đường vẽ bằng bàn tay, đức Thiện Thệ cho phép, màu trắng, màu đen, cũng ở tại tru xá, vỏ trấu và đất sét loại dẻo. 12. Nhựa cây, cái bay thợ nề, cám đỏ, bột mù tạt, dầu sáp ong, bi đóng cục, để chùi, bị lồi lõm, đất sét trộn phân trùn. .c

13. Nhựa cây và hình ảnh gợi cảm, bị tháp và nên móng, việc leo lên, các vị bị té, đông đảo người, bức tường thấp, lại là ba [loại phòng]. 14. ở [trú xá] nhỏ, chân tường, thấm nước mưa, tiếng la lớn, chốt tường, sào máng y và dây [treo y], mái hiên, với màn che.

15. Tay cầm để vịn, rác cỏ, nên thực hiện theo phương thức ở phần dưới, ngoài trời, bị hâm nóng, gian nhà và tô uống nước ở phần dưới. 16. Trú xá và luôn cả cổng ra vào, căn phòng, nhà để đốt lửa, về tu viện và luôn cả cổng ra vào, nên thực hiện theo phương thức ở phần bên dưới. 17. Vữa hồ, và ông cấp Cô Độc có đức tin đã đi đến khu rừng Sītā, đã thấy được pháp, đã mời thỉnh đấng Lãnh Đạo cùng với hội chúng. 18. Trên đường đi đã kêu gọi, nhóm người đã cho xây dựng tu viện, ở Vesālī, công trình mới, đi trước và giành phần. 19. Vị nào xứng dáng phân ăn hạng nhát, chim đa đa và các hạng không đáng đảnh lễ, bi giành phân, ở trong nhà, [độn] bông gòn, đã ngự đên Sāvatthi. 20. Vi ây đã thiêt lập tu viện và sự ôn ào ở nhà ăn, các vị bị bệnh, các giường tốt nhất và do mánh lới, nhóm Mười Bảy Sư, ở nơi đó. 21. Bởi vị nào? Như thế nào? Đã phân chia theo trú xá, theo phòng ở và phần còn lại, có thể không ban cho phần chia nếu không thích. 22. ở ngoài ranh giới và chiếm giữ luôn mọi lúc, ba [thời điểm] về chỗ ngụ, vị Upananda và Ngài đã ngợi khen, các vị đứng và cùng ngoi chung chỗ. 23. Chô ngôi đông đăng cáp, các vi đã làm gãy, nhóm ba vi và nhóm hai vị, với những vị không đồng đẳng cấp, ghế dài, mái hiên hình đầu voi, [cho phép] để sử dụng. 24. Và bà nội [của đức vua], không xa và đã được phân chia, ở Kītāgiri, ở Ālavī, với việc chất đống và [tô vữa] bức tường, [lắp đặt] cánh cửa, [làm] tay nắm. 25. Cửa sổ, [sơn] màu trắng, màu đen, màu đỏ, [lợp] mái che và việc lắp ráp, đặt thanh ngang, chỗ hư hỏng, bục nền xung quanh, hai mươi năm, ba mươi năm và trọn đời. 26. Đã được hoàn tất, chưa khởi công, ở [trú xá] nhỏ9 nên giao sáu hoặc năm năm, về nhà một mái thì bảy hoặc tám năm, và [trú xá] lớn thì mười hoặc mười hai năm. 27. [Công trình là] toàn bộ trú xá, [giao hai công trình] cho một vị, cho vị khác ngụ, [chiếm giữ] vật thuộc ve hội chúng, ở ngoài ranh giới, [chiếm giữ] luôn mọi lúc, các vị bỏ đi, hoàn tục. 28. Và chét di, [xuông] Sa-di, vị đã xả bỏ sự học tập, [tội] cực nặng, các vị bị điên, có tâm rối loạn và bi thọ khổ, do việc không nhìn nhận tội. 29. Do việc không sửa chữa lôi, do tà kiên, các người vô căn, những kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu] và theo ngoại dạo, thú vật, kẻ giết mẹ, cha, A-la-hán, làm nhơ [Tỳ-khưu-ni]. 30. Những kẻ chia rẽ, làm chảy máu [đức Phật], và luôn cả những người lưỡng căn, [nghĩ rằng]: "Chớ làm tổn hại đến hội chúng”rồi nên giao công trình cho vị khác.

31. Trong khi chưa hoàn tất, giao vị khác, đã hoàn tất, bỏ đi, vẫn còn thuộc vị ấy. Vị hoàn tục, chết đi và xuống lại Sa-di. r 32. Và vị đã xả bỏ sự học tập, phạm tội cực nặng, nêu là người vô căn, hội chúng là chủ quản. Vị bị điên, có tâm rối loạn, bị thọ khổ. 33. về việc không nhìn nhận tội, không sửa chữa lỗi, tà kiến, thì vẫn còn thuộc về vi ấy. Người vô căn, kẻ trộm tướng mạo [Tỳ-khưu], theo ngoại đạo, thú vật, kẻ giết mẹ, giết cha. 34. Kẻ giết [A-la-hán], và luôn cả kẻ làm nhơ [Tỳ-khưu-ni], kẻ chia rẽ [hội chúng], kẻ làm chảy máu [đức Phật], người lưỡng căn, nêu vị ây thú nhận, thì chính hội chúng

chủ quản. 35. Các vị đem nơi khác, có sự ngần ngại, [trú xá] bị sụp đổ, và mền len, tấm vải dệt, tấm da thú, tấm vải len, tấm vải và các vị bước lên. 36. [Bàn chân] bị ướt, có giày dép, việc phun nhổ, các vị làm trầy và các vi dựa vào, có tâm dựa, hoặc khi đã bị trây, đã được rửa sạch và với tâm trải. 37. ở Rājagaha, các vi không thể nào, [bữa ăn] tàm thường, vị sắp xếp bữa ăn, vậy thì như thế nào, vi phân bố [chỗ ngụ], việc chỉ định vị giữ kho. 38. Vị tiếp nhận và vị phân chia [y], luôn cả vê cháo, vị phân chia trái cây, vi phân chia thức ăn khô và luôn cả phân phát vật linh tinh nữa. 39. Và luôn cả vị phân phối vải choàng, tương tợ y như thế là vị phân phối bình bát, việc chỉ định vị quản trị các người phụ việc tu viện, và các vị Sa-di. 40. Đấng Toàn Tri, bậc Hiểu Biết Thế Gian, vi có tâm tốt lành, là vị Lãnh Bạo, vì lợi ích của chỗ trú ngụ và vì lợi ích của sự an lạc, để tham thiền và để minh sát. —ooOoo—

VII. CHƯƠNG CHIA RỄ HÔI CHÚNG

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT

sự XUẤT GIA CỦA SÁU VỊ DÒNG SAKYĀ 1 Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngụ tại Anupiyā. Anupiyâ là tên của một thị trân của xứ Mallā. Vào lúc bây giờ, nhiêu vương tử rát danh tiêng thuộc dòng dõi Sakyā xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn [là người] đã xuất gia. Vào lúc bấy giờ, Mahānāma dòng Sakyā và Anuruddha dòng Sakyā là hai anh em. Anuruddha dòng Sakyā là người mảnh mai. Vị ấy có ba tòa lâu đài: Một dành cho mùa lạnh, một dành cho mùa nóng, một dành cho mùa mưa. Vào bốn tháng mùa mưa ở trong tòa lâu đài dành cho mùa mưa, trong lúc được phục vụ bởi các nữ công tấu nhạc, chàng không bước xuống phía dưới của tòa lâu đài. Khi ấy, Mahānāma dòng Sakyā đã khởi ý điều này: "Hiện nay nhiều vương tử rất danh tiếng thuộc dòng dõi Sakyā, đã xuất gia noi theo gương đức Thế Tôn [là người] đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia, sống không nhà cả. Có lẽ hoặc là ta hoặc là Anuruddha nên xuất gia?" Sau đó, Mahānāma dòng Sakyā đã đi đến gặp Anuruddha dòng Sakyā, sau khi ĩ \ đên đã nói với Anuruddha dòng Sakyā điêu này: Này. Anuruddha L yêu: dấu, hiện nay nhiêur vương tử rất •danh tiếng, r .. thuộc dòng dõi Sakyā, đã xuất gia noi theo gương đức Thê Tôn [là người] đã xuất gia. Còn gia tộc của chúng ta thì không có người nào rời nhà xuất gia, sông không nhà cả. Chính vì điêu ây5 hoặc là em hoặc là anh nên xuất gia. . 9 e r r -Em thì mảnh mai, em không thê rời nhà xuất gia, sông không nhà. Anh hãy xuất gia đi. -Anuruddha yêu dấu, hãy đến. Anh sẽ chỉ dạy công việc gia đình cho em. Trước tiên, cân bảo cày xới ruộng nương, sau khi bảo cày xới roi cân bảo gieo hạt, sau khi bảo gieo hạt rồi cần bảo đưa nước vào, sau khi bảo đưa nước vào rồi cần bảo tưới nước đều khắp các ruộng, sau khi bảo tưới nước đều khắp các ruộng cân bảo nhô cỏ, sau khi bảo nhô cỏ roi cân bảo gặt hái, sau khi bảo gặt hái rồi cần bảo thâu hoạch, sau khi bảo thâu hoạch rồi cần bảo chất thành đống, sau khi bảo chất thành đống rồi cần bảo đập giũ, sau khi bảo đập giũ rồi cần bảo tách rơm ra, sau khi bảo tách rơm ra cần bảo tách trấu ra, sau khi bảo tách trấu ra cần bảo sàng sảy, sau khi bảo sàng sảy rồi cần bảo đem cất vào kho, sau khi

bảo đem cất vào kho rồi vào mùa tới cũng cần được làm y như thế, vào mùa tới nữa cũng cân được làm y như thê. Thế các công việc không được ngưng lại hay sao? Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến hay sao? Khi nào các công việc sẽ được ngưng lại? Khi nào sự chấm dứt các công việc sẽ được biết đến? Khi nào chúng ta mới được rảnh rỗi mà hưởng thụ năm phần dục lạc đã được ban cho, đã được sở hữu? -Này Anuruddha yêu dấu, công việc không được ngimg lại. Sự chấm dứt của các công việc không được biết đến. Khi công việc vẫn chưa ngưng lại, cha mẹ và ông đã qua đời. Chính vì điêu ây, nên chính anh hãy biêt lây công việc gia đình. Em sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. 2. Sau đó, Anuruddha dòng Sakyā đã đi đến gặp người mẹ. Sau khi đến đã nói với người mẹ điều này: Thưa mẹ, con muôn rời nhà xuât gia, sông không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia, sống không nhà. Khi được nói như thế, mẹ của Anuruddha dòng Sakyā đã nói với Anuruddha dòng Sakyā điều này: Này Anuruddha yêu dấu, các con là hai người con trai thân thương, quý mên, yêu dâu của mẹ. Chỉ có sự chét thì mẹ đành phải xa con một cách miên cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống mẹ lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Đen lần thứ nhì, Anuruddha dòng Sakyā đã nói với người mẹ điều này: Thưa mẹ, con muôn rời nhà xuât gia, sông không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia, sống không nhà. Này Anuruddha yêu dấu, các con là hai người con trai thân thương, quý mến, yêu dấu của mẹ. Chỉ có sự chết thì mẹ đành phải xa con một cách miễn cưỡng; làm sao trong lúc con đang còn sống, mẹ lại cho phép con về việc rời nhà xuất gia, sống không nhà được? Đên lân thứ ba, Anuruddha đã nói với người mẹ điêu này: -Thưa mẹ, con muốn rời nhà xuất gia, sống không nhà. Mẹ hãy cho phép con rời nhà xuất gia, sống không nhà. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Bhaddiya dòng Sakya trị vì lãnh thổ Sakyā. Và đức vua là bạn của Anuruddha dòng Sakyā. Khi ây, mẹ của Anuruddha dòng Sakyā [nghĩ rằng]: "Đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā này tri vì lãnh thổ Sakyā là bạn của Anuruddha dòng Sakyā. Vi ây không nhiệt tình rời nhà xuất gia, sống không nhà", nên đã nói với Anuruddha dòng Sakyā điều này: "Này Anuruddha yêu dấu, nếu đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā rời nhà xuất gia, sống không nhà, như vậy thì con cũng hãy xuất gia."

VIL CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 807

3. Sau đó? Anuruddha dòng Sakyā đã đi đến gặp đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā. Sau khi đến đã nói với đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā điều này: Này bạn, việc xuất gia của tôi tùy thuộc vào bạn đó. -Này bạn, nếu việc xuất gia của bạn tùy thuộc vào tôi, vậy hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ...cứ việc xuất gia một cách thoải mái.1 Này bạn, hãy đến. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. -Này bạn, tôi không thể rời nhà xuất gia, sống không nhà. Điều gì khác mà tôi có the làm cho bạn thì tôi sẽ làm cho bạn. Bạn hãy xuất gia đi. Này bạn, mẹ đã nói với tôi như vây: "Này Anuruddha yêu dâu, nêu đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā rời nhà xuất gia, sống không nhà, như vậy thì con cũng hãy xuất gia." Này bạn, hơn nữa bạn đã nói lời nói này: "Này bạn, nếu việc xuât gia của bạn tùy thuộc vào tôi, hãy làm cho nó không còn tùy thuộc nữa. Tôi với bạn ... cứ việc xuất gia một cách thoải mái." Này bạn, hãy đến. Cả hai ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. Vào lúc bấy giờ, loài người nói năng chân thật, tôn

trọng sự chân thật. Khi ấy, đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā đã nói với Anuruddha dòng Sakyā điều này: Này bạn, hãy chờ đợi bảy năm. Sau bảy năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. 9 0

Này bạn, bảy năm quá lâu. Tôi không thê chờ đợi bảy năm. -Này bạn, hãy chờ đợi sáu năm. ...(nt)... năm năm. ...(nt)... bốn năm. ...(nt)... ba năm. ...(nt)... hai năm. ...(nt)... một năm. Sau một năm, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. -Này bạn, một năm quá lâu. Tôi không thể chờ đợi một năm. Này bạn, hãy chờ đợi bảy tháng. Sau bảy tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. Này bạn, bảy tháng quá lâu. Tôi không thể chờ đợi bảy tháng. Này bạn, hãy chờ đợi sáu tháng (nt) năm tháng. ...(nt)... bốn tháng. ..(nt)... ba tháng. ,..(nt)... hai tháng. ...(nt)... một tháng. ...(nt)... nửa tháng. Sau nửa tháng, cả hai chúng ta sẽ rời nhà xuất gia, sống không nhà. Này bạn, nửa tháng quá lâu. Tôi không thê chờ đợi nửa tháng. Này bạn, hãy chờ đợi bảy ngày, đến khi tôi trao lại vương quốc cho các người con trai và các người em trai xong. Này bạn, bảy ngày không lâu lắm. Tôi sẽ chờ đợi. 4. Khi ấy, đức Vua Bhaddiya dòng Sakyā, Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, Devadatta, với thợ cạo upâli là người thứ bảy, giống như trước đây,1

1 Ngài Buddhaghosa giải thích rằng: Bhaddiya vì thương mến bạn, muốn nói rằng: "T6i với bạn sẽ xuất gia , nhưng vì lòng ham muốn sự vinh quang của vương quyền ngăn cản trải tim jai nên chỉ nói được "T6i với bạn" và đã không thê nói phần còn lại (VìnA. VI. 1275). Nói thêm chọ rõ về lời giải thích trên là vị Anuruddha đã nghe đức Vua Bhaddiya nói như sau: “T6i với bạn cứ việc xuất gia một cách thoải

họ đã đi ra khu vườn hoa cùng với bốn loại quân binh, tương tợ y như thế, họ đã ra đi cùng với bốn loại quân binh. Khi đi đã xa, họ đã cho quân binh trở về. Sau khi đi sang lãnh thổ khác, họ đã cởi các đồ trang sức ra, dùng y khoác ngoài buộc lại thành gói5 rồi đã nói với thợ cạo Upâli điều này: uNày khanh Upãli, ngươi nên trở lại. Nhiêu đây cũng đủ cho cả đời của nguôi.” Sau đó, trong khi đi trở vê, thợ cạo upâli đã khởi ý điêu này: "Những người dòng Sakyā thật là ác độc [nghĩ rằng]: 'Các vương tử đã bỏ đi vì gã này', cũng CÓ thê ra lệnh giêt ta. Chính các vương tử dòng Sakyā này còn rời nhà xuất gia, sống không nhà, việc gì ta lại kh6iìg?" Vi ấy đã mở gói đồ ra rồi treo gói đồ ấy ở trên cây, nói răng: "Ai thây được cứ việc lây món quà", roi đã đi đên gặp các vương tử dòng Sakyā. Các vương tử dòng Sakyā ấy đã nhìn thấy thợ cạo upâli đang từ đàng xa đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với thợ cạo Ưpâli điều này: Này khanh upli, vì sao ngươi quay lại? Thưa các vương tử5 ở đây, trong khi quay trở về tôi đã khởi ý điều này: "Những người dòng Sakyā thật là ác độc [nghĩ rằng]: 'Các vương tử đã bỏ đi vì gã này\ cũng có thể ra lệnh giết ta. Chính các vương tử dòng Sakyā này còn rời nhà xuất gia, sống không nhà, việc gì ta lại kh6ng?” Thưa các vương tử, tôi đây đã mở gói đồ ra, treo gói đồ ấy ở trên cây, nói rằng: "Ai thấy được cứ việc lấy món quà", rồi từ đó tôi đã quay lại. Này khanh Upâli, ngươi đã hành động đúng về việc người đã quay trở lại vì những người dòng Sakyā quả là ác độc [nghĩ rằng]: "Các vương tử đã bỏ đi vì gã này", cũng có thể ra lệnh giết ngươi. 5. Sau đó, các vương tử dòng Sakyā ấy đã đưa thợ cạo

upâli đi đến gặp đức The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuông một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các vương tử dòng Sakyā ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, chúng tôi thuộc dòng Sakyā có sự ngã mạn. Bạch Ngài, thợ cạo upāli này là người hầu cận của chúng tôi lâu nay. Xin đức Thế Tôn cho người này xuất gia trước tiên. Chúng tôi sẽ thực hiện việc đảnh lễ, việc đứng dậy, việc chap tay, hành động thích hợp đôi với ông ta. Như thê, sự ngã mạn của dòng Sakyā trong những người Sakyā chúng tôi sẽ không còn nữa. Khi ấy, đức Thế Tôn đã cho thợ cạo upāli xuất gia trước tiên, kế đến là các vương tử dòng Sakyā ấy. Sau đó, ngay trong năm ấy, Đại đức Bhaddiya đã chứng ngộ ba minh, Đại đức Anuruddha đã chứng đạt thiên nhãn, Đại đức Ānanda đã chứng ngộ quả Nhập lưu, Devadatta đã thành tựu được thần thông của phàm nhân. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Bhaddiya mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dâu ở nơi đông trông, vân thường xuyên thót lên lời cảm hứng rằng: "Oi sự an lạc! ôi sự an l@c!" Khi ấy, nhiều vị Tỳ-khưu đã đi đến gặp đức

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 809

r-pl Á rpi/\ 1 1 • 4-Á 4-7 1 1 X r rpi Á rp A À • À • Á /\ l 1 /X T/^1 • The Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuong mọt ben. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu ấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, Đại đức Bhaddiya mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, vẫn thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: “Oi sự an lạc! Oi sự an lạc!" Bạch Ngài, chác chăn răng Đại đức Bhaddiya không thỏa thích thực hành Phạm hạnh, hoặc là trong khi hồi tưởng lại chính sự khoái lạc vương giả ấy trước đây, [vị ấy] mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, đã thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: "Oi sự an lạc! ôi sự an lạc!” 6. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo một vi Tỳ-khưu khác rằng: Này Tỳ-khưu, hãy đến. Ngươi hãy nhân danh Ta đi đến nói với Tỳ-khưu Bhaddiya rằng: "Này Đại đức Bhaddiya, bậc Đạo sư cho gọi Đại dức." Bạch Ngài, xin vâng. Rồi vị Tỳ-khưu ấy nghe theo đức Thế Tôn, đã đi đến gặp Đại đức Bhaddiya, sau khi đến đã nói với Đại đức Bhaddiya điều này: Này Đại đức Bhaddiya, bậc Đạo sư cho gọi Đại đức. Này Đại đức, xin vâng. Rồi Đại đức Bhaddiya nghe theo vị Tỳ-khưu ấy, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Bhaddiya đã ngồi xuống một bên, đức Thế Tôn đã nói với Đại đức Bhaddiya điều này: -Này Bhaddiya, nghe nói ngươi mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dâu ở nơi đông trông, vân thường xuyên thót lên lời cảm hứng răng: "Ôi sự an lạc! ôi sự an lạc!" có đúng không vậy? -Bạch Ngài, đúng vậy. Này Bhaddiya, trong khi cảm nhận được lợi ích gì khiến ngươi, mặc dầu ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, thường xuyên thốt lên lời cảm hứng: "Oi sự an lạc! ôi sự an lạc!" vậy? Bạch Ngài, trước đây khi con làm vua, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cân thận bên trong hậu cung, mặc dâu có sự bảo vệ được sáp đặt cân thận bên ngoài hậu cung, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài thành phố, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên trong xứ sở, mặc dầu có sự bảo vệ được sắp đặt cẩn thận bên ngoài xứ sở, bạch Ngài, trong khi được bảo vệ và được an toàn như vậy, con đây sông vân cảm thây sợ hãi, khiep đảm, lo âu, hồi hộp. Bạch Ngài, thế mà giờ đây con chỉ một mình, mặc dầu

ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống lại không sợ hãi, không khiếp đảm, không lo au5 không hồi hộp, vô tư lự, điềm tĩnh, tùy thuận sự bố thí của người khác, sống với tâm như loài thú rừng. Bạch Ngài, mặc dầu

ở trong rừng, mặc dầu ở dưới cội cây, mặc dầu ở nơi đồng trống, con đây cảm nhận được sự lợi ích này nên thường xuyên thốt lên lời cảm hứng rằng: uÔi sự an lạc! ôi sự an lạc!" Sau đó, khi hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này: uĐối với người nào mà các sự sân hận không hiện diện ở trong tâm, đã vượt qua khỏi hữu và phi hữu như thế, vi ấy đã không còn sự sợ hãi, có sự an lạc, không sầu muộn, chư thiên không đạt được việc nhìn thấy vị ấy." 7. Sau đó, khi đã ngự ở Anupiyâ theo như ý thích, đức Thế Tôn trong khi tuần tự du hành đã ngự đến thành Kosambī. Tại nơi đó, trong thành Kosambī, đức Thế Tôn ngự ở tu viện Ghosita. Khi ấy, Devadatta trong lúc độc cư thiền tịnh, đã có ý nghĩ suy tầm như vầy sanh khởi: "Ta nên làm cho ai tin tưởng để khi người ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và sự trọng vọng có thể phát sanh?99 Khi ấy, điều này đã khởi lên cho Devadatta: "Hoàng tử Ajātasattu này còn trẻ và có tương lai rạng rỡ. Hay là ta nên làm cho Hoàng tử Ajātasattu tin tưởng, để khi vị ấy đã đặt niềm tin nơi ta rồi thì nhiều lợi lộc và sự trọng vọng sẽ phát sanh?" Sau đó, Devadatta đã thu xép sàng tọa roi câm y bát đi đên thành Rājagaha. Theo tuần tự, vị ấy đã đến được thành Rājagaha. Khi ấy, Devadatta đã thay đổi hình dạng của mình và biến thành hình dạng đứa bé trai, mình quấn đầy rắn, xuất hiện ở trên bắp vế của Hoàng tử Ajātasattu. Khi ấy, Hoàng tử Ajātasattu đã trở nên sợ hãi, khiếp đảm, lo âu, hồi hộp. Khi ấy, Devadatta đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: Hoàng tử, ngài sợ tôi hay sao? Vâng, ta sợ lắm. Ngươi là ai? -Tôi là Devadatta. Thưa ngài, nêu người là ngài Đại đức Devadatta, xin hãy hiện ra với hình dáng của chính ngài đi. 8. Sau đó, Devadatta đã thay đổi hình dạng đứa bé trai và hiện ra đứng trước Hoàng tử Ajātasattu có mang y hai lớp và y bát. Khi ấy, Hoàng tử Ajātasattu vô cùng ngưỡng mộ thần thông kỳ diệu này của Devadatta, nên sáng chiều đã đi đến phục vụ cùng với đoàn xe năm trăm chiếc và vật cúng dường về thực phẩm là năm trăm phần cơm nấu với sữa được mang lại. Khi ây, Devadatta với tâm đã bị chê ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, Ưọng vọng và tôn vinh, khiên điêu tham muôn như vây đã khởi lên: "Ta sẽ quản trị hội chúng Ty-khiru?5 Cùng lúc với sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông ấy.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HÔI CHÚNG 811

Vào lúc bấy giờ, thị giả của Đại đức Mahāmoggallāna tên là Kakudhā, con trai của dòng Koḷiya, vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vi ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đồng làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản thể đó? vị ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác. Khi ấy, thiên tử Kakudhā đã đi đến gặp Đại đức Mahāmoggallāna, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Mahāmoggallāna rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudhā đã nói với Đại đức Mahāmoggallāna điều này: Thưa ngài, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bị ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh, khiến điều tham muốn như vầy đã

khởi lên: "Ta sẽ quản trị hội chúng Tykhưu." Thưa ngài, cùng lúc với sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi thần thông ấy. Thiên tử Kakudhā đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vi ấy đã đảnh lễ Đại đức Mahâmoggallāna, hướng vai phải nhiễu quanh rồi biến mất ngay tại cho áy. 9. Sau đó, Đại đức Mahāmoggallāna đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thi giả của con tên là Kakudhā, con trai dòng Koḷiya vừa mới từ trần và tái sanh vào thân khác do ý tạo. Vị ấy đạt được bản thể có hình dạng như là hai hay ba cánh đong làng ở xứ Magadha. Với sự thành tựu bản the đó, vi ấy vẫn không hề làm tổn thương chính mình hay người khác. Bạch Ngài, khi ấy thiên tử Kakudhā đã đi đến gặp con, sau khi đến đã đảnh lễ con rồi đã đứng một bên. Khi đã đứng một bên, thiên tử Kakudhā đã nói với con điều này: “Thua ngài, Devadatta với tâm đã bị chế ngự, đã bi ám ảnh bởi sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh, khiến điều tham muốn như vầy đã khởi lên: 'Ta sẽ quản trị hội chúnệ Tỳ-khuu\ Thưa ngài, chính do sự sanh khởi của tâm, Devadatta đã mất đi than thông của minh.” Thiên tử Kakudhā đã nói lên điều ấy. Sau khi nói lên điều ấy, vi ấy đã đảnh lễ con, hướng vai phải nhiễu quanh rồi biến mất ngay tại chỗ ấy. Này Moggallâna, có phải thiên tử Kakudhā với ngươi có tâm hiểu và biết [lẫn nhau] bằng tâm, nên bát cứ điêu gì thiên tử Kakudhā nói [ngươi biêt được], tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác? Bạch Ngài, thiên tử Kakudhā với con có tâm hiểu và biết [lẫn nhau] bằng tâm, nên bất cứ điều gì thiên tử Kakudhā nói [con biết được], tất cả điều ấy đều theo chính cách ấy, chứ không phải cách nào khác. Này Mo^gallâna, hãy giữ kín lời nói này. Này Moggallãna, hãy giữ kín lời nói này. Đã đen lúc kẻ rồ dại ấy tự chính mình sẽ làm bộc lộ bản thân. 10. Này Moggallãna, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm?

Này Moggallāna, ở dây, có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tinh lại tỏ ra rằng: "Ta có giới thanh tjnh" và "Giới của ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử biêt vê chính vị ây như vây: "Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rang: 'Ta có giới thanh tịnh9 và 'Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố/Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ9 tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.” Này Moggallâna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vi đạo sư về giới, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ ve giới từ các đệ tử. Này Moggallâna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: “Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh,, và "Sự nuôi mạng của ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh9 và 'Sự nuôi mạng của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ố/Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hy, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông

ta sẽ biết điều ấy." Này Moggallâna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vi đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử. Này Moggallâna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư, trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: “Ta có sự thuyết pháp thanh tjnh" và "Sự thuyết pháp của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử biết về chính vi ấy như vầy: "Ngài đạo sư này trong khi có sự thuyết pháp không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh5 và 'Sự thuyết pháp của ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen a Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.” Này Moggallâna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc thuyết pháp, và như vậy là vi đạo sư mong đợi sự bảo vệ ve việc thuyết pháp từ các đệ tử. Này Moggallãna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có lối giải thích thanh tjnh" và "Lối giải thích của ta thanh tinh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử biết về chính vị ấy như vầy: “Ngài đạo sư này trong khi có lối giải thích không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có lối giải thích thanh tịnh9 và 'Lối giải thích của

ta thanh tinh, trong sạch, không bị hoen ố/ Nếu chúng ta nói cho các cư sĩ? ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này Moggallāna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư vê lôi giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử. Này Moggallâna, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh" và "Tri kiến của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử biết về chính vi ấy như vầy: “Ngài đạo sư này trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có tri kiên thanh tjnh' và 'Tri kiên của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen ô.9 Nêu chúng ta nói cho các cư si, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điêu mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điêu ây cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy.” Này Moggallâna, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vi đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. Này Moggallãna, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Và này Moggallâna, Ta có giới thanh tịnh và biết rằng: "Ta có giới thanh tjnh” và "Giới của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen 6." Các đệ tử không can bảo vệ Ta ve giới, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ ve giới từ các đệ tử. Ta nuôi mạng thanh tịnh và biết rằng: "Ta có sự nuôi mạng thanh tjnh" và "Sịt nuôi mạng của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự nuôi mạng, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự nuôi mạng từ các đệ tử. Ta thuyết pháp thanh tịnh và biết rằng: “Ta có sự thuyết pháp thanh tịnh,, và "Sự thuyết pháp của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cân bảo vệ Ta vê sự thuyêt pháp, và Ta cũng không mong đợi sự

bảo vệ về sự thuyết pháp từ các đệ tử. Ta có lối giải thích thanh tịnh và biết rằng: "Ta có lối giải thích thanh tjnh" và "Lối giải thích của Ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử không cân bảo vệ Ta vê lôi giải thích, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ vê lối giải thích từ các đệ tử. Ta có tri kiến thanh tịnh và biết rằng: "Ta có tri kiến thanh tjnh" vA "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về tri kiến, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. 11. Sau đó, khi đã ngự tại Kosambī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã lên đường du hành đến thành Rājagaha. Trong khi du hành theo tuần tự, Ngài đã

ngự đến thành Rājagaha. Tại nơi đó, trong thành Rājagaha, đức Thế Tôn ngự tại VèỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Khi ấy5 nhiều vị Tỳ-khtru đã đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khiru ay đã noi vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, Hoàng tử Ajātasattu sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiec, và vật cúng dường vê thực phàm là năm trăm phần cơm nấu với sữa được mang lại. Này các Tỳ-khưu, chớ có ganh tị với Devadatta về sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh. Này các Tỳ-khưu, cho đến khi nào Hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trăm chiếc, và vật Cling dường vê thực phàm là năm trăm phân cơm nâu với sữa còn được mang lại thì này các Tỳ-khưu, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đen cho Devadatta, chứ không phải sự tiến triển. Này các Ty-khiru, cũng giống như người ta làm vỡ túi mật ở mũi của con chó dữ tợn; này các Tỳ-khưu5 bởi vì như vậy con chó ấy sẽ trở nên dữ tợn hơn trước. Tương tợ như thế, này các Tỳ-khiru? cho đến khi nào Hoàng tử Ajātasattu còn sáng chiều đi đến phục vụ Devadatta cùng với đoàn xe năm trâm chiếc, và vật cúng dường vê thực phàm là năm trăm phân cơm nâu với sữa còn được mang lại thì này các Tỳ-khưu, việc suy giảm trong các thiện pháp là điều sẽ xảy đên cho Devadatta, chứ không phải sự tiên triên. Này các Ty-khxru, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các Tỳ-khưu, giông như cây chuôi khi fro quả thì đưa đên sự hư hỏng của thân cây, khi fro quả thì đưa đên sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; lợi lộc, vinh hiển và danh vọng đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các . Tỳ-khưu, £ r giônge như cây • tre khi két trái thì r đưa đên • sự hư hỏng của thân cây, khi két trái thì đưa đên sự tiêu hoại; tương tợ như thê, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các Tỳ-khưu, giông như cây sậy khi két trái thì đưa đên sự hư hỏng của thân cây, khi kết trái thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự tiêu hoại. Này các Tỳ-khưu, giống như con lừa cái khi mang thai thì đưa đến sự hư hỏng của bản thân, khi mang thai thì đưa đến sự tiêu hoại; tương tợ như thế, sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta sự hư hỏng của bản thân; sự lợi lộc, trọng vọng và tôn vinh đã đem lại cho Devadatta

sự tiêu hoại.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 815

"Đúng vậy, [sự kết] trái hại chết cây chuối, [sự kết] trái hại chết cây tre, [sự kết] trái hại chết cây sậy, sự trọng vọng hại chết kẻ ngu, tương tợ như bào thai hại chết con lừa." Tụng phẩm thứ nhất

12. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn được vây quanh bởi hội chúng đông đảo có cả đức vua, đang thuyết giảng giáo pháp. Khi ấy, Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói Vơi đức The Ton điêu nay: -Bạch Ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, đã đạt đến đoạn cuối cuộc đời. Bạch Ngài, giờ đây xin đức Thế Tôn hãy sống gắn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng Tỳ-khưu hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng Tỳ-khưu. - Này Devadatta, thôi đi. Ngươi chớ có mong để được cai quản hội chúng Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhi, Devadatta ..(nt)... Đen lần thứ ba, Devadatta đã nói với đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, đức Thế Tôn nay đã tàn tạ, già cả, lớn tuổi, đã sống thọ, đã đạt đên đoạn cuôi cuộc đời. Bạch Ngài, giờ đây xin đức Thê Tôn hãy sông găn bó vào sự lạc trú trong hiện tại, còn hội chúng Tỳ-khưu hãy bàn giao cho tôi, tôi sẽ cai quản hội chúng Tỳ-khưu. Này Devadatta, ngay cả Sāriputta và Moggallâna Ta còn không thể bàn giao hội chúng Tỳ-khxru? làm sao [có thể bàn giao] cho kẻ tồi tệ đáng phỉ nhổ như ngươi đươc? Khi ấy, Devadatta [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn đã bôi nhọ ta bằng cách gọi là kẻ đáng phỉ nhổ trước hội chúng có cả nhà vua và còn ca tụng Sāriputta và Moggallãna nữa!,, nên tức tối, có sự không hài lòng, rồi đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh và ra đi. Như thế, đây đã là mối ác cảm thứ nhất của Devadatta đối với đức Thế Tôn. 13. Sau đó5 đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: —Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây hội chúng hãy thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta." Và này các Tỳ-khưu, nên thực hiện như vậy: Hội chúng cần được thông báo bởi vi Tỳ-khiru kinh nghiệm, có năng lực:

816 TIỀU PHẨM

. r Ị. 7

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta/ Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng thực hiện hành Sự công bô vê Devadatta trong thành Rājagaha răng: 'Bản chát của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nen xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của]

chính Devadatta/ Đại đức nào đồng ý sự thực hiện hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm băng thân hoặc băng lời nói, không nên xem điêu ây là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta' xin im lặng; vị nào không đông ý, có thê nói lên. Hành sự công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta9 đã được hội chúng thực hiện. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như V0' 14. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo Đại đức Sāriputta rằng: Này Sāriputta, chính vì điêu ây ngươi hãy công bô vê Devadatta ở trong thành Rājagaha. Bạch Ngài, trước đây, ở trong thành Rājagaha con đã khen ngợi về Devadatta rang: "Con trai của Godhi có đại than lực! Con trai của Godhi có đại năng Ẹrc!" Bạch Ngài, làm sao con công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha được? Này Sāriputta, khi ngươi khen ngợi vê Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: “Con trai của Godhi có đại thần lực! Con trai của Godhi có đại năng Iịĩc!” phải chăng là đúng sự thật? Bạch Ngài, đúng vậy. Này Sāriputta, cũng tương tợ như vậy, ngươi hãy công bố đúng sự thật về Devadatta ở trong thành Rājagaha. -Bạch Ngài, xin vâng. Đại đức Sāriputta đã đáp lời đức Thế Tôn. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu răng:

VII. CHƯƠNG CHIA RỄ HỘI CHÚNG 817

Này các Tỳ-khmi, chính vì điều ấy hội chúng hãy chỉ đinh Sāriputta để công bố về Devadatta ở trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.^, Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước tiên, Sāriputta cần được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng cần được thông qua bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích • 7 jF A hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh Sāriputta đê công bô vê Devadatta ở trong thành Rājagaha rang: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.5 Đây là lời đề nghi. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Sāriputta để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta/Đại đức nào đồng ý sự chỉ định Sāriputta để công bo về Devadatta trong thành Rājagaha răng: 'Bản chát của Devadatta trước đây khác, ...(nt).. mà nên xem điều ây là [của] chính Devadatta9 xin im lặng; vi nào không đong ý, có the nói lên. Đại đức Sāriputta đã được hội chúng chỉ định để công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: 'Bản chất của Devadatta trước đây khác, ...(ĩìt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính DevadattaSự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như v' Và khi đã được chỉ đinh, Đại đức Sāriputta cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã đi vào thành Rājagaha và đã công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. ...(nt)... mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta.” ở nơi ấy, những người nào

không có đức tin, không mộ đạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Các Sa-môn Thích tử này ganh tị. Họ ganh tị với sự lợi lộc và trọng vọng của Devadatta.,, Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Việc đức Thế Tôn cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha như thế này chẳng có gì sai trái!" 15. Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp Hoàng tử Ajātasattu, sau khi đến đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: -Tâu Hoàng tử, trước đây loài người sống thọ, bây giờ yểu thọ. Điều thực tê cân được biêt là ngài có thê chét đi trong lúc vân còn là Hoàng tử; tâu Hoàng tử, chính vì điều ấy ngài hãy giết cha và lên làm Vua. Ta sẽ giết đức Thế Tôn và trở thành đức Phật. Sau đó, Hoàng tử Ajātasattu [nghĩ rằng]: "Ngài Devadatta có đại thần lực, có đại năng lực; ngài Devadatta đương nhiên có thể biết được" nên vào lúc sáng sớm đã buộc con dao găm ở đùi, roi [với vẻ] khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đã xông vào hậu cung một cách vội vã. Các vị quan đại than bảo vệ hậu cung

đã nhìn thây Hoàng tử Ajātasattu vào lúc sáng sớm [với vẻ] khiêp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp đang xông vào hậu cung một cách vội vã, sau khi nhìn thay họ đã giữ lại. Trong lúc khám xét, họ đã thấy con dao găm buộc ở đùi nên đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: -Tâu Hoàng tử, ngài có ý định làm điều gì vậy? -Ta có ý đinh giết cha. Do ai xúi giục? Do ngài Đại đức Devadatta. Một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các Tỳ-khmi phải bị giết chết." Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: "Các Tỳ-khiru không phải chết. Các vị Tỳ-khưu không làm tổn hại điều gì. Còn hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết." Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các Tỳ-khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm như thế ấy." Sau đó, các quan đại thần ấy đã đưa Hoàng tử Ajātasattu đi đến gặp đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha, sau khi đen đã trình báo sự việc ấy lên đức Vua Seniya Bimbisāra xứ Magadha. Này các khanh, các quan đại thần đã có ý kiến thế nào? -Tâu Bệ hạ, một số quan đại thần đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử phải bi giết chết, Devadattayà tất cả các Tỳ-khưu phải bị giết chết." Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: uCác Tỳ-khưu không phải chết. Các vi Tỳ- khưu không làm tổn hại điều gì. Còn hoàng tử và Devadatta phải bi giết chết.,, Một số quan đại thần khác đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử không phải chết, Devadatta cũng không. Các Tỳ-khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy." —Này các khanh, đức Phật, hoặc Giáo pháp, hoặc Hội chúng sẽ làm điều gì? Chẳng phải đức Thế Tôn đã cảnh giác và đã cho công bố về Devadatta trong thành Rājagaha rằng: "Bản chất của Devadatta trước đây khác, nay bản chất đã khác. Việc gì Devadatta làm bằng thân hoặc bằng lời nói, không nên xem điều ấy là [của] đức Phật, Giáo pháp, hoặc Hội chúng, mà nên xem điều ấy là [của] chính Devadatta" hay sao? Tại nơi ấy, những quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử phải bị giết chết, Devadatta và tất cả các Tỳ-khưu phải bị giết chết", đức vua đã cách chức những vị ây. Những quan đại thân nào đã đưa ý kiên như vây: "Các Tỳ-khưu không phải chết. Các vị Tỳ-khưu không làm tổn hại điều gì. Chỉ có hoàng tử và Devadatta phải bị giết chết", đức vua đã giáng chức những vị ấy. Những

quan đại thần nào đã đưa ý kiến như vầy: "Hoàng tử không phải chết,

Devadatta cũng không. Các Tỳ-khưu cũng không phải chết. Nên trình báo lên đức vua. Đức vua ra lệnh như thế nào thì chúng ta sẽ làm thế ấy", đức vua đã thăng chức những vị ấy. Sau đó, đức Vua Seniya Bimbisâra xứ Magadha đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: -Này Hoàng tử, tại sao con có ý định giết ta? -Tâu Bệ hạ5 con muốn được vương quyền. Này Hoàng tử, nêu con muôn được vương quyên thì vương quyên này là của con. Rồi đã trao vương quyền cho Hoàng tử Ajātasattu. 16. Sau đó, Devadatta đã đi đên gặp Hoàng tử Ajātasattu, sau khi đên đã nói với Hoàng tử Ajātasattu điều này: -Tâu Đại vương, hãy ra lệnh cho các nam nhân để họ sẽ đoạt mạng sống của Sa-môn Gotama. Khi ây, Hoàng tử Ajātasattu đã ra lệnh cho mọi người răng: Này các khanh, ngài Đại đức Devadatta đã nói như thế nào, các người hãy làm theo như thế ấy. Sau đó, Devadatta đã ra lệnh cho một người đàn ông răng: “Này ông bạn, Sa-môn Gotama ngụ ở nơi đó; hãy đoạt mạng sông của ông ta roi hãy trở vê băng con đường này.” Roi trên con đường ây, Devadatta đã xép đặt hai người đàn ông [bảo rằng]: "Người đàn ông nào một mình trở về bằng CÓT! đường này; hãy đoạt mạng sống của hắn ta rồi hãy trở về bằng con đường này.,, Rồi trên con đường ây, Devadatta đã xép đặt bôn người đàn ông [bảo răng]: "Hai người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sống của chúng rồi hãy trở về bằng con đường này.” Rồi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt tám người đàn ông [bảo rằng]: "Bốn người đàn ông nào trở về bằng con đường này; hãy đoạt mạng sông của chúng roi hãy trở vê băng con đường nay." Roi trên con đường ấy, Devadatta đã xếp đặt mười sáu người đàn ông [bảo rằng]: "Tám người đàn ông nào trở vê băng con đường này; hãy đoạt mạng sông của chúng roi hãy trở vê băng con đường này." Sau đó, người đàn ông ây một mình câm gươm và bao gươm, mang cung và tui ten đã đi đen gặp đức The Ton; sau khi đen con cách đức The Ton mọt khoảng không xa thì trở nên khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đã đứng với thân thể cứng đơ. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy người đàn ông ấy [với vẻ] khiếp đảm, sợ hãi, lo âu, hồi hộp, đang đứng với thân thể cứng đơ, sau khi nhìn thấy đã nói với người đàn ông ấy điều này: "Này đạo hữu, hãy đến. Chớ có sợ hãi?9 r r 9

Khi ây, người đàn ông áy đã bỏ gươm và bao gươm ở một góc, đê cung và túi tên xuống, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đê đầu ở hai chân của đức The Ton va đã noi vơi đức The Ton điêu nay:

Bạch Ngài, tội lỗi đã chiếm ngự lấy con khiến con như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức, nên con đi đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn ghi nhận tội lỗi ấy của con đây là tội lỗi, y ? hâu đê ngăn ngừa trong tương lai. Này đạo hữu, đúng như vậy, tội lôi đã chiêm ngự lây ngươi khiên ngươi như là ngu khờ, như là mê muội, như là không có đạo đức, nên ngươi đi đến đây với tâm độc ác, với tâm giết hại. Này đạo hữu, chính từ việc ấy, ngươi đã thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, nay ta nhận biết điều ấy cho ngươi. Này đạo

hữu, chính điều này là sự tiến bộ trong giới luật của bậc Thánh: Người nào sau khi thấy được tội lỗi là tội lỗi và sửa đổi đúng theo pháp, sẽ có được sự ngăn ngừa trong tương lai. Sau đó, đức Thế Tôn đã thuyết pháp theo thứ lớp đến người đàn ông ấy. Tức là Ngài đã giảng giải bài thuyết về bố thí, bài thuyết về giới cấm, bài thuyết về cõi trời; sự tai hại, sự thấp kém, sự ô nhiễm của các dục, sự lợi ích của việc xuất ly. Khi đức Thế Tôn biết được tâm của người ấy đã sẵn sàng, dễ uốn nắn, không còn chướng ngại, hướng thượng, tịnh tín, Ngài đã phô bày pháp thuyết giảng đã được chư Phật khai mở là khô, tập, diệt, đạo. Cũng giông như tâm vải đã được làm sạch, không còn vét nhơ, có thê nhuộm màu một cách toàn vẹn; tương tợ như thế, ngay tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi đên người đàn ông ây: "Điêu gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet." Sau đó, khi đã thấy được pháp, đã thành tựu được pháp, đã hiểu được pháp, đã thâm nhuân pháp, hoài nghi đã không còn, sự lưỡng lự đã dứt hăn5 đã thành tựu niềm tin vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn càn sự trợ duyên của . r " r \ người khác, người đàn ông ây đã nói với đức Thê Tôn điêu này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, giống như người có thể lật ngửa vật đã được úp lại, mở ra vật đã bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc lối, đem lại cây đèn dầu nơi bóng tối [nghĩ rằng]: “Những người có mát sẽ nhìn thây được các hình dáng”; tương tợ như thê, pháp đã được đức Thê Tôn giảng rõ băng nhiêu phương tiện. Bạch Ngài, con đây xin đi đên nương nhờ đức Thế Tôn ấy, Giáo pháp ya Hội chúng Tỳ-khưu. Xin đức Thế Tôn chấp nhận con là nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với người đàn ông ấy điều này: 5 r \ Này đạo hữu, chớ đi băng con đường ây, hãy đi băng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. 17. Sau đó, hai người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: "Gã đàn ông ấy một mình sao lại lâu đến quá vHy?” rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn,

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 821

l 1 • 4. Á 'M 9 1 [4. r r-pl Á r-p /\ À • X • Ấ /X > 1 4 -p^ F rpil Á r-p /\ sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuống mọt ben. Đức The Ton đã thuyêt pháp theo thứ lớp đên những người ây. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

z Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật " là. tuyệt r vời! ...(nt)... Xin đức 9

Thê Tôn châp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đên nương nhờ kê từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: r y -Này các đạo hữu, chớ đi băng con đường ây, hãy đi băng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. Sau đó, bôn người đàn ông ây [nghĩ răng]: "Hai gã đàn ông ây sao lại lâu đên quá vay?” roi trong khi đi dọc theo con đường ây, đã nhìn thây đức Thê Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, __ 1 • _ 4. A _ g* g? 1 Ã 4. F A rpi \ \ Ạ _ _ _ FT5*1 - Ạ A 4 p sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuống mọt bên. Đức Thê Tôn đã thuyêt pháp theo thứ lớp đên những người ây. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của

người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vòi! ...(nt).. Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: > f y Này các đạo hữu, chớ đi băng con đường ây, hãy đi băng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. Sau đó, tám người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: "Bốn gã đàn ông ấy sao lại lâu đến quá vậy?59 rồi trong khi đi dọc theo con đường ấy, đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đen đa đanh le đức The Ton roi ngôi xuổng mọt ben. Đức The Ton đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. ...(ĩit)...vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vòi! ...(nt)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: Này các đạo hữu, chớ đi bằng con đường ấy, hãy đi bằng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. Sau đó, mười sáu người đàn ông ấy [nghĩ rằng]: uTám gã đàn ông ấy sao lại lâu đên quá vãy?" roi trong khi đi dọc theo con đường ây, đã nhìn thây đức

Thế Tôn đang ngồi ở gốc cây nọ, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp đức Thế Tôn, ~ A _ sau khi đên đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuong mọt ben. Đức The Ton đã thuyết pháp theo thứ lớp đến những người ấy. ...(nt)... vào giáo pháp của bậc Đạo sư không còn cần sự trợ duyên của người khác, họ đã nói với đức Thế Tôn điêu này: Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! Bạch Ngài, thật là tuyệt vời! ...(nt)... Xin đức Thế Tôn chấp nhận chúng con là các nam cư sĩ đã đi đến nương nhờ kể từ hôm nay cho đến trọn đời. Sau đó, đức Thế Tôn đã nói với những người đàn ông ấy điều này: \ r \

Này các đạo hữu, chớ đi băng con đường áy, hãy đi băng con đường này. Ngài đã chỉ cho đi bằng con đường khác. Sau đó, người đàn ông ấy một mình đã đi đến gặp Devadatta, sau khi đến đã nói với Devadatta điều này: Thưa ngài, tôi không thể đoạt lấy mạng sống của đức Thế Tôn ấy. Đức Thế Tôn ấy có đại thần lực, có đại năng lực. Này ông bạn, thôi đi. Ngươi chớ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama, chính ta sẽ đoạt lấy mạng sống của Sa-môn Gotama. 18. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đang đi kinh hành ở bóng râm của ngọn núi Gijjhakūta. Khi ấy, Devadatta đã leo lên ngọn núi Gijjhakūta và xô xuống tảng đá lớn [nghĩ răng]: "Ta sẽ đoạt lây mạng sông của Sa-môn Gotama băng vật nay?9 Hai đỉnh núi đã giao nhau và chận tảng đá ấy lại. Do đó, những mảnh vụn đã văng ra và làm chảy máu ở bàn chân của đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã ngước nhìn lên phía trên và đã nói với Devadatta y điêu này: Này kẻ rồ dại, nhiều điều vô phước nghiêm trọng đã gây nên bởi ngươi, là việc ngươi có tâm độc ác, có tâm giết hại đã làm chảy máu của Như Lai. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các vi Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru, đây là nghiệp vô gián đau tiên mà Devadatta đã tích lũy, là việc đã làm chảy máu của Như Lai bằng tâm độc ác, bằng tâm giết hại. Các Tỳ-khưu đã nghe răng: “Nghe nói Devadatta mưu đô giêt hại đức Thê Ton.99 Và các vị

Tỳ-khưu ấy đi kinh hành vòng quanh tru xá của đức Thế Tôn, tạo nên âm thanh ồn, tiếng động lớn, trong khi đọc tụng để bảo vệ, che chở và canh gác cho đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đã nghe tiếng động ồn, tiếng động lớn, tiếng đọc tụng, sau khi nghe đã bảo Đại đức Ānanda rang: -Này Ānanda, tiếng động ồn? tiếng động lớn, tiếng đọc tụng ấy là gì vậy? Bạch Ngài, các Tỳ-khưu đã nghe rằng: "Nghe nói Devadatta mưu đồ giết hại đức Thế T6n Bạch Ngài, và các vị Tỳ-khưu ấy đi kinh hành vòng quanh trú xá của đức Thế Tôn tạo nên âm thanh ồn và âm thanh lớn trong khi đọc tụng

để bảo vệ, che chở và canh gác cho đức Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, đó là tiếng động ôn, tiêng động lớn, tiêng đọc tụng ây. Này Ānanda, chính vì điều ấy, ngươi hãy gọi các Tỳ-khưu ấy với lời nói của Ta rằng: "Bậc Đạo sư gọi các Đại đức.,, Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Đại đức Ānanda nghe theo đức Thế Tôn, đã đi đến gặp các vị Tỳ-khưu ấy, sau khi đến đã nói với các vi Tỳ-khưu ấy điều này: Bậc Đạo sư gọi các Đại đức. Này Đại dức, xin vâng. Rồi các vị Tỳ-khưu ấy nghe theo Đại đức Ānanda, đã đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đen đã đanh le đức The Ton roi ngoi xuồng mọt bên. Đức Thê Tôn đã nói với các vi Tỳ-khưu ấy đang ngồi một bên điều này: 19. Này các Tỳ-khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại. Này các Tỳ-khưu, có năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Thế nào là năm? Này các Tỳ-khưu, ở đây có hạng đạo sư trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: "Ta có giới thanh tjnh" và "Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử biết về chính vi ấy như vầy: “Ngài đạo sư này trong khi có giới không thanh tịnh lại tỏ ra rằng: 'Ta có giới thanh tịnh9 và 'Giới của ta thanh tịnh, trong sạch, không bi hoen ố? Nêu chúng ta nói cho các cư sĩ, ông ta sẽ không hoan hỷ. Điều mà ông ta không hoan hỷ, tại sao chúng ta lại gây nên điều ấy cho ông ta? Vả lại, ông ta được hài lòng với vật dụng là y phục, vật thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh; điều gì ông ta sẽ làm, chính ông ta sẽ biết điều ấy." Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về giới và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử. Này các Tỳ-khxru, còn có điều khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự nuôi mạng không thanh tịnh lại tỏ ra lẳng: “Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh,, ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về việc nuôi mạng, và như vậy là vi đạo sư mong đợi sự bảo vệ về việc nuôi mạng từ các đệ tử. Này các Tỳ-khiru, còn có điêu khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có sự thuyết pháp không thanh tinh lại tỏ ra rằng: “Ta có sự thuyết pháp thanh tinh” ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vi đạo sư về việc thuyêt pháp, và như vậy là vi đạo sư mong đợi sự bảo vệ vê việc thuyêt pháp từ các đệ tư. Này các Tỳ-khưu, còn có điêu khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có lối giải thích không thanh tinh lại tỏ ra rằng: "Ta có lối giải thích thanh tjnh”

...(nt).. Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về lối giải thích, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu, còn có điêu khác nữa, ở đây có hạng đạo sư trong khi có tri kiến không thanh tịnh lại tỏ ra

rằng: "Ta có tri kiến thanh tịnh" ..(nt).. Này các Tỳ-khưu, như vậy là các đệ tử bảo vệ vị đạo sư về tri kiến, và như vậy là vị đạo sư mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. Này các Tỳ-khmi, năm hạng đạo sư này đang hiện hữu ở trên đời. Và này các Tỳ-khưu, Ta có giới thanh tinh và biết rằng: "Ta có giới thanh tjph" và "Giới của Ta thanh tinh, trong sạch, không bị hoen ố.y Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về giới và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về giới từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu, Ta nuôi mạng thanh tịnh và biết rằng: "Ta có sự nuôi mạng thanh tịnh,9 và "Sịt nuôi mạng của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự nuôi mạng và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự nuôi mạng từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu, Ta thuyết pháp thanh tinh và biết rằng: "Ta có sự thuyết pháp thanh tjnh" và "Sịt thuyết pháp của Ta thanh tinh, trong sạch, không bị hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về sự thuyết pháp và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về sự thuyết pháp từ các đệ tử. Này các Tỳ-khiỉu, Ta có lối giải thích thanh tịnh và biết rằng: "Ta có lối giải thích thanh tịnh^, và "Lối giải thh của Ta thanh tinh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về lối giải thích, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về lối giải thích từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu? Ta có tri kiến thanh tinh và biết rằng: "Ta có tri kiến thanh tiĩlh^, và "Tri kiến của Ta thanh tịnh, trong sạch, không bi hoen Các đệ tử không cần bảo vệ Ta về tri kiến, và Ta cũng không mong đợi sự bảo vệ về tri kiến từ các đệ tử. Này các Tỳ-khưu5 việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khiru, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy đi về trú xá của mỗi người. Này các Tỳ- khưu, các đức Như Lai không cần được bảo vệ. 20. Vào lúc bấy giòi, ở thành Rājagaha có con voi dữ tợn tên Nālāgiri, là con thú giết người. Khi ấy, Devadatta sau khi vào thành Rājagaha đã đi đến chuồng voi và đã nói với những người quản tượng điều này: Này các người, chúng tôi là những thân quyến của đức vua, có quyền lực đê đưa kẻ có chức vụ tháp lên chức vụ cao, còn làm tăng thêm luôn cả thực phẩm và lương bổng nữa. Này các người, chính vì điều ấy, khi nào Sa-môn Gotama đi vào con đường này, khi ấy các ngươi hãy thả con voi Nālāgiri này ra và cho đi theo con đường này. Thưa ngài, xin vâng.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG • 825

Những người quản tượng ấy đã trả lời Devadatta. Khi ấy vào buổi sáng, đức Thế Tôn đã mặc y, cầm y bát cùng với nhiều vị Tỳ-khưu đã đi vào thành Rājagaha để khất thực. Sau đo, đức Thế Tôn đã đi vào con đường ấy. Những người quản tượng ấy đã nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi vào con đường ấy, sau khi nhìn thấy đã thả con voi Nālāgiri và cho đi theo con đường ấy. Con voi Nālāgiri đã nhìn thấy đức Thế Tôn từ đàng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã vươn vòi lên, tai và đuôi dựng đứng, rồi đã chạy lại đức Thế Tôn. Các vị Tỳ-khiru ấy đã nhìn thấy con voi Nālāgiri từ đàng xa đang đi lại gần, sau khi nhìn thấy đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, con voi Nãlâgiri này dữ tợn, là con thú giết người, đã đi vào con đường này. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui. Này các Tỳ-khưu, hãy đi đến, chớ có sợ hãi. Này các Tỳ-khưu5 việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không hợp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư

Niết-bàn không do sự hãm hại. Đen lần thứ nhì, các vị Tỳ-khưu ấy ...(nt)... Đen lần thứ ba, các vị Tỳ-khưu ay đã noi vơi đức The Tôn điêu nay: Bạch Ngài, con voi Nālāgiri này dữ tợn, là con thú giết người, đã đi vào con đường này. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn hãy trở lui, xin đấng Thiện Thệ hãy trở lui. Này các T-khưu, hãy đi đên, chớ có sợ hãi. Này các Tỳ-khưu, việc người nào có thể tước đoạt mạng sống của đức Như Lai bằng sự hãm hại là không họp lý và không có cơ sở. Này các Tỳ-khưu, các đức Như Lai Vô dư Niết-bàn không do sự hãm hại. 21. Vào lúc bây giờ, dân chúng trèo lên và nâp ở các tòa nhà dài, ở các khu nhà lớn, ở các mái che. ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ dạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Này quý vi, chắc chắn Ngài đại Sa-môn Gotama đẹp trai sẽ bị con long tượng gây thương tích." Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: uNàỵ quý vị9 chốc nữa thôi, chắc chắn con long tượng này sẽ bị Tượng Chúa khuất phuc/5 Khi ấy, đức Thế Tôn đã rải tâm từ đến con voi Nālāgiri. Sau đo? con voi Nālāgiri đã được đức Thế Tôn rải luồng tâm từ đến nên đã hạ vòi xuống, rồi đi đến gần đức Thế Tôn, sau khi đến đã đứng ở phía trước đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn đã dùng tay phải xoa ở trán của con voi Nâlãgiri rồi đã nói với con voi Nālāgiri những lời kệ này: "Này voi, chớ có đối đầu với Tượng Chúa. Này voi, bởi vì đối đầu với Tượng Chúa là khổ. Này voi, bởi vì cõi trời là không có cho kẻ giết Tượng Chúa, từ cõi này [sẽ] đi đến cõi khác.

Và chớ có ngạo mạn, và chớ có xao lãng, bởi vì những kẻ bi xao lãng không về được cõi trời. Bằng cách nào ngươi sẽ đi về cõi trời thì chính ngươi sẽ làm theo như cách ấy." Khi ấy, con voi Nâlãgiri đã dùng vòi lấy các hạt bụi ở bàn chân của đức Thế Tôn rắc trên đầu nó, đã khum xuống chào, rồi đã bước lui trong lúc vẫn nhìn đức Thê Tôn. Sau đó, con voi Nālāgiri đã vê lại chuông và đứng tại chô của nó. Và như thế, con voi Nālāgiri đã trở nên thuần phục. Vào lúc bấy giờ, dân chúng ngâm nga bài kệ này: "Nhiều kẻ được thuần hóa bằng gậy gộc, bằng các gậy móc câu và bằng các roi vọt, con voi được vi Đại Ẩn Sĩ điều phục không bằng gậy gộc, không bằng vũ kÊí." ° Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Devadatta này quả thật ác độc, không biêt xấu hô, bởi vì ở nơi đây lại dám ra sức giêt hại Sa-môn Gotama là vị có đại thần lực như thế này, có đại năng lực như thế này." Lợi lộc và sự trọng vọng của Devadatta đã sút giảm. Còn lợi lộc và sự trọng vọng của đức Thế Tôn đả tang trưởng. 22. Vào lúc bấy giờ, Devadatta do lợi lộc và sự trọng vọng bị sút giảm nên phải cùng phe nhóm liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao các Sa-môn Thích tử này lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thực? Ai lại không thích sự sung túc? Ai lại không hài lòng với đo ăn ngọt ngào?" Các Tỳ-khưu đã nghe dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao Devadatta cùng phe nhóm lại liên tục yêu cầu ở các gia đình rồi thọ thỊTC?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Devadatta, nghe nói ngươi cùng phe nhóm liên tục yêu cau ở các gia đình roi thọ thực, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điều ấy đối với các

Tỳ-khưu Ta sẽ quy định vật thực theo nhóm ba vị ở các gia đình vì ba lý do: "Nhằm kiềm chế những kẻ tồi tệ, vì sự sống an lạc của các Tỳ-khưu hiền thiện: 'Chớ để các Tỳ-khiru ác xấu nương tựa vào phe cánh mà chia rẽ hội chúng \ và vì lòng trắc ẩn đối với các gia đình. Và trong việc vật thực dâng chung nhóm, nên được hành xử theo pháp."2 23. Sau đó, Devadatta đã đi đến gặp Kokālika, Katamorakatissa con trai của Khandadevī và Samuddadatto. Sau khi đến đã nói với Kokālika, Katamorakatissa con trai của Khandadevī và Samuddadatto điều này:

2 Liên quan đến điều Pãcittỉya 32 (ND).

Này các Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyên lãnh đạo. o r y

Khi được nói như thê, Kokălika đã nói với Devadatta điêu này: Này Đại dức, Sa-môn Gotama thật sự có đại thần lực, có đại năng lực. Làm thế nào chúng ta sẽ tiến hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo được? Này các Đại đức, hãy đến. Chúng ta sẽ đi đến gặp Sa-môn Gotama và yêu cầu năm sự việc: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ? sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bang nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đen sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn dời, vi nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Là các vi khất thực cho đến trọn đời, vi nào ưng thuận sự thỉnh mời thì vi ấy phạm tội. Là các vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận y của gia chủ thì vị ấy phạm tội. Là các vị sông ở góc cây cho đên trọn đời, vị nào đi đên mái che thì vị ây phạm tội. Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vi nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.^, Sa-môn Gotama sẽ không cho phép năm sự việc này. Và chúng ta đây sẽ công bố cho dân chúng biết về năm sự việc này. -Này Đại đức, với năm sự việc này có thê tiên hành việc chia rẽ hội chúng của Sa-môn Gotama, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo. Này Đại dức, bởi vì dân chúng có niềm tin với khổ hạnh. 24. Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Devadatta đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, đức Thê Tôn là người khen ngợi sự ít ham muôn, sự tự biêt đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều : w r r phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đên sự ít ham muôn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ? sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vị nào cư ngụ trong làng thì vị ấy phạm tội. Là các vị khất thực cho đến trọn đời, vi nào ưng thuận sự thỉnh mời thì vi ấy phạm tội.

Là các vị mặc y [may bằng] vải bi quăng bỏ cho đến trọn đời, vị nào ưng thuận y của gia chủ thì vi ấy phạm tội. Là các vị sống ở gốc cây cho đến trọn đời, vi nào đi đến mái

che thì vị ấy phạm tội. Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội. Này Devadatta, thôi đi. Vị nào muôn thì hãy trở thành vi sông ở rừng, vị nào muốn thì hãy cư ngụ ở trong làng. Vị nào muốn thì hãy trở thành vị khất thực, vị nào muốn thì hãy ưng thuận việc thỉnh mời. Vi nào muốn thì hãy là vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, vị nào muốn thì hãy ưng thuận y của gia chủ. Này Devadatta, chỗ trú ngụ là gốc cây trong tám tháng được Ta cho phép, cá thịt thanh tịnh với ba điều kiện: "Không thấy, không nghe, không nghi" được Ta cho phép. 25. Khi ấy, Devadatta [biết rằng]: "Dức Thế Tôn không cho phép năm sự việc này59 nên mừng rỡ, phấn chấn cùng phe nhóm đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, Devadatta cùng phe nhóm đã đi vào thành Rājagaha công bố cho dân chúng biết về năm sự việc: Này các đạo hữu, chúng tôi đã đi đến gặp Sa-môn Gotama và đã yêu cầu năm sự việc: "Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, ..(nt).. là người khen ngợi sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đến sự ít ham muốn, ...(nt).. sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vi sống ở rừng cho đến trọn đời, ...(nt)...Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội.^, Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi đây thọ trì và thực hành năm sự việc này. ở nơi ấy, những người nào không có đức tin, không mộ dạo, kém sáng suốt, những người ấy đã nói như vầy: "Các Sa-môn Thích tử này đúng là có sự từ bỏ, có sở hành đoạn trừ; còn Sa-môn Gotama là kẻ xa hoa nên nghĩ đen việc xa hoa.,, Còn những người nào có đức tin, mộ đạo, sáng suốt, những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo?^ Các Tỳ- khưu đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Devadatta lại ra sức việc chia rẽ hội chúng của đức Thế Tôn, tức là việc phân chia quyền lãnh dạo?" 26. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này Devadatta, nghe nói ngươi ra sức việc chia rẽ hội chúng, tức là việc phân chia quyền lãnh đạo, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn? đúng vậy.

Này Devadatta, thôi đi. Ngươi chớ có thích thú việc chia rẽ hội chúng. Này Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng. Này Devadatta, kẻ nào phá vỡ sự hợp nhất, kẻ ấy gây nên tội lỗi tồn tại trọn kiếp3 và bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp. Và này Devadatta, người nào làm hợp nhất hội chúng bị chia rẽ, người ấy tạo nên phước báu của Phạm thiên và sẽ được an vui ở cõi trời trọn kiếp. Này Devadatta, thôi đi. Ngươi chớ có thích thú việc chia rẽ hội chúng. Này Devadatta, chia rẽ hội chúng là việc nghiêm trọng. Sau đó, vào buổi sáng, Đại đức Ānanda đã mặc y, cầm y bát, đi vào thành Rājagaha để khất thực. Devadatta đã nhìn thấy Đại đức Ānanda đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này: "Này Đại đức Ānanda, từ nay trở đi tôi sẽ hành lễ Uposatha và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không Á Ạ _ ỉ __ Á
rr^ A _ _ Ạ _ AÀ r r-ri \ can đen đức The Ton, không can đen nọi chung

Tỳ-khưu. Sau đó, khi đã đi khất thực ở trong thành Rājagaha xong, Đại đức Ānanda sau bữa ăn, trên đường đi khất thực trở về, đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, nơi đây vào buổi sáng, con đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha đê khất thực. Bạch Ngài, Devadatta đã nhìn thây con đang đi khất thực ở trong thành Rājagaha, sau khi nhìn thấy đã đi đến gặp con, sau khi đến đã nói với con điều này: “Này Đại đức Ānanda, từ nay trở đi, tôi sẽ hành lễ Uposatha và sẽ thực hiện các hành sự của hội chúng không cần đến đức Thế Tôn, không cần đến hội chúng Tkhưu." Bạch Ngài, kể từ nay Devadatta sẽ chia rẽ hội chúng. Sau đó9 khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này: "Diều tốt là dễ làm bởi người tốt, điều tốt là khó làm bởi kẻ xấu. Điều ác là dễ làm bởi kẻ xấu, điều ác là khó làm bởi các vi Thánh.” Tụng phẩm thứ nhì.

1. Khi ấy, vào ngày lễ Uposatha. Devadatta đã từ chỗ ngồi đứng dậy phân phát thẻ biểu quyết [nói rằng]: "Này các Đại đức, chúng tôi đã đi đến gặp Sa- môn Gotama và đã yêu câu năm sự việc: 'Bạch Ngài, đức Thế Tôn là người khen ngợi sự ít ham muốn, sự tự biết đủ, sự đoạn trừ, sự từ bỏ, sự hoan hỷ, sự giảm thiểu, sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, đây là năm sự việc đưa đên sự ít ham muôn, ...(nt)...

3 Ngài Buddhaghosa giải thích là āyukappam, nghĩa là khoảng thời gian của cuộc sống, của tuổi thọ (VinA.NL 1276). .

Sự ra sức nỗ lực bằng nhiều phương thức. Bạch Ngài, lành thay! Các Tỳ-khưu nên là các vị sống ở rừng cho đến trọn đời, vi nào cư ngụ trong làng thì vi ấy phạm tội ...(nt)... Không ăn cá thịt cho đến trọn đời, vị nào ăn cá thịt thì vị ấy phạm tội/ Sa-môn Gotama không cho phép năm sự việc này. Còn chúng tôi đây thọ trì và thực hành năm sự việc này. Đại đức nào đong ý năm sự việc này xin hãy nhận lãnh thẻ biểu quyết.” Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru dòng dõi Vajji ở thành Vesālī có số lượng năm trăm vị, vừa mới xuất gia và không hiểu biết rõ sự việc. Các vị ấy [nghĩ rằng]: 'Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo su” nên đã nhận lấy thẻ biểu quyết. Khi ấy, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm Tỳ-khưu ra đi về phía đỉnh đồi Gayâ. Sau đó, Sāriputta và Mo^gallāna đã đi đến gặp đức Thế Ton, sau khi đến đã đảnh lễ đức The Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, Devadatta đã chia rẽ hội chúng và dẫn năm trăm Tỳ-khiru ra đi về phía đỉnh đồi Gayâ. -Này Sāriputta và Moggallãna, không lẽ các ngươi không có lòng trắc ẩn đối với các Tỳ-khưu mới tu ấy hay sao? Này Sāriputta và Moggallâna, các ngươi hãy đi đến trước khi các Tỳ-khiru ấy tạo nên điều sai trái và hư hỏng. Bạch Ngài, xin vâng. Rồi Sāriputta và Moggallâna nghe theo đức Thế Tôn đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi đã ra đi về phía đỉnh đồi Gayâ. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đứng không xa đức Thế Tôn đang khóc lóc. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói với vi Tỳ-khưu ấy điều này: -Này Tỳ-khưu, vì sao ngươi khóc? —Bạch Ngài, ngay cả hai vị Thinh văn hàng đầu của đức Thế Tôn là Sāriputta và Moggallâna cũng thích thú với giáo lý của Devadatta và đi đến với

Devadatta rồi. Này Tỳ-khưu, việc Sāriputta và Moggallâna có thể thích thú với giáo lý của Devadatta là việc không hợp lý và không có cơ sở; tuy nhiên, họ đã đi để cảnh tỉnh các Tỳ-khưu. 2. Vào lúc bấy giờ, Devadatta được hội chúng đông đảo vây quanh đang thuyết giảng giáo pháp. Devadatta đã nhìn thấy Sāriputta và Moggallâna đang từ đàng xa đi lại, sau khi nhìn thấy đã bảo các Tỳ-khiru rằng: -Này các Tỳ-khưu, hãy nhìn xem giáo lý của ta được khéo thuyết như thế nào; ngay cả các Thinh văn hàng đầu của Sa-môn Gotama là Sāriputta và Moggallãna cũng thích thú với giáo lý của ta và đi đến với ta nữa.

VIL CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 831

Khi được nói như thế, Kokālika đã nói với Devadatta điều này: Này Đại đức Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallāna. Sāriputta và Moggallāna có ước muốn xấu xa, bi chi phối bởi những ước muốn xấu xa. Này Đại dức, thôi đi. Hãy chào mừng bọn họ bởi vì họ thích thú với giáo lý của ta. Sau đó, Devadatta đã mời Đại đức Sāriputta với một nửa chỗ ngồi [của mình]: -Này Đại đức Sāriputta, hãy đến. Hãy ngồi xuống ở đây. Này Đại đức, thôi đi. Roi Đại đức Sāriputta đã chọn chô ngôi khác và đã ngôi xuồng ở một góc. Còn Đại đức Mahāmoggallāna cũng đã chọn chỗ ngồi khác và đã ngồi xuống ở một góc. Khi ấy, Devadatta đã chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho các Tỳ-khiru bằng bài pháp thoại gần như trọn đêm, rồi đã yêu cầu Đại đức Sāriputta rằng: Này Đại đức Sāriputta, hội chúng Tỳ-khưu đã qua cơn dã dượi và buồn ngủ. Này Đại đức Sāriputta, mong răng có bài pháp thoại dành cho các Tỳ-khưu khởi đến cho ngươi. Lưng tôi bị mỏi nên tôi sẽ nằm duỗi lưng ra. -Này Đại đức, được rồi. Đại đức Sāriputta đã trả lời Devadatta. Sau đó, Devadatta đã xếp y hai lớp lại làm tư roi thực hiện thê năm ở phía bên hông phải. Trong khi vị áy mệt mỏi, thất niệm, không tỉnh giác nên chỉ chốc lát đã chìm vào giấc ngủ. Khi ây, Đại đức Sāriputta đã giáo huân và giảng dạy cho các Tỳ-khưu với bài pháp thoại giảng dạy vê sự kỳ diệu của thân thông, vê giáo hóa. Đại đức Mahāmoggallāna đã giáo huấn và giảng dạy cho các Tỳ-khưu bang bài pháp thoại giảng dạy vê sự kỳ diệu của thân thông. Sau đó, trong khi đang được giáo huấn và giảng dạy bởi Đại đức Sāriputta với sự giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông, về giáo hóa và bởi Đại đức Mahāmoggallāna với sự giảng dạy về sự kỳ diệu của thần thông thì pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết nhơ đã sanh khởi cho các Tỳ-khưu ấy: "Diều gì có bản tánh được sanh lên, toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diet.” Khi ây, Đại đức Sāriputta đã bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Đại đức, chúng ta hãy đi đến với đức Thế Tôn. Vị nào thích thú với giáo pháp của đức Thế Tôn ấy, vị ấy hãy đi đến. Sau đó, Sāriputta và Moggallâna đã đưa năm trăm vị Tỳ-khiru ấy đi đến VeḶuvana. Khi ấy, Kokâlika đã đánh thức Devadatta: "Này Đại đức Devadatta, hãy dậy đi. Các Tỳ-khưu ấy đã bị Sāriputta và Moggallâna dẫn đi rồi. Này Đại đức Devadatta, không phải tôi đã nói với Đại đức rằng: 'Này Đại đức

832 TIỂU PHẨM

Devadatta, chớ có tin tưởng Sāriputta và Moggallãna. Sāriputta và Moggallâna có ước muốn xấu xa, bị chi phối bởi những ước muốn xấu xa.'" Khi ấy, ngay tại chỗ ấy, máu nóng đã ứa ra từ miệng của Devadatta. 3 Sau đó, Sāriputta và Moggallâna đã đi đến

gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức The Tôn rồi ngoi xuống một bên. Khi đã ngoi xuống một bên, Đại đức Sāriputta đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, lành thay! Nếu các Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ [hội chúng] có thể tu lên bậc trên lại. -Này Sāriputta, thôi đi. Ngươi chớ có thích thú với việc tu lên bậc trên lại của các Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ. Này Sāriputta, chính vì điều ấy ngươi hãy cho các Tỳ-khưu là những người ủng hộ kẻ chia rẽ trình báo tội Thullaccaya. Này Sāriputta, Devadatta đã cư xử với ngươi như thế nào? Bạch Ngài, cũng tương tợ như đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niêm phân khởi cho các Tỳ-khưu băng bài pháp thoại gân như trọn đêm rồi đã yêu cầu con rằng: “Này Sāriputta, hội chúng Tỳ-khưu đã qua cơn dã dượi và buồn ngủ. Này Sāriputta, mong rằng có bài pháp thoại dành cho các Tỳ-khiru khởi đến cho ngươi. Lưng ta bị mỏi nên ta sẽ nằm duỗi lưng ra." Bạch Ngài, Devadatta đã thực hành đúng y như vậy. Khi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, vào thời trước đây, có cái hồ lớn trong khu vực toàn là rừng. Các con long tượng sống nương tựa vào cái hồ đó. Chúng lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng và ngó sen, rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai [cọng và ngó sen] không còn bùn và nuôt xuống. Điêu ây đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Không vì lý do đó mà chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Này các Tỳ-khưu, nhimg trong số các con long tượng khổng lồ ấy có những con còn nhỏ, trẻ, non nớt, đang học hỏi. Những con này đã lặn xuống cái hồ ấy, dùng vòi nhổ lên cọng và ngó sen, đã không rửa kỹ lưỡng cho sạch sẽ, rồi đã nhai [cọng và ngó sen] còn dính bùn và nuốt xuống. Điều ấy đã không đem lại cho chúng vóc dáng và sức mạnh. Vì lý do đó, chúng phải chết đi hoặc khổ như là chết. Này các Tỳ-khưu? tương tợ như thế, Devadatta là kẻ tội nghiệp trong khi bắt chước Ta sẽ phải tiêu hoại. Con long tượng khổng lồ làm lay chuyển trái đất trong khi đang ăn cọng sen và quan sát các dòng sông, kẻ tội nghiệp trong khi bắt chước ta, ví như con voi con sau khi ăn đất bùn, sẽ phải chết. 4. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có tám yêu tô xứng đáng đê đi làm sứ giả. Tám yếu tố ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu là người lắng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc có lợi ích hoặc không có lợi ích, không phải là người

gây nên các sự tranh cãi. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu có tám yếu tố này xứng đáng để đi làm sứ giả. Này các Tỳ-khưu, Sāriputta có tám yếu tố xứng đáng để đi làm sứ giả. Tám yêu tô ây là gì? Này các Tỳ-khưu, ở đây, Sāriputta là người lăng nghe, là người làm cho [kẻ khác] lắng nghe, là người hướng dẫn, là người hiểu rộng, là người có sự nhận thức, là người làm cho [kẻ khác] có sự nhận thức, là người rành rẽ về việc : có lợi • ích hoặc • không có lợi ích, không k phảiq là người , gây , nên x các sự. tranh . o cãi.
Này các Tỳ-khiru, Sāriputta có tám yêu tô này xứng đáng đê đi làm sứ giả. Nếu vị nào không run sợ sau khi đi đến nơi hội chúng có sự tranh cãi ồn ào, là vi không bỏ dở lời nói và không che giấu lời giảng dạy, vị nói có sự mạch lạc, bị chất vấn không nổi sân; vi Tỳ-khưu như thế xứng đáng đi làm vị sứ giả. Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chê ngự, bị ám ảnh bởi tám điêu không đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa

ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Tám điều ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi lợi lộc, là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được. Này các Tỳ-khưu, ... bởi không lợi lộc ...(nt).. Này các Tỳ-khưu,... bởi danh vọng ...(nt).. Này các Tỳ- khưu, ... bởi không danh vọng (nt)...Này các Tỳ-khưu, ... bởi sự trọng vọng ..(nt).. Này các Tỳ-khưu, ... bởi sự không trọng vọng ...(nt).. Này các Tỳ- khưu, ... bởi ước muốn xấu xa ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bị ám ảnh bởi bạn bè xấu xa, là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không the sửa đoi được. Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bi chế ngự, bị ám ảnh bởi tám điều không đúng Chánh pháp này là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này các Tỳ-khưu, tót đẹp thay, vị Tỳ-khưu có thê sông hoàn toàn chê ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. không lợi lộc đã được sanh khởi ...(nt)... danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. không danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. sự trọng vọng đã được sanh khởi,...(nt).. sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(nt).. có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi. Và này các Tỳ-khưu, tùy thuận lợi ích và ý định gì mà vị Tỳ-khưu có thể sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)...không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... không danh vọng đã được sanh khỏi,...(nt)...sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ..(nt)... có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi? Này các Tỳ-khưu, bởi vì đôi với vị ây, trong khi sông hoàn toàn không chê ngự lợi lộc đã được sanh khởi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi [đến vị ấy]; trong khi sống hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, như thê các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đót ây không hình thành được.

Này các Tỳ-khưu, bởi vì đôi với vị ây, trong khi sông hoàn toàn không chê ngự, không lợi lộc đã được sanh khởi,...(nt).. danh vọng đã được sanh khởi, •.(nt)... không danh vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. sự không trọng vọng đã được sanh khởi,...(nt).. ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ...(nt).. bạn hữu xấu xa đã được sanh khỏi, các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt có thể sanh khởi [đến vi ấy]; trong khi r • r . • r

sông hoàn toàn chê ngự bạn hữu xâu xa đã được sanh khởi, như thê các lậu hoặc có đặc tính phá hoại và thiêu đốt ấy không thể hình thành được. Này các Tỳ-khưu, tùy thuận lợi ích và ý định này mà vị Tỳ-khưu có thê sông hoàn toàn chế ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt)...danh vọng đã được sanh khởi,...(lít)...không danh vọng đã được sanh khỏi,...(nt).. sự trọng vọng đã được sanh kh&i, ...(nt).. sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt).. ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, ..(nt).. vi ấy có thể sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi. r r Này các Tỳ-khưu, do đó5 ở đây chúng ta sẽ sông hoàn toàn chê ngự lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. không lợi lộc đã được sanh khởi, ...(nt).. danh vọng

đã được sanh khỏi, ...(nt)... không danh vọng đã được sanh khỏi,...(nt)...sự trọng vọng đã được sanh khởi, ...(nt)... sự không trọng vọng đã được sanh khởi, ...(lít)... ước muốn xấu xa đã được sanh khởi, chúng ta sẽ sống hoàn toàn chế ngự bạn hữu xấu xa đã được sanh khởi. Này các Tỳ-khưu, các ngươi nên học tập y như thế ấy. e Ị" e y 5. Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chê ngự, bi ám ảnh bởi ba điêu không.đúng Chánh pháp là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, 9 9 • " e \ r r phải .r chịu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được. Ba điêu ây là gì? Ước muôn xâu xa, bạn hữu xấu xa, đã đạt đến sự dừng lại ở khoảng giữa với sự đắc chứng đặc biệt có tính chất thấp thỏi (là các tầng thiền và các pháp thần thông). Này các Tỳ-khưu, Devadatta có tâm bị chế ngự, bi ám ảnh bởi ba điều không đúng Chánh pháp này là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. (i) "Hiển nhiên, các ngươi chớ để bất cứ ước muốn xấu xa nào ở thế gian sanh khởi. Cũng bởi điêu này đây, các ngươi hãy biêt là có cảnh giới tương ứng đối với các ước muốn xấu xa. (ii) Devadatta, được biết là 'người sáng trí', được công nhận 'bản thân đã chứng thiền \ đã trụ vững như là đang chói sáng với danh vọng, là điều tôi đã được nghe. (iii) Kẻ ấy, thực hành theo sự xao lãng, sau khi công kích đấng Như Lai ấy, đã đi đen địa ngục Avīci có bon cửa, chốn gây nên nỗi kinh hoàng. (iv) Bởi vì kẻ gây hại đến bậc không [có tâm địa] xấu xa, không làm việc ác? [quả] ác xấu xảy đến cho chính kẻ có tâm địa xấu xa, không nhân hậu ấy.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 835

(v) Kẻ nào suy nghĩ để làm ô nhiễm đại dương bằng lọ thuốc độc, với vật ấy, kẻ ấy không thể làm ô nhiễm bởi vì đại dương là bao la, to lớn. (vi) Tương tợ y như thế, kẻ nào dùng lời nói [bôi nhọ] hãm hại đấng Thiện Thệ, là bậc đã đạt đến sự hoàn hảo, có tâm thanh tịnh; lời nói [bôi nhọ] không có tác động ở nơi vị ấy. (vii) Bậc sáng trí nên két bạn hữu với hạng người như thê áy, và nên phục vụ người ấy. Vị Tỳ-khưu theo đường lối của người ấy sẽ đạt được sự chấm dứt khổ đau." 6. Khi ấy, Đại đức Upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upāli đã noi vơi đức The Ton điêu này: Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sự bất đồng trong hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng.^, Bạch Ngài, cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng? Cho đến như thế nào được gọi là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng? Này Upāli, một bên có một người, một bên có hai người, người thứ tư phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nay?9 Này upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upli, một bên có hai người, một bên có hai người, người thứ năm phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố lẳng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này Upāli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, một bên có hai người, một bên có ba người, người thứ sáu phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rả"Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc ny." Này Upli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upāli, một bên có ba người, một bên có ba người, người thứ bảy phân phát thẻ biểu

quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nay?9 Này Upâli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Upâli, một bên có ba nguồi, một bên có bốn người, người thứ tám phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nAy." Này Upâli, như vậy chỉ là sự bất đồng trong hội chúng mà không là sự chia rẽ hội chúng. Này Ưpãli, một bên có bốn ïiệười, một bên có bốn người, người thứ chín phan phát thẻ biểu quyết tuyên bố mng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.^, Này upâli, như vậy là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng. Này upli, chín hoặc hơn chín là sự bất đồng trong hội chúng và là sự chia rẽ hội chúng.

Này Upāli, Tỳ-khưu-ni không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Cô Ni tu tập sự không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Vi Sa-di không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Vị Sa-di-ni không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Nam cư sĩ không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Nữ cư sĩ không chia rẽ hội chúng và cũng không nỗ lực để đưa đến sự chia rẽ. Này upāli, vi Tỳ-khưu bình thường là vị có sự đồng cộng trú, đứng chung ranh giới có thể chia rẽ hội chúng. 7. Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sịt chia rẽ hội chúng, sự chia rẽ hội chiing." Bạch Ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng bi chia rẽ? -ở đây, này upâli, các Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp"; tuyên bố Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố phi Luật là "Luat"; tuyên bố Luật là "phi Luật tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai”; tuyên bo điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai” tuyên bố điều không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều được quy đinh bởi đức Như Lai là "diều đã không được quy đinh bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm t0i”; tuyên bố phạm tội là "v6 tQi"; tuyên bố tội nhẹ là "tội nặng”; tuyên bố tội nặng là "tội nhq"; tuyên bố tội còn dư sót là utội không còn dư s6t”; tuyên bố tội không còn dư sót là utội còn dư s6t'4 tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xq” tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa." Do mười tám sự việc này, các vi ấy tách ra và tách rời hẳn, chúng thực hiện lễ Uposatha riêng rẽ, chúng thực hiện lễ Pavāranā riêng rẽ? chúng thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Này upãli, cho đến như vậy thì hội chúng bị chia rẽ. 8. Bạch Ngài, có điều nói rằng: "Sự hợp nhất hội chúng, sự hợp nhất hội chúng." Bạch Ngài, cho đến như thế nào thì hội chúng có sự hợp nhất? ở đây, này upli, các Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Pháp"; tuyên bố Pháp là 'Pháp"; tuyên bố phi Luật là "phi Luāt,9; tuyên bố Luật là "Luật tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều đã được

giảng, đã được nói bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điêu đã không được quy đinh bởi đức Như Lai là "điêu đã không được quy đinh

4 Tội không còn dư sót là nhóm tội Pārājika. Tội còn dư sót là sáu nhóm tội còn lại (VinA. VII. 1319).

bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy đinh bởi đức Như Lai”; tuyên bố vô tội là "vo toi"; tuyên bố phạm tội là "phạm toi”; tuyên bố tội nặng là "tội nang”; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhẹ”; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư sót59; tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư s6t"; tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa"; tuyên bố tội không xấu xa là utội không xấu xa.” Với mười tám sự việc này, các vị ấy không tách ra và không tách rời hẳn, không thực hiện lễ Uposatha riêng rẽ, không thực hiện lễ Pavāranā riêng rẽ, không thực hiện hành sự của hội chúng riêng rẽ. Này upâli, cho đến như vậy thì hội chúng có sự hợp nhất. 9. Bạch Ngài, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhát, kẻ ây gây nên điêu gì? —Này upali, sau khi chia rẽ hội chúng hợp nhất, kẻ gây nên tội lỗi chịu đựng trọn kiêp, bị nung nâu trong địa ngục trọn kiêp. Kẻ chia rẽ hội chúng là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp. Kẻ thích thú với phe nhóm, sống sai Pháp, làm tiêu hoại sự an ổn của thiền, sau khi đã chia rẽ hội chúng có sự hợp nhất, bị nung nấu trong địa ngục trọn kiếp. -Bạch Ngài, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bi chia rẽ, vị ấy tạo được điều gì? • -Này upâli, sau khi làm hợp nhất hội chúng đã bị chia rẽ, vị ấy tạo được phước báu của Phạm thiên, được vui hưởng ở cõi trời trọn kiếp. An lạc thay sự hợp nhất của hội chúng và tán đồng với những ai sống hợp nhất. Vị thích thú với sự hợp nhất, sống đúng theo pháp, không làm tiêu hoại sự an ổn của thiền, sau khi đã làm cho hội chúng có sự hợp nhất, được vui hưởng ở cõi trời trọn kiếp. 10. — Bạch Ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được? Này Upâli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiêp, không thê sửa đôi được. Bạch ngài, có thể nào kẻ chia rẽ hội chúng sẽ không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được? Này upãli, kẻ chia rẽ hội chúng có thể sẽ không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chiu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được. Bạch ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được? Này upāli5 trường hợp vị Tỵ-khưu tuyên bố phi Pháp là "[háp.” [Vị ấy] có quan diêm là sai Pháp vê việc ây, có quan diêm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huân của bậc Đạo sư. Hãy nhận

lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này Upli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị áy] có quan diêm là sai Pháp vê việc ây, có quan diêm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giâu điêu khao khát, sau khi che giâu ý định, roi phân phát thẻ biêu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nay.99 Này upãli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này upãli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khiru tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị áy] có quan diêm là sai Pháp vê việc ây, có hoài nghi vê việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.,, Này Upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giâu điêu khao khát, sau khi che giâu ý định, roi phân phát thẻ biêu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.” Này Upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này Ưpâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp.” [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc ny." Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này Upâli, còn có trường hợp khác nữa, vi Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp.” [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư.

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG 839

Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này/9 Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sưa đoi được. Này upãli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là “Pháp." [Vị áy] có hoài nghi vê điêu ây, có quan diêm là sai Pháp vê việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý đinh, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc ny." Này upãli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng

trọn kiếp, không thể sửa đổi được. 11. Này upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khxru tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: “Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chiu đựng trọn kiếp, không thê sửa đôi được. Này Upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "Pháp." [Vị ấy] có hoài nghi về điều ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc nay.^ Này Upli, đây là kẻ chia rẽ hội chung [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. Này upãli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bô phi Pháp là "Ph", tuyên bố phi Luật là "Luật,; tuyên bố Luật là "phi Luāf9; tuyên bố điều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã được giảng, đã được nói bởi đức Như Lai là "diều không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã không được thực hanh bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như Lai”; tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều không được quy đinh bởi đức Như Lai là "diều đã được quy định bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "diều không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố vô tội là "phạm toi"; tuyên bố phạm tội là "v6 toi"; tuyên bố tội nhẹ là "tội n/ng"; tuyên bố tội nặng là "tội nhe"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội không còn dư s6t”; tuyên bố tội không con dư sót là "tội còn dư s6f ; tuyên bố tội xấu xa là "tội không xấu xa"; tuyên bố tội không xấu xa là utội xấu xa." [Vị

ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Dây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.” Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ, là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiêp, không thê sửa đổi được. Này upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu tuyên bố Pháp là "phi Pháp." ...(nt).. tuyên bố tội không xấu xa là "tội xấu xa/9 [Vị ấy] có quan điểm là sai Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vị áy] có quan diêm là sai Pháp vê việc ây, có hoài nghi vê việc chia rẽ5 ...(nt)... [Vị áy] có quan diêm là đúng Pháp vê việc ây, ...(nt)..[Vj áy] có quan diêm là đúng Pháp về việc ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vi ấy] có hoài nghi về điều ấy, có quan điểm là sai Pháp về việc chia rẽ, ...(nt)... [Vi ấy] có hoài nghi vê điêu ây, có quan diêm là đúng Pháp vê việc chia rẽ, ...(nt)... [Vị áy] có hoài nghi về điều ấy, có hoài nghi về việc chia rẽ, sau khi che giấu quan điểm, sau khi che giấu điều mong mỏi, sau khi che giấu điều khao khát, sau khi che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết

tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này." Này upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] là kẻ sanh đọa xứ? là kẻ đi địa ngục, phải chịu đựng trọn kiếp, không thể sửa đổi được. 12. Bạch Ngài, thế nào là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được? Này upāli, trường hợp vị Tỳ-khưu tuyên bố phi Pháp là "phi Ph;" [Vi ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ, sau khi không che giấu quan điểm, sau khi không che giấu điều mong mỏi, sau khi không che giấu điều khao khát, sau khi không che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Bây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huân của bậc Đạo sư. Hãy nhận lây thẻ này, hãy ủng hộ việc này.,, Này Upli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được. Này upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khiru tuyên bố Pháp là “Pháp.” [Vị ấy] có quan điểm là đúng Pháp về việc ấy, có quan điểm là đúng Pháp về việc chia rẽ,...(nt).. tuyên bố phi Luật là "phi Luat"; ...(nt).. tuyên bố Luật là 6aLuật,; tuyên bố điều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai là "diều đã không được giảng, không được nói bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được giảng, được nói bởi đức Như Lai là "điều đã được giảng, được nói bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã không được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã không được thực hành bởi đức Như Lai” tuyên bố điều đã được thực hành bởi đức Như Lai là "diều đã được thực hành bởi đức Như

Lai”; tuyên bố điều đã không được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã không được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố điều đã được quy định bởi đức Như Lai là "điều đã được quy định bởi đức Như Lai"; tuyên bố phạm tội là "phạm t°i”; tuyên bố vô tội là "vô toi”; tuyên bố tội nặng là "tội nāng?,; tuyên bố tội nhẹ là "tội nhq"; tuyên bố tội còn dư sót là "tội còn dư s6t” tuyên bố tội không còn dư sót là "tội không còn dư s6f tuyên bố tội xấu xa là "tội xấu xa”; tuyên bố tội không xấu xa là "tội không xấu xa." [Vi ấy] có quan điểm là đúng Pháp vê việc ây9 có quan diêm là đúng Pháp vê việc chia rẽ, sau khi không che giâu quan điểm, sau khi không che giấu điều mong mỏi, sau khi không che giấu điều khao khát, sau khi không che giấu ý định, rồi phân phát thẻ biểu quyết tuyên bố rằng: "Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời giáo huấn của bậc Đạo sư. Hãy nhận lấy thẻ này, hãy ủng hộ việc này.” Này upâli, đây là kẻ chia rẽ hội chúng [sẽ] không là kẻ sanh đọa xứ, không là kẻ đi địa ngục, không phải chịu đựng trọn kiếp, có thể sửa đổi được. Tụng phẩm thứ ba. Chương "Chia rẽ hội chúngw là thứ bảy.

TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY ở Anupiyâ, những người có danh tiếng, vị mảnh mai không muốn, các việc cày xới, gieo hạt, đưa nước vào, tưới nước, nhô cỏ, gặt hái, thâu hoạch, chát thành đông, đập giũ, [tách] rơm và trâu ra, sàng sảy, roi cát vào kho. Ngay cả trong tương lai, [các công việc] vẫn không được ngưng lại, cả người cha lẫn người ông. Các vị Bhaddiya và Anuruddha, Ānanda, Bhagu, Kimbila, tự hào là dòng Sakyā. Và chuyện ở Kosambī, vị đã bị mất [thần thông] và thiên tử Kakudhā. Vị đã công bố và đối với người cha, các nam nhân, tảng đá, voi Nālāgiri, ba [lan hãm hại], năm [sự việc], việc nghiêm

trọng, kẻ đã chia rẽ5 với tội Thullaccaya, ba nhóm gồm tám điều, rồi lại ba điều [không đúng Chánh pháp], r \ 9

Sự bát đông, sự chia rẽ, có thê sẽ là. —ooOoo—

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự

1. PHẬN Sự CỦA VỊ VÃNG LAI 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru vãng lai đi vào tu viện van mang dép, đi vao tu viện van cang du, đi vao tu viện van trùm đâu, van đọi y ở đầu rồi đi vào tu viện, rửa các bàn chân với nước dùng để uống, không đảnh lễ các Ty-khiru thường trú thâm niên hơn, không hỏi ve chỗ tru ngụ. Có vị Tỳ-khưu vãng lai nọ đã mở chốt gài, đẩy cánh cửa, rồi vội vã đi vào tru xá không có người ở. Có con rắn từ đà ngang phía trên đã rơi xuống vi ấy. Vi ấy hoảng sợ đã kêu thét lên. Các Tỳ-khưu đã chạy lại và đã nói với vị Tỳ- khưu ây điêu này: Này Đại đức, tại sao Đại đức kêu thét lên vậy? Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu vãng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, đi vào tu viện vẫn căng dù, ...(nt)... không hỏi về chỗ trú ngiị?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khiru vãng lai đi vào tu viện vẫn mang dép, ...(nt).. không hỏi về chỗ trú ngụ, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: Này các Tỳ-khưu, vì sao các Tỳ-khưu vãng lai lại đi vào tu viện vẫn mang dép, ...(nt).. không hỏi về chỗ trú ngụ? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa, chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi [niềm tin] của một số người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu9 chính vì điêu ây Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu vãng lai, các Tỳ-khưu vãng lai nên thực hành như the. Này các Tỳ-khưu5 vị Tỳ-khưu vãng lai [nghĩ rằng]: "Bây giờ ta sẽ đi vào tu viên", nên tháo dép ra, để dưới thấp, giũ sạch, rồi cầm lấy, hạ dù xuống, cởi đầu trần, lấy y ở đầu

để xuống ở vai, rồi đi vào tu viện một cách nghiêm trang không vội vã. Khi đi vào tu viện, nên quan sát xem: “Các Tỳ-khưu thường trú tụ hội ở d2u?" Các Tỳ-khưu thường trú tụ hội ở nơi nào: Trong phòng hội họp, ở mái hiên, hay ở góc cây, sau khi đi đên nơi ây, nên đê bình bát xuông một bên, nên đê y xuống một bên, nên chọn chỗ ngồi thích hợp rồi ngồi xuống. Nên hỏi về nước uống, nên hỏi về nước rửa: "Nước nào là nước uống? Nước nào là nước rửa?" Nếu có sự cần dùng với nước uống, sau khi lấy nước uống rồi nên uống. Nếu có sự cần dùng với nước rửa, sau khi lấy nước rửa rồi nên rửa hai bàn chân. Trong khi rửa hai bàn chân, r nên xôi \nước băng r -i một tay, nên rửa bàn chân băng một tay. -i ù \ r Không nên xôi nước chỉ băng tay ây9 không nên rửa bàn chân chỉ băng tay ây. Nên hỏi miếng giẻ lau dép rồi lau đôi dép. Trong khi lau đôi dép,

trước tiên nên lau với miêng giẻ khô, sau đó với miêng giẻ ướt. Sau khi giặt miêng giẻ lau dép rồi nên phơi ở một góc. Nếu vị Tỳ-khưu thường trú thâm niên hơn thì nên đảnh lễ. Nếu là vị mới tu thì nên để vị ấy đảnh lễ. Nên hỏi về chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ nào dành cho t6i?" Nên hỏi [chỗ trú ngụ áy] có người ở hay không có. Nên hỏi vê khu vực đi khát thực, nên hỏi vê khu vực không thể đi khất thực. Nên hỏi về các gia đình được xác định là Thánh Hữu học. Nên hỏi về chỗ tiêu, nên hỏi về chỗ tiểu, nên hỏi về [chỗ lấy] nước uông, nên hỏi vê [chô lây] nước rửa, nên hỏi vê gậy đê chông, nên hỏi vê quy định của hội chúng: "Giờ nào có thể đi vào? Giờ nào có thể đi ra?” 2. Nếu tru xá không có người, nên gõ vào cánh cửa lớn, chờ trong chốc lát, rồi tháo chốt gài, mở cánh cửa lớn ra, nên đứng bên ngoài nhìn vào bên trong. Nêu tru xá có rác bân hoặc là giường được chông lên giường, hoặc là ghê được chông lên ghê và vật năm, ngôi được chát thành đông ở bên trên, nêu có nô lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên gỡ thảm trải nền đem ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi đê xuồng ở một góc. Nên đem nệm gói ra ngoài roi đê xuông ở một góc. Nên hạ tháp cái giường roi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trây [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ tháp cái ghê roi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trây [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuông khỏi tâm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang e 16, ĩnên thâm ướt Lkhăn chà xát mạnh roi lau sạch. 7 A Nêu nên • được r sơn \ màu đen bị đôm loang lô, nên thâm ướt khăn chà xát mạnh roi lau sạch. Nêu nên không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.,, Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc.

VUI. CHƯƠNG PHẬN Sự 845

Sau khi phơi nắng tấm trải nền ở một góc, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vi trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, roi sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng ghê, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ tháp xuông, roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt dát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm, gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng vật lót ngôi và tâm trải năm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được săp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng tâm ván kê đâu, nên lau chùi, roi đem vào trong và đê lại ở vị trí như cũ. 3. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt

bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên đê mép y phía bên kia còn phân gáp lại ở bên này, roi máng y xuông. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nen được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nấu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại. Nêu thời tiêt lạnh, các cửa sô nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nêu phòng có rác bân, nên quét phòng. Nêu công có rác bân, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà vệ sinh có rác bẩn, nên quét nhà vệ sinh. Nêu nước uông không có, nên đem lại nước uông. Nêu nước rửa không c6, r ?

nên đem lại nước rửa. Nêu hũ nước súc miệng không có nước, nên đô nước vào hũ nước súc miệng. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ"khưu vãng lai, các Tỳ-khưu vãng lai nên thực hành như thế.

2. PHẢN sự CỦA VỊ THƯỜNG TRỦ 4. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khmi thường trú khi thấy các Tỳ-khưu vãng lai không chịu sắp xếp chỗ ngồi, không đem đến nước rửa chân, không [đem đến] ghế kê chân, không [đem đến] tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, họ không rước y bát, không hỏi vê nước uông, không hỏi vê nước rửa, cũng không đảnh lễ các Tỳ-khưu vãng lai thâm niên hơn, không sắp xếp chỗ trú ngụ. Các Tỳ- khmi nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khưu thường trú khi thấy các Tỳ-khưu vãng lai lại không chịu sắp xếp chỗ ngồi, ...(nt)... không sắp xếp chỗ trú ngu?" Sau đó, các vị Tỳ-khiru ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)..
có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu thường trú, các Tỳ-khưu thường trú nên thực hành như the.
5. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu thường trú khi thấy vị Tỳ-khưu vãng lai thâm niên hơn nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem đến nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y bát, nên hỏi [dâng] nước uống. Nêu có nỗ lực, [vị thường tru] nên lau đôi dép [của vị kia]. Trong khi lau đôi dép, trước tiên nên lau bằng miếng giẻ khô, sau đó bằng miếng giẻ ướt. Sau khi giặt miếng giẻ lau dép rồi nên phơi ở một góc. Nên đảnh lễ vị Tỳ-khưu vãng lai thâm niên hơn. Nên sắp xếp chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ này dành cho Đại dức." Nên nói rõ [chô trú ngụ áy] có người ở hay không có. Nên nói rõ vê khu vực đi khất thực, nên nói rõ về khu vực không nên đi khất thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác đinh là Thánh Hữu học. Nên nói rõ về chỗ tiêu, nên nói rõ về chỗ tiểu. Nên nói rõ về [chỗ lấy] nước uống, nên nói rõ về [chỗ lấy] nước rửa. Nên nói rõ về gậy để chống. Nên nói rõ về quy định của hội chúng: uGiờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra." Nếu [vị vãng lai] là vị mới tu, vi [thường trú] vẫn ngồi, nên nói rõ: “E)ể bình bát chỗ này, để y chỗ này, ngồi ở chỗ ngồi này.^, Nên nói rõ chỗ nước uống, nên nói rõ

chỗ nước rửa. Nên nói rõ về giẻ lau đôi dép. Nên để cho vi Tỳ-khưu vãng lai mới tu đảnh lễ. Nên nói rõ chỗ trú ngụ: "Chỗ trú ngụ này dành cho Đại dúrc.” Nên nói rõ [chỗ tru ngụ ấy] có người ở hay không có. Nên nói rõ về khu vực đi khất thực, nên nói rõ về khu vực nào không nên đi khất thực. Nên nói rõ về các gia đình được xác định là Thánh Hữu học. Nên nói rõ vê chô tiêu, nên nói rõ vê chỗ tiểu. Nên nói rõ về [chỗ lấy] nước uống, nên nói rõ về [chỗ lấy] nước rửa. Nên nói rõ vê gậy đê chông. Nên nói rõ vê quy định của hội chúng: "Giờ này có thể đi vào. Giờ này có thể đi ra.”

VUI. CHƯƠNG PHẬN Sự 847

Này các Tỳ-khiru9 đây là phận sự của các Tỳ-khưu thường trú, các Tỳ-khưu thường trú nên thực hành như thế.

3. PHẬN Sự CỦA VỊ XUẤT HÀNH 6 Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu xuất hành không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chô trú ngụ, roi ra đi. Các đô vật băng gô và các đô vật băng đát nung bi mát mát. Chỗ trú ngụ không được bảo quản. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Vi sao các Tỳ-khưu xuất hành lại không thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, mở ra cửa lớn và cửa sổ, không thông báo về chỗ trú ngụ, rồi ra đi khiến các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung bị mất mát, chỗ trú ngụ không được bảo quản?" Sau đỏ, các vi Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khiru, chính vì điều ấy Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu xuất hành, các Tỳ-khưu xuất hành nên thực hành như the. 7. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu xuât hành trước khi ra đi nên thu xép các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sổ, nên thông báo về chỗ trú ngụ. Nếu không có Tỳ-khưu, nên thông báo cho vị Sa-di. Nếu không có Sa-di, nên thông báo cho người phụ việc chùa. Nếu không có người phụ việc chùa, nên thông báo cho nam cư sĩ. Nếu Tỳ-khưu, hoặc Sa-di, hoặc người phụ việc chùa, hoặc nam cư sĩ đều không có, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn dá, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghê, còn sàng tọa nên chát thành đông ở phía bên trên, nên thu xép các đô vật băng gô và các đô vật băng đát nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sô roi mới nên ra đi. Nếu trú xá bị dột nước mưa, nên lợp lại nếu có nỗ lực, hoặc nên thực hiện sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để trú xá có thể được lợp?" Nếu việc ấy đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp; nếu không đạt được, tại vị trí nào không bị nước mưa dột thì tại chô đó nên sáp xép cái giường lên trên bôn hòn đá, roi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghê lên trên cái ghê, còn sàng tọa nên chất thành đống ở phía bên trên, nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đô vật băng đát nung, nên đóng lại cửa lớn và cửa sô roi mới nên ra đi.

848 TIỂU PHẨM

Nếu toàn bộ trú xá đều bị nước mưa dột, nên mang sàng tọa vào làng nếu có nỗ lực, hoặc nên thực hiện sự nỗ lực [nghĩ rằng]: "Làm thế nào để sàng tọa có z • r e r ỉ . 2 * r

thê được mang vào lang?99 Nêu việc ây đạt được như thê, việc ây như vậy là tót đẹp; nếu không đạt được, nên sắp xếp cái giường lên trên bốn hòn đá ở ngoài trời, rồi đặt cái giường lên trên cái giường, đặt cái ghế lên trên cái ghế, còn sàng tọa nên chất thành đống ở phía bên trên. Nên thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung. Nên lấy cỏ hoặc lá phủ lên rồi mới nên ra đi [nghĩ rằng]: "C6 lẽ các thứ này sẽ còn được tồn tại." Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ-khưu xuất hành, các Tỳ-khiru xuất hành nên thực hành như thế.

4. PHẬNSỰTÙYHỶ 8. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khxru không nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Tại sao các Sa-môn Thích tử lại không nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thỊTc?" Các Tỳ-khưu đã nghe được dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên f đức The Ton. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khtru rằng: Này các Tỳ-khưu? Ta cho phép nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã khởi ý điều này: nào sẽ nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thúc?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Tôn. Khi ấy, đức The Tôn nhân lý do ây, nhân sự kiện ây đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão nói lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực. Vào lúc bấy giờ, có bữa trai phạn dâng đến hội chúng của nhóm người nọ. Đại đức Sāriputta là Trưởng lão của hội chúng. Các vi Tỳ-khưu [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cho phép vị Tỳ-khưu trưởng lão noi lời tùy hỷ ở chỗ thọ thực" nên đã để Đại đức Sāriputta ở lại mỗi một mình rồi ra đi. Khi ấy, Đại đức Sāriputta đã làm hoan hỷ những người ây roi đã đi vê chỉ môi một mình sau cùng. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy Đại đức Sāriputta mỗi một mình đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thấy đã nói với Đại đức Sāriputta điều này: Này Sāriputta, chác han bữa thọ thực đã được tót đẹp? Bạch Ngài, bữa thọ thực đã được tốt đẹp. Tuy nhiên, các Tỳ-khưu đã để con ở lại mỗi một mình và ra đi.

VUI. CHƯƠNG PHẬN Sự 849

Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép bốn hay năm vị Tỳ-khưu trưởng lão hoặc kế tiếp vị Trưởng lão chờ đợi ở chỗ thọ thực. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu trưởng lão nọ bi mắc tiêu đã chờ đợi ở chô thọ thực. Trong lúc không thê kiêm chê việc đại tiện, vi ây bị ngát xỉu ngã xuống. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép ra đi khi có việc cần làm sau khi đã thông báo cho vi Tỳ-khưu kế bên.

5. PHẬN Sự ở CHÔ THỌ THỰC 9. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các Tỳ-khưu trưởng lão, chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp roi ngôi xuồng ở trong xóm nhà. Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách lại đi đến chỗ thọ thực, tách ra rồi đi lên phía trước các Tỳ-khưu trưởng lão, chen

vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống, còn xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình Sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách đi đến chỗ thọ thực, ...(nt).. lại còn trải ra y hai lớp rồi ngồi xuống ở trong xóm nhà, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Thế Tôn đã khiển trách rằng: ...(nt).. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu rang: Này các Tỳ-khưu5 chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự ở chô thọ thực cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khiru ở chỗ thọ thực nên thực hành như thế. 10. Nếu thời giờ được thông báo ở trong tu viện, vị [Tỳ-khưu] nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn,1 nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nép roi trùm lên, nên that lại dây buộc, nên rửa bình bát roi câm

1 Là vòng bụng ở lỗ rún và hai đầu gối. Xem điều học Sekhiya thứ nhất (TTTDPGVN, tập 10, tr. 585; TTP V, tạp 3 tr. 488-89).

lây, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không háp táp. Không nên tách ra rồi đi lên phía trước các Tỳ-khiru trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt).. với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt).. với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt).. với thân bi vén hở ra. Không nên ...(nt).. với tiếng cười vang. Nên ...(nt).. với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt).. với sự đung đưar cánh tay. Không nên ...(nt).. với , 5

Sự lác lư đâu. Không nên ...(nt).. với tay chông nạnh. Không nên ...(nt).. với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Nên ngồi ở trong nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt).. với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt).. với mát nhìn xuông. Không nên ...(nt).. với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt).. với tiêng cười vang. Nên ...(nt).. với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa thân. Không nên ..(nt).. với sự đung đưa cánh tay. Không nên ..(nt)...với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt).. với [đầu] được trùm lại. Không nên ...(nt)... với sự ôm đâu gói. Không nên chen vào [chô] các Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khiru mới tu khỏi chỗ ngồi. Không nên trải ra y hai lớp roi ngôi xuông ở trong nhà. 11. Trong khi được dâng nước, nên câm bình bát băng hai tay và thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận, không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa [nghĩ rằng]: "Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe? chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bị nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bi dính nước.,, z r r y Nêu vật chứa nước rửa không c6, nên hạ tháp xuống roi tưới lên trên mặt đất [nghĩ rằng]: "Chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bi nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bi dính mr&c." Trong khi được dâng cơm, nên cầm bình bát bằng hai tay rồi thọ lãnh cơm. Nên chừa chỗ cho súp. Nếu có bơ lỏng, hoặc dầu ăn, hoặc thức ăn ngon, vị Trưởng lão nên nói răng: "Nên chia đêu ra cho tát c” Nên thọ lãnh vật thực một cách nghiêm trang. Nên thọ lãnh vật thực với sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ lãnh

vật thực với lượng súp tương xứng. Nên thọ lãnh vật thực vừa ngang miệng [bình bát]. Vị Trưởng lão không nên thọ thực khi tất cả chưa được đay đủ cơm. Nên thọ dụng : vật thực một cách nghiêmA trang. Nên * thọ dụng vật thực với Sự chú tâm ở bình bát. Nên thọ dụng vật thực theo tuân tự. Nên thọ dụng vật thực với lượng súp tương xứng. Không nên vun lên thành đống rồi thọ dụng vật thực. Không nên dùng cơm che lấp súp hoặc thức ăn với ý muốn được nhiều hơn. Vị không bị bệnh, không nên yêu cầu súp và cơm vì nhu cầu của bản thân rồi thọ thực.

VUI. CHƯƠNG PHẬN SU 851

12. Không nên nhìn vào bình bát của các vị khác với ý định tìm lỗi. Không nên làm vắt cơm quá lớn. Nên làm vắt cơm tròn đều. Không nên há miệng ra khi vắt cơm chưa được đưa đen. Không nên đưa trọn bàn tay vào miệng trong lúc thọ thực. Không nên nói chuyện với miệng có vắt cơm. Không nên thọ thực theo lôi đưa thức ăn vào miệng một cách liên tục. Không nên thọ thực theo lôi cắn vắt cơm từng chút một. Không nên thọ thực theo lối làm phồng má. Không nên thọ thực có sự vung rảy bàn tay. Không nên thọ thực có sự làm rơi đổ cơm. Không nên thọ thực có sự le lưỡi. Không nên thọ thực có làm tiếng chép chép. Không nên thọ thực có làm tiếng rọt rọt. Không nên thọ thực có sự liếm tay. Không nên thọ thực có sự nạo vét bình bát. Không nên thọ thực có sự liếm môi. Không nên thọ lãnh tô nước uông băng bàn tay có dính thức ăn. Vị Trưởng lão không nên thọ lãnh nước khi tất cả còn chưa thọ thực xong. Trong khi được dâng nước, nên cam bình bát bang hai tay roi thọ lãnh nước. Nên hạ thấp xuống rồi rửa bình bát một cách cẩn thận, không chà xát mạnh. Nếu có vật chứa nước rửa, nên hạ thấp xuống rồi đổ nước vào trong vật chứa nước rửa [nghĩ rang]: "Chớ làm vật chứa nước rửa bị văng nước tung tóe, chớ làm các Tỳ-khiru xung quanh bị nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bị dính nuức.” Nếu vật chứa nước rửa không có, nên hạ thấp xuống roi tưới lên trên mặt đất [nghĩ rằng]: "Chớ làm các Tỳ-khưu xung quanh bi nước văng nhầm, chớ làm y hai lớp bị dính nuúc.” Không nên đo bỏ nước rửa bình bát có lẫn cơm ở nơi xóm nhà. Trong khi đi trở vê, các Tỳ-khưu mới tu nên đi vê trước tiên, sau đó là các vị Trưởng lão. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ..(nt).. với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt).. với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiếng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên (nt) với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt).. với tay chông nạnh. Không nên ...(nt)... với [đâu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở chỗ thọ thực của các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu ở chỗ thọ thực nên thực hành như the. Tụng phẩm thứ nhất.

6. PHẬN Sự CỦA VỊ ĐI KHÁT THỰC 1. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đi khất thực mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách rồi đi khất thực. Các vị đi vào tư gia không suy xét trước, đi ra không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gan, đứng lại quá lâu và quay đi quá lẹ.

852 TIỂU PHẨM

Còn có vị Tỳ-khưu đi khất thực nọ đã đi vào tư gia không suy xét trước. Và vị ấy trong khi nghĩ là cửa lớn rồi đã bước [lầm] vào hậu phòng nọ. Và ở trong hậu phòng ây, có người đàn bà khỏa thân đang năm ngửa ra. Vị Tỳ-khiru ây đã nhìn thây người đàn bà ây khỏa thân đang năm ngửa ra, sau khi nhìn thây [nghĩ rằng]: uĐây không phải là cửa lớn, đây là hậu phòng,5 rồi đã từ hậu phòng ấy đi ra. Chông của người đàn bà áy đã nhìn thây người đàn bà áy khỏa thân đang nằm ngửa ra, sau khi nhìn thấy [nghĩ rằng]: 66Vợ của ta đã bị gã Tỳ-khưu này làm nho" nên đã giữ vi Tỳ-khiru ấy lại và đánh đòn. Khi ây, người đàn bà ây đã thức dậy vì tiêng động ây và đã nói với người chông điêu này: Phu quân, vì sao ông lại đánh đòn vị Tỳ-khmi này vậy? Gã Tỳ-khưu này đã làm nhơ bà. Phu quân, thiếp không có bị vị Tỳ-khưu này làm nhơ. Vi Tỳ-khưu ấy không có làm. Và đã bảo thả vị Tỳ-khưu ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã đi đến tu viện và kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khxm nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu đi khất thực lại mặc y luộm thuộm, trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách rồi đi khất thực, đi vào tư gia không suy xét trước, đi ra không suy xét trước, đi vào vô cùng vội vã, đi ra cũng vô cùng vội vã, đứng quá xa, đứng quá gần, đứng lại quá lâu và quay đi quá 1°?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu áy đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu đi khất thực, các Tỳ-khxru đi khất thực nên thực hành như thế. 2. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu đi khất thực [nghĩ rằng]: "Bây giờ ta sẽ đi vào làng" thì nên mặc y nội tròn đêu với sự che phủ ba vòng tròn, nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên? nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt).. với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mat nhìn xuông. Không nên ...(nt)... với thân bị vén hở ra. Không nên ...(nt)... với tiêng cười vang. Nên ...(nt)... với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt)... với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt)... với tay chống nạnh. Không nên ...(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót.

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 853

Trong khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: “Ta sẽ đi vào lối này, ta sẽ đi ra bằng lối này.^, Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gân. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên quay đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "[Gia chủ] có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: "Đường như có ý đinh bố thí." Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Và không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực.2 Nên suy xét răng: "[Gia chủ] có ý muôn bô thí súp hay không có ý muôn bố thí?” Nếu [gia chủ] đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]:

“Đường như có ý định bố thí." Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi quay đi một cách nghiêm trang không hấp tấp. 3. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)... với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt)... với mat nhìn xuống. Không nên ...(nt).. với thân bi vén hở ra. Không nên ...(nt).. với tiếng cười vang. Nên ...(nt).. với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên (nt) với sự đung đưa thân. Không nên (nt)... với sự đung đưa cánh tay. Không nên ...(nt).. với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt).. với tay chống nạnh. Không nên ...(nt).. với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Vị nào đi khất thực từ làng trở về trước tiên, vị ấy nên sắp xếp chỗ ngồi; nên chuân bị nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân. Nên rửa chậu đựng đồ thừa rồi đem lại. Nên đem lại nước uống và nước rửa. Vị nào đi khất thực từ làng trở vê sau cùng, nêu vật thực được ăn còn thừa lại, nêu muôn thì vi ây ăn; nếu không muốn thì đem quăng bỏ ở nơi không có cỏ xanh, hoặc đổ xuống nước không có sinh vật. Vị ấy nên xếp chỗ ngồi lại. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên rửa chậu đựng đô thừa roi cát đi. Nên dọn dẹp nước uông, nước rửa. Nên quét nhà ăn. Vị nào thấy lu nước uống, hoặc lu nước rửa, hoặc lu nước nhà vệ sinh hét nước, trông trơn, vi ây nên đô nước vào. Nêu vị ây không làm nôi thì nên mời vị thứ hai lại với dâu hiệu băng tay và nhờ phụ giúp với hành động băng tay, và không vì lý do đó mà nói ra băng lời. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ-khưu đi khất thực, các Tỳ- khưu đi khất thực nên thực hành như thế.

2Ngài Buddhạghosa giải thích rằng: 4tDầu là người nữ hay người nam, không nên nhìn vào mặt ở thời diêm của sự bô thí vật thực" (VỉnA. VI. 1285).

7. PHẢN sự CỦA VỊ NGỤỞRÙNG 4. Vào lúc bây giờ, có nhiêu vi Tỳ-khưu cư ngụ ở trong rừng. Các vị ây không dự trữ nước uống, không dự trữ nước rửa, không dự trữ lửa, không dự trữ vật tạo lửa, không biết về các vị trí của những ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực. Bọn trộm cướp sau khi đi đến nơi ấy đã nói với các Tỳ-khưu ấy điều này: -Thưa ngài, có nước uống không? -Anh bạn à, không có. Thưa ngài, có nước rửa không? —Anh bạn à, không có. Thưa ngài, có lửa không? -Anh bạn à, không có. -Thưa ngài, có vật tạo lửa không? -Anh bạn à, không có. Thưa ngài, có biết các vi trí của những ngôi sao không? -Anh bạn à, chúng tôi không biết. -Thưa ngài, có biết phương hướng và khu vực không? -Anh bạn à, chúng tôi không biết. Thưa ngài, hôm nay liên quan đến điều gì? —Anh bạn à, chúng tôi không biết. -Thưa ngài, hướng này là hướng gì? Anh bạn à, chúng tôi không biết. Khi ây, bọn trộm cướp ây [nghĩ răng]: "Những người này không có nước uống, không có nước rửa, không có lửa, không có vật tạo lửa, không biết các vị trí của những ngôi sao, không biết phương hướng và khu vực; những người này là trộm cướp, những người này không phải là các T^-khưu" nên đã đánh đập rồi bỏ đi. Sau đó, các vi Tỳ-khưu ấy đã kê lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây Ta sẽ quy định phận sự cho các Tỳ- khưu ở rừng, các Tỳ-khxru ở rừng nên thực hành như thế. 5. Này các Tỳ-khưu, vi Tỳ-khưu ngụ ở rừng, sau khi thức dậy vào

lúc sáng sớm nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, khoác y lên người, mang dép vào, thu xếp các đồ vật bằng gỗ và các đồ vật bằng đất nung lại, đóng cửa lớn và cửa so, roi rời chỗ trú ngụ [nghĩ rang]: "Bây giờ, ta sẽ đi vào làng." Nên tháo dép ra, đe ở chỗ thấp, giũ sạch, rồi bỏ vào túi xách, đeo lên vai, nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, nên buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 855

lớp thành nếp rồi trùm lên, nên thắt lại dây buộc, nên rửa bình bát rồi cầm lấy, nên đi vào làng một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín đáo. Nên ...(nt)...với [thái độ] khéo thu thúc. Nên ...(nt).. với mắt nhìn xuống. Không nên ...(nt).. với thân bi vén hở ra. Không nên với tiếng cười vang. Nên ...(nt)...với giọng nói nhỏ nhẹ. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa thân. Không nên ...(nt).. với sự đung đưa cánh tay. Không nên ..(nt).. với sự lắc lư đầu. Không nên ...(nt).. với tay chống nạnh. Không nên ..(nt)... với [đầu] được trùm lại. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Trong khi đi vào tư gia nên suy xét rằng: "Ta sẽ đi vào lối này, ta sẽ đi ra bằng lối nầyy Không nên đi vào quá vội vã. Không nên đi ra quá vội vã. Không nên đứng quá xa. Không nên đứng quá gần. Không nên đứng lại quá lâu. Không nên quay đi quá lẹ. Khi đứng nên suy xét rằng: "[Gia chủ] có ý muốn bố thí vật thực hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] ngưng công việc, hoặc từ chỗ ngồi đứng dậy, hoặc đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: “Đường như có ý định bố thí." Trong khi được dâng vật thực, nên dùng bàn tay trái vén y hai lớp lên, dùng bàn tay phải mở nắp bình bát, rồi dùng hai tay ôm bình bát và thọ lãnh vật thực. Và không nên nhìn mặt người nữ thí chủ bố thí vật thực. Nên suy xét rằng: “[Gia chủ] có ý muốn bố thí súp hay không có ý muốn bố thí?" Nếu [gia chủ] đụng đến cái muỗng, hoặc đụng đến cái đĩa, hoặc thỉnh đứng lại thì nên đứng lại [nghĩ rằng]: “Đường như có ý định bố thí.” Khi vật thực đã được bố thí, nên dùng y hai lớp che bình bát lại rồi quay đi một cách nghiêm trang không hấp tấp. Nên đi ở nơi xóm nhà với y được che kín dào. ...(nt).. Không nên đi ở nơi xóm nhà với sự nhón gót. Sau khi đi ra khỏi làng, nên để bình bát vào trong túi xách, đeo lên vai, cuốn tròn y lại, đội lên đầu, mang dép vào, roi đi ve. 6 Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu ngụ ở rừng nên dự trữ nước uống. Nên dự trữ nước rửa. Nên dự trữ lửa. Nên dự trữ vật tạo lửa. Nên dự trữ cây gậy để chông. Nên học vê các vị trí của những ngôi sao, toàn bộ hoặc một phân. Nên rành rẽ về các phương hướng. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự của các Tỳ- khưu ở rừng, các Tỳ-khưu ở rừng nên thực hành như thế.

8. PHÂN SựỞNƠI CƯ NGỤ r e A .

7. Vào lúc bây giờ, có nhiêu vị Tỳ-khưu đang may y ở ngoài trời. Các Tỳ- khưu nhóm Lục Sư đã đập giũ sàng tọa ngược chiều gió ở trước mái hiên. Các vị Tỳ-khưu đã bị lấm bụi. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, CÓ hôi hận, ưa thích sự học tập, các vị ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi

856 9 TIỂU PHẨM

sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đập giũ sàng tọa ngược chiêu gió ở trước mái hiên khiến các Tỳ-khưu bị lấm bqi?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ây lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đập giũ sàng tọa ngược chiêu gió ở trước mái hiên khiên các Tỳ-khưu bị lâm bụi, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây Ta sẽ quy định phận sự ở nơi cư ngụ cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nơi cư ngụ nên thực hành như the. 8. Vi [Tỳ-khiru] cư ngụ trong trú xá nào, nêu trú xá ây có rác bân, nên làm sạch sẽ nếu có nỗ lực. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên hạ tháp cái ghê roi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trây [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem ống nhổ ra 5 2 r r A \ 2 ngoài roi đê xuông ở một góc. Nên đem tâm ván kê đâu ra ngoài roi đê xuồng ở một góc. Nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuông khỏi tâm màn che. Nên lau chùi các lô thông gió và các hóc kẹt. Nêu tường được sơn màu đỏ bị đồm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để tru xá bi tràn ngập bụi bặm.,, Nên gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Không nên đập giũ sàng tọa ở gần các Tỳ-khưu. Không nên đập giũ sàng tọa ở gân các tru xá. Không nên đập giũ sàng tọa ở gân nước uông. Không nên đập giũ sàng tọa ở gân nước rửa. Không nên đập giũ sàng tọa ngược chiêu gió ở trước mái hiên. Nên đập giũ sàng tọa ở phía dưới gió. 9. Sau khi phơi năng tâm trải nên ở một góc5 nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi nắng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đát], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, roi sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 857

cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng vật lót ngồi và tấm trải nằm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như CŨ. Sau khi phơi năng tâm ván kê dâu, nên lau chùi, roi đem vào trong và đê lại ở vi trí như cũ. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc

phía dưới ghế, rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. 10. Nấu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Đông, các cửa sổ hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bác nên được khép lại. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Nam, các cửa sô hướng Nam nên được khép lại. Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nếu thời tiết nóng, các cửa sổ nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nấu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bân, nên quét nhà đê đót lửa. Nêu nhà vệ sinh có rác bân, nên quét nhà vệ sinh. Nếu nước uống không c6, nên đem lại nước uống. Nấu nước rửa không có, nên đem lại nước rửa. Nấu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. Nếu cư ngụ trong trú xá với vị thâm niên, khi chưa xin phép vị thâm niên không nên đọc tụng, không nên đưa ra các câu hỏi, không nên học bài, không nên giảng pháp, không nên tháp đèn9 không nên thôi tát đèn, không nên mở cửa so, không nen đong cưa so. Nêu đi kinh harm cung vơi VỊ tham men trên cung một đường kinh hành, khi đối đầu với vị thâm niên thì nên xoay lại và không nên va chạm vị thâm niên dù là bang chéo y hai lớp. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở nơi cư ngụ của các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu ở nơi cư ngụ nên thực hành như thế.

858 > TIỂU PHẨM _____

9. PHẬN Sự ở NHÀ TẤM HƠI 11. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hoi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào và ngồi xuống ở cửa ra vào. Các Tỳ-khưu bị hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xuống. Các Tỳ- khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hoi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không • ỵ J ỉ A r kính trọng nên đem lại nhiêu củi, đót lửa, đóng cửa ra vào và ngôi xuông ở cửa ra vào, khiến các Tỳ-khưu bi hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bị ngất xỉu ngã xu6ng?” Sau đó5 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thê Ton. -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư ở trong nhà tắm hơi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, do không kính trọng nên đem lại nhiều củi, đốt lửa, đóng cửa ra vào và ngồi xuống ở cửa ra vào, khiến các Tỳ-khưu bi hành hạ bởi sức nóng, không mở cửa được, nên bi ngất xỉu ngã xuống, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: - Này các Tỳ-khiru, ở trong nhà tắm hơi, trong khi bị cản trở bởi các Tỳ- khưu trưởng lão, do không kính trọng, không nên đem lại nhiều củi và đốt lửa; vị nào đót thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khun, không nên đóng cửa ra vào roi ngôi xuồng ở cửa ra vào; vị nào ngôi thì phạm tội Dukkata. 12. Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự ở nhà tăm hơi cho các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ở nhà tam hơi nên thực hành như the. Vị nào đi vào nhà

tăm hơi trước tiên, nêu tro tích lũy nhiêu, [vị áy] nên đem tro đi đo. Nêu nhà tam hơi có rác ban, nên quét nhà tam hơi. Nêu bục nen xung quanh có rác bẩn, nên quét bục nền xung quanh. Nếu căn phòng có rác bẩn, nên quét căn phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu gian phòng lớn của nhà tắm hơi có rác bẩn, nên quét gian phòng lớn của nhà tắm hơi. Nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét, nên đổ nước vào máng nước. Trong khi đi vào nhà tam hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín phía trước lẫn phía sau roi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, ở trong nhà tắm hơi, nêu có nô lực nên kỳ cọ cho các Tỳ-khưu trưởng lão. Trong khi rời khỏi nhà tăm hơi, nên câm lây cái ghê ngôi của nhà tăm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi ra khỏi nhà tắm hơi. ở trong nước, nếu có nỗ lực nên kỳ cọ cho các Tỳ-khưu trưởng lão. Không nên tăm ở phía trước, không nên tăm ở phía

trên các Tỳ-khưu trưởng lão. Vi đã tắm xong, trong khi đi ra [khỏi nước] nên nhường đường cho vị đi xuông. Vị nào rời nhà tăm hơi cuôi cùng, nêu nhà tăm hơi bi lầy lội, nên rửa sạch, nên rửa sạch máng đất sét, nên dọn dẹp ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên dập tắt lửa, nên đóng cửa, rồi đi ra. Này các Tỳ-khưu? đây là phận sự ở nhà tắm hơi của các Tỳ-khưu, các Tỳ- khưu ở nhà tắm hơi nên thực hành như thế.

10. PHẬN SựỞNHÀVỆ SINH 13. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ dòng dõi Bà-la-môn, đại tiện xong không muôn rửa sạch [nghĩ răng]: “Ai lại đụng đên đô hôi hám hạ tiện này?" Có con giun đũa đã dính ở hậu môn của vị ấy. Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. -Này Đại dức, có phải Đại đức đại tiện xong mà không rửa sạch? —Này các Đại dức, đúng vậy. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, ...(nt)... các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao vị Tỳ"khưu đại tiện xong lại không rửa sạch?” Sau đó? các vị rpí \ l l A mít A—3 *1 • A Á l A 4- Z rr^-1 Á r-p A

Tỳ-khưu áy đã trình sự việc áy lên đức The Ton. —Này Tỳ-khưu, nghe nói ngươi đại tiện xong lại không rửa sạch, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, sau khi đại tiện xong, nếu có nước không nên không rửa sạch; vị nào không rửa sạch thì phạm tội Dukkata. 14. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru đi đại tiện ở nhà vệ sinh theo thứ tự thâm niên. Các Tỳ-khưu mới tu đi đến trước tiên bị mắc tiêu vẫn chờ đợi. Trong lúc kiềm chế việc đại tiện, các vị ấy bi ngất xỉu ngã xuống. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu5 nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiên trách, Ngài đã nói pháp thoại roi bảo các Tỳ-khưu răng: -Này các Tỳ-khưu, việc đại tiện ở nhà vệ sinh không nên thực hành theo thứ tự thâm niên; vị nào thực hành thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc đại tiện theo thứ tự đi đen.

15. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã, vén y lên rồi đi vào, đại tiện rặn thành tiếng, đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng, đại tiện ra

ngoài máng đựng phân, tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu, khạc nhổ vào máng nước tiểu, chùi bằng khúc cây chùi bị sần sùi, lam rơi khúc cay chui vao ho phan, đi ra vo cung vọi va, ven y len roi đi ra, rửa ráy có làm tiêng chăt lưỡi, chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vi sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đi vào nhà vệ sinh vô cùng vội vã?...(nt).. chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ây đã trình sự việc ây lên đức Thế Tôn. ...(nt). Này Tỳ-khưu, nghe nói ...(nt)... có đúng không vậy? —Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khiru? chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự ở nhà vệ sinh cho các Tỳ-khưu9 các Tỳ-khưu ở nhà vệ sinh nên thực hành như thế. Vị đi đên nhà vệ sinh, đứng ở bên ngoài, nên tăng hăng. Vị ngôi bên trong cũng nên tằng hắng. Nên máng y lên sào treo y hoặc dây phơi y rồi nên đi vào nhà vệ sinh một cách cẩn thận, không hấp tấp. Không nên đi vào quá vội vã. Không nên vén y [nội] lên rồi đi vào. Khi đã đứng trên bệ nhà vệ sinh mới nên kéo y [nội] lên. Không nên đại tiện rặn thành tiếng. Không nên đại tiện trong lúc nhai gỗ chà răng. Không nên đại tiện ra ngoài máng đựng phân. Không nên tiểu tiện ra ngoài máng nước tiểu. Không nên khạc nhổ vào máng nước tiêu. Không nên chùi với khúc cây chùi bị sân sùi. Không nên làm rơi khúc cây chùi vào ho phân. Khi còn đứng trên bệ nhà vệ sinh, nên che lại kín đáo. Không nên đi ra vô cùng vội vã. Không nên vén y [nội] lên rồi đi ra. Khi đã đứng ở sàn rửa mới nên vén y lên. Không nên rửa ráy có làm tiếng chắt lưỡi. Không nên chừa lại nước ở trong gáo múc nước rửa. Khi còn đứng ở sàn rửa, nên che lại kín đáo. Nêu nhà vệ sinh bi dơ, nên rửa sạch. Nêu thùng đựng đồ chùi bi đầy, nên đổ bỏ các khúc cây chùi. Nếu nhà vệ sinh có rác 7 r y 7

bân, nên quét nhà vệ sinh. Nêu bục nên xung quanh có rác bân, nên quét bục nền xung quanh. Nếu căn phòng có rác bẩn, nên quét căn phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu lu nước rửa không có nước, nên đổ nước vào lu nước rửa. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự ở nhà vệ sinh của các Tỳ-khưu? các Tỳ- khưu ở nhà vệ sinh nên thực hành như thế.

VUI. CHƯƠNG PHẬN SU 861

n. PHẬN sự ĐỐI VỚI THÀY TẾ Đô 16. Vào lúc bấy giờ, các người đệ tử không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn,...(nt).. các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các người đệ tử lại không thực hành phận sự đúng r đắn đối với các vị thầy tế d?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu9 nghe nói các người đệ tử không thực hành phận sự đúng đắn đoi với các vị thay te độ? có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng: -Này các Tỳ-khưu, vì sao các người đệ tử lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy tế độ? Này các Tỳ-khưu, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Này các Tỳ-khưu, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin, và làm thay đổi [niềm tin] của một sô người đã có đức tin. Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu

rằng: Này các Tỳ-khưu5 chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự đôi với các vị thầy tế độ cho các người đệ tử, đối với các vị thầy tế độ5 các người đệ tử nên thực hành như thế. Này các Tỳ-khưu, người đệ tử nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vị thầy tế độ. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng. Nên dâng nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi thầy tế độ đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi dâng lên. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy tế độ muốn có vị Sa-môn hầu cận, [người đệ tử] nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, gấp y hai lớp thành nếp rồi đắp lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và cầm r , A \ A . lây, roi làm vị Sa-môn hâu cận cho thây tê độ. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi. Khi thầy tế độ đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy tế độ có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân,

tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước dây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nêu y bị thâm mô hôi, nên phơi ở chô năng trong chóc lát. Và không nên đê luôn y ở chô năng. Nên gáp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.” Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại. 17. Nếu có đồ ăn khất thực và thầy tế độ có ý muốn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. Khi thầy ăn xong, nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Khi thầy tế độ đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy tế độ có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nấu có nhu cầu về nước lạnh, nên chuẩn bị nước lạnh; nếu có nhu cầu về nước nóng, nên chuẩn bi nước nóng. Nếu thầy tế độ có ý muốn đi vào nhà tắm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đến từ phía sau lưng và trao ghế ngồi của nhà tắm hơi cho thầy tế độ, nên nhận lấy y và để ở một bên. Nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khiru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi

các Tỳ-khmi mới tu khỏi chỗ ngồi, ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho thầy tế độ. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thê của mình, quân y lại, roi nên lau khô nước ở thân thể của thầy tế độ. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên câm lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi vê trước và săp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý thầy tế độ về nước uống. 18. Nếu có ý muốn thỉnh [thầy] đọc tụng, nên thỉnh [thầy] đọc tụng. Nấu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo. ở trú xá nào thầy tế độ cư ngụ, nếu tru xá ây có rác bân, nêu có nồ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài roi đê xuồng ở một góc. Nên đem vật lót ngôi

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 863

D • . M 9 A r Tk T A Ẩ y • A • và tâm trải năm ra ngoài roi đê xuông ở một góc. Nên đem nệm gói ra ngoài roi đê xuồng ở một góc. Nên hạ tháp cái giường roi đem ra ngoài một cách khéo léo5 không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa roi đê xuống ở một góc. Nên hạ tháp cái ghê roi đem ra ngoài một cách khéo léo không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi đê xuông ở một góc. Nên đem khung giường ra ngoài roi đê xuông ở một góc. Nên đem ống nhổ ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên đem tấm ván kê đầu ra ngoài rồi để xuống ở một góc. Nên xem xét tấm trải nền được xếp đặt như thế nào rồi đem ra ngoài và để xuống ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuông khỏi tâm màn che. Nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đom loang lo, nên tham khăn ướt chà xát mạnh roi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu phần nền không được thực hiện, nên rải rắc với nước rồi quét [nghĩ rằng]: "Không nên để trú xá bị tràn ngập bụi bặm.,, Nên gom rác lại rồi nên đem đổ bỏ ở một góc. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, roi đem vào trong và đê lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ghế, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ thấp xuống, rồi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trây [mặt đât]5 không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, roi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng nệm gối, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng vật lót ngôi và tâm trải năm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sáp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vi trí như cũ. Sau khi phơi nắng tấm ván kê đầu, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. 19. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong , A X k • khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuôt sào treo y

hoặc dây phơi y, nên đê mép y phía bên kia còn phân gáp lại ở bên này, roi máng y xuông. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Đông, các cửa sô hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bắc nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Nam, các cửa sổ hướng Nam nên được khép lại.

Nếu thời tiết lạnh, các cửa sổ nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nêu thời tiêt nóng, các cửa sô nên khép lại vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nếu phòng có rác bẩn, nên quét phòng. Nếu cổng có rác bẩn, nên quét cổng. Nếu phòng hội họp có rác bẩn, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bân, nên quét nhà đê đót lửa. Nêu nhà vệ sinh có rác bân, nên quét nhà vệ sinh. Nêu nước uông không có, nên đem nước uông lại. Nêu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. 20. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho dịu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu di, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy tế độ, người đệ tử nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vi thầy. Nếu thầy tế độ bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Parivãsa, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parỉvãsa cho thầy tế độ?, Nếu thầy tế độ xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: 'Tàm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy tế độ về lại [hình phạt] ban d*u?" Nếu thầy tế độ xứng đáng hình phạt Mãnatta. người đệ tử nên thê hiện sự nô lực: “Làm thê nào đê hội chúng có thê ban hình phạt Mãnatta cho thầy tế d?” Nấu thày tế độ xứng đáng sự giải tội, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho thầy tế d?" Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với thầy tế độ, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy tế độ, người đệ tử nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy tế độ có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bon phận đe sửa đoi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nay?^ 21. Nếu y của thầy tế độ cần phải giặt, người đệ tử nên giặt hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: ÍCLàm thế nào để y của thầy tế độ được gi/t?" Nếu y của thầy tế độ cân phải may, người đệ tử nên may hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào để y của thầy tế độ được may?" Nếu thuốc nhuộm của thầy tế độ cần phải nấu, người đệ tử nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy tế độ được n,u?" Nếu y của thầy tế độ cần phải nhuộm, người đệ tử nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của thầy tế độ

được nhuộm?^, Trong khi nhuộm y, nên nhuộm băng cách đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Không có phép của thầy tế độ không nên cho bình bát đến người khác, không nên thọ lãnh bình bát của người khác, không nên cho y đến người khác, không nên thọ lãnh y của người khác, không nên cho vật dụng đến người khác, không nên thọ lãnh vật dụng của người khác, không nên cạo tóc cho người khác, không nên bảo người khác cạo tóc, không nên kỳ cọ người khác, không nên bảo người khác kỳ cọ, không nên hau hạ người khác, không nên bảo người khác hầu hạ, không nên làm vị Sa-môn hầu cận cho người khác, không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hâu cận, không nên mang đô ăn khát thực lại giùm người khác, không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại. Chưa xin phép thầy tế độ không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nấu thầy tế độ bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các vị thầy tế độ của các người đệ tử, các người đệ tử đối với các vị thầy tế độ nên thực hành như thế.

12. PHẬN Sự ĐÔI VỚI ĐỆ TỬ 22. Vào lúc bây giờ, các vị thây tê độ không thực hành phận sự đúng đan đối với các người đệ tử. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các vị thầy tế độ lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử?" Sau đó9 các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị thầy tế độ không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người đệ tử, có đúng không vậy? Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy đinh phận sự đôi với các người đệ tử cho các vi thầy tế độ, các vị thầy tế độ đối với các người đệ tử nên thực hành như thế. Này các Tỳ-khưu, vị thầy tế độ nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người đệ tử. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Này các Tỳ-khưu, thầy tế độ nên quan tâm đến người đệ tử, nên giúp đỡ băng sự đọc tụng, băng sự vân hỏi, băng sự giáo huân, băng sự giảng dạy. Nêu thầy tế độ có bình bát và người đệ tử không có bình bát, thầy tế độ nên cho bình

bát đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến đệ tử?" Nếu thầy tế độ có ỵ và người đệ tử không có y, thầy tế độ nên cho y đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y có thể phát sanh đến đệ tử?” Nếu thầy tế độ có vật dụng và người đệ tử không có vật dụng, thầy tế độ nên cho vật dụng đến người đệ tử, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để vật dụng có thể phát sanh đến đệ tử?" 23. Nếu người đệ tử bị bệnh, [vị thầy tế độ] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng. Nên trao nước súc miệng. Nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người đệ tử đã uống cháo xong, nên trao nước [rửa], nên nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu Vực ây có rác bân thì nên quét khu vực ây. Nếu người đệ tử có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên trao dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp

thành nếp rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vi ây sáp trở nên sáp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghê kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y A %

lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nêu y bị thâm mô hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa." Nên đặt dây thắt lưng ở phan y đã gấp lại. Nêu có đô ăn khát thực và người đệ tử có ý muôn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uống. Khi người đệ tử ăn xong nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, nên làm ráo nước, rồi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên đe luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuôt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Khi người đệ tử đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. 24. Nếu người đệ tử có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu có nhu cầu vê nước lạnh, nên chuân bị nước lạnh; nêu có nhu câu vê nước nóng, nên chuân bị nước nóng. Nêu người đệ tử có ý muôn đi vào nhà tăm hơi, nên trộn bột tăm. Nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi, đi đến, trao ghế ngồi của nhà tăm hơi, nhận lây y, roi nên đem đê ở một bên. Nên trao bột tăm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm

hơi, nên thoa đát sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lân phía sau roi đi vào nhà tam hơi. 5 5 ĩ Không nên chen vào [chô] các Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuồng. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, ở trong nhà tắm hơi nên kỳ cọ cho người đệ tử. Trong khi rời khỏi nhà tăm hoi, nên câm lây cái ghê ngôi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người đệ tử. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thê của mình, quân y lại, roi nên lau khô nước ở thân thể của người đệ tử. Nên trao y lót trong, nên trao y hai lớp, nên cầm lấy ghế ngồi của nhà tắm hoi, đi về trước và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người đệ tử về nước uông. ơ trú xá nào người đệ tử cư ngụ, nêu trú xá ây có rác bân, nêu có nô lực thì [vị thầy] nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y và bình bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc. ...(nt)... Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. Nếu sự bực bội sanh khởi ở người đệ tử, vị thầy tế độ nên làm cho diu đi, hoặc nhờ vị khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người đệ tử, vi thây tê độ nên làm cho tan biên, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người đệ tử, vi thầy tế độ nên phân giải, hoặc nhờ vị

khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. 25. Nếu người đệ tử bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt Parivâsa, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parỉvâsa cho đệ tử?” Nếu người đệ tử xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể đưa đệ tử về lại [hình phạt] ban u?" Nếu người đệ tử xứng đáng hình phạt Mãnatta, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Mãnatta cho đệ tử?^, Nếu người đệ tử xứng đáng sự giải tội, vi thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho đệ tử?" Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với đệ tử, hoặc đổi thành nhẹ hơn?^, Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người đệ tử, vị thầy tế độ nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để đệ tử có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bon phận đe sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nSy?" Nêu y của người đệ tử cân phải giặt, vị thây tê độ nên chỉ dân: "Ngươi nên giặt như v2y", hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê y của đệ tử được

giặt?" Nếu y của người đệ tử cần phải may, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vầy”, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của đệ tử được may?" Nếu thuốc nhuộm của người đệ tử cần phải nấu, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: uLàm thế nào đê thuôc nhuộm của đệ tử được nâu?" Nêu y của người đệ tử cân phải nhuộm, vị thầy tế độ nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nhuộm như vầy”, hoặc nên thể hiện sự nỗ r 9 lực: “Làm thê nào đê y của đệ tử được nhuộm?,, Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người đệ tử bi bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vị ấy có sự hồi phục. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các người đệ tử của các vị thầy tế độ. Các vị thày tế độ đối với các người đệ tử nên thực hành như thế. Dứt tụng phẩm thứ nhì.

13. PHẢN Sự ĐỐI VỚI THÀY DẠY HỌC 26. Vào lúc bấy giờ, các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thầy dạy học. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vi ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các người học trò lại không thực hành phận sự diing đắn đối với các vị thầy dạy học?^, Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc áy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các người học trò không thực hành phận sự đúng đắn đối với các vị thây dạy học, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự đôi với các vị thầy dạy học cho các người học trò, các người học trò đối với các vi thầy dạy học nên thực hành như thế. Này các Tỳ-khưu, người học trò nên thực hành phận sự đúng đắn đối với vi thầy dạy học. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Nên thức dậy vào lúc sáng sớm, cởi dép ra, đắp

thượng y một bên vai, rồi nên dâng gỗ chà răng, nên dâng nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nấu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi thầy đã uống cháo xong, nên dâng nước, nhận lại tô, để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu thầy dạy học có ý định đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đổi], nên

ĩ r r y trao dây thăt lưng, nên gáp y hai lớp thành nép roi dâng lên. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. Nếu thầy dạy học muốn có vị Sa-môn hầu cận, vi ấy nên mặc y nội tròn đều với sự che phủ ba vòng tròn, buộc dây thắt lưng, nên gấp y hai lớp thành nếp rồi trùm lên, thắt lại dây buộc, rửa bình bát và câm lây, roi làm vi Sa-môn hâu cận cho thây dạy học. Không nên đi quá xa, không nên đi quá gần. Nên nhận lấy bình bát được [vị thầy] hoán đổi. 27. Khi thầy dạy học đang nói, không nên cắt ngang lời nói nửa chừng. Khi thầy dạy học có khả năng phạm tội lúc đang nói thì nên ngăn lại. Khi quay trở về, nên đi về trước tiên và sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tâm chà chân. Sau khi đi ra đón tiêp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước đây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nếu y bị thấm mồ hôi, nên phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giūra." Nên đặt dây thắt limg ở phần y đã gấp lại. Nêu có đô ăn khát thực và thây dạy học có ý muôn thọ dụng thì nên dâng nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý thầy dạy học về nước uống. Khi thầy ăn xong, nên dâng nước [rửa], nên nhận lại bình bát, để ở chỗ thấp, rửa một cách cân thận, không làm trây, nên làm ráo nước, roi đem phơi ở chô năng trong chóc lát. Và không nên đê luôn bình bát ở chô năng. Nên đem cát y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay câm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên đê mép y phía bên kia còn phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Khi thầy dạy học đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân. Nêu khu vực ây có rác bân thì nên quét khu vực ây. Nếu thày dạy học có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [thầy dạy học] có nhu câu vê nước lạnh, nên chuân bị nước lạnh; nêu có nhu câu vê nước nóng, nên chuân bị nước nóng. Nêu thây dạy học có ý muôn đi vào nhà tăm hơi, nên trộn bột tắm, nên tẩm ướt đất sét. Nên lấy ghế ngồi của nhà tắm hơi rồi đi đên từ phía sau lung và trao ghê ngôi của nhà tăm hơi cho thây dạy học, nên nhận lấy y và để ở một bên, nên trao bột tắm, nên trao đất sét. Nấu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hơi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi đi vào nhà tắm hơi. 28. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khiru trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi, ở trong nhà tắm hơi, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hơi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà

tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho thầy dạy học. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thể của mình, quấn y lại, rồi nên lau khô nước ở thân thể của thầy dạy học. Nên trao y lót trong. Nên trao y hai lớp. Nên câm lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi vê trước và sáp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghê kê chân, tâm chà chân. Nên hỏi ý thây dạy học vê nước uông. Nêu có ý muôn thỉnh [thây] đọc tụng, nên thỉnh [thây] đọc tụng. Nếu có ý muốn hỏi đạo thì có thể hỏi đạo. ơ trú xá nào thây dạy học cư ngụ, nêu tru xa áy co rác ban, nêu co no lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ trú xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem vật lót ngồi và tấm trải nằm ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên đem nệm gối ra ngoài rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái giường rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên hạ thấp cái ghế rồi đem ra ngoài một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi để xuống ở một góc, nên đem khung giường ra ngoài roi đê xuông ở một góc. Nên đem ông nhô ra ngoài roi đê xuông ở một góc, nên đem tâm ván kê đâu ra ngoài roi đê xuông ở một góc, nên xem xét tâm trải nên được xép đặt như thê nào roi đem ra ngoài và đê xuông ở một góc. Nêu ở trú xá có mạng nhện, trước tiên nên gỡ xuông khỏi tâm màn che, nên lau chùi các lỗ thông gió và các hốc kẹt. Nếu tường được sơn màu đỏ bị đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền được sơn màu đen bi đốm loang lổ, nên thấm khăn ướt chà xát mạnh rồi lau sạch. Nếu nền không được thực hiện, nên rải răc với nước roi quét [nghĩ răng]: "Không nên đê trú xá bị tràn ngập bụi bặm.” Nên gom rác lại rồi đem đổ bỏ ở một góc. 29. Sau khi phơi nắng tấm trải nền, nên làm sạch sẽ, đập giũ, rồi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng khung giường, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng giường, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ tháp xuông, roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng ghê, nên làm sạch sẽ, đập giũ, hạ tháp xuồng, roi đem vào trong một cách khéo léo, không làm trầy [mặt đất], không va chạm vào cánh cửa lớn và khung cửa, rồi sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng nệm gói, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sáp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi năng vật lót ngôi và đô trải năm, nên làm sạch sẽ, đập giũ, roi đem vào trong và sắp đặt như đã được sắp đặt [trước đây]. Sau khi phơi nắng ống nhổ, nên lau chùi, rồi đem vào trong và để lại ở vị trí như cũ. Sau khi phơi năng tâm ván kê đâu, nên lau chùi, roi đem vào trong và đê lại ở vị trí như cũ.

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự* 871

Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát, tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia còn

phần gấp lại ở bên này, rồi máng y xuống. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Đông, các cửa sô hướng Đông nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Tây, các cửa sổ hướng Tây nên được khép lại. Nếu các cơn gió có bụi thổi từ hướng Bắc, các cửa sổ hướng Bác nên được khép lại. Nêu các cơn gió có bụi thôi từ hướng Nam, các cửa sô hướng Nam nên được khép lại. Nêu thời tiêt lạnh, các cửa sô nên mở ra vào ban ngày và khép lại vào ban đêm. Nêu thờir tiêt nóng, các cửa sô nên khép lại 7

vào ban ngày và mở ra vào ban đêm. Nêu phòng có rác bân, nên quét phòng. Nêu công có rác bân, nên quét công. Nêu phòng hội họp có rác bân, nên quét phòng hội họp. Nếu nhà để đốt lửa có rác bẩn, nên quét nhà để đốt lửa. Nếu nhà 2 e -r ỉ f vệ sinh có rác bân, nên quét nhà vệ sinh. Nêu nước uông không có, nên đem nước uống lại. Nếu nước rửa không có, nên đem nước rửa lại. Nếu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. 30. Nếu sự bực bội sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho diu đi, hoặc nhờ vi khác làm cho dịu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thầy. Nếu tà kiến sanh khởi ở thầy dạy học, người học trò nên phân giải, hoặc nhờ vi khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị thay. Nêu thầy dạy học bị phạm tội nặng, xứng đáng hình phạt Parỉvãsa, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Parỉvãsa cho thầy dạy học?,, Nếu thầy dạy học xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban đầu, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể đưa thầy dạy học về lại [hình phạt] ban du?" Nếu thày dạy học xứng đáng hình phạt Mãnatta, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Mânatta cho thây dạy h(?c?" Nêu thây dạy học xứng đáng sự giải tội, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể giải tội cho y 9 • 9

thây dạy hẹ)c?" Nêu hội chúng có ý đinh thực hiện hành sự khiên trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đôi với thây dạy học, hoặc đôi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với vị thầy dạy học, người học trò nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thầy dạy học có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nay?99

Nếu y của thầy dạy học cần phải giặt, người học trò nên giặt hoặc nên thể hiện sự nô lực: “Làm thê nào đê y của thây dạy học được giặt?” Nêu y của thây dạy học can phải may, người học trò nên may hoặc nên the hiện sự nỗ lực: "Làm thê nào đê y của thây dạy học được may?” Nêu thuôc nhuộm của thây dạy học cần phải nấu, người học trò nên nấu hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của thầy dạy học được nấu?" Nếu y của thầy dạy học cần phải nhuộm, người học trò nên nhuộm hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: uLàm thế nào để y của thầy dạy học được nhuOm?" Trong khi

nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Không có phép của thầy dạy học, không nên cho bình bát đến người khác. Không nên thọ lãnh bình bát của người khác. Không nên cho y đến người khác. Không nên thọ lãnh y của người khác. Không nên cho vật dụng đên người khác. Không nên thọ lãnh vật dụng của người khác. Không nên cạo tóc cho người khác. Không nên bảo người khác cạo tóc. Không nên kỳ cọ người khác. Không nên bảo người khác kỳ cọ. Không nên hầu hạ người khác. Không nên bảo người khác hầu hạ. Không nên làm vi Sa-môn hầu cận cho người khác. Không nên nhận người khác làm vị Sa-môn hầu cận. Không nên mang đồ ăn khất thực lại giùm người khác. Không nên nhờ người khác mang giùm đồ ăn khất thực lại. Chưa xin phép thầy dạy học không nên đi vào làng, không nên đi đến mộ địa, không nên bỏ đi hướng khác. Nếu thầy dạy học bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vi ấy có sự hồi phục. Này các Tỳ-khưu, đây là phận sự đối với các vị thầy dạy học của các người học trò, các người học trò đối với các vị thầy dạy học nên thực hành như thế.

14. PHẬN Sự ĐỐI VỚI HỌC TRÒ 31. Vào lúc bấy giờ, các vi thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò. Các Tỳ-khiru nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các vị thầy dạy học lại không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trí)?" Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng Tỳ-khưu lại và hỏi các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, nghe nói các vị thầy dạy học không thực hành phận sự đúng đắn đối với các người học trò, có đúng không vậy? -Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt).

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 873

Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, chính vì điêu ây, Ta sẽ quy định phận sự đôi với các người học trò cho các vị thay dạy học, các vị thay dạy học đoi với các người học trò nên thực hành như thê. Này các Tỳ-khiru, vi thầy dạy học nên thực hành phận sự đúng đắn đối với người học trò. Đây là phận sự đúng đắn trong trường hợp này: Này các Tỳ-khưu? thầy dạy học nên quan tâm đến người học trò, nên giúp đỡ băng sự đọc tụng, băng sự vân hỏi, băng sự giáo huân, băng sự giảng dạy. Nếu thày dạy học có bình bát và người học trò không có bình bát, thầy dạy học nên cho bình bát đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để bình bát có thể phát sanh đến học trò?" Nếu thầy dạy học có y và người học trò không có y, thầy dạy học nên cho y đến người học trò, hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y có thể phát sanh đến học trò?” Nếu thầy dạy học có vật dụng và người học trò không có vật dụng, thầy dạy học nên cho vật dụng đên người học trò, hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào để vật dụng có thể phát sanh đến học trò?" 32. Nêu ngưòd học trò bị bệnh, [vị thây dạy học] nên thức dậy vào lúc sáng sớm. Nên trao gỗ chà răng, nên trao nước súc miệng, nên sắp xếp chỗ ngồi. Nếu có cháo, nên rửa tô rồi đem cháo lại. Khi người học trò đã uống cháo xong, nên cho nước, nhận lại tô5 để ở chỗ thấp, rửa một cách cẩn thận, không làm trầy, rồi đem cất. Khi

người học trò đã đứng dậy, nên thu xếp chỗ ngồi. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nếu người học trò có ý đinh đi vào làng, nên trao y lót trong, nên nhận lại y lót trong [đã thay đôi], nên trao dây that lưng, nên gáp y hai lớp thành nép rồi trao cho. Nên trao bình bát còn đẫm nước sau khi đã rửa sạch. [Nghĩ rằng]: "Đến lúc vị ấy sắp trở về", nên sắp xếp chỗ ngồi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Sau khi đi ra đón tiếp, nên rước y và bình bát. Nên trao y lót trong [trước dây], nên nhận lại y lót trong [mặc lúc đi]. Nêu y bi thâm mô hôi, nên phơi ở chô năng trong chóc lát. Và không nên để luôn y ở chỗ nắng. Nên gấp y lại. Trong khi gấp y, nên lùi phần góc vào bốn ngón tay rồi gấp y lại [nghĩ rằng]: "Không nên để nếp gấp ở phần chính giữa.” Nên đặt dây thắt lưng ở phần y đã gấp lại. 33. Nếu có đồ ăn khất thực và người học trò có ý muốn thọ dụng thì nên trao nước [rửa] rồi đem đồ ăn khất thực lại. Nên hỏi ý người học trò về nước uống. Khi người học trò ăn xong, nên trao nước [rửa]. Nên nhận lại bình bát, để ở chỗ tháp, rửa một cách cân thận, không làm trây, nên làm ráo nước, roi đem phơi ở chỗ nắng trong chốc lát. Và không nên để luôn bình bát ở chỗ nắng. Nên đem cất y và bình bát. Trong khi đặt bình bát xuống, nên dùng một tay ôm bình bát,

tay kia sờ ở phía dưới giường hoặc phía dưới ghế rồi nên đặt bình bát xuống. Và không nên đặt bình bát trên mặt đất không được trải lót. Trong khi máng y, nên dùng một tay cầm y, tay kia vuốt sào treo y hoặc dây phơi y, nên để mép y phía bên kia, còn phân gáp lại ở bên này, roi máng y xuồng. Khi người học trò đã đứng dậy, nên thu xép chô ngôi. Nên dọn dẹp nước rửa chân, ghê kê chân, tấm chà chân. Nếu khu vực ấy có rác bẩn thì nên quét khu vực ấy. Nấu người học trò có ý muốn tắm, nên chuẩn bị việc tắm. Nếu [người học trò] có nhu cầu về nước lạnh, ? . r y y 1 Ẵ < • :

nên chuân bị nước lạnh; nêu có nhu câu vê nước nóng, nên chuân bi nước nóng. Nêu người học trò có ý muôn đi vào nhà tăm hơi, nên trộn bột tăm, nên tâm ướt đát sét. Nên lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi đên, trao ghê ngôi của nhà tăm hơi, nhận lấy y rồi để ở một bên. Nên trao bột tắm. Nên trao đất sét. Nếu có nỗ lực, nên đi vào nhà tắm hơi. Trong khi đi vào nhà tắm hoi, nên thoa đất sét lên mặt, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau roi đi vào nhà tam hơi. Không nên chen vào [chỗ] các Tỳ-khưu trưởng lão rồi ngồi xuống. Không nên xua đuổi các Tỳ-khưu mới tu khỏi chỗ ngồi. ở trong nhà tắm hơi nen kỳ cọ cho người học trò. Trong khi rời khỏi nhà tắm hơi, nên cầm lấy cái ghế ngồi của nhà tắm hoi, nên che kín cả phía trước lẫn phía sau rồi rời khỏi nhà tắm hơi. Lúc ở trong nước, nên kỳ cọ cho người học trò. Khi đã tắm xong, nên đi ra [khỏi nước] trước tiên, nên lau khô nước ở thân thê của minh, quân y lại roi nên lau khô nước ở thân thể của người học trò. Nên trao y lót trong, nên trao y hai lớp, nên câm lây ghê ngôi của nhà tăm hơi, đi vê trước và săp xép chô ngôi. Nên đem lại nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân. Nên hỏi ý người học trò về nước uống, ở trú xá nào người học trò cư ngụ, nếu trú xá ấy có rác bẩn, nếu có nỗ lực thì nên làm sạch sẽ. Trong khi làm sạch sẽ tru xá, trước tiên nên đem y bát ra ngoài roi đê xuông ở một góc. ...(nt)... Nêu hũ nước súc miệng không có nước, nên đổ nước vào hũ nước súc miệng. 34. Nếu sự bực

bội sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên làm cho dịu di, hoặc nhờ vị khác làm cho diu đi, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu nỗi nghi hoặc sanh khởi ở người học trò, vi thầy dạy học nên làm cho tan biến, hoặc nhờ vị khác làm cho tan biến, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vị ấy. Nếu tà kiến sanh khởi ở người học trò, vị thầy dạy học nên phân giải, hoặc nhờ vị khác phân giải, hoặc nên tiến hành việc giảng pháp cho vi ấy. Nếu người học trò bị phạm tội nặng xứng đáng hình phạt Parỉvãsa, vị thầy dạy học nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê hội chúng có thê ban hình phạt Parỉvãsa cho học trò?" Nếu người học trò xứng đáng việc đưa về lại [hình phạt] ban dầu, vi thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng CÓ thê đưa học trò vê lại [hình phạt] ban d2u?" Nêu người học trò xứng đáng hình phạt Mãnatta, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể ban hình phạt Mãnatta cho học trò?" Nấu người học trò xứng đáng

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 875

Sự giải tội, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng i Nếu hội chúng có ý định thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc
xua đuôi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đôi với người học trò, vị thây dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để hội chúng có thể khỏi thực hiện hành sự đối với học trò, hoặc đổi thành nhẹ hơn?" Khi hội chúng đã thực hiện hành sự khiển trách, hoặc chỉ dạy, hoặc xua đuổi, hoặc hòa giải, hoặc án treo đối với người học trò, vị thầy dạy học nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để học trò có thể làm bổn phận một cách nghiêm chỉnh, trở nên thu thúc, làm bổn phận để sửa đổi và hội chúng có thể thu hồi hành sự nay?99 Nêu y của người học trò cân phải giặt, vi thây dạy học nên chỉ dân: "Nguôi nên giặt như vây", hoặc nên thê hiện sự nô lực: "Làm thê nào đê y của học trò được gi/t?" Nếu y của học trò cần phải may, vi thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên may như vy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để y của học trò được may?" Nếu thuốc nhuộm của người học trò cần phải nấu, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: "Ngươi nên nấu như vy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: "Làm thế nào để thuốc nhuộm của học trò được nấu?" Nếu y của người học trò cần phải nhuộm, vị thầy dạy học nên chỉ dẫn: “Nguôi nên nhuộm như vầy", hoặc nên thể hiện sự nỗ lực: “Làm thế nào để y của học trò được nhuộm?,, Trong khi nhuộm y, nên đảo tới đảo lui cho khéo léo. Không nên bỏ đi khi nước nhỏ giọt chưa ngừng. Nếu người học trò bị bệnh, nên phục vụ cho đến trọn đời, nên chờ đợi [đến khi] vi ấy có sự hồi phục. Này các Tỳ-khưu9 đây là phận sự đôi với các người học trò của các vi thây dạy học. Các vi thây dạy học đôi với các người học trò nên thực hành như thê. Chương 6íPhận sựw là thứ tám.

Trong chương này có năm mươi lăm sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Có mang dép và che dù, trùm đầu, đội y, nước uống, với sự không đảnh lễ9 không hỏi [về chỗ ngụ], con rắn, các vị hiền thiện phàn nàn. 2. Vị đã cởi [dép], [hạ] dù? ở vai và không vội vã trong khi đi đến, đã đặt y và bát xuống, [chỗ ngồi] thích hợp, [các việc] đã được hỏi. 3. Nên xối nước, với vị đã rửa, [lau] giày dép với khăn khô, rồi ướt, vi trưởng thượng, vị mới tu, nên hỏi, [phòng] đã có người ở và khu vực đi khất thực. 4. Các vị Thánh Hữu học, nhà tiêu, nước uông, nước rửa, cây gậy chông, điều quy định từ nơi ấy, giờ giấc,

[chờ] trong chốc lát, rác bẩn, nên đem ra ngoài thảm trải nên.

876 TIỂU PHẨM

5. Khung giường, nệm gối, giường, ghế và ống nhổ, tấm ván kê? tấm màn che, các hốc kẹt, màu đỏ, màu đen, [nền] không được thực hiện. 6 Rác, tấm thảm trải nền, khung giường, giường và ghế, nệm gối, vật lót ngồi, ống nhổ và tấm ván kê đầu. 7. Y và bình bát, mặt dát, mép y phía bên kia, phân gáp lại ở bên này, từ hướng Đông và từ hướng Tây, từ hướng Bắc, rồi từ hướng Nam. 8. Và khi lạnh, khi nóng, ban ngày, ban đêm, căn phòng, cổng ra vào, phòng hội họp, nhà đốt lửa và phận sự ở các nhà vệ sinh. 9. Nước uống, nước rửa và hũ nước cho các việc súc miệng, phận sự đã được bậc Vô Song quy định, các điều này [nên được thực hành] bởi các vị vãng lai. 10. Không chiu [sáp xép] chô ngôi, không nước, không đón tiêp và không nước uông, không đảnh lê, không săp xép [chô ngụ] và các vị hiên thiện phàn nàn. 11. Chỗ ngồi cho vị thâm niên, nước rửa, sau khi đi ra đón tiếp và nước uống, [nên lau] đôi dép, [phơi] ở một góc, nên đảnh lễ và nên sắp xếp [chỗ ngụ]. 12. Đã có người ở, khu vực đi khất thực và vị Thánh Hữu học, chỗ nước uông và nước rửa, cây gậy chông, điêu quy định, giờ giác, đôi với vị mới tu, vê vị vẫn ngồi. 13. Nên cho đảnh lễ, nên chỉ rõ, tương tợ như đường lối dưới dây, phận sự đã được vị Hướng Dan Đoàn Xe chỉ dạy, các điều này [nên được thực hành] bởi các vị thường trú. 14. Vị xuất hành, đô gô, các đô đát nung, sau khi mở ra, không được thông báo, các vật bi mất, không được bảo vệ, và các vị hiền thiện phàn nàn. 15. Sau khi thu xếp, sau khi đóng cửa, sau khi thông báo rồi nên ra đi, vị Tỳ-khưu, hoặc Sa-di, hoặc người phụ việc chùa, hoặc cư sĩ. 16. ở trên các hòn đá và nên thu xếp thành đống, nên đóng cửa, hoặc vị có nỗ lực, hoặc [thực hiện] sự nỗ lực, tương tợ y như thế ở chỗ không dột. 17. Toàn bộ đều bị dột, [nên mang] vào làng, tương tợ y như thế ở ngoài trời [nghĩ rằng]: "C6 lẽ các thứ này sẽ còn được tồn t@i", phận sự [nên được thực hành] bởi vị Tỳ-khưu xuất hành. 18. Các vị không nói lời tùy hỷ, bởi vị Trưởng lão, sau khi để ở lại, với bốn hay năm vị, bị măc tiêu, đã bị ngát xỉu, các điêu này là các phận sự trong các việc nói lời tùy hỷ. 19. Các vị nhóm Lục Sư mặc y luộm thuộm, và lại còn trùm y luộm thuộm, không đúng quy cách, và sau khi tách ra, chen vào [chỗ] các vị Trưởng lão. 20. Và [đuổi] các vi mới tu5 [trải ra] y hai lớp và các vi hiền thiện phàn nàn, sau khi quấn che ba vòng tròn, dây thắt lưng, với nếp gấp, dây buộc.

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 877

21. Không tách ra, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, với tiếng cười vang, âm thanh [giọng nói] và còn thêm ba sự đung đưa. 22. Chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, được che kín, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, tiếng cười vang, giọng nói nhỏ nhẹ, ba sự đung đưa. 23. Chống nạnh, trùm đầu, ôm đầu gối, việc chen vào, ở chỗ ngồi, sau khi trải ra, nước, sau khi hạ thấp xuống, không nên làm văng nước. 24. Vật chứa nước rửa, ở xung quanh, y hai lớp, và khi [được dâng] cơm, nên thọ lãnh, súp, với thức ăn ngon, cho tất cả, và ngang miệng [bát]. 25. Nghiêm trang, có sự chú tâm ở bình bát, và theo tuân tự, với lượng súp, không vun thành đống, che lấp, yêu cầu, với ý đinh tìm lỗi. 26. [Vát cơm] lớn, tròn đêu, cửa miệng, trọn bàn tay, không nói chuyện, đưa thức ăn liên tục, việc cắn [từng chút], phồng má, vung rảy tay,

sự làm rơi đổ cơm. 27. Và luôn cả việc le lưỡi, tiếng chép chép và với tiếng rọt rọt, liếm tay, vét bình bát, liếm môi, có dính thức ăn, về việc thọ lãnh. 28. Không [thọ nhận] nước rửa cho đến khi tất cả [đã ăn xong], sau khi hạ thấp, không nên làm văng, vật chứa nước rửa, ở xung quanh, y hai lớp, sau khi hạ thấp và ở mặt đất. 29. [Nước] có lân cơm, trong khi đi trở vê, được che kín đáo, sự nhón gót, đây là phận sự ở nhà ăn đã được quy định bởi bậc Pháp Vương. 30. Mặc y phục luộm thuộm, không đúng quy cách, sau khi không suy xét và vội vã, xa, gần, lâu, mau, tương tợ y như thế là vị đi khất thực. 31. Với sự che kín rồi nên đi, khéo thu thúc, với mắt nhìn xuống, bị vén hở ra, với tiếng cười vang, âm thanh [giọng nói] và còn thêm ba sự đung đưa. 32. Chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, sau khi không suy xét và vội vã, xa, gân, lâu, mau, sự đụng đên, cái muông. 33. Hoặc cái đĩa, và thỉnh đứng lại, sau khi vén y lên, sau khi mở ra, nên thọ lãnh, không nên nhìn, vê các món súp, điêu ây cũng tương tợ y như thê. 34. Vi Tỳ-khưu, nên che đậy bằng y Sañghāti, được che kín rồi mới nên đi, khéo thu thúc, với mát nhìn xuông, bi vén hở ra và tiêng cười vang. 35. Với giọng nói nhỏ nhẹ, ba sự đung đưa, chống nạnh, trùm đầu, nhón gót, [về] trước tiên, chỗ ngồi, chậu đựng đồ thừa, nước uống, nước rửa, [vi] về sau, [nếu] muốn, có thể ăn, có thể đổ xuống, nên xếp lại cất đi. 36. Có thể dọn dẹp, nên quét, hết nước, trống trơn, nên đem [nước] lại, về dấu hiệu bằng tay, [không] nên nói ra lời và phận sự về việc khất thực. 37. Nước uông, nước rửa, ngọn lửa, vật tạo lửa, sao, phương hướng và bọn trộm cướp, "tất cả đều không c6", sau khi đánh đập, vai mang bình bát, y, từ nơi ấy.

38. Giờ dây, sau khi mang ở vai, đều đặn ba vòng tròn, giống như phận sự của vị đi khát thực, phương thức cho các vị sông ở rừng cũng thê. 39. Vai mang bình bát9 y [đội] ở đầu, sau khi mang [dép] vào và nước uống, nước rửa, ngọn lửa, vật tạo lửa và luôn cả gậy chống. 40. Ngôi sao, hoặc toàn bộ khu vực, nên rành rẽ về các phương hướng, các điều này là phận sự cho các vị ngụ ở rừng đã được quy đinh bởi bậc Tối Thượng của chúng sanh. 41. ở ngoài trời, các vi đã bi lấm bụi, và các vị hiền thiện phàn nàn, nếu tru xá có rác bẩn, trước tiên là y và bình bát. 42. Nệm gối, giường, ghế và ống nhổ, tấm ván kê đầu, lỗ thông gió và các hốc kẹt, màu đỏ, màu đen và [nền] chưa được thực hiện. 43. Rác rến, gần các vị Tỳ-khtru, [gần] sàng tọa, [gần] trú xá và nước uống, gân nước rửa, ngược chiêu gió và ở mái hiên. 44. Phía dưới gió, thảm trải nền, khung giường và giường, ghế, nệm, vật lót ngôi, ông nhô và tâm ván kê đâu. 45. Y và bình bát, mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này, từ hướng Đông và từ hướng Tây, từ hướng Bắc rồi từ hướng Nam. 46. Và khi lạnh, khi nóng, ban ngày, ban đêm, căn phòng, cổng ra vào, và phòng hội họp, nhà đốt lửa, nhà vệ sinh, nước uống. vị thâm niên, việc đọc tụng, các câu hỏi, việc 47.. Hũ. nước súc miệng, và . học bài, [việc giảng] pháp, nên thôi tát ngọn đèn, không nên mở ra, cũng không nên đóng lại. 48. Khi đối đầu với vị thâm niên thì nên xoay lại, không nên va chạm dù là băng chéo y, đang Đại Hùng đã quy định điêu ây là phận sự ở các nơi cư ngụ. 49. Các vi trong khi bị cản trở, [đóng] cửa ra vào, đã bị ngất xỉu, các vị hiền thiện phàn nàn, nên đổ tro, nhà tắm hơi và bục nền xung quanh tương tợ y như thế. 50. Căn phòng, công, gian phòng lớn, bột tăm, đát sét, máng nước, khuôn mặt, ở phía trước, không [chen vào] các vị Trưởng lão, không nên

[xua đuổi] các vị mới tu, nếu có nỗ lực. 51. [Tắm] ở phía trước, ở phía trên, đường đi, bi lầy lội, [máng] đất sét, ghế ngồi, sau khi tắt lửa, nên đi ra, các điều này là phận sự ở các nhà tắm hơi. 52. Vị không rửa sạch, theo thâm niên, theo thứ tự và với sự vội vã, đã vén y lên, việc rặn, gỗ [chà răng], việc đại tiện, việc tiểu tiện, việc khạc nho. 53. Bị sần sùi, hố phân, với sự vội vã, đã vén y lên, tiếng chép chép, với [nước] chừa lại, vị ở bên ngoài và ở bên trong, nên tằng hắng, dây phơi và sự không hấp tấp.

VIII. CHƯƠNG PHẬN Sự 879

54. Với sự vội vã, sau khi vén y lên, vê việc răn, gô [chà răng], việc đại tiện, việc tiêu tiện, việc khạc nhô, [khúc cây chùi] bi sân sùi, hô phân, bệ nhà vệ sinh. 55. Với sự không vội vã, đã vén y lên, ở sàn rửa, tiếng chép chép, không nên chừa lại [nước], nên che kín, bị dơ, với thùng đựng. 56. Nhà vệ sinh, bục nên xung quanh và căn phòng, công, nước đê rửa ráy, các điều này là phận sự ở nhà vệ sinh. 57. Đôi dép, gỗ chà răng, nước súc miệng, chỗ ngồi, cháo, nước, sau khi rửa, nên thu xếp, rác bẩn và vào làng. 58. Y lót trong, dây thắt lưng, có nếp gấp, bình bát còn đẫm nước, vị thị giả và luôn cả ba vòng, [mặc y nội] tròn đều, dây thắt lưng. 59. Có nếp gấp, sau khi rửa, vị [Sa-môn] hầu cận, không quá xa, nên nhận lấy, khi đang nói, tội vi phạm, sau khi đi về trước tiên, chỗ ngồi. 60. Nước rửa chân, ghế kê chân, tấm chà chân, sau khi đi ra đón, y lót trong, nên phơi nắng, để luôn, vết gấp, ở phần đã gấp lại, để thọ thực, nên đem lại. 61. Nước uông, nước rửa, chô tháp, trong chóc lát và không nên đê luôn, y và bình bát, mặt đất, mép y phía bên kia, phần gấp lại ở bên này. 62. Nên thu xếp, nên dọn dẹp, rác bẩn và [có ý muốn] tắm, [nước] lạnh, [nước] nóng, nhà tắm hơi, bột tắm, đất sét, từ phía sau limg. 63. Và ghế ngồi, y, bột tắm, đất sét, nếu có nỗ lực, khuôn mặt, phía trước, [chen vào] các vi Trưởng lão, [xua đuổi] các vị mới tu và việc kỳ cọ, nên rời khỏi. 64. ở phía trước, lúc ở trong nước, khi đã tắm, sau khi quấn y lại, [lau khô] thầy tế độ, và y lót trong, y hai lớp? ghế [nhà tắm hơi] và với chỗ ngồi. 65. Nước rửa chân, ghê kê chân, giẻ lau chân, nước uông, việc đọc tụng, việc hỏi đạo, rác bẩn, nên khéo làm sạch sẽ, trước tiên là y và bình bát. 66. Vật lót ngồi, tấm trải nằm, nệm và các gối, giường, ghế, khung giường, ống nhổ và tấm ván kê đầu. 67. [Tấm trải] nền nhà, mạng nhện, lỗ thông gió, màu đỏ, màu đen, không được thực hiện, tấm trải nền, khung giường, giường, ghế, gối. 68. Vật lót ngồi và tấm trải nằm, ống nhổ, tấm ván kê đầu, y và bình bát5 từ hướng Đông và luôn cả từ hướng Tây, từ hướng Bắc rồi từ hướng Nam. 69. Và khi lạnh, khi nóng, ban ngày, ban đêm và căn phòng, cổng ra vào, phòng hội họp và nhà đốt lửa, nhà vệ sinh, nước uống, nước rửa. 70. Việc súc miệng, sự bực bội, nỗi nghi hoặc, tà kiến và tội nặng, từ đầu, hình phạt Mãnatta. việc giải tội, [hành sự] khiển trách, chỉ dạy. 71. [Hành sự] xua đuôi, hòa giải, treo tội, nêu đã được thực hiện, nên giặt, nên the hiện, và việc nhuộm, nên nhuộm, việc trộn đều. 72. Và bình bát, luôn cả y nữa, vật dụng, việc cạo [tóc], việc kỳ cọ, việc hầu hạ, Sa-môn hâu cận, đô khát thực, sự đi vào.

880 TIỂU PHẨM

73. Không mộ địa và luôn cả hướng [khác], cho đến trọn đời nên phục vụ, việc này [nên được thực hành] bởi người đệ tử, các điều này là phận sự đối với các vị thay tế độ. 74. Sự giáo huân, giảng dạy, đọc tụng, vân hỏi, bình bát và y, vật dụng và vị bị bệnh, không

nên là vi Sa-môn hầu cận. 75. Các phận sự nào đôi với các vị thây tê độ thì cũng như vậy đôi với các vị thầy dạy học, các phận sự đối với các người đệ tử thì tương tợ y như thế đối với người học trò. 76. Các phận sự dành cho các vị vãng lai, và dành cho các vị thường trú nữa, các vị xuất hành, các vi nói lời tùy hỷ ở nơi thọ thực và ve vị đi khất thực. 77. Phận sự dành cho các vị ngụ ở rừng, và luôn cả ở các nơi cư ngụ, ở nhà . : a Jk -rí* . w • tăm hơi, các nhà vệ sinh, các vi thây tê độ, đôi với người đệ tử. 78. Phận sự đối với các vị thầy dạy học, tương tợ y như thế đối với người học trò, có mười chín sự việc đã được nói đến ở mười sáu phần. 79. Trong khi không làm tròn phận sự thì không đầy đủ về giới, vị có giới không trong sạch, có tuệ kém, không có được nhất tâm. 80. Với tâm bị xáo trộn, không trụ một điểm, không nhìn thấy pháp một cách đúng đắn, trong khi không nhìn thấy Chánh pháp, không hoàn toàn thoát khỏi khổ đau. 81. Trong khi làm đầy đủ phận sự thì cũng làm đầy đủ về giới, là vị có giới thanh tịnh, có tuệ, đạt được luôn cả nhất tâm. 82. Tâm không bi xáo trộn, trụ một điểm, nhìn thấy rõ pháp một cách đúng đan, trong khi bản thân nhìn thây Chánh pháp, vi ây hoàn toàn thoát khỏi khổ đau. 83. Chính vì điều ấy, người con trai sáng suốt của đấng Chiến Thắng, nên làm đầy đủ phận sự, lời giáo huấn của đức Phật tối thượng, từ đó hãy đi đến Niết-ban. -ooOoo-

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỔN {PĀTIMOKKHAṂ

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT THỈNH CÀU TUYÊN ĐỌC GIỚI BÔN (PĀTIMOKKHAṂ 1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự tại Sāvatthi, tu viện Pubbā, ở tòa nhà dài của người mẹ của Migâra.1 Vào lúc bấy giờ, nhằm ngày Uposatha. đức Thế Tôn đang ngồi, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu. Khi ấy, lúc đêm đã khuya, canh một đã tàn, Đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay hướng về đức Thế Tôn và đã nói Vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh một đã tàn, hội chúng Tỳ-khưu ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (Pātimokkhaṃ cho các Tỳ-khưu. Khi được nói như vậy, đức Thế Tôn đã im lặng. Đen lần thứ nhì, lúc đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, Đại đức Ānanda đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên hướng về đức Thế Ton va đã nói vơi đức The Ton điêu nay: Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh giữa đã tàn, hội chúng Tỳ-khưu ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (Pātimokkhaṃ cho các Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhì, đức Thế Tôn đã im lặng. Đên lân thứ ba, lúc đêm đã khuya, canh cuôi đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, Đại đức Ānanda đã từ chỗ ngoi đứng dậy, đắp thượng y một bên vai, chắp tay lên hướng về đức Thế Tôn và đã nói với đức Thế Tôn điều này: - Bạch Ngài, đêm đã khuya, canh cuối đã tàn, bình minh đã rạng, trời đêm lộ vẻ rạng rỡ, hội chúng Tỳ-khưu ngồi đã lâu. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bon (Pãtimokkhd) cho các Tỳ-khưu. Này Ānanda, hội chúng không thanh tịnh. 2. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã khởi ý điều này: "Liên quan đến nhân vật nào khiến đức Thế Tôn đã nói như vầy: 'Này Ānanda, hội chúng

1 Tòa nhà này được xây dựng bởi mẹ của Migâra, tức là nữ cư sĩ Visākhā (ND).

không thanh tịnh?9,9 Sau đó? Đại đức Mahāmoggallāna đã chăm chú dùng tâm quán xét tâm của toàn thể hội chúng Tỳ-khưu. Đại đức Mahāmoggallāna quả nhiên đã thấy được nhân vật ấy, là kẻ có ác giới, có ác pháp, sở hành bất tinh và đáng nghi ngờ? có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn9 phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thoi nát, nhiễm dục vọng, có bản chất dơ bẩn, đang ngồi giữa hội chúng Tỳ-khưu. Sau khi nhìn thấy đã đi đến gần nhân vật ấy. Sau khi đến gần đã nói với r A nhân vật ây điêu này: Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các Tỳ-khxru. Được nói như vậy, nhân vật ây đã im lặng. Đen lần thứ nhì, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ấy điều này: Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bị đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các Tỳ-khưu. Đen lần thứ nhì, nhân vật ấy đã im lặng. Đên lân thứ ba, Đại đức Mahāmoggallāna đã nói với nhân vật ây điêu này: Này ông bạn, hãy đứng dậy. Ngươi đã bi đức Thế Tôn nhìn thấy rồi. Ngươi không được cộng trú với các Tỳ-khưu. Đen lần thứ ba, nhân vật ấy đã im lặng. Khi ấy, Đại đức Mahāmoggallāna đã nắm lấy nhân vật ấy ở cánh tay đẩy ra bên ngoài cánh cửa của cổng ra vào, gài chốt cửa lại, rồi đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, nhân vật ây đã bị con đây ra ngoài roi; hội chúng được thanh tịnh. Bạch Ngài, xin đức Thế Tôn tuyên đọc Giới bổn (Pātimokkha) cho các Tỳ-khưu. __ - Này.Moggallāna, . thật •r kỳ lạ e thay! e r Này r Moggallâna, thật • khác thường thay! Gã rô dại ây lại chờ cho đên lúc bị năm lây cánh tay.

TÁM PHÁP KỲ DIỆU VÈ BIỂN CẢ 3. Sau đó, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, đây là tám pháp kỳ diệu phi thường về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ây, các a-tu-la thỏa thích trong biên cả. Tám pháp ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột. Này các Tỳ-khưu?

Sự việc biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dần, không có vực sâu một cách đột ngột, này các Tỳ-khxru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các a-tu-la thỏa thích trong biển cả. Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ. Này các Tỳ-khưu, sự việc biển cả có pháp ổn định, khônẹ tràn qua khỏi bờ, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhì vê biên cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ây, các a-tu-la thỏa thích trong biên cả. Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền. Này các Tỵ-khưu, sự việc biển cả không sống chung với xác chết, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba về biển cả, ...(nt). Này các Tỳ-khiru9 còn có điêu này nữa, các con sông lớn như là Gañgā, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhū, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là "Biển cả." Này các Tỳ-khiru, sự việc các con sông lớn như là Gahg& ...(nt).. và đi đến tên gọi là "Biển cả", này các Tỳ-khưu, đây

là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư về biển cả, ...(nt) Này các Tỳ-khiru, còn có điều này nữa, có các dòng nước ở trái đất đổ vào biên cả và các trận mưa từ không trung rơi xuông, nhưng không vì điêu ây mà biển cả được xem là vơi hay đay. Này các Tỳ-khưu, sự việc có các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vơi hay đầy, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm về biển cả, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, còn có điều này nữa, biển cả có một vi là vi của muối. Này các Tỳ-khưu, sự việc biển cả chỉ có một vị là vị của muối, này các Tỳ- khiru, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu về biển cả, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, còn có điêu này nữa, biên cả có nhiêu vật quý, có vô sô vật quý. ở đó, các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo. Này các Tỳ-khưu, sự việc biên cả có nhiêu vật quý, có vô sô vật quý; ở đó, các vật quý ây ...(nt).. này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy về biển cả, ..(nt) Này các Tỳ-khưu, còn có điêu này nữa, biên cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn. ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các a-tu-la, các loài rồng, các càn-thát-bà. Trong biển cả còn có những loài hữu hình lớn đến trăm do-tuần5 những loài hữu hình lớn đến hai trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến ba trăm do-tuần, những loài hữu hình lớn đến bốn trăm do- tuần, những loài hữu hình lớn đến năm trăm do-tuần. Này các Tỳ-khưu5 sự việc biển cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá

Ông,...(nt).. Trong biên cả còn có những loài hữu hình lớn đên trăm do-tuân, ...(nt).. những loài hữu hình lớn đến năm trăm do-tuần, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tám về biển cả, sau khi thường xuyên xem xét pháp ây, các a-tu-la thỏa thích trong biên cả. 4. Này các Tỳ-khmi, tương tợ như thê, trong Pháp và Luật này, có tám pháp kỳ diệu phi thường, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Tám pháp ấy là gì? Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả sâu xuống dần dần, có độ dốc xuống dần dần, có sự lõm xuống dần dàn, không có vực sâu một cách đột ngột, này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác. Này các Tỳ-khiru, sự việc trong Pháp và Luật này có sự học tập theo thứ lớp, có sự thực hành theo thứ lớp, có sự tiến bộ theo thứ lớp, không có sự chứng ngộ đột ngột nào khác, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhất trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả có pháp ổn định, không tràn qua khỏi bờ, này các Tỳ-khưu? tương tợ như thế, điều học nào đã được Ta quy định cho các đệ tử của Ta, các đệ tử của Ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống. Này các Tỳ-khưu, sự việc điều học nào đã được Ta quy định cho các đệ tử, các đệ tử của Ta không vượt qua điều học ấy dù là nguyên nhân mạng sống, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ nhì trong Pháp và Luật này, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, cũng giông như biên cả không sông chung với xác chét, nghĩa là khi ở trong biển cả có xác chết, nó tức thời đưa xác chết ấy vào bờ hoặc hất lên đất liền, này các Tỳ-khiru, tương tợ như thế, nhân vật nào là kẻ có

ác giới, có ác pháp, sở hành bất tịnh và đáng nghi ngờ, có hành động che giấu, phi Sa-môn, giả mạo Sa-môn9 phi Phạm hạnh, giả mạo Phạm hạnh, nội tâm thối nát, nhiêm dục vọng, có bản chát dơ bân, hội chúng không sông chung với kẻ ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng Tỳ- khưu nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vẫn được tách ly với kẻ ấy. Này các Tỳ-khưu, sự việc nhân vật nào là kẻ có ác giới, có ác pháp, ..(nt).. Hội chúng không sống chung với nhân vật ấy mà tức thời tụ hội lại loại trừ kẻ ấy ra; cho dù kẻ ấy ngồi giữa hội chúng Tỳ-khiru nhưng kẻ ấy vẫn bị tách ly khỏi hội chúng và hội chúng vân được tách ly với kẻ ây, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ ba trong Pháp và Luật này, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, cũng giông như các con sông lớn như là Gañgā, Yāmunā, Aciravatī, Sarabhũ, Mahī khi đã ra đến biển cả thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là "biển c*', này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, bốn loại giai cáp này là vua chúa, Bà-la-môn, thương buôn và nô bộc, khi họ đã rời nhà xuât

gia, Sống không nhà trong Pháp và Luật được công bố bởi đức Như Lai thì từ bỏ các tên họ trước đây và đi đến tên gọi là "Các Sa-môn Thích Này các Tỳ-khưu, sự việc bốn loại giai cấp này là vua chúa, ...(nt).. và đi đến tên gọi là “Các Sa-môn Thích tử", này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ tư trong Pháp và Luật này, ...(nt). Này các Tỳ-khiru, cũng giống như các dòng nước ở trái đất đổ vào biển cả và các trận mưa từ không trung rơi xuống, nhưng không vì điều ấy mà biển cả được xem là vơi hay đầy, này các Tỳ-khưu? tương tợ như thế, cho dù nhiều vị Tỳ-khiru Vô dư Niết-bàn trong cảnh giới Niết-bàn không còn dư sót, nhưng không vì điêu ây mà cảnh giới Niêt-bàn được xem là vơi hay đây. Này các Tỳ- khưu, sự việc cho dù nhiều vị Tỳ-khmi Vô dư Niết-bàn trong cảnh giới Niết- bàn không còn dư sót, nhưng không vì điều ấy mà cảnh giới Niết-bàn được xem là vơi hay đay, này các Tỳ-khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ năm trong Pháp và Luật này, ...(nt) Này các Tỳ-khưu, cũng giống như biển cả có một vi là vị của muối, này các Tỳ-khưu, tương tợ như the, Pháp và Luật này có một vi là vi của giải thoát. Này các Tỳ-khưu, sự việc Pháp và Luật này có một vị là vị của giải thoát, này các Tỳ-khưu5 đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ sáu trong Pháp và Luật này, ..(nt). Này các Tỳ-khưu? cũng giống như biển cả có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở đó? các vật quý ấy như là ngọc trai, ngọc ma-ni, ngọc bích, xà cừ, đá quý, san hô, bạc, vàng, ngọc ruby, ngọc mắt mèo, này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thê, Pháp và Luật này có nhiêu vật quý, có vô sô vật quý; ở đây, các vật quý ây như là bôn sự thiêt lập niệm, bôn chánh cân, bôn nên tảng của thân thông, năm quyền, năm lực, bảy pháp đưa đến giác ngộ, Thánh đạo tám ngành. Này các Tỳ-khưu, sự việc Pháp và Luật này có nhiều vật quý, có vô số vật quý; ở dây, các vật quý ây như là bôn sự thiêt lập niệm,...(nt).. này các Tỳ- khưu, đây là pháp kỳ diệu phi thường thứ bảy trong Pháp và Luật này, ...(nt). Này các Tỳ-khưu, cũng giông như biên cả là nơi cư trú của các chúng sanh to lớn; ở đó, các chúng sanh ấy là cá ông, cá voi, cá ông voi, các a-tu-la, các loài rông, các càn-thát-bà. Trong biên cả còn có những loài hữu hình lớn đên trăm do-tuân5 những loài hữu hình lớn đên hai trăm do-tuân, những loài hữu hình lớn đên ba trăm do-tuân, những loài hữu hình lớn đên bôn trăm do-tuân, những loài hữu hình lớn đến

năm trăm do-tuần. Này các Tỳ-khưu, tương tợ như thế, Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vi Nhập lưu, vị đang thực hành đê chứng ngộ quả Nhập lưu; vị Nhát lai, vi đang thực hành để chứng ngộ quả Nhất lai; vị Bất lai, vị đang thực hành để chứng ngộ quả Bất lai; vị A-la-hán, vị đang thực hành để chứng ngộ quả A-la-hán. Này các Tỳ-khưu, sự việc Pháp và Luật này là nơi cư trú của các chúng sanh vĩ đại; ở đây, các chúng sanh ấy là vị Nhập lưu, ...(nt)...này các Tỳ-khưu? đây là pháp

kỳ diệu phi thường thứ tám trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Này các Tỳ-khưu đây là tám pháp kỳ diệu phi thường trong Pháp và Luật này, sau khi thường xuyên xem xét những pháp ấy, các Tỳ-khưu thỏa thích trong Pháp và Luật này. Sau d6, khi đã hiểu ra sự việc ấy, đức Thế Tôn vào thời điểm ấy đã thốt lên lời cảm hứng này: "Nước mưa bị văng lại ở vật đã khéo được che đậy, nước mưa không bị văne lại ở vật đã được mở ra. Vì thế, hãy mở ra vật đã được che đậy, như vậy ở vật ẩy nước mưa không bị văng lại." 5 Sau đó9 đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Tỳ-khưu, giờ dây, kể từ nay về sau, Ta sẽ không tiến hành lễ Uposatha, sẽ không tuyên đọc Giới bổn. Chính các ngươi, giờ đây, kể từ nay vê sau, các ngươi có thê tiên hành lê Uposatha, có thê tụng đọc Giới bôn (Pâtimokkha). Này các Tỳ-khưu, sự việc này không hợp lý, không có cơ sở là việc đức Như Lai có thể tiến hành lễ Uposatha, có thể tuyên đọc Giới bổn (Pãtimokkhă) ở hội chúng không thanh tinh. Và này các Tỳ-khưu, vị phạm tội không nên nghe Giới bổn (Patimokkho); vị nào nghe thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, vị nào phạm tội mà lắng nghe Giới bổn (Pãtỉmokkhă), Ta cho phép đình chỉ Giới bon (Pātimokkha) của vi ấy. Và này các Tỳ-khưu, nên đình chỉ như vây: Vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: “Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] là vị phạm tội, tôi đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ của vị ấy, Giới bổn (Pãtimokkha) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Giới bổn (Pãtimokkhà) đã được đình chỉ. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư chính là những vi phạm tội mà vẫn nghe Giới bổn (Pātirnokkha) [nghĩ rằng]: "Không ai biết về chúng ta!" Các Tỳ-khưu trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các Tỳ- khưu rằng: Này các Đại đức, các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư tên [như vầy] và tên [như vầy], chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe Giới bổn (Patimokkho) [nghĩ rằng]: "Không ai biết về chúng ta!” Các Tỳ-khiru nhóm Lục Sư đã nghe rằng: "Nghe nói các Tỳ-khưu trưởng lão biết được tâm của người khác nên báo cho các Tỳ-khưu về chúng ta rằng: 'Này các Đại đức, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư tên [như vầy] và tên [như vầy], chính là những vị phạm tội mà vẫn nghe Giới bổn (Pātimokkha) [nghĩ rằng]: 'Không ai biết về chúng ta!”” CAc vị áy [nghĩ rằng]: "Trước hết, các Tỳ-khưu trong sạch sẽ đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) của chúng ta" nên ra tay trước đình chỉ Giới bổn ỤPâtimokkhà) của các Tỳ-khưu trong sạch, không phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân.

Các Tỳ-khưu nào ít ham muôn, tự biêt đủ, khiêm tôn, có hôi hận, ưa thích Sự học tập, các vi ây phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Vì sao các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư lại đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) của các Tỳ-khưu trong sạch, không có phạm tội khi không có cơ sở9 không có nguyên nhân?" Sau đó, các vi Tỳ-khưu ay đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, nghe nói các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) của các Tỳ-khưu trong sạch, không có phạm tội khi không có cơ sở9 không có nguyên nhân, có đúng không vậy? - Bạch Thế Tôn, đúng vậy. ...(nt). Sau khi khiển trách, Ngài đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: -Này các Tỳ-khưu, không nên đình chỉ Giới bổn ỤPâtỉmokkhă) của các Tỳ-khưu trong sạch, không có phạm tội khi không có cơ sở, không có nguyên nhân; vị nào đình chỉ thì phạm tội Dukkata. 6. Này các Tỳ-khxru, một sự đình chỉ Giới bổn (Pătỉmokkhă) sai Pháp, một sự đúng Pháp. Hai sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ sai Pháp, hai sự đúng Pháp. Ba sự đình chỉ Giới bổn (Pătỉmokkhă) sai Pháp, ba sự đúng Pháp. Bôn sự đình chỉ Giới bôn (Pătimokkhă) sai Pháp, bôn sự đúng Pháp. Năm sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ sai Pháp, năm sự đúng Pháp. Sáu sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ sai Pháp, sáu sự đúng Pháp. Bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) sai Pháp, bảy sự đúng Pháp. Tám sự đình chỉ Giới bổn (Pătỉmokkhă) sai Pháp, tám sự đúng Pháp. Chín sự đình chỉ Giới bổn (Pătimokkhd) sai Pháp, chín sự đúng Pháp. Mười sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp, mười sự đúng Pháp. 7. Thế nào là một sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp? Vi đình chỉ Giới bôn {Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng vê giới không có nguyên cớ. Đây là một sự đình chỉ Giới bổn ỤPâtỉmokkhd) sai Pháp. Thế nào là một sự đình chỉ Giới bổn ỤPătỉmokkhă) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn {Patimokkho) với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ. Đây là một sự đình chỉ Giới bổn (Pâtỉmokkhă) đúng Pháp. Thế nào là hai sự đình chỉ Giới bổn(patimokkho) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pătimokkhă) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ. Đây là hai sự đình chỉ Giới bổn (Pãíimokkha) sai Pháp. Thế nào là hai sự đình chỉ Giới bổn (Pâtimokkhă) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) với sự hư hỏng ve giới có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bon (Pâtỉmokkhă) với sự hư hỏng vê hạnh kiêm có nguyên cớ. Đây là hai sự đình chỉ Giới bôn (Pătỉmokkhă) đúng Pháp.

888 TIẾU PHẨM

Thế nào là ba sự đình chỉ Giới bổn (Pătỉmokkhd) sai Pháp? Vi đình chỉ Giới bổn (Pătimokkhă) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ,...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với sự hư hỏng ve tri kiến không có nguyên cớ. Đây là ba sự đình chỉ Giới bon (Pãíimokkha) sai Pháp. Thế nào là ba sự đình chỉ Giới bổn {Pātimokkhd) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bôn (Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng vê giới có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng ve hạnh kiểm có nguyên cớ, vi đình chỉ Giới bon (Pătimokkhă) với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên cớ. Đây là ba sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ đúng Pháp. Thế nào là bốn sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhd) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pătimokkhă) với sự hư hỏng về giới không có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm không có nguyên cớ?...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiên không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bôn

(Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng vê nuôi mạng không có nguyên cớ. Đây là bốn sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp. Thế nào là bốn sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với sự hư hỏng về giới có nguyên cớ9 ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về nuôi mạng có nguyên cớ. Đây là bốn sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) đúng Pháp. Thế nào là năm sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhd) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với tội Pārājika không có nguyên cớ,...(nt).. với tội Sañghādisesa không có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pãcỉttỉya không có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pātidesanīya không có nguyên cớ, vi đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkha) với tội Dukkata không có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Thế nào là năm sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkhd) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với tội Pārājika có nguyên ...(nt).. với tội Sañghādisesa có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Pãcỉttiya có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pātidesanīya có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Dukkata có nguyên cớ. Đây là năm sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. Thế nào là sáu sự đình chỉ Giới bồn (Patimokkho) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkha) với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ..(nt)... với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ5 ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) sai Pháp. Thế nào là sáu sự đình chỉ Giới bổn (Pâtimokkhă) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkha) với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiêm đã làm có nguyên cớ, ..(nt)... với sự hư hỏng vê tri kiên chưa làm

CÓ nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkha) với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ. Đây là sáu sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. Thế nào là bảy sự đình chỉ Giới bổn (JPātimokkha) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn ỤPâtỉmokkhă) với tội Pārājika không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Sañghādisesa không có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Thullaccaya không có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pãcỉttỉya không có nguyên cớ,...(nt)...với tội Pātidesanīya không có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Dukkaịa không có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) với tội Dubbhāsitā kh6ng có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp. The nào là bảy sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) đúng Pháp? Vi đình chỉ Giới bổn (Pâtimokkhd) với tội Pārājika có nguyên ...(nt)...với tội Sañghādisesa có nguyên cớ, ...(nt)... với tội Thullaccaya có nguyên cớ?...(nt)... với tội Pãcittiya có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Pātidesamya có nguyên cớ, ...(nt).. với tội Dukkata có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhci) với tội Dubbhāsitā có nguyên cớ. Đây là bảy sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) đúng Pháp. Thế nào là tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với sự hư hỏng về giới chưa làm không có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư

hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ9 ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ,...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên c&,...(nt)...với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ?..(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên cớ,...(nt).. với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa làm không có nguyên cớ, vi đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng về nuôi mạng đã làm không có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp. Thế nào là tám sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) đúng Pháp? Vị đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ...(īit).. với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên c&,...(nt)...với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ, ...(iìt).. với sự hư hỏng về nuôi mạng chưa làm có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn ỤPãtỉmokkhă) với sự hư hỏng về nuôi mạng đã làm có nguyên cớ. Đây là tám sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp. Thế nào là chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhd) sai Pháp? Vị đình chỉ Giới bôn (Pãtỉmokkhă) với sự hư hỏng vê giới chưa làm không có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm không có nguyên cớ9 ...(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm và chưa làm không có nguyên ...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm và chưa làm không có nguyên cớ,...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm không có nguyên cớ, ...(nt)... với sự hư hỏng về tri kiến đã làm không có nguyên

CỚ, vị đình chỉ Giới bôn (Pātimokkha) với sự hư hỏng vê tri kiên đã làm và chưa làm kh6ng có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp. The nào là chín sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkha) đúng Pháp? Vi đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) với sự hư hỏng về giới chưa làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm có nguyên ...(nt).. với sự hư hỏng về giới đã làm và chưa làm có nguyên cớ, ...(nt)...với sự hư hỏng về hạnh kiểm chưa làm có nguyên cớ?...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm có nguyên cớ,...(nt).. với sự hư hỏng về hạnh kiểm đã làm và chưa làm có nguyên cớ, ..(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến chưa làm có nguyên cớ, ...(nt).. với sự hư hỏng về tri kiến đã làm có nguyên cớ, vị đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ với sự hư hỏng về tri kiến đã làm và chưa làm có nguyên cớ. Đây là chín sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. Thế nào là mười sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai Pháp? Vị phạm tội Pārājika không ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về tội Pārājika chưa được dứt điểm; vị đã xả bỏ sự học tập không ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về vị đã xả bỏ sự học tập chưa được dứt điểm; vị phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp; vi không bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp; sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp chưa được dứt điểm; vị không bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới; vi không bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm; vị không bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) sai

Pháp. Thế nào là mười sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) đúng Pháp? Vi phạm tội Pārājika ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về tội Pārājika đã được dứt điểm; vị đã xả bỏ sự học tập ngồi ở tập thể đó; sự thảo luận về vi đã xả bỏ sự học tập đã được dứt điểm; vị không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp; vi bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp; sự thảo luận về việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp đã được dứt điểm; vị bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏnệ về giới; vi bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm; vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng ve tri kiến. Đây là mười sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) đúng Pháp. 8. Thế nào là vị phạm tội Pārājika ngồi ở tập thể đó? Này các Tỳ-khưu, ở dây, sự phạm tội Pārājika là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vi Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đanẹ phạm tội Pārājika với những hình thức ấy, với những đặc tính ây, với những dâu hiệu ây. Cho dù vi Tỳ-khiru không nhìn thấy vi Tỳ-khưu [khác] đang phạm tội Pãrãịika nhưng lại có vi Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: “Này Đại đức, vi Tỳ-khưu tên [như vầy] đã phạm tội Pārājikar Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu đang phạm tội Pārājika và cũng không có vị Tỳ-khtru khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại dức, vị Tỳ-khiru tên [như vầy] đã phạm tội Pārājikar nhưng chính vị Tỳ- khưu [phạm tội] ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại dức, tôi đã phạm tội PārājikaV

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BÔN PĀTIMOKKHA * 891

Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] đã phạm tội Parājika. tôi đình chỉ Giới bổn (Pãíimokkha) của vị ấy, Giới bổn (Pãtimokkhă) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhd) là đúng Pháp. Khi Giới bổn (Pātimokkha) của vị Tỳ-khưu đã bi đình chỉ, [nếu] tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm: Là sự nguy hiểm từ đức vua, sự nguy hiểm vì trộm cướp, sự nguy hiểm vì hỏa hoạn, sự nguy hiểm vì nước ngập, sự nguy hiểm vì loài người, sự nguy hiểm vì phi nhân, sự nguy hiểm vì thú dữ, sự nguy hiểm vì rắn, sự nguy hiểm vì mạng sống, sự nguy hiểm vì Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, tại trú xứ ấy hoặc tru xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ây, vị Tỳ-khưu [nguyên cáo] nêu muôn có thê nêu lên giữa hội chúng rang: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Sự thảo luận vê tội Pãrậịỉka của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết đinh. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết đinh sự việc này?9 Nêu việc ây đạt được như thê, việc ây như vậy là tót đẹp. Nêu không đạt được thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về tội Pārājika của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) của vị ấy, Giới bổn (Pātimokkha) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) là đúng Pháp. 9. Thế nào là vị đã xả bỏ sự học tập ngồi ở tập thể đó? Này các Tỳ-khưu? ở dây, sự học tập được vi Tỳ-khưu xả bỏ do những hình thức

nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang xả bỏ sự học tập với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khiru không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang xả bỏ sự học tập nhimg lại có vi Tỳ-khiru khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã xả bỏ sự học tap!" Cho dù vị Tỳ-khiru không nhìn thấy vi Tỳ-khưu [khác] đang xả bỏ sự học tập và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] đã xả bỏ sự học tap!" nhưng chính vị Tỳ-khiru ấy đã nói với vị Tỳ- khuru rằng: “Này Đại đức, tôi đã xả bỏ sự học tap!" này các Tỳ-khmi, với điều đã được nghe ây, với điêu đã được thây ây, với điêu đã nghi ngờ ây, vị Tỳ-khưu

nêu muôn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bôn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] đã xả bỏ sự học tập, tôi đình chỉ Giới bổn (Pãtỉmokkhă) của vị ấy, Giới bổn (Pâtỉmokkhă) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhd) là đúng Pháp. Khi Giới bổn (Patimokkho) của vị Tỳ-khưu đã bị đình chỉ, [nếu] tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiêm: Là sự nguy hiêm từ đức vua, ..(nt)... hoặc sự nguy hiểm vì Phạm hạnh. Này các Tỳ-khưu, tại trú xứ ấy hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vi Tỳ-khưu [nguyên cáo] nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyêt định sự việc nAy." Nêu việc ây đạt được như thế, việc ấy như vậy là tốt đẹp. Nếu không đạt được thì vào ngày Uposatha là ngày mười bon hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Sự thảo luận về việc xả bỏ sự học tập của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) của vị ấy, Giới bổn (Pãtỉmokkhă) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) kha là đúng Pháp. 10. Thế nào là vị không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp? Này các Tỳ- khưu, ở đây, việc không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp của vị Tỳ-khưu là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, thì vị Tỳ- khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp!” Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khiru [khác] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: “Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] không phục tùng sự hợp nhát đúng Pháp!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ây đã nói với vi Tỳ-khưu răng: "Này Đại dức, tôi kh6ng phục tùng sự hợp nhất đung Pháp r Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ây, với điêu đã được thây ây, với điêu đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày

Uposatha là ngày mười bon hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nhân vật tên [như vây] không phục tùng sự hợp nhất đúng Pháp, tôi đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă)

o . M • r • 1 Â / A . ,• của vị ây, Giới bôn (Patimokkho) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) là đúng Pháp. Thế nào là vị bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp? Này các Tỳ-khưu, ở đây, việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp là do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vi Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp với những hình thức ấy, với những đặc tính ấy, với những dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vi Tỳ-khưu [khác] đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu răng: “Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bác bỏ sự hợp nhất đúng PhSp!" Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] đang bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu răng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vây] bác bỏ sự hợp nhát đúng Pháp!" nhưng chính vị Tỳ-khiru ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, tôi bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp!" Này các Tỳ-khưu? với điều đã được nghe ây, với điêu đã được thây ây, với điêu đã nghi ngờ ây5 vi Tỳ-khưu nêu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp, tôi đình chỉ Giới bổn (Pâtimokkhă) của vi ấy, Giới bổn (Pătỉmokkhă) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy.” Sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) là đúng Pháp. Khi Giới bổn ỊPătỉmokkhă) của vị Tỳ-khưu đã bị đình chỉ, [nếu] tập thể giải tán do sự nguy hiểm nào đó trong mười sự nguy hiểm: Là sự nguy hiểm từ đức vua,...(nt).. hoặc sự nguy hiêm vì Phạm hạnh. Này các Tỳ-khiru, tại trú xứ ây hoặc trú xứ nào khác, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, vị Tỳ-khưu [nguyên cáo] nếu muốn có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Sự thảo luận vê việc bác bỏ sự hợp nhất đúng Pháp của nhân vật tên [như vầy] chưa được dứt điểm, sự việc ấy chưa được quyết định. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên quyết định sự việc ấy.” Nếu sự việc ấy có thể đạt được như vậy, sự việc ấy như thế là tốt đẹp. Nếu không thê đạt được thì vào ngày Uposatha là ngày mười bôn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: r A

"Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Sự thảo luận vê việc bác bỏ sự hợp nhát đúng Pháp của nhân vật tên [như vây] chưa được dứt diêm, sự việc ấy chưa được quyết định. Tôi đình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ của vị ấy, Giới bôn (Patimokkho) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị 2y." Sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) là đúng Pháp. 11. Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu là bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng

về giới do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khiru nhìn thấy vị Tỳ-khiru [khác] bị thấy, bị nghe, bi nghi ngờ với sự hư hỏng về giới do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vi Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bi nghi ngờ với sự hư hỏng về giới nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: “Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về gi&i!” Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giới và cũng không có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: í6Này Đại đức, vi Tỳ-khiru tên [như vầy] bị thấy, bi nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về gi&i!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vi Tỳ-khiru rang: "Này Đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về giói!" Này các Tỳ-khưu, với điêu đã được nghe áy, với điêu đã được thây ây9 với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, nên nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nhân vật tên [như vây] bị thây, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng vê giới, tôi đình chỉ Giới bôn (Pãtimokkha) của vị ấy, Giới bổn (Pātimokkhaṃ không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vị ấy.” Sự đình chỉ Giới bổn (Pãtimokkhă) là đúng Pháp. 12. Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khtru là bị thấy, bị nghe, bi nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vi Tỳ-khưu nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm do những hình thức ấy, do những đặc tính ấy, do lủiững dấu hiệu ấy. Cho dù vị Tỳ-khiru không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thay, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng ve hạnh kiểm nhưng lại có vị Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: uNày Đai đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!,, Cho dù vị Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm và cũng không có vi Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại đức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm!,^ nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khiru rằng: "Này Đại đức, tôi bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểmí' Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vi Tỳ-khưu nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng răng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nhân vật tên [như vầy] bi thấy, bi nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về hạnh kiểm, tôi đình chỉ Giới bổn

(Pãtimokkhă) của vị ấy, Giới bổn (Pātimokkhd) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy." Sự đình chỉ Giới bổn (Patimokkho) là đúng Pháp. 13. Thế nào là vị bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến? Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức nào, do những đặc tính nào, do những dấu hiệu nào, vị Tỳ-khiru nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bi nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến do những hình thức ây, do những đặc

tính ấy, do những dấu hiệu ấy. Cho dù vi Tỳ-khưu không nhìn thấy vị Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến nhưng lại có vi Tỳ-khmi khác [thứ ba] nói với vị Tỳ-khưu rằng: "Này Đại dức, vị Tỳ-khưu tên [như vầy] bi thay, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng ve tri kiến!" Cho dù vi Tỳ-khưu không nhìn thấy vi Tỳ-khưu [khác] bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến và cũng không có vi Tỳ-khưu khác [thứ ba] nói với vi Tỳ-khưu rằng: “Này Đại dức, vị Tỳ-khmi tên [như vây] bị thây, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!" nhưng chính vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu rằng: “Này Đại đức, tôi bi thấy, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng về tri kiến!” Này các Tỳ-khưu, với điều đã được nghe ấy, với điều đã được thấy ấy, với điều đã nghi ngờ ấy, vị Tỳ-khiru nếu muốn thì vào ngày Uposatha là ngày mười bốn hoặc mười lăm, trong sự hiện diện của nhân vật ấy, có thể nêu lên giữa hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nhân vật tên [như vây] bị thây, bị nghe, bị nghi ngờ với sự hư hỏng vê tri kiên, tôi đình chỉ Giới bôn (Pātimokkha) của vị ấy, Giới bổn (Pãtimokkhấ) không nên tụng đọc trong sự hiện diện của vi ấy." Sự đình chỉ Giới bôn (Patimokkho) là đúng Pháp. Đây là mười sự đình chỉ Giới bôn (Pãíimokkha) đúng Pháp. Tụng phẩm thứ nhất

14. Khi ấy, Đại đức upāli đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Upãli đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố nên áp dụng việc đích thân khởi tố khi có bao nhiêu yếu tố? Này Upãli, vị Tỳ-khưu có ý muốn áp dung việc đích thân khởi tố nên áp dung việc đích thân khởi tố khi có năm yếu to: Này upâli, vi Tỳ-khưu có ý muôn áp dụng việc đích thân khởi tô nên quán xét như sau: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này là đúng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này hay không đúng [thời điểm]?' NàyUpâli, nếu vị Tỳ-khiru trong lúc quán xét nhận biết như vày: "Sái thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải đúng thời điểm.” Này Upãli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy.

Này upāli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biết như vầy: "Búng thời điểm để áp dụng việc đích thân khởi tố này, không phải sái thời điểm,,; này upâli, vị Tỳ-khưu ây nên quán xét thêm răng: "Việc ta có ý muôn áp dụng việc đích thân khởi tô này, nhưng việc đích thân khởi tô này là đúng đan hay không [đúng đăn]?,, Này upli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét nhận biêt như vây: "Việc đích thân khởi tố này là sai trái, không đúng đắn,,; này upãli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này upâli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Việc đích thân khởi tố này là đúng đắn, không phải sai trái"; này upâli, vị Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Việc ta có ý muốn áp dụng việc đích thân khởi tố này, nhưng việc đích thân khởi to này có đem lại sự lọd h hay không [đem lại Sự lọi ích]?" Này upãli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biêt như vây: "Việc đích thân khởi tố này đem lại sự vô ích, không đem lại sự lợi ích^,; này Upli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upli, nêu vi Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biêt như vây: "Việc đích thân khởi tố này đem lại

sự lợi ích, không phải đem lại sự vô ích"; này upãli, vị Tỳ-khưu ây nên quán xét thêm răng: “Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luật hay sẽ không [đạt được]?^, Này Upâli, nếu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vay: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ không đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luaf9; này upâli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upãli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biêt như vây: "Trong khi áp dụng việc đích thân khởi tố này, ta sẽ đạt được các Tỳ-khưu đồng quan điểm thân thiết ở trong phe theo đúng Pháp, theo đúng Luậf9; này Upãli, vi Tỳ-khưu ấy nên quán xét thêm rằng: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy đoi với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi, sự cãi cọ, sự xung đột, sự tranh luận, sự chia rẽ hội chúng, sự bất đồng trong hội chúng, sự phân loại trong hội chúng, việc làm khác biệt trong hội chúng hay sẽ không [xảy ra]?" Này upâli, nêu vị Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biêt như vây: "Khi việc đích thân khởi tô này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ây, đối với hội chúng sẽ xảy ra sự tranh cãi,...(nt)...việc làm khác biệt trong hội chúng” này Upli, không nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này Upãli, nếu vi Tỳ-khưu trong lúc quán xét, nhận biết như vầy: "Khi việc đích thân khởi tố này của ta được áp dụng, do nguyên nhân ấy, đối với hội chúng sẽ không xảy ra sự tranh cãi, ...(nt)...việc làm khác biệt trong hội chiing"; này upãli, nên áp dụng việc đích thân khởi tố ấy. Này upâli, việc đích thân khởi tô có năm yêu tô như thê được áp dụng sẽ không đem lại sự ân hận sau này.

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỒN PĀTIMOKKHA « 897

15. Bạch Ngài, vị Tỳ-khini khiên trách có ý muôn khiên trách vị khác nên quán xét bản thân bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vi khác? Này ưpãli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vi khác nên quán xét bản thân năm pháp rồi mới nên khiển trách vị khác. Này Upâli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiên trách vi khác nên quán xét như vây: “Ta có sở hành về thân trong sạch không? Ta có sở hành ve thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Ưpâli, nếu vị Tỳ-khiru không có sở hành về thân trong sạch, không thành tựu sở hành về thân trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những nẹười nói với vi ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đên thân,,; có những người nói với vi này như thế. Này Upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "Ta có sở hành về khẩu trong sạch không? Ta có sở hành về khẩu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?” Này Upẫli, nếu vị Tỳ- khưu không có sở hành vê khâu trong sạch, không thành tựu sở hành về khâu trong sạch, không sai sót, không lỗi lầm, có những người nói với vị ấy rằng: “Này, đến lúc Đại đức nên rèn luyện điều liên quan đến khẩu"; có những người nói với vi này như thế. Này Ưpãli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiên trách có ý muôn khiển trách vi khác nên quán xét như vầy: "Tâm từ của ta tức là tâm không ác cảm đối với các vi đồng Phạm hạnh có hiện khởi không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?” Này upâli, nếu tâm từ của vi Tỳ-khưu là tâm không ác

cảm đối với các vị(tòng Phạm hạnh không có hiện khởi, có những nệười nói với vị ấy răng: "Này, đên lúc Đại đức nên thê hiện tâm từ đến các vị đông Phạm hạnh" có những người nói với vi này như thê. Này Upli, còn có trường hợp khác nữa, vi Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vay: "Ta có phải là vị nghe nhiều, nắm giữ điều đã được nghe, tích lũy điều đã được nghe? Các pháp nào là tốt đẹp phần đâu, tót đẹp phân giữa, tót đẹp phân cuôi5 thành tựu vê ý nghĩa, thành tựu vê văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tinh một cách trọn vẹn và đầy đủ, các pháp có hình thức như thế được ta nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?" Này Upāli, nếu vi Tỳ-khưu không Ị)hải là vi nghe nhiêu, không phải là vị nắm giữ điều đã nghe, không tích lũy điều đã nghe. Những pháp nào có Sự tót đẹp phân đâu, tót đẹp phân giữa, tót đẹp phân cuôi, thành tựu vê ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ5 các pháp có hình thức như thế không được vị ấy nghe nhiều, ghi nhớ, ôn đọc ra lời, dùng trí quán sát, dùng tri kiến phân tích, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập Kinh điển"; có những người nói với vi này như the.

Này Upâli, còn có trường hợp khác nữa, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét như vầy: "Hai bộ Giới bổn (Patimokkho) có được truyền lại đến ta một cách chi tiết, khéo được phân tích, khéo được áp dụng, khéo được xác định theo từng điều học hoặc từng từ ngữ không? Pháp ấy được tìm thấy ở ta hay không [được tìm thấy]?^, Này Upli, nếu hai bộ Giới bổn (Pãtỉmokkhà) không được truyền lại đến vị Tỳ-khưu một cách chi tiết, không khéo được phân tích, không khéo được áp dụng, không khéo được xác đinh theo từng điều học hoặc từng từ ngữ, khi được hỏi như vầy: "Này Đại đức, điều này đã được đức The Tôn nói ở dâu?" mà không đáp được, có những người nói với vị ấy rằng: "Này, đến lúc Đại đức nên học tập về Luãt,5; có những người nói với vi này như thế. Này upâli, VỊ Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên quán xét bản thân năm pháp này roi mới nên khiên trách vi khác. 16. Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác? Này upãli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm năm pháp roi mới nên khiên trách vi khác: "Ta sẽ nói hợp thời, không phải sái thời; ta sẽ nói với sự thật, không phải với sự sai trái; ta sẽ nói với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ; ta sẽ nói có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích; ta sẽ nói với tâm từ, không phải với nội tâm có sân han." Này upâli, vi Tỳ-khmi khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên khơi dậy ở nội tâm năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác. 17. - Bạch Ngài, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vi Tỳ-khưu khiển trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức? Này Upâli, sự ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách không * J> A # 9

đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thê nói răng]: "Bại đức khiên trách sái thời, không hợp thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự sai

trái, không phải với sự thật, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách bằng cách thô 16, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với nội tâm có sân hận, không phải với tâm từ, thế là đủ đê đưa đên sự ân hận cho ngài." Này upāli, sự ân hận sẽ được xảy đên cho vị Tỳ-khưu khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì không có vi Tỳ-khưu nào khác có thể nghĩ đến là nên khiển trách với việc sai trái như the. 18. - Bạch Ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu bi khiển trách không đúng Pháp với bao nhiêu hình thức?

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỔN PĀTIMOKKHA < 899

Này upāli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vi Tỳ-khưu bị khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Bại đức bi khiển trách sái thời, không hợp thời, thế là đủ để không đưa đến sự an hận cho ngài. Đại đức bi khiển trách với sự sai trái, không phải với sự thật, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bằng cách thô lỗ, không phải với sự mềm mỏng, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách không liên hệ đến lợi ích, không phải có liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi nội tâm có sân hận, không phải bởi tâm từ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngai." Này Upâli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khiru bị khiển trách không đúng Pháp với năm hình thức này. 19. Bạch Ngài, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vi Tỳ-khưu khiển trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức? Này Upãli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khưu khiển trách đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Dại đức khiển trách hợp thời, không sái thời, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với sự mềm mỏng, không phải bằng cách thô lỗ, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để không đưa đen sự ân hận cho ngài. Đại đức khiển trách với tâm từ, không phải với nội tâm có sân hận, thế là đủ để không đưa đến sự ân hận cho ngài.” Này Upãli, sự không có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khiru khiển trách đúng Pháp với năm hình thức này. Lý do của điều ấy là gì? Là vì cũng có vị Tỳ-khưu khác sẽ nghĩ đến nên khiển trách với sự thật như thế. 20. Bạch Ngài, sự có ân hận sẽ được xảy đên cho vị Tỳ-khưu bị khiên trách đúng Pháp với bao nhiêu hình thức? Này Upâli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vị Tỳ-khiru bi khiển trách đúng Pháp với năm hình thức. [Ai đó có thể nói rằng]: "Bại đức bi khiển trách hợp thòi, không sái thời, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách với sự thật, không phải với sự sai trái, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bi khiên trách với sự mem mỏng, không phải băng cách thô lỗ, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách có liên hệ đến lợi ích, không phải không liên hệ đến lợi ích, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài. Đại đức bị khiển trách bởi từ tâm, không phải bởi nội tâm có sân hận, thế là đủ để đưa đến sự ân hận cho ngài." Này upli, sự có ân hận sẽ được xảy đến cho vi Tỳ-khưu bị khiển trách đúng Pháp với năm

hình thức này. 21. -Bạch Ngài, vị Tỳ-khiru khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm bao nhiêu pháp rồi mới nên khiển trách vị khác?

900 TIỂU PHẨM

-Này Upli, vị Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp rồi mới nên khiển trách vi khác: "Lòng bi mẫn, sự tầm cầu lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng Luật.^, Này upli, vi Tỳ-khưu khiển trách có ý muốn khiển trách vị khác nên tác ý nội tâm năm pháp này rồi mới nên khiển trách vị khác. Bạch Ngài, vi Tỳ-khưu bị khiển trách nên an trú trong bao nhiêu pháp? Này upâli, vị Tỳ-khiru bi khiển trách nên an trú trong hai pháp: Chân thật và không nổi giận. Tụng phẩm thứ nhì. Chương 6íĐình chỉ Giới bổn (Pātimokkhaṃ^ là thứ chín.

Trong chương này có ba mươi sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Ngày lễ Uposatha. cho đến lần thứ ba vị ác Tỳ-khưu đã không đi ra, nhờ vị Moggallãna, đã bị lôi ra, điều kỳ diệu về giáo pháp của đấng Chiến Thắng. 2. Độ sâu và sự học tập theo thứ lớp, có pháp ổn đinh, không vượt qua [điều học], xác chết, hội chúng loại trừ và các dòng sông, từ bỏ [giai cấp]. 3. Các dòng nước trôi chảy, các bậc Vô dư Niết-bàn và một vị là giải thoát, có nhiều [vật quý], Pháp và Luật cũng vậy, các chúng sanh [to lớn] và tám hạng Thánh nhân. 4 Sau khi dùng biển cả làm ví dụ, Ngài đã phô bày đặc điểm về giáo pháp, vào ngày Uposatha. Giới bôn (Patimokkho), "không ai biêt vê chúng ta!” 5. Họ ra tay [đình chỉ] trước, các vị phê phán, một, hai, ba, bốn, năm, sáu và bảy, tám và chín, và mười trường hợp [đình chỉ] này. 6. về bốn phần là giới, hạnh kiểm, tri kiến và nuôi mạng, các tội Pārājika và tội Sañghādisesa, tội Pãcittiya. tội Pātidesanīya,— 7. — [Và] tội Dukkata là thuộc về năm phần, và sự hư hỏng về giới, hạnh kiểm, chưa làm và đã làm, là thuộc về sáu phần theo như đường lối. 8. Các tội Pārājika và tội Saùghãdỉsesa, và tội Pãcỉttiya. tội Pātidesamya, luôn cả tội Dukkata và tội Dubbhāsitā. 9. Sự hư hỏng vê giới, hạnh kiêm, và sự hư hỏng vê tri kiên, nuôi mạng và các điêu ây là tám trong trường hợp đã làm và chưa làm. Với giới, hạnh kiêm và tri kiên ây, các điêu này.— 10. — Trong trường hợp chưa làm, cũng như đã làm và luôn cả đã làm và chưa làm, như vậy là chín cách đã được nói đến, đúng với sự thật, theo phương pháp.

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỒN PĀTIMOKKHA 901

11. Vị phạm tội Pārājika. chưa được dứt điểm, vị đã xả bỏ [sự học tập], và tương tợ y như thế, vi phục tùng, vi bác bỏ và sự thảo luận về việc bác bỏ ấy. 12. Và sự hư hỏng về giới, hạnh kiểm, giống như với sự hư hỏng về tri kiến do đã bị thấy, bị nghe, bị nghi ngờ, là mười trường hợp, nên biết rõ điều ấy. 13. Vị Tỳ-khưu thấy rõ vị Tỳ-khiru, hay là vị khác đã nói điều ấy, và vi trong sạch khai báo đến vị ấy, vị ấy đình chỉ Giới bon (Pãtimokkha). 14. [Hội chúng] giải tán vì nguy hiêm: Từ đức vua, trộm cướp, hỏa hoạn, nước ngập, loài người, phi nhân và thú dữ, rắn, mạng sống, Phạm hạnh. 15. Chỉ với một [sự nguy hiểm] nào đó của mười, và tại tru xứ ấy hoặc tại các trú xứ nào khác, đúng Pháp và luôn cả sai Pháp, nên biết theo đường lối như thế ấy. 16. [Năm yếu tố nên hành xử] là đúng thời điểm, đúng đắn, đem lại sự lợi ích, ta sẽ đạt được, sẽ xảy ra [hay không?], [nên quán xét sở hành] về thân, về khẩu, tâm từ, sự học nhiều, hai bộ Giới

bổn. 17. Nên khiển trách hợp thời, với sự thật, với sự mềm mỏng, có lợi ích, với tâm từ, có sự ân hận và không đúng Pháp, nên xua đi các lời nói như thế. 18. Lòng bi mẫn, sự [tầm cầu] lợi ích, lòng thương xót, sự thoát khỏi tội, sự tôn trọng [Luật] xua đi sự ân hận cho vị khiển trách đúng Pháp và cho vi bi khiển trách. 19. Cách hành xử của vị khiển trách đã được đấng Toàn Giác giảng giải, và bản thể về sự chân thật và luôn cả sự không sân hận là dành cho vị bi khiển trách. —ooOoo—

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI

1. Lúc bấy giờ, đức Phật Thế Tôn ngự trong lãnh thổ của dòng Sakyā, ở thành Kapilavatthu, tu viện Nigrodha. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tót đẹp thay người nữ có thê đạt được sự xuất gia rời nhà, sông không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Này Gotamí, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa. Đen lần thứ nhi, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia ...(nt) Này Gotamī, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia ...(nt). Đen lần thứ ba, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Này Gotamī, thôi đi! Bà chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công b6" nên khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, trong khi khóc lóc, đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh rồi ra đi. Sau đó, khi đã ngự tại thành Kapilavatthu theo như ý thích, đức Thế Tôn đã ra đi du hành, đi vê phía thành Vesālī. Trong khi tuân tự du hành, Ngài đã ngự đến Vesālī. Tại nơi đó5 ở Vesālī, đức Thế Tôn ngự tại Mahâvana, giảng đường Kūtāgāra. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nhờ người cạo tóc, khoác y phục màu ca-sa cùng với nhiều người nữ dòng Sakyā đã ra đi về hướng Vesālī, tuần tự đã đi đến Vesālī, Mahâvana, giảng đường Kūtāgāra. Khi ấy, bà Mahāpajāpatī Gotamī với hai bàn chân simg vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đâm đìa nước mat, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài công ra vào. Đại đức Ānanda đã nhìn thấy bà Mahāpajāpatī Gotamī với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc,

đứng ở bên ngoài cổng ra vào, sau khi nhìn thấy đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamī điều này: Này bà Gotamī, tại sao bà lại có hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khổ sở, buồn rầu, mặt đầm đìa nước mắt, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào vậy? Thưa ngài Ānanda, như thế này, bởi vì đức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. 2. Này bà Gotamī, chính vì điêu ây nên bà hãy ở ngay tại đây trong chóc

lát, chờ tôi thỉnh cầu đức Thế Tôn về việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Sau đó, Đại đức Āiianda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ này với hai bàn chân sưng vù, thân hình phủ đầy bụi bặm, khô sở, buôn râu, mặt đâm đìa nước mat, đang khóc lóc, đứng ở bên ngoài cổng ra vào [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn không cho phép người nữ việc xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công b6." Bạch Ngài, tót đẹp thay người nữ có thê đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Này Ānanda, thôi đi! Ngươi chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa. Đen lần thứ nhì, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tót đẹp thay người nữ có thê đạt được sự xuất gia ...(nt). Này Ānanda, thôi đi! Ngươi chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia ..(nt). Đen lần thứ ba, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, tốt đẹp thay người nữ có thể đạt được sự xuất gia ...(nt) Này Ānanda, thôi đi! Ngươi chớ có quan tâm đến việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố nữa. Khi ấy, Đại đức Ānanda [nghĩ rằng]: "Bức Thế Tôn không cho phép việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố; có lẽ ta nên thỉnh cầu đức Thế Tôn việc người nữ xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố bằng một phương thức khWc?" Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, người nữ sau khi xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, có khả năng chứng ngộ quả vị Nhập lưu, hoặc quả vị Nhất lai, hoặc quả vị Bất lai, hoặc phẩm vị A-la-hán hay không?

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 905

Này Ānanda, người nữ sau khi xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bo, có khả năng chứng ngộ quả vi Nhập lưu, quả vị Nhất lai, quả vị Bất lai, luôn cả phẩm vị A-la-hán. Bạch Ngài, nếu người nữ ...(nt).. có khả năng chứng ngộ ...(nt).. luôn cả phẩm vị A-la-hán nữa; bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ có nhiều công đức đối với đức Thế Tôn, là dì ruột, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa khi người mẹ ruột qua đời. Bạch Ngài, tót đẹp thay người nữ có thê đạt được sự xuất gia rời nhà, sông không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. 3. Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpatī Gotamĩ thọ nhận tám trọng pháp, hãy xem chính điêu ây là sự tu lên bậc trên đôi với bà: Tỳ-khiru-ni đã tu lên bậc trên một trăm năm nên thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay? [và] hành động thích hợp đến vi Tỳ-khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ấy. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni không nên an cư mùa mưa ở tru xứ không có Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni vào mỗi nửa tháng nên mong mỏi hai việc từ hội chúng Tỳ- khưu là việc hỏi ngày lễ Uposatha và việc đi đến

[để nghe] giáo giới. Đây cũng là pháp ...(nt).. không được vi phạm cho đến frọn đời. Tỳ-khưu-ni đã trải qua mùa [an cư] mưa nên hành lễ Pavāranā ở cả hai hội chúng dựa trên ba yếu tố: Do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Đây cũng là pháp ...(nt).. không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khun-ni vi phạm tội nghiêm trọng nên thực hành hình phạt Mãnatta nửa tháng ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(nt).. không được vi phạm cho đến trọn đời. Cô Ni tu tập sự đã thực hành sự học tập về sáu pháp trong hai năm nên tầm cầu sự tu lên bậc trên ở cả hai hội chúng. Đây cũng là pháp ...(nt)... không được vi phạm cho đến trọn đời. Tỳ-khưu-ni không vì bất cứ nguyên do gì được phép mắng nhiếc, gièm pha Tỳ-khưu. Đây cũng là pháp ...(ĩit).. không được vi phạm cho đến trọn đời. Kê từ hôm nay, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu-ni đên các Tỳ-khưu bị ngăn cấm, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu đến các Tỳ-khưu-ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp càn được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn đời. Này Ānanda, nếu bà Mahāpajāpatī Gotamĩ thọ nhận tám trọng pháp, chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà.

Sau đó, Đại đức Ānanda đã học tám trọng pháp từ đức Thế Tôn rồi đã đi đến gặp bà Mahāpajāpati Gotamĩ, sau khi đen đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamĩ điêu này: Này bà Gotamĩ, nêu bà có thê thọ nhận tám trọng pháp thì chính điêu ây sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà: "Tỳ-khiru-ni đã tu lên bậc trên một trăm năm nên thực hiện sự đảnh lễ? sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến vị Tỳ-khưu vừa tu lên bậc trên vào ngày hôm ây. ...(nt)... Kê từ hôm nay, việc khuyên bảo của các Tỳ-khưu-ni đến các Tỳ-khưu bi ngăn cấm, việc khuyên bảo của các Tỳ- khưu đến các Tỳ-khưu-ni không bị ngăn cấm. Đây cũng là pháp cần được trọng vọng, cung kính, sùng bái, cúng dường, không được vi phạm cho đến trọn d£." Này bà Gotamĩ, nếu bà có thể thọ nhận tám trọng pháp này thì chính điều ấy sẽ là sự tu lên bậc trên đối với bà. -Thưa Đại đức Ānanda, cũng giống như người nữ hoặc người nam còn trẻ, ở tuổi thanh niên, ưa thích trang điểm, vừa mới gội đầu, sau khi nhận được tràng hoa sen, hoặc tràng hoa nhài, hoặc tràng hoa đủ loại, nên thọ lãnh bằng hai tay rồi đặt lên ở đỉnh đầu; thưa Đại đức Ānanda, cũng tương tợ như vậy, tôi thọ nhận tám trọng pháp này cho đến trọn đời không vi phạm. 4. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã thọ nhận tám trọng pháp. Người 15 _ 7 , _ ,Ạ 4 w ryi A _ . _____ l 1 L A __ dì của đức The Ton đã được tu len bạc trên. -Này Ānanda, nếu người nữ không đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố, này Ānanda, Phạm hạnh có thể sẽ được tồn tại lâu dài, Thánh pháp có thể tồn tại một ngàn năm. Này Ānanda, bởi vì người nữ đã xuất gia rời nhà, sông không nhà trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố? này Ānanda, giờ đây Phạm hạnh sẽ không tồn tại lâu dài, này Ānanda, giờ đây Thánh pháp sẽ tồn tại chỉ còn năm trăm năm.1 Này Ānanda, cũng giống như những gia đình có nhiều người nữ, ít người nam, thường dễ bị các kẻ cướp, các kẻ trộm đột nhập; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, trong Pháp và

Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài.

1 về vấn đề Thánh pháp (saddhammā) có thể tồn tại một ngàn năm, ngài Buddhaghosa giải thích như sau: “NQi đến 1000 năm là đề cập đến sự diệt tận các lậu hoặc với sự thành đạt vê bốn Tuệ phân tích. Từ đó về sau là 1000 năm của sự diệt tận các lạu hoặc do thuần túy Minh sát, 1000 năm của đạo quả Bất lai, 1000 năm của đạo quả Nhất lai, 1000 năm của đạo quả Nhập lưu. Như vậy, Pháp thành sẽ tồn tại500br^m”(Sdd.l291).

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 907

Này Ānanda, cũng giông như trong thửa ruộng lúa đang phát triên, có loại bệnh gọi là móc trăng xuất hiện, như thê ruộng lúa ây không tôn tại lâu dài; này Ānanda, r cũng a Jf tương tợ như thê, trong Pháp - Luật nàoy người Z < và : nữ đạt được Sự xuất gia rời nhà, sông không nhà, Phạm hạnh ây không được tôn tại lâu dài. Này Ānanda, cũng giống như trong ruộng mía đường đang phát triển, có loại bệnh gọi là rệp cây xuất hiện, như thê ruộng mía ây không tôn tại lâu dài; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, trong Pháp và Luật nào người nữ đạt được sự xuất gia rời nhà, sống không nhà, Phạm hạnh ấy không được tồn tại lâu dài. Này Ānanda, cũng giống như người đàn ông chính vì phòng xa nên củng CÔ bờ đê của cái hô lớn, đê không có sự tràn ra của nước; này Ānanda, cũng tương tợ như thế, tám trọng pháp do Ta chính vì phòng xa đã quy định cho các Tỳ-khiru-ni cho đến trọn đời không được vi phạm. Tám trọng pháp của các Tỳ-khưu-ni.

5. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, con thực hành như thế nào đối với các người nữ dòng Sakyā này? Khi ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy, thức tính, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi cho bà Mahāpajāpatī Gotamĩ bằng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đảnh lễ đức Thế Tôn, hướng vai phải nhiễu quanh, rồi ra đi. Sau đó, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu được ban phép tu lên bậc trên đến các Tỳ-khưu-ni. 6. Sau đó, các Tỳ-khưu-ni ấy đã nói với bà Mahāpajāpatī Gotamĩ điều này: Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thế này: "Các Tỳ-khưu-ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các Tỳ-khưu?9 Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa Đại đức Ānanda, các Tỳ-khưu-ni này đã nói với tôi như vầy: "Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như thê này: 'Các Tỳ-khiru-ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các Ty-idíưu)”

908 TIỂU PHẨM

7. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamī đã nói như vậy: "Thua Đại đức Ānanda, các Tỳ-khưu-ni này đã nói với tôi như vầy: 'Bà chưa được tu lên bậc trên, chúng tôi đã được tu lên bậc trên; bởi vì đức Thế Tôn đã quy đinh như thế này: Các Tỳ-khưu-ni nên được cho tu lên bậc trên bởi các Ty-khưu.”' Này Ānanda, ke từ lúc bà Mahāpajāpatī Gotamĩ thọ nhận tám trọng pháp, chính vào lúc ấy bà đã được tu lên bậc trên. 8. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với Đại đức Ānanda điều này: —Thưa Đại đức Ānanda, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa Đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho phép sự đảnh lễ; sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với đức Thế Tôn điều này: Bạch Ngài, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói như vầy: "Thua Đại đức Ānanda, con thỉnh cầu đức Thế Tôn một điều ước muốn. Thưa Đại đức, tốt đẹp thay đức Thế Tôn có thể cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp là tính theo thâm niên đối với các Tỳ-khưu và các Ty-khưuni." Này Ānanda, việc đức Như Lai có thể cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ là điều không có cơ sở và không hợp lý. Này Ānanda, bởi vì các ngoại đạo này có giáo lý được thuyết giảng tồi còn không thực hành sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đên người nữ; vậy điêu gì khiên Như Lai lại cho phép sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ? Sau đỏ, đức Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi A bảo các Tỳ-khưu răng: Này các Tỳ-khưu, không nên thực hiện sự đảnh lễ, sự đứng dậy, sự chắp tay, [và] hành động thích hợp đến người nữ; vị nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. 9. Sau đó9 bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế Tôn điều này:

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 909

Bạch Ngài, có những điều học của các Tỳ-khưu-ni là [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, bạch Ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào? Này Gotamĩ, những điều học nào của các Tỳ-khưu-ni là [được quy đinh] chung với các Tỳ-khưu, các Tỳ-khxru học tập như thê nào, các ngươi hãy học tập những điều học ấy như thế ấy. Bạch Ngài, có những điều học của các Tỳ-khưu-ni là không [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, bạch Ngài, chúng con thực hành những điều học ấy như thế nào? Này Gotamĩ, những điều học nào của các Tỳ-khưu-ni là không [được quy định] chung với các Tỳ-khưu, các ngươi hãy học tập những điều học ấy như đã được quy định. 10. Sau đó, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã đi đến gặp đức Thế Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Khi đã đứng một bên, bà Mahāpajāpatī Gotamĩ đã nói với đức Thế Tôn điều này: - Bạch Ngài, lành thay! Xin đức Thế Ton hãy

thuyết giảng pháp một cách vắn tắt để con sau khi nghe pháp ấy có thể sống một mình, cách ly, không biếng nhác, có sự nô lực, có sự quyêt tâm. r -Và này Gotamĩ, các pháp ĩ nào mà bà có thê biêt răng r các pháp này đưa đên tham ái mà không đưa đên sự xa lìa tham ải, đưa đên sự ràng buộc mà không đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc, đưa đến sự tích lũy mà không đưa đến sự không tích lũy, đưa đến sự ham muốn nhiều mà không đưa đến sự ham muốn ít, đưa đến sự bực bội mà không đưa đến sự hoan hỷ, đưa đến sự tụ hội mà không đưa đên sự đơn độc, đưa đên sự biêng nhác mà không đưa đên sự khởi công tinh tân, đưa đên sự khó nuôi dưỡng mà không đưa đên sự dê nuôi dưỡng; này Gotamĩ, bà có thể xác định dứt khoát rằng: "Điều này không phải là Pháp, điêu này không phải là Luật, điêu này không phải là lời giáo huân của bậc Đạo su.” Này Gotamĩ, các pháp nào mà bà có thê biêt răng các pháp này đưa đên sự xa lìa tham ái mà không đưa đến tham ái, đưa đến sự thoát khỏi ràng buộc mà không đưa đến sự ràng buộc, đưa đến sự không tích lũy mà không đưa đến sự tích lũy, đưa đến sự ham muốn ít mà không đưa đến sự ham muốn nhiều, đưa đến sự hoan hỷ mà không đưa đến sự bực bội, đưa đến sự đơn độc mà không đưa đến sự tụ hội, đưa đến sự khởi công tinh tấn mà không đưa đến sự biếng nhác, đưa đến sự dễ nuôi dưỡng mà không đưa đến sự khó nuôi dưỡng; này Gotamĩ, bà có thể xác định dứt khoát rằng: "Điều này là Pháp, điều này là Luật, điều này là lời giáo huấn của bậc Đạo SU." 11. Vào lúc bây giờ, Giới bôn (Pãtimokkhă) không được đọc tụng cho các Tỳ-khưu-ni. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton.

910 TIÊU PHẨM

Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhấ) cho các Tỳ-khưu-ni. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Ai sẽ đọc Giới bổn (Pātimokkhaṃ cho các TVkhưu-ni?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép các Tỳ-khưu đọc tụng Giới bôn (Pātimokkhd) cho các Tỳ-khưu-ni. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khxru đi đến chô ngụ của các Tỳ-khưu-ni và đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhă) cho các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà nay." Các Tỳ-khiru đã nghe được những người ấy phàn nàn, phê phán, chê bai. Sau đó, các vị Tỳ-khưu ấy đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu không nên đọc tụng Giới bổn (Pãtỉmokkhă) cho các Tỳ-khưu-ni; vi nào đọc tụng thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhà) cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khiru-ni không biết: "Giới bổn (Pãtimokkha) nên được đọc tụng như vy.” Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên đọc tụng Giới bổn (Pãtimokkhấ) như vầy." 12. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không sửa chữa tội đã vi phạm. Các vi đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên không sửa chữa tội đã vi phạm; vị Ni nào không sửa chữa thì phạm tội Dukkata. Các Tỳ-khiru-ni không biết: uTội đã vi phạm nên được sửa chữa như vy." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên sửa chữa tội đã vi phạm như vy." Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Ai sẽ ghi nhận tội cho các Ty-khuu-ni?99

Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni. 13. Vào lúc bây giờ, khi nhìn thây vị Tỳ-khiru trên đường di, ở ngõ cụt, nơi giao lộ, các Tỳ-khưu-ni để xuống bình bát ở mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngôi chôm hôm, chăp tay lên, roi sửa chữa tội đã vi phạm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Sau khi đã làm mích lòng hoi đêm, giờ đây họ xin 16i." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 911

Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu không nên ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu- ni; vị nào ghi nhận thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni không biết: uTội nên được ghi nhận như vầy." Các vị đã trình sự việc áy len đưc The Ton. - Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép các Tỳ-khưu chỉ dẫn các Tỳ-khiru-ni: "Các vị nên ghi nhận tội như v Áy." 14. Vào lúc bấy giờ, hành sự cho các Tỳ-khưu-ni đã không được thực hiện. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni. Khi ây, các Tỳ-khưu đã khởi ý điêu này: uAi sẽ thực hiện hành sự cho các Ty-khuu-ni?^ Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni. 15. Vào lúc bấy giờ? khi gặp vị Tỳ-khưu trên đường đi, ở ngõ cụt, nơi giao lộ, các Tỳ-khưu-ni có hành sự đã được hoàn tất để xuống bình bát ở mặt đất, đắp thượng y một bên vai, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, bày tỏ sự hối lỗi, trong khi nghĩ rằng: "Chắc là nên được thực hiện như vầy.^, Dân chúng tương tợ y như thế, phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Sau khi đã làm mích lòng hồi đêm, giờ đây họ xin 16i." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khiru không nên thực hiện hành sự cho các Tỳ- khưu-ni; vị nào thực thi thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni không biết: "Hành sự nên được thực hiện như vầy." Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khtru chỉ dẫn các Tỳ-khưu-ni: "Các vị nên thực hiện hành sự như vầy.” r e e e .v 16. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu-ni ở giữa hội chúng đã nảy sinh ra xung đột, đã nảy sinh ra gây gổ9 đã đưa đen tranh cãi, song châm chích lẫn nhau bằng các vũ khí mồm miệng. Họ không thể giải quyết sự tranh tụng ấy. Các vi đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu giải quyết sự tranh tụng của các Tỳ-khưu-ni. 17. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu giải quyêt sự tranh tụng của các Tỳ-khưu- ni. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được xét xử, các vị được biết rằng, các Tỳ-khưu-ni cần thiết cho hành sự cũng có vi phạm tội. Các Tỳ-khưu-ni đã nói như vầy:

912 TIẾU PHẨM

Thưa các Đại đức, tốt lành thay, chính các ngài Đại đức hãy thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni, chính các ngài Đại đức hãy ghi nhận tội cho các Tỳ-khưu-ni, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: “Các Tỳ-khưu nên giải sự tranh tụng của các Ty-khưu-ni.” Các vị đã trình sự việc ây lên đức quyết The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta

cho phép các Tỳ-khưu xác định hành sự của các Tỳ-khiru-ni rồi bàn giao lại cho các Tỳ-khưu-ni, và các Tỳ-khiru-ni được thực hiện hành sự cho các Tỳ-khưu-ni; [cho phép] các Tỳ-khưu xác đinh tội của các Tỳ-khiru-ni rồi bàn giao lại cho các Tỳ-khưu-ni và các Tỳ-khiru-ni được ghi nhận tội cho các Tỳ-khmi-ni. 18. Vào lúc bấy giờ, vi Tỳ-khưu-ni học trò của Tỳ-khưu-ni uppalavannā trong khi học tập về Luật đã theo đức Thế Tôn bảy năm. Cô ấy có trí nhớ bi lộn xộn nên càng học càng quên. Rồi vi Tỳ-khưu-ni ấy đã nghe rằng: "Nghe nói đức Thế Tôn có ý đinh đi đến thành sāvatthi." Khi ấy, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã khởi ý điều này: "Trong khi học tập về Luật, ta đã theo đức Thế Tôn bảy năm. Ta có trí nhớ bị lộn xộn nên càng học càng quên. Thật khó khăn cho người nữ để đi theo bậc Đạo sư cho đến trọn đời; vậy ta nên thực hành như thế nào?,, Sau đó, vị Tỳ-khmi-ni ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu giảng vê Luật cho các Tỳ-khưu-ni. Tụng phẩm thứ nhất

19. Sau đó, khi đã ngự tại Vesālī theo như ý thích, đức Thế Tôn đã len đường du hành về phía Sāvatthi. Trong khi tuần tự du hành, Ngài đã ngự đến Sāvatthi. Tại nơi đó, ở Sāvatthi, đức Thế Tôn ngự tại Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. 20. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư rắc nước bùn lên các Tỳ- khưu-ni [nghĩ rằng]: "C6 lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta.” Các vi đã trình sự việc ây len đức Thê Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu không nên rắc nước bùn lên các Tỳ-khưu-ni; vị nào rắc thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị Tỳ-khiru ấy. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã khởi ý điều này: "Hinh phạt gì nên được thực hiện?^, Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, hội chúng Tỳ-khưu-ni không can thực hiện việc đảnh lễ đối với vị Tỳ-khưu ấy.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 913

21. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu nhóm Lục Sư vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, trò chuyện với các Tỳ-khưu-ni, giao lưu với các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: “C6 lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta." Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru không nên vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, không nên vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu-ni thấy, không nên trò chuyện với các Tỳ-khưu-ni, không nên giao lưu với các Tỳ-khưu-ni; vị nào giao lưu thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vi Tỳ-khiru ấy. Khi ấy, các Tỳ-khưu đã Idiởi ý điều nay: "Hinh phạt gì nên được thực hiện?^, Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, hội chúng Tỳ-khưu-ni không cần thực hiện việc đảnh lễ đối với vị Tỳ-khưu ấy. 22. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư rác nước bùn lên các Tỳ- khưu [nghĩ rằng]: “C6 lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta.” Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên răc nước bùn lên các Tỳ-khưu; vi Ni nào rắc thì phạm tội Dukkata, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với Tỳ-khưu-ni ấy. Khi ấy, các Tỳ-khiru đã khởi ý điều

này: "Hinh phạt gì nên được thực hiên?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 Ta cho phép thực hiện việc ngăn cấm [đi vào trú xứ của Tỳ-khưu]. Khi việc ngăn cấm được thực hiện, họ không chấp hành. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép đình chỉ việc giáo giới. 23. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, vén hở ngực rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ- khưu thấy, trò chuyện với các Tỳ-khưu, giao lưu với các Tỳ-khxru [nghĩ rằng]: "C6 lẽ họ sẽ lưu tâm đến chúng ta." Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên vén hở thân rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên vén hở ngực rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên vén hở đùi rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên vén hở chỗ kín rồi phô bày cho các Tỳ-khưu thấy, không nên trò chuyện với các Tỳ-khưu, không nên giao lưu với các Tỳ-khưu; vị Ni nào giao lưu thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện hình phạt đối với vị Tỳ-khưu-ni ấy.

Khi ấy, các Tỳ-khưu đã Idiởi ý điều này: "Hinh phạt gì nên được thực hiên?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hiện việc ngăn cấm [đi vào trú xứ của Tỳ-khiru]. Khi việc ngăn cấm được thực hiện, họ không chấp hành. Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đình chỉ việc giáo giới. Khi ấy, các Tỳ-khtru đã khởi ý điều này: "L3 Uposatha được phép thực hiện với Tỳ-khưu-ni bi đình chỉ giáo giới hay không được phép?" Các vi đã trình sự . Ấ1 A f X FTP việc áy len đức The Toile Này các Tỳ-khiru, lễ Uposatha không nên thực hiện với Tỳ-khưu-ni bi đình chỉ giáo giới cho đến khi nào sự tranh tụng ấy còn chưa được giải quyết. 24. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới đã ra đi du hành. Các Tỳ-khưu-ni phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao ngài Đại đức Udāyi sau khi đình chỉ việc giáo giới lại ra đi du hnh?" Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, sau khi đình chỉ việc giáo giới rồi không nên ra đi du hành; vị nào ra đi thì phạm tội Dukkata. 25. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khxru ngu dốt không có kinh nghiệm đình chỉ việc giáo giới. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, việc giáo giới không nên bi đình chỉ bởi vị ngu dốt, không có kinh nghiệm; vị nào đình chỉ thì phạm tội Dukkata. 26. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đình chỉ việc giáo giới không có sự việc, không có nguyên do. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, việc giáo giới không nên bị đình chỉ không có sự việc, không có nguyên do; vi nào đình chỉ thì phạm tội Dukkata. 27. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khưu sau khi đình chỉ việc giáo giới không đưa ra sự phán xét. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, sau khi đình chỉ việc giáo giới, không nên không đưa ra sự phán xét; vi nào không đưa ra thì phạm tội Dukkata. 28. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không đi [để nghe] giáo giới. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khiru, các Tỳ-khưu-ni không nên không đi [để nghe] giáo giới; vị Ni nào không đi nên được hành xử theo pháp.2 29. Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu-ni đều đi [để nghe] giáo giới. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của

2 Liên quan đến tám trọng pháp và tội Pâcittiya 58 của Tỳ-khưu-ni (ND).

những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này?5 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức fTïi Á rp, The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đi [để nghe] giáo giới toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu-ni. Nếu đi thì phạm tội Dukkaịa, Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi [để nghe] giáo giới bốn hay năm Tỳ-khưu-ni. 30. Vào lúc bấy giờ, bốn hay năm Tỳ-khưu-ni đi [để nghe] giáo giới. Dân chúng tương tợ y như thế phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Những bà này là vợ của những ông này, những bà này là tình nhân của những ông này. Bây giờ những ông này sẽ hưởng lạc với những bà này." Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên đi [để nghe] giáo giới bốn hay năm Tỳ- khưu-ni. Nếu các vị đi thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép đi [để nghe] giáo giới hai hay ba Tỳ-khưu-ni. Nên đi đến gặp một vị Tỳ-khiru, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân, ngồi chồm hổm, chắp tay lên, rồi nên nói như vầy: "Thua ngài Đại dức, hội chúng Tỳ-khiru-ni đảnh lễ ở chân của hội chúng Tỳ-khưu và thỉnh câu việc đên gân [đê nghe] giáo giới. Thưa ngài, mong răng hội chúng Tỳ-khưu-ni đạt được việc đên gân [đê nghe] giáo gi&i." Vi Tỳ-khưu ấy nên đi đến gặp vi đọc tụng Giới bổn (Pātimokkhd) và nên nói như vầy: "Thua ngài, hội chúng Tỳ-khiru-ni đảnh lễ ở chân của hội chúng Tỳ-khưu và thỉnh câu việc đên gân [đê nghe] giáo giới. Thưa ngài, mong răng hội chúng Tỳ-khưu-ni đạt được việc đến gần [để nghe] giáo gi&i." Vị đọc tụng Giới bổn (Pātỉmokkhă) nên nói rằng: "C6 vị Tỳ-khưu nào đó đã được chỉ đinh là vi giáo giới Ty-khuu-ni?99 Nếu có vị Tỳ-khưu nào đó đã được chỉ đinh là vi giáo giới Tỳ-khưu-ni, vi đọc tụng Giới bon (Pātimokkhă) nên nói rang: Tỳ- khưu tên [như vầy] đã được chỉ đinh là vi giáo giới Tỳ-khưu-ni, hội chúng Tỳ- khưu-ni hãy đi đến gặp vi ấy.” Nếu không có vị Tỳ-khưu nào đã được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, vị đọc tụng Giới bổn (Pātỉmokkhă) nên nói rằng: Đại đức nào đủ khả năng để giáo giới TV-khuuni?" Nêu có vị nào đó đủ khả năng đê giáo giới Tỳ-khiru-ni và vi ây có tám yêu tố,3 sau khi chỉ định xong nên nói rằng: Tỳ-khưu tên [như vầy] đã được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni, hội chúng Tỳ-khưu-ni hãy đi đến gặp vị ấy." Nếu không có vị nào đủ khả năng để giáo giới Tỳ-khưu-ni, vi đọc tụng Giới bôn (Pātimokkhd) nên nói răng: "Không có Tỳ-khưu nào được chỉ định là vị giáo giới Tỳ-khưu-ni? mong rằng hội chúng Tỳ-khiru-ni được thành đạt với sự hoanhỷ." 31. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu không nhận lãnh việc giáo giới. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton.

3 Xem tám yếu tố ở điều học Pãcittiya 21 (TTTĐPGVN, tập 10, tr. 430-31; TTPV, tập 2, ư. 153).

Này các Tỳ-khưu, không thể không nhận lãnh việc giáo giới; vị nào không nhận lãnh thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu nọ là ngu dốt. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vi ấy và đã nói điều này: Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới. Này các chi gái, bởi vì tôi ngu dót, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được? Thưa

ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới bởi vì đức Thế Tôn đã quy đinh như vầy: uCác Tỳ-khưu nên nhận lãnh việc giáo giới cho các Ty.khưu-ni.” Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trừ ra vi ngu dốt, các vi còn lại nhận lãnh việc giáo giới. 32. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khiru nọ bi bệnh. Các Tỳ-khiru-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới. Này các chị gái, bởi vì tôi bi bệnh, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được? Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: “Trừ ra vị ngu dốt, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới?5 Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép trừ ra vi ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, các vị còn lại nhận lãnh việc giáo giới. 33. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khiru nọ là vị xuất hành. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới. Này các chị gái, bởi vì tôi là vi xuất hành, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được? Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy đinh như vầy: "Trừ ra vi ngu dốt, trừ ra VỊ bị bệnh, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giới.,, Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trừ ra vi ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vi xuất hành, các vi còn lại nhận lãnh việc giáo giới. 34. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu nọ cư ngụ ở trong rừng. Các Tỳ-khưu-ni đã đi đến gặp vị ấy và đã nói điều này: Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới. Này các chi gái, bởi tôi cư ngụ ở trong rừng, làm sao tôi nhận lãnh việc giáo giới được?

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 917

Thưa ngài, xin ngài hãy nhận lãnh việc giáo giới, bởi vì đức Thế Tôn đã quy định như vầy: "Trừ ra vị ngu dốt, trừ ra vị bị bệnh, trừ ra vị xuất hành, các vị còn lại nên nhận lãnh việc giáo giói." Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khmi là vị ngụ ở rừng nhận lãnh việc giáo giới và [cho phép] quy đinh điểm hẹn: "T6i sẽ thực hiện ở chỗ kia." 35. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới, các Tỳ-khưu không thông báo. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu5 không thể không thông báo việc giáo giới; vị nào không thông báo thì phạm tội Dukkata. 36. Vào lúc bấy giờ, sau khi nhận lãnh việc giáo giới, các Tỳ-khưu không thực hiện. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, việc giáo giới không thể không thực hiện; vi nào không thực hiện thì phạm tội Dukkata. 37. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni không đi đến điểm hẹn. Các vị đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên không đi đến điểm hẹn; vi Ni nào không đi thì phạm tội Dukkata. 38. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni mang dây thắt lưng loại dài, lại còn bó that eo băng chúng nữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các người nữ tại gia hưởng dục vay?” Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. —Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên mang dây thắt lưng loại dài; vị Ni nào mang thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni [sử dụng] dây thắt lưng được thực hiện một vòng và không nên bó thắt eo băng dây that lưng; vị Ni nào bó that [eo] thì phạm tội Dukkaía. 39. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni buộc [dây thắt lưng] thành dải tua bang sợi tre chẻ mỏng, buộc thành dải tua bang sợi da thú, buộc thành dải tua băng sợi vải dệt, buộc thành dải tua băng vải

dệt têt đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, buộc thành dải tua bang sợi vải cola, buộc thành dải tua bằng vải cola tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng vải cola thắt bím, buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai ràng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. - Này các Tỳ-khmi5 các Tỳ-khưu-ni không nên buộc [dây thắt lưng] thành dải tua bằng sợi tre chẻ mỏng, không nên buộc thành dải tua bằng sợi da thú, không nên buộc thành dải tua bằng sợi vải dệt, không nên buộc thành dải tua bằng vải dệt tết đuôi sam, khônệ nên buộc thành dải tua bằng vải dệt thắt bím, không nên buộc thành dải tua băng sợi vải cola, không nên buộc thành dải tua

bằng vải coỊatết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng vải cola thắt bím, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ tết đuôi sam, không nên buộc thành dải tua bằng chỉ thắt bím; vị Ni nào buộc thì phạm tội Dukkata. 40. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni bảo đập vỗ vùng hông với khúc xương đùi, bảo đấm bóp vùng hông với xương hàm con bò, bảo đấm bóp bàn tay, bảo đấm bóp mu bàn tay, bảo đấm bóp bàn chân, bảo đấm bóp mu bàn chân, bảo đấm bóp đùi, bảo đấm bóp mặt, bảo đấm bóp nướu răng. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các VỊ đã trình sự việc áy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên bảo đập vỗ vùng hông với khúc xương đùi, ...(nt).. không nên bảo đấm bóp nướu răng; vị Ni nào bảo đấm bóp thì phạm tội Dukkata. 41. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư thoa dầu ở mặt, chà xát ĩ y r 9

mặt, đánh phân ở mặt, đáp mặt băng phân đỏ, tô màu ở cơ thê, tô màu ở mặt, tô màu ở mặt và ở cơ thể. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. - Này các Tỳ-khuu, các Tỳ-khưu-ni không nên thoa dầu ở mặt, không nên chà xát mặt, không nên đánh phấn ở mặt, không nên đắp mặt bằng phấn đỏ, không nên tô màu ở cơ thể, không nên tô màu ở mặt, không nên tô màu ở mặt và ở cơ the; vị Ni nào làm thì phạm tội Dukkata. 42. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư kẻ mí mắt, làm dấu ở trán, nhìn qua cửa sổ [xuống đường phố], đứng tựa cửa lớn [khoe phần thân trên], tổ chức nhảy múa, hỗ trợ gái điếm, lập quán bán rượu, lập tiệm bán thịt, trưng bày cửa hiệu, tiến hành việc cho vay lấy lãi, tiến hành việc thương mãi, nuôi tôi trai, nuôi tớ gái, nuôi trai làm mướn, nuôi gái làm thuê, nuôi thú vật, buôn bán rau xanh, mang mảnh da mài dao cạo. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên kẻ mí mắt, ...(nt)...không nên mang mảnh da mài dao cạo; vị Ni nào mang thì phạm tội Dukkata. 43. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư mặc các y toàn màu xanh đậm, mặc các y toàn màu vàng, mặc các y toàn màu đỏ [máu], mặc các y toàn màu tím, mặc các y toàn màu đen, mặc các y nhuộm toàn màu đỏ tía, mặc các y nhuộm toàn màu hồng, mặc các y không cắt đường viền, mặc các y có đường viên rộng, mặc các y có đường viên vẽ bông hoa, mặc các y có đường viên có vẽ trái

cây, mặc áo choàng, mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tirītaka. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 919

Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khưu-ni không nên mặc các y toàn màu xanh đậm, ...(nt).. không nên mặc loại vải dệt bằng sợi vỏ cây tintaka; vị Ni nào mặc thì phạm tội Dukkata. 44. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, trong khi lâm chung đã nói như vầy: -Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chúng. ở nơi ấy, các Tỳ-khưu và các Tỳ-khưu-ni tranh cãi rằng: -Thuộc về chúng tôi, thuộc về chúng tôi. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, nếu vi Tỳ-khưu-ni trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chiing"trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, nếu vị Ni tu tập sự, ...(nt).. Này các Tỳ-khmi, nêu vị Sa-di-ni trong khi lâm chung nói như vây: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chiing", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu không phải là người chủ, vật dụng ây thuộc vê riêng hội chúng Tỳ-khiru-ni. Này các Tỳ-khưu, nêu vị Tỳ-khiru trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chiing", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khưu-ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu. Này các Tỳ-khưu? nếu vi Sadi,...(nt)...Này các Tỳ-khưu, nêu nam cư si, ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, nêu nữ cư si, Này các Tỳ-khiru, nếu người nào khác, trong khi lâm chung nói như vầy: "Sau khi tôi từ trần, vật dụng của tôi hãy thuộc về hội chiing", trong trường hợp này, hội chúng Tỳ-khiru-ni không phải là người chủ, vật dụng ấy thuộc về riêng hội chúng Tỳ-khưu. 45. Vào lúc bấy giờ, có phụ nữ nọ, trước đây là người xứ Mallā đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Cô Ni ấy, sau khi gặp vị Tỳ-khvru yếu đuối trên đường đã cho cái thúc bằng bả vai rồi tiếp tục đi. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Tại sao Tỳ-khưu-ni lại cho vi Tỳ-khxru cái thiic?" Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên cho vi Tỳ-khưu cái thúc; vị Ni nào cho thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni bước sang [một bên], nhường lôi đi khi nhìn thây vị Tỳ-khiru, ngay khi [vị áy] còn ở đàng xa. 46. Vào lúc bấy giờ, có người đàn bà nọ khi chồng đi vắng bị có thai với tình nhân. Cô ấy đã làm cho sẩy thai rồi đã nói với vi Tỳ-khưu-ni thường đi đến nhà điều này: Thưa Ni sư, xin hãy dùng bình bát mang đi cái bào thai này.

920 * TIÊU PHẨM

Khi ây, vị Tỵ-khxm-ni ây đã bỏ cái bào thai ây vào trong bình bát, che kín bằng y hai lớp roi ra đi. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu nọ đi khất thực đã lập dự tính rằng: “Khi chưa dâng phần vật thực ta sẽ thọ lãnh đầu tiên đến vị Tỳ- khưu hoặc Tỳ-khưu-ni thì ta sẽ không thọ thqc." Khi ấy5 vị Tỳ-khưu ấy đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni ấy và đã nói điều này: Này chi gái, hây nhận lãnh phân vật thực. Thưa ngài, thôi đi. Đen lần thứ nhi, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vị Tỳ-khưu-ni ấy điều này: Này chị gái, hãy nhận lãnh phân vật thực. Thưa ngài, thôi đi. Đen lần thứ ba, vị Tỳ-khưu ấy đã nói với vi Tỳ-khưu-ni ấy

điều này: Này chị gái, hãy nhận lãnh phần vật thực. Thưa ngài, thôi đi. Này chị gái, tôi đã lập dự tính răng: "Khi chưa dâng phân vật thực ta sẽ thọ lãnh đầu tiên đến vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-khiru-ni thì ta sẽ không thọ thực." Này chi gái, hãy nhận lãnh phần vật thực. Sau đó, vị Tỳ-khưu-ni ây trong lúc bị quây rây bởi vị Tỳ-khưu ây đã đưa bình bát ra cho xem: Thưa ngài, hãy nhìn cái bào thai trong bình bát nè. Và chớ có nói với bất cứ ai. Khi ấy, vị Tỳ-khưu ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: “Tại sao Tỳ-khưu- ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vay?" Sau đó, vị Tỳ-khưu ấy đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu. Các Tỳ-khưu nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm ton, có hoi hận, ưa thích sự học tập, các vị ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao Tỳ-khưu-ni lại dùng bình bát mang đi cái bào thai vay?” Các vi đã trình Sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khưu-ni không nên dùng bình bát mang đi bào thai; vị Ni nào mang đi thì phạm tội Dukkaịa. Này các Tỳ-khmi? Ta cho phép Tỳ- khiru-ni khi gặp vị Tỳ-khưu thì lấy bình bát ra và đưa cho xem. 47. Vào lúc bấy giờ, khi gặp vị Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư xoay tròn [bình bát] và cho xem phần dưới của bình bát. Các Tỳ-khưu phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao khi gặp vị Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư xoay tròn [bình bát] và cho xem phần dưới của bình bat?99 Sau đó5 các vị Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khmi, khi gặp vị Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni không nên xoay tròn [bình bát] và cho xem phần dưới của bình bát; vị nào cho xem thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, khi gặp vị Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khiru-ni lật ngửa bình bát rồi đưa cho xem. Và vật thực nào có trong bình bát, nên thỉnh mời vị Tỳ-khiru với vật ấy.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 921

48. Vào lúc bấy giờ, trên đường phố ở thành Sāvatthi, có vật biểu tượng nam tánh bị quăng bỏ. Các Tỳ-khiru-ni đã nhìn chăm chú vào vật ấy. Dân chúng đã la ầm lên. Các Tỳ-khưu-ni ấy đã bị xấu hổ. Sau đó, các Tỳ-khiru-ni ấy đã đi đến Ni viện và đã kể lại sự việc ấy cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni nào ít ham muốn, tự biết đủ, khiêm tốn, có hối hận, ưa thích sự học tập, các vị Ni ấy phàn nàn, phê phán, chê bai rang: "Vi sao các Tỳ-khiru-ni lại nhìn chăm chú vào vật biêu tượng nam tánh?” Sau d6, các Tỳ-khưu-ni ây đã kê lại sự việc ây cho các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khưu đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên nhìn chăm chú vào vật biểu tượng nam tánh; vị nào nhìn chăm chú thì phạm tội Dukkaịa. 49. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các Tỳ-khiru. Các Tỳ-khiru cho đến các Tỳ-khưu-ni. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các ngài Đại đức lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân, không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?” Các vị đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị nào cho thì phạm tội Dukkata. 50. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu có được vật thực dồi dào. Các vị đã trình Sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép dâng đến hội chúng. Còn dồi dào nhiều hơn trước nữa. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dâng luôn cả vật dành riêng cho cá nhân. Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các Tỳ-khưu được dồi dào. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khưu-ni thọ dụng vật tích trữ của

các Tỳ-khưu sau khi đã được các Tỳ-khiru trao cho. 51. Vào lúc bấy giờ, dân chúng thường dâng vật thực cho các Tỳ-khưu-ni. Các Tỳ-khưu-ni cho đên các Tỳ-khiru. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Vi sao các Tỳ-khưu-ni lại cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân? Không lẽ chúng tôi không biết cho vật thí hay sao?" Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khưu? các Tỳ-khưu-ni không nên cho những người khác vật thí dành để thọ dụng cho bản thân; vị Ni nào cho thì phạm tội Dukkata. 52. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru-ni có được vật thực dồi dào. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép dâng đến hội chúng. Còn dồi dào nhiều hơn trước nữa. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép dâng luôn cả vật dành riêng cho cá nhân.

922 TIÊU PHẨM

Vào lúc bấy giờ, vật thực được làm để tích trữ của các Tỳ-khưu-ni được dồi dào. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các Tỳ-khiru thọ dụng vật tích trữ của các Ty-khvru-ni sau khi đã được các Tỳ-khưu-ni trao cho. 53. Vào lúc bấy giờ, sàng tọa của các Tỳ-khưu thì dồi dào, của các Tỳ- khiru-ni thì không có. Các Tỳ-khưu-ni đã phái sứ giả đến gặp các Tỳ-khiru: Thưa các ngài, lành thay! Các ngài hãy cho chúng tôi [mượn] sàng tọa trong một thời gian. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho các Tỳ-khưu-ni [mượn] sàng tọa trong một thời gian. 54. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni có kinh nguyệt, ngồi và nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm. Chỗ nằm, ngồi bị lấm lem bởi máu. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu-ni không nên ngồi hoặc nằm trên giường được bọc nệm, trên ghế được bọc nệm; vị Ni nào ngồi hoặc nằm thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khxru, Tạ cho phép [sử dụng] y nội trợ. Y nội trợ bi lấm lem bởi máu. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kim gài và mảnh vải. Mảnh vải bi rơi xuống. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép khâu lại bằng chỉ và buộc ở đùi. Chỉ bị đứt. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 Ta cho phép [sử dụng] váy, băng vải buộc ở hông. 55. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư mang băng vải buộc ở hông vào mọi lúc. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên mang băng vải buộc ở hông vào mọi lúc; vi Ni nào mang thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] băng vải buộc ở hông đoi với vi Ni có kinh nguyệt. Tụng phẩm thứ nhì.

56. Vào lúc bấy giờ, các người nữ đã tu lên bậc trên được thấy là không có hiện tướng [người nữ], khiếm khuyết hiện tướng [người nữ], không có kinh nguyệt, bi băng huyết, thường xuyên mang vải lót, bị rong kinh, bi dị căn, người nữ vô căn, bi lại đực, tiêu tiểu chung một khiếu, người nữ lưỡng căn. Các vị đã trình sự việc áy lên đức The Ton.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI e 923

Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép vị đang cho tu lên bậc trên được hỏi về hai mươi bốn pháp chướng ngại. Và này các Tỳ-khưu, nên hỏi như vầy: "C6 không phải là người

không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bi băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bi rong kinh? Cô không phải là người bị di căn? Cô không phải là ngươi nữ vô căn? Cô không phải là người bị lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn? Cô có các bệnh như thế này không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do [không phải nô lệ]? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ, bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gi?" 57. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu hỏi các pháp chướng ngại của các Tỳ- khưu-ni. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép sự tu lên bậc trên ở hội chúng Tỳ-khưu đến người nữ đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni, [và] được trong sạch. 58. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni hỏi các pháp chướng ngại đến các cô có ý muốn tu lên bậc trên chưa được giảng dạy trước. Các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối rối, trở nên mắc cỡ, không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc ấy len đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy trước rồi hỏi các pháp chướng ngại sau. Các vị giảng dạy ngay tại chô ây, ở giữa hội chúng. Như thê ây5 các cô có ý muốn tu lên bậc trên bi bối rối, trở nên mắc cỡ, rồi không thể trả lời. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy ở một góc rồi hỏi các pháp chướng ngại ở giữa hội chúng. Và này các Tỳ-khưu, nên giảng dạy như vây: Trước tiên, nên bảo chọn vị thầy tế độ. Sau khi đã bảo chọn vi thầy tế độ rồi nên chỉ dẫn về y bát: "Đây là bình bát của cô, đây là y hai lớp, đây là thượng y, đây là y nội, đây là áo lót, đay là vải choàng tắm. Hãy đi đến đứng ở chỗ trổng đàng kia." Các vị Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm giảng dạy. Được ging dạy toi, các cô có ý muốn tu lên bậc trên bị bối roi, trở nên mắc cỡ, không the trả lời. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khtru, vi Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm, không nên giảng dạy; vị Ni nào giảng dạy thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép vị Tỳ-khiru-ni kinh nghiệm, có năng lực được giảng dạy.

Các vị Ni chưa được chỉ định vẫn giảng dạy. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, vi Ni chưa được chỉ định không nên giảng dạy; vị Ni nào giảng dạy thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép giảng dạy đối với vị Ni đã được chỉ định. Và này các Tỳ-khiru, nên chỉ định như vây: Tự mình chỉ đinh cho chính minh, hoặc người khác chỉ đinh cho người khác. Và thế nào là tự mình chỉ định cho chính mình? Hội chúng càn được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Co Ni tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ giảng dạy cho cô Ni tên [như vầy]." Như vậy là tự mình chỉ định cho chính mình. Và thế nào là người khác chỉ định cho người khác? Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khiru-ni kinh nghiệm, có nănệ lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng

nghe tôi. Cô Ni tên [như vay] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như v^]. Nếu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, vị Ni tên [như vầy] sẽ giảng dạy cho cô Ni tên [như vây]?5 Như vậy là người khác chỉ định cho người khác. Vị Tỳ-khưu-ni đã được chỉ định ấy nên đi đến gần cô có ý muốn tu lên bậc trên và nên nói như vầy: Này cô tên [như vây], hãy lăng nghe. Đôi với cô, bây giờ là thời diêm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đún^ thì nên n6i: "Bling"; nếu không đúng, nen nói: "Không dung.99 Chớ nên bối roi, chớ nên mắc cỡ. Các vị sẽ hỏi cô như vầy: "C6 không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người không có kinh nguyệt? Cô không phải là người bi băng huyết? Cô không phải là người thường xuyên mang vải lót? Cô không phải là người bi rong kinh? Cô không phải là người bị dị căn? Cô không phải là người nữ vô căn? Cô không phải là người bi lại đực? Cô không phải là người tiêu tiểu chung một khiếu? Cô không phải là người nữ lưỡng căn? Cô có bị các bệnh như thê này hay không: Bệnh cùi? Bệnh mụt nhọt? Bệnh chàm? Bệnh lao phổi? Bệnh động kinh? Cô là loài người? Cô là người nữ? Cô là người được tự do [không phải nô lệ]? Cô không bị thiếu nợ? Cô không phải là lính của vua? Cô đã được cho phép bởi cha mẹ5 bởi người chồng? Cô đã tròn hai mươi tuổi? Cô có đầy đủ y bát không? Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gi?" 59. Họ đi đến chung [cùng một lúc]. Không nên đi đến chung [cùng một lúc]. Vị Ni giảng dạy nên đi đến trước và thông báo cho hội chúng: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vay]. Tôi đã giảng dạy cho cô ấy. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, cô tên [như vầy] có thể đi đến." Và nên nói rằng: "C6 hãy đi đến."

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 925

Nên bảo [cô ấy] đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu- ni5 bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên: "Bạch chư Đại đức Ni, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức Ni, lần thứ nhì tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức Ni, lần thứ ba tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương x6t." Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khun-ni kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [lýiư vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi cô Ni tên [như vầy] về các pháp chướng ngại. Này cô tên [như vầy], hãy lắng nghe. Đối với cô, bây giờ là thời điểm của sự thật, là thời điểm của bản chất. Trong khi được hỏi ở giữa hội chúng, điều gì được đề cập đến, nếu điều ấy là đúng thì nên nói: 'Đúng9; nếu không đúng, nên nói: 'Không đúng5. Cô không phải là người không có hiện tướng [người nữ]? Cô không phải là người khiếm khuyết hiện tướng [người nữ]? ...(nt).. Cô tên gì? Ni sư tế độ tên gi?" Hội chúng nên được thông báo bởi vị Tỳ-khmi-ni kinh nghiệm, có năng lực: uBạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy] là người trong sạch về các pháp

chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vi Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô Ni tên [như vay] tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy] là người trong sạch về các pháp chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức Ni nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vi Ni nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhi. ...(iìt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vây], có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vây] là người trong sạch về các pháp chướng ngại. Cô này có đầy đủ y bát. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức Ni nào đòng ý sự tu lên bậc trên của cô

Ni tên [như vầy] với Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị Ni nào không đông ý có thê nói lên. Cô Ni tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị Đại đức Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Ngay sau khi hoàn tất việc ấy, nên đưa [cô Ni ấy] đi đến hội chúng Tỳ-khiru, nên bảo [cô ấy] đắp thượng y một bên vai, bảo đảnh lễ ở chân các Tỳ-khưu, bảo ngồi chồm hổm, bảo chắp tay lên và bảo thỉnh cầu sự tu lên bậc trên: “Bạch chư Đại đức, tôi tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Bạch chư Đại đức, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại đức, tôi tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đa được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Bạch chư Đại đức, lần thứ nhì, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương xót. Bạch chư Đại dức, tôi tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Tôi đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Bạch chư Đại đức, lần thứ ba, tôi thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy tế độ tôi vì lòng thương x6t." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy], có ý muốn tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy]. Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni tên [như vầy], thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Cô Ni này tên

[như vây] có ý muốn tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy]. Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. y Tôi xin thông báo sự việc này lân thứ nhi. ...(nt).. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ ba. Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni này tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô này đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như

Vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vây] với vi Ni tên [như vây] là Ni sư tê độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Cô Ni tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vây] là Ni sư tê độ. Sự việc được hội chúng đông ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” Ngay khi ấy, bóng nắng cần được đo đạc, việc xác đinh mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày [giờ] nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy, các Tỳ-khưu-ni nên được nói rang: Nên chỉ dạy cô Ni này ba điều nương nhờ4 và tám điều không nên làm.5 60. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi xác đinh chỗ ngồi trong nhà ăn đã bi quá giờ [thọ thực]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [chỗ ngồi] của tám Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên, [chỗ ngồi] của các vị còn lại tính theo thứ tự đi đến. 61. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni [nghĩ rằng]: "Dức Thế Tôn đã cho phép [chỗ ngồi] của tám Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên, [chỗ ngồi] của các vi còn lại tính theo thứ tự đi đến" nên ở khắp mọi nơi, chừa lại đúng tám chỗ cho các Tỳ-khưu-ni tính theo thâm niên, các chỗ còn lại thì theo thứ tự đi đến. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép trong nhà ăn [chỗ ngồi của] tám Tỳ-khưu- ni tính theo thâm niên và [chỗ ngồi] của các vi còn lại tính theo thứ tự đi đến, còn ở những nơi khác, không nên chừa lại theo thứ tự thâm niên; vi nào chừa lại thì phạm tội Dukkata. 62. Vào lúc bấy giờ5 các Tỳ-khưu-ni không hành lễ Pavāranā. Các vị đã r ĩ trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu5 Tỳ-khưu-ni không nên không hành lễ Pavāranā\ vị Ni nào không hành lễ Pavāranā nên được hành xử theo pháp.6 Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni sau khi hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni rồi không hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khưu. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. -Này các Tỳ-khxru, Tỳ-khưu-ni sau khi hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khưu-ni roi không nên không hành lễ Pavãranã nơi hội chúng Tỳ-khưu; vi Ni nào không hành lễ Pavāranā nên được hành xử theo pháp.

4 Tỳ-khưu-ni không được ngụ ở rừng nên không có điều nương vào chỗ trú ngụ là gốc cây, trong khi Tỳ-khưu có bốn điêu (ND). 5 Là tám điều Pārājika, trong khi Tỳ-khưu chỉ có bốn điều (ND). 6 Liên quan đến tám trọng pháp và tội Pãcỉttỉya 57 của Tỳ-khưu-ni

(ND).

928 TIỂU PHẨM

63. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi hành lễ Pavāranā chỉ một phía với các Tỳ-khưu đã tạo nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên hành lễ Pavāranā chỉ một phía với các Tỳ-khưu; vị Ni nào hành lễ Pavāranā [chỉ một phía] thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni trong khi hành lễ Pavāranā trước bữa thọ trai nên đã bị quá giờ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khxru, Ta cho phép Tỳ-khưu-ni hành lễ Pavāranā sau bữa thọ trai. Sau bữa thọ trai, các vi trong khi còn hành lễ Pavāranā đã bi trời tối. Các VỊ đã trình sự việc ay len đức The Ton. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khiru- ni ngày hôm nay và hành lễ Pavāranā nơi hội chúng Tỳ-khưu vào ngày kế. 64. Vào lúc bấy giờ, toàn bộ hội chúng Tỳ-khưu-ni trong lúc hành lễ Pavāranā đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ đinh một vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khưu- ni. Và này các Tỳ-khưu, nên được chỉ định như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khxru-ni nên được yêu cầu; sau khi yêu cầu, hội chúng càn được thông báo bởi vị Tỳ- khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực: "Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ đinh Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khmi-ni. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khiru vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khiru-ni. Đại đức Ni nào đồng ý việc chỉ đinh Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] để thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích cùa hội chúng Tỳ-khưu-ni xin im lặng; vị Ni nào không đông ý có thê nói lên. Tỳ-khưu-ni tên [như vây] đã được hội chúng chỉ định để thỉnh cau hội chúng Tỳ-khưu vì lợi ích của hội chúng Tỳ-khưu-ni. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vậy.^, Vị Tỳ-khưu-ni đã được chỉ đinh ấy nên đưa hội chúng Tỳ-khưu-ni đi đến gặp hội chúng Tỳ-khưu, nên đáp thượng y một bên vai, đảnh lê ở chân các Tỳ- khưu, ngồi chồm hổm, chắp tay lên và nên nói như vầy: "Bạch các ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni xin thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khmi do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đoi với hội chúng Tỳ-khưu-ni5 xin hội chúng Tỳ-khưu hãy nói lên; khi thấy [lỗi] rồi sẽ sửa đổi.

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯ-NI 929

Đen lần thứ nhì, bạch các ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni xin thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khiru do được thây, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đối với hội chúng Tỳ-khưu-ni, xin hội chúng Tỳ-khưu hãy nói lên; khi thấy [lỗi] rồi sẽ sửa đổi. Đen lần thứ ba, bạch các ngài, hội chúng Tỳ-khưu-ni xin thỉnh cầu hội chúng Tỳ-khiru do được thấy, hoặc do được nghe, hoặc vì nghi ngờ. Bạch các ngài, vì lòng thương xót đoi với hội chúng Tỳ-khưu- ni5 xin hội chúng Tỳ-khưu hãy nói lên; khi thấy [lỗi] rồi sẽ sửa d6i." 65. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni đình chỉ lễ Uposatha, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở

r trách, nhăc nhở đôi với các Tỳ-khưu. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên đình chỉ lễ Uposatha của Tỳ- khưu, dầu đã bi đình chỉ cũng như không bi đình chỉ; vị Ni đình chỉ phạm tội Dukkata. Không nên đình chỉ lễ Pavãranã, dầu đã bi đình chỉ cũng như không bị đình chỉ; vị Ni đình chỉ phạm tội Dukkata. Không nên làm công việc khuyên bảo, dầu đã được làm cũng như không được làm; vị Ni làm phạm tội Dukkata. Không nên khởi xướng việc cáo tội, dầu đã được khởi xướng cũng như không được khỏd xướng; vi Ni khởi xướng [việc cáo tội] phạm tội Dukkaịa. Không nên thỉnh ý [để buộc tội], dầu đã được thỉnh ý cũng như không được thỉnh ý; vi Ni thỉnh ý phạm tội Dukkata. Không nên quở trách, dầu đã được quở trách cũng như không được quở trách; vi Ni quở trách phạm tội Dukkata. Không nên nhác nhở, dâu đã được nhắc nhở cũng như không được nhắc nhở; vị Ni nhắc nhở phạm tội Dukkata. 66. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu đình chỉ lễ Uposatha, đình chỉ lễ Pavāranā, làm công việc khuyên bảo, khởi xướng việc cáo tội, thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhăc nhở đôi với các Tỳ-khưu-ni. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép Tỳ-khiru được đình chỉ lễ Uposatha của Tỳ-khưu-ni, khi đã đình chỉ thì đã đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được đình chỉ lễ Pavāranā. khi đã đình chỉ thì đã đình chỉ đúng đắn; vị đình chỉ vô tội. Được làm công việc khuyên bảo, khi đã làm thì đã làm đúng đắn; vị làm vô tội. Được khởi xướng việc cáo tội, khi đã khởi xướng thì đã khởi xướng đúng đắn; vị khởi xướng vô tội. Được thỉnh ý [để buộc tội], khi đã thỉnh ý thì đã thỉnh ý đúng đắn; vị thỉnh ý vô tội. Được quở trách, khi đã quở trách thì đã quở trách đúng đắn; vị quở trách vô tội. Được nhắc nhở, khi đã nhắc nhở thì đã nhắc nhở đúng đắn; vị nhắc nhở vô tội. 67. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni nhóm Lục Sư di chuyển bằng xe được kéo bởi các con bò cái với người nam đánh xe ngồi ở giữa, hoặc được kéo bởi các con bò đực với người nữ đánh xe ngồi ở giữa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như lễ hội ở vùng Gangã và Mahī vậy?" Các vi đã 1 — Ạ___ 4 _____ ____ Ạ rr^ _ - trình sự việc ây len đức The Ton.

Này các Tỳ-khxru, Tỳ-khưu-ni không nên di chuyển bằng xe; vị Ni nào di chuyển nên được hành xử theo pháp.7 Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khim-ni nọ bị bệnh, không thể bước đi bằng chân được. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] xe đối với vi Ni bi bệnh. Khi ấy, các Tỳ-khưu-ni đã khởi ý điều này: uyậy được kéo bởi con cái, hay được kéo bởi con dực?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] toa xe được kéo bởi con cái, được kéo bởi con đực, [và cho phép] xe kéo bang tay. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khxru-ni nọ đã bi khó chịu dữ dội vì xe bị dằn xóc. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] kiệu khiêng, ghế khiêng. 68. Vào lúc bấy giờ, cô kỹ nữAddhakâsĩ đã xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Cô ây có ý định đi đên Sāvatthi [nghĩ răng]: "Ta sẽ tu lên bậc trên trong sự chứng minh của đức Thế T6n." Những kẻ bất lương đã nghe rằng: "Nghe nói kỹ nữ Addhakāsī có ý đinh đi đến sāvatthi." Bọn họ đã bao vây các ngõ đường. Cô kỹ nữ Addhakāsī đã nghe rằng: "Nghe nói những kẻ bất lương đã bao vây các ngõ đường" nên đã phái sứ giả đến gặp đức Thế Tôn [thưa rằng]: "B&i vì con CÓ ước muôn tu lên bậc trên, con nên tiên hành như thê nào?" Khi ấy, đức

Thế Tôn nhân lý do ấy, nhân sự kiện ấy đã nói pháp thoại rồi bảo các Tỳ-khưu rằng: Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện. Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Tỳ-khưu. Các vị đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khun, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Tỳ-khưu; vị nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata, Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô Ni tu tập sự. ...(nt)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Sa-di. ...(nt)... Các vị cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là Sa-di-ni. ...(nt)... Các vi cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm. Này các Tỳ-khưu, không nên cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là cô Ni ngu dốt, thiếu kinh nghiệm; vi nào cho tu lên bậc trên thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép cho tu lên bậc trên thông qua người đại diện là vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực. Vi Tỳ-khưu-ni đại diện ấy nên đi đến hội chúng, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân các Tỳ-khiru, ngôi chôm hôm, chăp tay lên roi nên nói như vây:

7 Liên quan đến tội Pãcittiya 85 của Tỳ-khưu-ni (ND).

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯƯ-NI 931

“Bạch các ngài, cô Ni tên [như vây] có ý muôn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ- khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy te độ cô ấy vì lòng thương xót. Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu~ ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ nhì cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương xót. Bạch các ngài, cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với Đại đức Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu- ni và được trong sạch. Cô Ni không đi đến chính vì có sự chướng ngại. Bạch các ngài, lần thứ ba cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chủng sự tu lên bậc trên. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy tế độ cô ấy vì lòng thương x6t." Hội chúng cần được thông báo bởi vị Tỳ-khưu kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch chư Đại dức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiêm. Cô Ni tên [như vây] thỉnh câu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ây không đi đên chính vì có sự nguy hiểm. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý

sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vây] với vị Ni tên [như vây] là Ni sư tê độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Tôi xin thông báo sự việc này lần thứ nhì. ...(nt)... Tôi xin thông báo sự việc này lan thứ ba. Bạch chư Đại đức, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Cô Ni tên [như vầy] có ý muốn tu lên bậc trên với vi Ni tên [như vầy]. Cô ấy đã được tu lên bậc trên từ một phía ở hội chúng Tỳ-khưu-ni và được trong sạch. Cô ấy không đi đến chính vì có sự nguy hiểm. Cô Ni tên [như vầy] thỉnh cầu hội chúng sự tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Hội chúng cho cô Ni tên [như vầy] tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Đại đức nào đồng ý sự tu lên bậc trên của cô Ni tên [như vầy] với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên.

Cô Ni tên [như vầy] đã được hội chúng cho tu lên bậc trên với vị Ni tên [như vầy] là Ni sư tế độ. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Ngay khi ấy, bóng râm cần được đo đạc, việc xác định mùa tiết nên được chỉ dạy, việc phân chia ngày [giờ] nên được chỉ dạy, điều đã được kết tập lại nên được chỉ dạy. Các Tỳ-khưu-ni nên được nói rang: "Hãy chỉ dạy cô Ni này ba điều nương nhờ và tám điều không nên làm." 69. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni cư ngụ ở trong rừng. Những kẻ bất lương làm nhơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên cư ngụ ở trong rừng; vi Ni nào cư ngụ thì phạm tội Dukkata, r . y F

Vào lúc bây giờ, kho chứa đô đạc đã được nam cư sĩ nọ dâng đên hội chúng Ty-khưu-ni. Các vi đã trình sự việc áy len đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] kho chứa đồ đạc. Kho chứa đồ không đáp ứng [nhu cầu]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép [sử dụng] căn nhà. Căn nhà không đáp ứng [nhu cầu]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [xây dựng] công trình mới. Công trình mới không đáp ứng [nhu cầu]. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép xây dựng theo cá nhân. 70. Vào lúc bấy giờ, một người phụ nữ nọ có bào thai đã đậu, xuất gia nơi các Tỳ-khưu-ni. Khi cô ấy đã xuất gia, cái thai đã chào đời. Khi ấy, vi Tỳ-khưu- ni ây đã khởi ý điêu này: "Ta nên thực hành như thê nào liên quan đên đứa bé trai này?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép nuôi dưỡng cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết.8 Sau đó, vi Tỳ-khiru-ni ấy đã khởi ý điều này: “Ta không thể sống mỗi một mình, và Tỳ-khưu-ni khác không thể sống với đứa bé trai, vậy ta nên thực hành như thế nao?^ Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ đinh một Tỳ-khiru-ni và cho làm người cộng sự với Tỳ-khtru-ni kia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước tiên, vị Tỳ-khưu-ni cân được yêu câu; sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực:

8 Cho đến khi đứa bé trai ấy đạt được sự hiểu biết, nghĩa là cho đến khi đứa bé có thể nhai, ăn, tắm, và trang phục đúng cách cho bản thân (VìnA. VI. 1295).

x. CHƯƠNG TỲ-KHƯU-NI 933

"Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đây là lời đề nghị. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Hội chúng chỉ đinh Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đại đức Ni nào đồng ý sự chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vây] xin im lặng; vị Ni nào không đông ý có thê nói lên. Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay." Khi ấy, Tỳ-khưu-ni cộng sự ấy đã khởi ý điều này: "Ta nên thực hành như thế nào liên quan đến đứa bé trai này?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức The Ton. - Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thực hành liên quan đến đứa bé trai này tương tợ như là thực hành liên quan đến người đàn ông khác ngoại trừ việc ngụ chung nhà. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu-ni nọ bị phạm tội nặng và là vị đang thực hành hình phạt Mãnatta. Khi ấy, Tỳ-khưu-ni ấy đã khởi ý điều này: “Ta không thể sống mỗi một mình và vi Tỳ-khưu-ni khác không thể sống với ta, vậy ta nên thực hành như thế nào?,^ Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép chỉ định một Tỳ-khưu-ni và cho làm người cộng sự với Tỳ-khưu-ni kia. Và này các Tỳ-khưu, nên chỉ định như vầy: Trước tiên, vi Tỳ-khưu-ni cân được yêu câu; sau khi yêu câu, hội chúng cân được thông báo bởi vị Tỳ-khưu-ni kinh nghiệm, có năng lực: “Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vay] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Đây là lời đề nghi. Bạch chư Đại đức Ni, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vây] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vây]. Đại đức Ni nào đông ý việc chỉ định Tỳ-khưu-ni tên [như vây] là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vây] xin im lặng; vi Ni nào không đông ý có thê nói lên. Tỳ-khưu-ni tên [như vầy] đã được hội chúng chỉ định là người cộng sự với Tỳ-khưu-ni tên [như vầy]. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng. Tôi ghi nhận sự việc này là như vay.” 71. Vào lúc bây giờ, có vị Tỳ-khưu-ni nọ, sau khi xả bỏ sự học tập đã hoàn tục. Cô ấy đã quay trở lại và thỉnh cầu các Tỳ-khưu-ni sự tu lên bậc trên. Các vị đã trình sự việc ây len đức The Tôn. Này các Tỳ-khưu, không có việc xả bỏ sự học tập đối với Tỳ-khưu-ni; chính khi cô ấy hoàn tục thì chính khi ấy cô ấy không còn là Tỳ-khưu-ni nữa.

934 TIỂU PHẨM

Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khtru-ni nọ vẫn mang y ca-sa đã chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của ngoại đạo. Cô ây đã quay trở lại và thỉnh câu các Tỳ-khiru- ni sự tu lên bậc trên. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni nào mang y ca-sa chuyển sang [tu tập ở] lãnh vực của ngoại đạo, khi cô ấy quay trở lại thì không nên cho tu lên bậc trên nữa. 72. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru-ni trong khi ngần ngại không ưng thuận việc đảnh lễ, việc cạo t6c, việc cắt móng, việc băng bó vết thương bởi những người nam. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu,

Ta cho phép ưng thuận [những việc ây]. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni ngồi kiết-già. Các vị ưa thích sự xúc chạm của gót chân. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khiru, Tỳ-khiru-ni không nên ngôi kiêt-già; vi Ni nào ngôi thì phạm tội Dukkata. 73. Vào lúc bấy giờ, có vi Tỳ-khưu-ni nọ bi bệnh. Không xếp chân thế kiết- già, vị Ni ấy không được thoải mái. Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. -Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép thế bán già đối với Tỳ-khưu-ni. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru-ni đại tiện ở nhà vệ sinh. Các Tỳ-khxru-ni nhóm Lục Ji. r _ r Sư trục bỏ bào thai ngay tại chô ây. Các vi đã trình sự việc ây lên A nrA đức The Ton. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên thực hiện việc đại tiện ở trong nhà vệ sinh; vị Ni nào thực hiện thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khiru, Ta cho phép thực hiện việc đại tiện ở chô trông trải phân bên dưới và che kín phân bên trên. 74. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm với bột phấn thoa. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm với bột phấn thoa; vị Ni nào tắm thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] cám thô, đất sét. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm với đất sét có mùi thơm. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: "Giống như các người nữ tại gia hưởng dục vậy?" Các vi đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni không nên tắm với đất sét có mùi thơm; vị Ni nào tam thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép [sử dụng] đất sét loại bình thường. 75. Vào lúc bây giờ, các Tỳ-khiru-ni nhóm Lục Sư trong khi tăm ở nhà tăm hơi đã gây nên sự lộn xộn. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn.

- Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm ở nhà tắm hơi; vị Ni nào tắm thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu-ni tắm ở luồng nước chảy, ưa thích sự xúc chạm của dòng nước. Các vị đã trình sự việc ây lên đức Thê Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni không nên tắm ở luồng nước chảy; vị Ni nào tắm thì phạm tội Dukkata. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khiru-ni tắm ở chỗ không phải là bãi tắm. Những kẻ bất lương làm nhơ. Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu9 Tỳ-khtru-ni không nên tắm ở chỗ không phải là bãi tắm; vi Ni nào tắm thì phạm tội Dukkata. 76. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khtru-ni tắm ở bãi tắm dành cho người nam. Dân chúng phàn nàn, phê phán, chê bai răng: "Giông như các người nữ tại gia hưởng dục vay?" Các vị đã trình sự việc ấy lên đức Thế Tôn. Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khiru-ni không nên tắm ở bãi tắm dành cho người nam; vi Ni nào tăm thì phạm tội Dukkata. Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép tăm ở bãi tắm dành cho phụ nữ. Tụng phẩm thứ ba. Chương Tỳ-khưu-ni là thứ mười.

Trong chương này có một trăm lẻ sáu sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Bà Gotamĩ đã thỉnh cầu việc xuất gia, đức Như Lai đã không cho phép. Vị Lãnh Đạo đã rời Kapilavatthu đi đến Vesālī. 2. Với [thân hình] phủ đầy bụi, ở cổng ra vào, bà đã cho vị Ānanda biết, vị đã yêu cầu bằng cách thức: "C6 khả năng kh6ng?" “Là người mq" và "Là người nuôi duỡng." 3. Một trăm năm, và vào ngày hôm ây, [nơi] không có Tỳ-khtru, sự mong mỏi, lễ Pavāranā. các tội nghiêm trọng, hai năm, việc không được r . măng nhiêc. 4. Bị ngăn cấm và tám pháp, việc hành theo cho đến trọn đời, việc thọ nhận tám

trọng pháp, chính điều ấy là sự tu lên bậc trên đối với bà. 5. Một ngàn năm chỉ còn năm trăm, với các ví dụ về kẻ trộm, bệnh mốc trăng, bệnh rệp cây, các việc làm tôn hại Chánh pháp là tương tợ. 6 Với các ví dụ về người nên củng cố bờ đê, hơn nữa là sự tồn tại của Chánh pháp, được ban phép tu lên bậc trên, bà [chưa được tu lên bậc trên], việc đảnh lễ tính theo thâm niên.

7. Các [ngoại đạo] không thực hành, điều gì vậy, [được quy định] chung và không [được quy đinh] chung, việc giáo giới và Giới bổn (Pâtỉmokkhd), bởi vị nào, Ni viện. 8. Các vị Ni không biết và đã chỉ dạy, các vị Ni không làm, bởi các Tỳ- khưu, được ghi nhận tội bởi các Tỳ-khưu, việc ghi nhận tội bởi các Tỳ-khưu-ni. 9. Vi đã chỉ dẫn, hành sự, bởi các Tỳ-khưu, họ phàn nàn, hoặc bởi các Tỳ- khưu-ni9 được chỉ dạy, sự xung đột, sau khi bàn giao lại và vị uppalavannā. 10. ở thành Sāvatthi, nước bùn, không đảnh lễ5 [phô bày] thân, đùi và chỗ kín, việc trò chuyện, các vị giao lưu, các vị nhóm Lục Sư. 11. Không nên đảnh lễ, hình phạt, các vị Tỳ-khưu-ni cũng tương tợ và việc ngăn cấm, việc giáo giới, được phép không, vị đã ra đi. 12. Các vi ngu dốt, [không có] sự việc, sự phán xét, việc giáo giới, hội chúng, với năm vị Ni, hai vi Ni, ba vị Ni, không nhận lãnh, các vi ngu dốt, các vi bi bệnh và các vị xuất hành. 13. Các vi ở rừng, các vi không thông báo và các vị không đi đến, [dây thắt lưng] dài, [sợi] tre chẻ mỏng, da thú, vải dệt tết đuôi sam, thắt bím, vải cola tết đuôi sam và that bím, chỉ têt đuôi sam và thăt bím. 14. Khúc xương đùi, với xương hàm con bò, mu bàn tay, bàn chân là tương tợ, phần đùi, khuôn mặt, nướu răng, việc thoa dầu, chà xát và đánh phấn. r 9

15. Các vị đáp [ở mặt], việc tô màu ở cơ thê, việc tô màu ở mặt, hai việc là tương tợ, việc kẻ mí mắt, làm dấu ở trán, [nhìn] qua cửa sổ, [đứng] tựa cửa và với việc nhảy múa. 16. Gái điếm, quán bán rượu, tiệm bán thịt, cửa hiệu, lấy lãi, việc thương mãi, trong khi nuôi tôi trai, tớ gái, trai làm mướn, gái làm thuê. 17. [Nuôi] thú vật, [buôn bán] rau xanh, các vị tự mang mảnh da mài dao cạo, các y màu xanh đậm, màu vàng, màu đỏ [máu], màu tím, màu đen. 18. Màu đỏ tía, màu hồng, không được cắt và [đường viền] quá rộng, [có vẽ] bông hoa, trái cây, và áo choàng và các vị đã mặc vải dệt bằng sợi vỏ cây tirītaka. 19. Vê việc từ trân của Tỳ-khưu-ni, của vị Ni tu tập sự, của vị Sa-di-ni, vê các vật dụng được để lại, các Tỳ-khưu-ni là người chủ. 20. Của vị Tỳ-khưu, của vị Sa-di, của nam cư si, của nữ cư sĩ và của những người khác, về vật dụng được để lại, các Tỳ-khưu là người chủ. 21. Vị Ni người xứ Mallā, cái bào thai, phân dưới của bình bát, vật biêu A e e A

tượng [nam tánh], với vật thực và được dôi dào, nhiêu hơn trước nữa, vật thực được lam để tích trữ. 22. Đối với các vị Tỳ-khưu, phần tương tợ bên dưới, nên thực hiện như vậy đối với các Tỳ-khưu-ni, sàng tọa, các vị có kinh nguyệt, bị lấm lem, mảnh vải và kim gài.

23. Chúng bị đứt, vào mọi lúc, các vi Ni được thấy là không có hiện tướng [người nữ], v.v... và còn [khiếm khuyết] hiện tướng, không có kinh nguyệt nữa, t f tương tợ y như

thê là vi bị băng huyêt. 24. Thường xuyên mang vải lót, bi rong kinh, bị di căn, người nữ vô căn và bi lại đực, [tiêu tiêu] chung một khiêu và cả người nữ lưỡng căn. 25. Khởi đầu từ không có hiện tướng, sau khi đã thực hiện và cô nào là người nữ lưỡng căn, điều này là từ phần giản lược ở bên dưới, bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm. 26. Bệnh lao phổi, bệnh động kinh, cô là loài người, cô là người nữ và cô là người được tự do, không thiếu nợ? không là lính của vua, đã được cho phép và hai mươi [tuổi]. 27. Và đầy đủ [y bát], cô tên gì, Ni sư tế độ của cô tên gi, sau khi hỏi về hai mươi bốn pháp chướng ngại, là việc tu lên bậc trên. 28. Các cô bị bối rối, khi chưa được giảng dạy, và tương tợ y như thế ở giữa hội chúng, việc chọn vị thầy tế độ, y hai lớp, thượng y và y nội. 29. Áo lót và vải choàng tắm, sau khi được chỉ dạy, nên bảo đứng [ở chỗ kia], vị Ni ngu dốt, chưa được chỉ định, [đi đến] chung và nếu đã hỏi các pháp chướng ngại. 30. Co Ni đã được tu lên bậc trên ở một phía, ở hội chúng Tỳ-khưu như thế một lần nữa, bóng nắng, mùa tiết và [phân chia] ngày, việc kết tập, ba sự nương nhờ. 31. Tám điều không nên làm, [bị quá] giờ, ở mọi nơi, [đúng] tám chỗ, các Tỳ-khưu-ni không hành lễ Pavāranā và tương tợ y như thế nơi hội chúng Tỳ-khưu. 32. Sự lộn xộn9 trước bữa ăn và lúc tối trời, sự lộn xộn, [đình chỉ] lễ uposatha, lễ Pavāranā. việc khuyên bảo, việc cáo tội. 33. Thỉnh ý [để buộc tội], quở trách, nhắc nhở đã bi ngăn cấm bởi vi Đại Ẩn Sĩ, tương tợ y như thế Tỳ-khmi [đối với] Tỳ-khưu-ni được cho phép bởi vị Đại Ẩn Sĩ. 34. Xe, bị bệnh và được kéo, bị dẫn xóc bởi xe, chuyện Addhakāsī, vi Tỳ- khưu, vị Ni tu tập sự, vị Sa-di, vị Sa-di-ni và vi Ni ngu dốt. 35. ở trong rừng, bởi vi nam cư sĩ, kho chứa đồ, căn nhà, không đáp ứng [nhu cầu], công trình mới, có bào thai đã hình thành, mỗi một mình. 36. Và việc ngụ chung nhà, tội nặng, sau khi xả bỏ [sự học tập] và đã chuyển sang, việc đảnh lễ, [cạo] tóc và các móng, việc băng bó vết thương. 37. Với thế kiết-già và vị Ni bi bệnh, việc đại tiện, với bột tắm, được tẩm e > : c z hương, ở nhà tăm hoi, ở luông nước chảy, ở nơi không phải là bãi tăm và [tăm] với người nam.

38. Bà Mahāgotamī đã thỉnh cầu và cả vị Ānanda khôn khéo mà có được tứ chúng, việc xuất gia trong giáo pháp của đang Chiên Thăng. 39. Nhằm sự lợi ích của việc sanh khởi sự động tâm và sự phát triển của Chánh pháp, ví như thuốc men đối với người bị bệnh, lời đã được đức Phật thuyết giảng là như vậy. 40. Được hướng dẫn như thế về Chánh pháp, luôn cả các người nữ khác, các cô ấy cũng đạt đến vị thế bất tử, là nơi sau khi đi đến thì không sầu khổ. —ooOoo—

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRẨM VỊ

DUYÊN KHỞI CỦA VIỆC KẾT TẬP 1. Khi ấy, Đại đức Mahãkassapa đã bảo các Tỳ-khiru rằng: Này các Sư đệ, vào lúc ây ta đang thực hiện cuộc hành trình đường xa từ Pāvā đi Kusinārā cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vị Tỳ- khưu. Này các Sư đệ, khi ấy ta đã rời đường lộ rồi ngồi xuống ở gốc cây nọ. Vào lúc bấy giờ, có đạo sĩ lõa thể nọ? sau khi nhận được bông hoa Mandãrava ở Kusinārā, đang thực hiện cuộc hành trình đường xa đi Pāvā. Này các Sư đệ, ta đã nhìn thấy vị đạo sĩ lõa thể ấy đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thấy, ta đã nói với vị đạo sĩ lõa thể ấy điều này: "Này đạo hữu, đạo hữu có biết bậc Đạo sư của chúng tôi kh6ng?" "O đạo hữu, đúng vậy, tôi có biết.

Hôm nay, Sa-môn Gotama đã Vô dư Niêt-bàn được bảy ngày roi. Do đó, tôi mới có được bông hoa Mandârava này." 2. Này các Sư đệ, tại nơi ây những Tỳ-khiru nào chưa đoạn tận ái dục, một số các vị đưa tay lên khóc than. Như thân cây bị đốn gãy, các vị ngã xuống, lăn qua lăn lại [than rằng]: uĐức Thế Tôn Vô dư Niết-bàn qua sớm, đấng Thiện Thệ Vô dư Niết-bàn quá sớm, bậc Hữu Nhãn biến mất ở thế gian quá sớm." Còn những Tỳ-khưu nào có ái dục đã được đoạn tận, các vị ấy có niệm, có sự tỉnh giác thời chấp nhận: “Các pháp hữu vi là vô thường, bởi vì điều ấy có thể xảy ra ở dậy." Này các Sư đệ, khi ấy ta đã nói với các Tỳ-khưu điều này: "Này các Sư đệ, thôi đi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Này các Sư đệ, không phải điều ấy đã được đức Thế Tôn khuyến cáo là ngay với tất cả các vật thân yêu vừa ý đều có bản chất đa dạng, có bản chất không thật, có bản chất thay đổi? Này các Sư đệ, bởi vì điều ấy có thể xảy ra ở dây, nghĩa là vật gì được sanh lên, tồn tại, rồi bị biến đổi thuận theo pháp thế gian, [nếu nghĩ rằng]: 'Mong sao vật ấy : 9 chớ có bị hư hoại', sự kiện này không thê có dugc!" 3 Này các Sư đệ, vào lúc bấy giờ, có vị xuất gia lúc đã già tên Subhadda đang ngôi trong tập thê ây. Này các Sư đệ, khi ây vị xuât gia lúc đã già Subhadda đã nói với các Tỳ-khiru ấy điều này: "Này các vị, thôi đi! Chớ có buồn rầu, chớ có than vãn nữa. Chúng ta được hoàn toàn thoát khỏi vi Đại Sa-môn ấy rồi. Và chúng ta đã bi làm khó khăn rang: 'Điều này được phép cho các ngươi, điều

này không được phép cho các ngươi.9 Giờ đây, điêu gì chúng ta thích, chúng ta sẽ làm điều ấy, điều gì chúng ta không thích, chúng ta sẽ không làm điều ấy." Này các Sư đệ, vậy chúng ta hãy trùng tụng Pháp và Luật trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bi bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói vê Luật yêu đi. Thưa ngài, chính vì điêu ây xin vi Trưởng lão hãy tuyên chọn các Tỳ-khưu. Khi ấy, Đại đức Mahâkassapa đã tuyển chọn bốn trăm chín mươi chín vị A-la-hán. Các vị Tỳ-khưu đã nói với Đại đức Mahãkassapa điều này: Thưa ngài, vi Đại đức Ānanda này tuy còn là bậc Hữu học nhưng không thể nào bị chi phối bởi tham, bởi sân, bởi si mê, bởi sợ hãi. Và vi này thuộc lòng nhiều Pháp ya Luật từ đức Thế Tôn. Thưa ngài, chính vì điều ấy, xin vị Trưởng lão hãy tuyển chọn luôn cả Đại đức Ānanda. 4. Khi ấy, Đại đức Mahâkassapa đã tuyển chọn luôn cả Đại đức Ānanda. Sau đó, các vị Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: "Vậy chúng ta có thể trùng tụng Pháp và Luật ở nơi nào?” Khi ây9 các vị Tỳ-khxru trưởng lão đã khởi ý điều này: "Thành Rājagaha quả là có khu vực khất thực rộng lớn, có nhiều chỗ trú ngụ; hay là chúng ta nên trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, các Tỳ-khưu khác không được đi đến an cư mùa mưa ở thành Rājagaha?^, Sau đó, Đại đức Mahãkassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên chỉ định năm trăm vị Tỳ-khưu này đe trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha.99 Đây là lời đề nghị. Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Hội chúng chỉ định năm trăm vị Tỳ-khưu này để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư

mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha?9 Vị nào đông ý việc chỉ định năm trăm vị Tỳ-khưu này đê trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, "các Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha" xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Năm trăm vị Tỳ-khưu này đã được hội chúng chỉ định để trùng tụng Pháp và Luật trong khi an cư mùa mưa ở thành Rājagaha, ucác Tỳ-khưu khác không được an cư mùa mưa ở thành Rājagaha." Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. 5. Sau đó, các Tỳ-khuru trưởng lão đã đi đến thành Rājagaha để trùng tụng Pháp và Luật. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã bàn bạc điều này:

Này các Đại đức, việc sửa chữa chỗ bi hư hỏng đã được đức Thế Tôn khen ngợi. Này các Đại đức, vậy vào tháng thứ nhất, chúng ta hãy sửa chữa . . xe những nơi bị hư hỏng; vào tháng giữa, chúng ta sẽ tụ họp lại roi trùng tụng Pháp và Luật. Sau đó vào tháng thứ nhất, các Tỳ-khưu trưởng lão đã sửa chữa chỗ bi hư hỏng. Khi ấy, Đại đức Ānanda [nghĩ rằng]: "Ngày mai là đại hội, việc ta sẽ đi đến đại hội khi còn là bậc Hữu học thật là không thích đáng cho ta!" rồi đã trải qua gần trọn đêm với niệm trú ở thân, và trong đêm vào lúc hừng sáng [mới khởi ý rằng]: "Ta sẽ nằm xu6ng" rồi nghiêng thân hình. Và vào lúc đầu chưa chạm gối, hai chân vừa mới giở lên khỏi mặt đất, trong khoảng thời gian ấy, tâm đã được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không còn chấp thủ. Sau đỏ, Đại đức Ānanda đã đi đến đại hội, trong khi [đã] là vi A-la-hán. 6. Khi ây, Đại đức Mahâkassapa đã thông báo đên hội chúng răng: Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Đại đức upâli về Luật. Đại đức upãli cũng đã thông báo đến hội chúng rằng: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu là thời diêm thích hợp cho hội chúng, khi được Đại đức Mahâkassapa hỏi ve Luật, tôi sẽ trả lời. Khi ấy, Đại đức Mahâkassapa đã hỏi Đại đức upâli điều này: -Này Sư đệ upli, điều Pārājika thứ nhất đã được quy đinh ở đâu? Thưa ngài, ở Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến Sudinna, con trai của Kalanda. -về sự việc gì? -về việc [thực hiện việc] đôi lứa. Rồi Đại đức Mahâkassapa đã hỏi Đại đức upâli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi vê nhân sự, đã hỏi vê sự quy định, đã hỏi vê sự quy định thêm, đã hỏi vê sự phạm tội và đã hỏi vê sự không phạm tội của điêu Pārājika thứ nhất. 7. - Này Sư đệ Ưpâli, điều Pārājika thứ nhì đã được quy đinh ở đâu? Thưa ngài, ở Rājagaha. -Liên quan đến ai? Liên quan đến Dhaniya, con trai người thợ đồ gốm. -về sự việc gì? Vê việc lây vật không được cho. Rồi Đại đức Mahãkassapa đã hỏi Đại đức Upâli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi vê nhân sự, đã hỏi vê sự quy định, đã hỏi vê sự quy định

thêm, đã hỏi vê sự phạm tội và đã hỏi vê sự không phạm tội của điêu Pārājika thứ nhì. -Này Sư đệ upli, điều Pārājika thứ ba đã được quy định ở đâu? -Thưa ngài, ở Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến nhiều vi Tỳ-khiru. -về sự việc gì? về việc tước đoạt mạng người. Rồi Đại đức Mahākassapa đã hỏi Đại đức upâli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi về nhân sự, đã hỏi về sự quy đinh, đã hỏi về sự quy định thêm, đã

hỏi về sự phạm tội và đã hỏi về sự không phạm tội của điều Pārājika thứ ba. -Này Sư đệ upāli, điều Pārậiika thứ tư đã được quy đinh ở đâu? Thưa ngài, ở Vesālī. Liên quan đến ai? Liên quan đến các Tỳ-khiru ở bờ sông Vaggumudâ. về sự việc gì? -về pháp thượng nhân. Rồi Đại đức Mahâkassapa đã hỏi Đại đức upāli về câu chuyện, đã hỏi về nguyên do, đã hỏi vê nhân sự, đã hỏi vê sự quy định, đã hỏi vê sự quy định thêm, đã hỏi về sự phạm tội và đã hỏi về sự không phạm tội của điều Pārājika thứ tư. Bằng chính phương thức ấy, [Đại đức Mahākassapa] đã hỏi về phần Luật phân tích của cả hai phái [Tỳ-khiỉu và Tỳ-khưu-ni]. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Ưpâli đã trả lời. 8. Sau đó, Đại đức Mahãkassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Ānanda về Pháp. Khi ấy, Đại đức Ānanda đã thông báo đến hội chúng rằng: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được Đại đức Mahâkassapa hỏi vê Pháp, tôi sẽ trả lời. Rồi Đại đức Mahãkassapa đã hỏi Đại đức Ānanda điều này: -Này Sư đệ Ānanda, Kinh Brahmcỳâla (Phạm võng) đã được thuyết ở đâu? Thưa ngài, ở nhà nghỉ của vua tại Ambalatthikā, ở khoảng giữa Rājagaha và Nālanda. Liên quan đến ai? Đên du sĩ ngoại đạo Suppiya và thanh niên Brahmadatta.

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRÀM VỊ 943

Rồi Đại đức Mahãkassapa đã hỏi Đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của Kỉnh Brahmajāla. Này Sư đệ Ānanda, Kỉnh Sāmañ̃aphala (Sa-môn qua) đã được thuyết ở đâu? Thưa ngài, ở Rājagaha, nơi vườn xoài của Jīvaka. -Với ai? Với Ajātasattu con trai của Videhi. Rồi Đại đức Mahãkassapa đã hỏi Đại đức Ānanda về duyên khởi, đã hỏi về nhân sự của Kinh Sāmañ̃aphala. Bằng chính phương thức ấy, [Đại đức Mahãkassapa] đã hỏi về năm bộ kinh. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Ānanda đã trả lời. ***

GIẢNG VỀ CÁC ĐIỀU HỌC NHỎ NHẶT VÀ ÍT QUAN TRỌNG 9. Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với các Tỳ-khmi trưởng lão điều này: Thưa các ngài, vào thời điểm Vô dư Niết-bàn, đức Thế Tôn đã nói với tôi như vầy: "Này Ānanda, khi ta không cờn, hội chúng nếu muốn có thể bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. - Này Sư đệ Ānanda, vậy ngươi có hỏi đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều nào?" không? Thưa các ngài, tôi đã không hỏi đức Thế Tôn: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều no?" Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bốn điều Pārājika, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bốn điều Pārājika^ giữ lại mười ba điều Sañghādisesa, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bốn điều Pārājika, giữ lại mười ba điều Sañghādisesa^ giữ lại hai điều Ānīyata, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bốn điều Pārājika, giữ lại mười ba điều Sañghādisesa, giữ lại hai điều Ānīyata, giữ lại ba mươi điều Nissaggiya Pâcittỉya, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng.

944 TIÊU PHẨM

Một số Trưởng lão đã nói như vầy: Giữ lại bon điều Pārājika, giữ lại mười ba điều Sañghādisesa, giữ lại hai điều Ānīyata, giữ lại ba mươi điều Nissaggỉya Pãcittiya, giữ lại chín mươi hai điều Pãcỉttỉya, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. Một số Trưởng lão đã nói như vầy: -Giữ lại bốn điều Pārājika. giữ lại mười ba điều Sañghādisesa, giữ lại hai điều Ānīyata, giữ lại ba mươi điều Nissaggỉya Pãcittỉya, giữ lại chín mươi hai điều Pãcittỉya. giữ lại bốn điều Pātidesamya, các điều còn lại là các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng. 10. Khi ấy, Đại đức Mahâkassapa đã thông báo đến hội chúng rằng: Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: "Điều nàỵ là được phép đối với các Sa-môn Thích tử, điều này là không được phép.” Nêu chúng ta bỏ đi các điêu học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: "Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy định cho các đệ tử đến lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo sư của họ còn ton tại, khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo sư của họ đã Vô dư Niết-bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa.^, Nấu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng không nên quy định thêm điêu chưa được quy định, không nên bỏ đi điều đã được quy định, nên thọ trì và thực hành các điêu học theo như đã được quy định. Đây là lời đề nghị. Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Có các điều học của chúng ta có liên quan đến hàng tại gia và hàng tại gia cũng biết rằng: "Điều này là được phép đối với các Sa-môn Thích tử, điều này là không được phép.^, Nếu chúng ta bỏ đi các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng, sẽ có những người nói rằng: “Các điều học đã được Sa-môn Gotama quy đinh cho các đệ tử đen lúc người được hỏa táng. Khi nào bậc Đạo sư của họ còn tồn tại, khi ấy họ còn học tập các điều học. Bởi vì bậc Đạo sư của họ đã Vô dư Niết-bàn nên giờ đây họ không còn học tập các điều học nữa.^, Hội chúng không quy định thêm điều chưa được quy đinh, không bỏ đi điều đã được quy định, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy đinh. Đại đức nào đồng ý việc không quy định thêm điều chưa được quy định, không bỏ đi điều đã được quy đinh, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định xin im lặng; vi nào không đồng ý có thể nói lên. Hội chúng không quy định thêm điêu chưa được quy đinh, không bỏ đi điêu đã được quy đinh, thọ trì và thực hành các điều học theo như đã được quy định. Sự việc được hội chúng đồng ý nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vậy. 11. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Này Sư đệ Ānanda, đây là tội Dukkata cho ngươi về việc ngươi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, vậy các điều học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điều no?" Ngươi hãy trình báo tội Dukkata ấy.

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NAM TRÀM VỊ 945

Thưa các ngài, vì không lưu ý nên tôi đã không hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, vậy các điêu học nhỏ nhặt và ít quan trọng là các điêu nào?" Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội Dukkata ây. Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội DukkaỊa cho ngươi về việc ngươi đạp lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Ngươi hãy trình báo tội Dukkata ấy. Thưa các ngài, không phải vì không kính trọng mà tôi đã đạp lên y tắm mưa của đức Thế Tôn rồi may. Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình

báo tội Dukkata ấy. Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội Dukkata cho ngươi về việc ngươi cho phép phụ nữ đảnh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên; trong khi họ khóc lóc, nhục thân của đức Thế Tôn đã bi lấm lem bởi nước mắt. Ngươi hãy trình báo tội Dukkaịa ây. - Thưa các ngài, [nghĩ rằng]: "Những người nữ này không nên ở lại vào ban đêm^, nên tôi đã cho phép phụ nữ đảnh lễ nhục thân của đức Thế Tôn trước tiên. Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại dức, tôi xin trình báo tội Dukkata ấy. -Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội Dukkata cho ngươi về việc trong khi được ra dấu hiệu rõ ràng, trong khi được làm biểu hiện rõ rệt bởi đức Thế Tôn, ngươi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: "Xin đức Thế Tôn hãy tồn tại trọn kiêp, xin đang Thiện Thệ hãy tôn tại trọn kiêp vì sự lợi ích cho nhiêu người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân Ngươi hãy trình báo tội Dukkata ấy. Thưa các ngài, vì tâm đã bi Ma vương ám ảnh nên tôi đã không cầu khẩn đức Thế Tôn rằng: “Xin đức Thể Tôn hãy tồn tại trọn kiếp, xin đấng Thiện Thệ hãy tồn tại trọn kiếp vì sự lợi ích cho nhiều người, vì sự an lạc cho nhiều người, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tấn hoá, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của chư thiên và nhân loại.,, Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội Dukkata ấy. -Này Sư đệ Ānanda, đây cũng là tội Dukkata cho ngươi về việc ngươi đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bô. Ngươi hãy trình báo tội Dukkata ây. Thưa các ngài, [nghĩ rằng]: "Bà Mahāpajāpatī Gotamĩ này là dì ruột của đức Thế Tôn, là người chăm sóc, là người nuôi dưỡng, là người cho sữa, khi người mẹ ruột qua đời, bà đã cho đức Thế Tôn bú sữa” nên tôi đã nỗ lực cho sự xuất gia của phụ nữ trong Pháp và Luật đã được đức Như Lai công bố. Tôi không nhìn thấy tội Dukkata ấy, nhưng vì niềm tin đối với các Đại đức, tôi xin trình báo tội Dukkata ấy.

12. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Purāna đi du hành ở Dakkhināgiri1 cùng với đại chúng Tỳ-khưu có sô lượng năm trăm vị Tỳ-khưu. Khi ây, trong lúc Pháp và Luật đang được trùng tụng bởi các Tỳ-khưu trưởng lão, Đại đức Purāna sau khi trú ở Dakkhināgiri theo như ý thích, đã đi đến thành Rājagaha, Veḷuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc, chỗ các Tỳ-khiru trưởng lão; sau khi đến đã thân thiện chào hỏi các Tỳ-khưu trưởng lão roi ngôi xuông một bên. Khi Đại đức Purāna đã ngồi xuống một bên, các Tỳ-khưu trưởng lão đã nói với Đại đức Purāna điều này: Này Đại đức Purāna, Pháp và Luật đã được trùng tụng bởi các vi Trưởng lão. Ngươi hãy hành theo sự trùng tụng ấy. Này các Đại dức, Pháp và Luật đã được các vị Trưởng lão trùng tụng một cách tốt đẹp. Tuy nhiên, tôi chỉ ghi nhận chính những gì tôi đã được nghe từ miệng và đã được thọ lãnh từ miệng của đức Thế Tôn thôi. ***

GIẢNG VỀ HÌNH PHẠT PHẠM THIÊN 13. Sau đó, Đại đức Ānanda đã nói với các vi Tỳ-khưu trưởng lão điều này: Thưa các ngài, vào thời điểm Vo dư Niết-bàn, đức Thế Tôn đã nói với tôi như vầy: uNày Ānanda, chính vì điều ấy khi ta không còn, hội chúng hãy áp đặt hình phạt Phạm thiên2 đối với Tỳ-khưu Channa.,, Này Sư đệ Ānanda, vậy ngươi có hỏi đức Thế Tôn: “Bạch Ngài, vậy hình phạt Phạm thiên là như thế nào?95

không? Thưa các ngài, quả toi đã hỏi đức Thế Tôn rằng: "Bạch Ngài, vậy hình phạt Phạm thiên là như thế nào?99 "Này Ānanda, Tỳ-khưu Channa muốn điều gì thì có thể nói điều ấy, còn các Tỳ-khiru không được nói chuyện, không được nhắc nhở, không được chỉ dạy Tỳ-khưu Charma." Này Sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy, chính Sư đệ hãy áp đặt hình phạt Phạm thiên đối với Tỳ-khưu Channa. Thưa các ngài, làm thế nào tôi áp đặt hình phạt Phạm thiên đối với Tỳ- khưu Channa được? Vị Tỳ-khưu ấy dữ tợn và thô lỗ. -Này Sư đệ Ānanda, chính vì điều ấy, ngươi hãy đi cùng với nhiều vị Tỳ-khưu. Thưa các ngài, xin vâng.

1 Dakkhināgiri là tên của ngọn núi ở phía Nam thành Rājagaha và cũng có nghĩa Việt là ungọn núi ở phíaNam,, (ND). 2 Brahmadanda (hình phạt Phạm thiên): Từ này đã được dịch âm là Phạm đàn (ND).

XL CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRÀM VỊ 947

Rồi Đại đức Ānanda nghe theo các Tỳ-khiru trưởng lão, đã cùng với đại chúng Tỳ-khưu có số lượng năm trăm vi Tỳ-khưu đáp thuyền ngược dòng nước đi Kosambī. Sau khi rời thuyền, Đại đức Ānanda đã ngoi xuống ở gốc cây nọ, không xa vườn thượng uyển của đức Vua Udena. 14. Vào lúc bấy giờ, đức Vua Udena đi dạo quanh tại công viên cùng với đám hầu thiếp. Đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã nghe rằng: “Nghe nói Giáo thọ sư của chúng ta là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ, không xa công viên lắm." Khi ấy, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã tâu với đức Vua Udena điều này: -Tâu Chúa thượng, nghe nói Giáo thọ sư của chúng tôi là ngài Ānanda đang ngồi ở gốc cây nọ, không xa công viên lắm. Tâu Chúa thượng, chúng tôi muôn viêng thăm ngài Ananda. Chính vì điều ấy, các khanh hãy thăm viếng Sa-môn Ānanda. Sau đó? đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đên đã đảnh lê Đại đức Ananda roi ngôi xuông một bên. Khi đám hâu thiếp ấy đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã chỉ dạy? thức tỉnh, khuyến khích và tạo niêm phân khởi cho đám hâu thiêp của đức Vua Udena băng bài pháp thoại. Sau đó, khi đã được Đại đức Ānanda chỉ dạy, thức tỉnh, khuyến khích và tạo niềm phấn khởi bằng bài pháp thoại, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã dâng lên Đại đức Ānanda năm trăm thượng y. Sau đó, khi đã được hài lòng và hoan hỷ với lời dạy của Đại đức Ānanda, đám hầu thiếp của đức Vua Udena đã từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ Đại đức Ānanda, hướng vai phải nhiễu quanh rồi trở về lại đức Vua Udena. Đức Vua Udena đã nhìn thây đám hâu thiêp đang đi lại từ đàng xa, sau khi nhìn thây đã nói với đám hâu thiếp điêu này: - Thế các khanh có viếng thăm Sa-môn Ānanda không vậy? -Tâu Chúa thượng, chúng tôi đã viếng thăm ngài Ānanda. Thế các khanh đã dâng vật gì cho Sa-môn Ānanda vậy? -Tâu Chúa thượng, chúng tôi đã dâng cho ngài Ānanda năm trăm thượng y. Đức Vua Udena phàn nàn, phê phán, chê bai rằng: -Tại sao Sa-môn Ānanda lại thọ lãnh quá nhiều y như vậy? Không lẽ Sa- môn Ānanda sẽ làm nhà buôn vải hay bày ra gian hàng tơ lụa? 15. Sau đó, đức Vua Udena đã đi đên gặp Đại đức Ananda, sau khi đên đã bày tỏ sự thân thiện với Đại đức Ānanda, sau khi trao đổi lời xã giao thân thiện đã ngôi xuông một bên. Khi đã ngôi xuông một bên, đức Vua Udena đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa ngài Ānanda, có phải đám hầu thiếp của chúng tôi đã đến đây? -Tâu Đại vương,

đám hâu thiệp của ngài đã đên đây.

948 TIỂU PHẨM

-Vậy chớ họ đã dâng vật gì đến ngài Ānanda? -Tâu Đại vương, họ đã dâng đến tôi năm trăm thượng y. -Vậy chớ ngài Ananda sẽ làm gì với nhiêu y đên thê? Tâu Đại vương, các vị Tỳ-khưu nào có y bi tàn tạ, tôi sẽ chia sẻ với các vị ấy. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những y cũ và tàn tạ? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm khăn trải. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những khăn trải bị cũ đi? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm vải bọc nệm. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những vải bọc nệm bi cũ đi? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm thảm lót sàn. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những thảm lót sàn bi cũ đi? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm giẻ chùi chân. Thưa ngài Ānanda, vậy các vị sẽ làm gì với những giẻ chùi chân bị cũ đi? Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ dùng chúng làm giẻ lau bụi. Thưa ngài Ānanda, vậy các vi sẽ làm gì với những giẻ lau bụi bị cũ đi? -Tâu Đại vương, chúng tôi sẽ nghiền nhỏ chúng ra trộn với bùn đất rồi trét làm bục nền xung quanh. Khi ấy, đức Vua Udena [khởi ý rằng]: "Chính tất cả các Sa-môn Thích tử này xử sự hợp lý, không phung phí kiểu trưởng gi* rồi đã dâng lên Đại đức Ānanda năm trăm xấp vải khác nữa. Như vậy, đây là lần đầu tiên vật thí về y đã phát sanh đến Đại đức Ānanda một ngàn y. 16. Sau đó, Đại đức Ānanda đã đi đến tu viện Ghosita, sau khi đến đã ngồi xuống ở chỗ ngồi được sắp đặt sẵn. Khi ấy, Đại đức Channa đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Ānanda rồi ngồi xuống một bên. Khi Đại đức Channa đã ngồi xuống một bên, Đại đức Ānanda đã nói với Đại đức Channa điều này: Này Sư đệ Channa, hội chúng đã áp đặt hình phạt Phạm thiên đối với Sư đệ. Thưa Sư huynh Ānanda, vậy hình phạt Phạm thiên là như thế nào? Này Sư đệ Channa, điều gì Sư đệ muốn với các Tỳ-khưu thì Sư đệ có thể nói điêu ây. Còn các Tỳ-khưu chăng những không được nói chuyện, còn không được nhắc nhở, không được giảng dạy Sư đệ. Thưa Sư huynh Ānanda, như vậy không phải Sư đệ đã bị giết chết hay sao, bởi vì các Tỳ-khưu chẳng những không được nói chuyện, còn không được nhắc nhở, không được giảng dạy Sư đệ nữa? Rồi bi ngất xỉu, ngã xuống ngay tại chỗ ấy.

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRÀM VỊ 949

17. Sau đó, trong khi bi dằn vặt bởi hình phạt Phạm thiên, trong khi bị tủi hổ5 trong khi nhơm gớm, Đại đức Channa một mình đã tách riêng, rồi trong khi sông không bi xao lãng, có sự nô lực, có sự quyêt tâm nên chăng bao lâu sau, ngay trong kiếp hiện tại này, nhờ vào thắng trí của mình đã chứng ngộ, đạt đến và an trú vào mục đích tối thượng ấy của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quý rời nhà xuất gia một cách chân chánh, sống không nhà. Vị ấy đã biết rằng: "Sự tái sanh đã cạn kiệt, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn gì khác [phải làm] đối với bản thể [A-la-hán] này nūa." Và thêm một vị nữa là Đại đức Channa đã trở thành vị A-la-hán. Sau đó, khi đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán, Đại đức Channa đã đi đến gặp Đại đức Ānanda, sau khi đến đã nói với Đại đức Ānanda điều này: Thưa Sư huynh Ānanda, hôm nay xin hãy thu hồi hình phạt Phạm thiên cho đệ. Này Sư đệ

Channa, kể từ khi Sư đệ chứng ngộ phẩm vi A-la-hán, kể từ thời điểm ấy, hình phạt Phạm thiên của Sư đệ đã được thu hồi. Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện năm trăm vị Tỳ-khưu, không thiếu không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là "Liên quan năm trăm vị.,^ Chương “Lin quan năm trăm vịw là thứ mười một

Trong chương này gồm có hai mươi ba sự kiện. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Khi đấng Toàn Giác đã Vô dư Niết-bàn, vi Trưởng lão tên Kassapa, người bảo vệ Chánh pháp, đã bảo với nhóm Tỳ-khưu rằng: 2. Trong cuộc hành trình đường xa từ Pāvā, có điều đã được phát biểu bởi Subhadda. Chúng ta hãy trùng tụng Chánh pháp trước khi phi Pháp phát triển. 3 Năm trăm còn thiếu một và vi ấy đã chọn cả Ānanda, cuộc kết tập về Pháp và Luật, trong khi cư trú ở hang động tối thượng. 4. Vị ấy đã hỏi upāli về Luật, [đã hỏi] bậc Trí Ānanda về Kinh. Các vị đệ tử của đấng Chiến Thắng đã thực hiện việc kết tập Tam tạng. 5. Các điêu học nhỏ nhặt và ít quan trọng, nhiêu loại, sự thực hành theo như sự quy định, vi đã không hỏi, và đã đạp lên, đã cho đảnh lễ và đã không cầu khẩn, việc xuất gia cho người nữ, các tội Dukkata của tôi là vì niềm tin. 6. Vị Purāna và hình phạt Phạm thiên, các hầu thiếp cùng với đức Vua Udena, như vậy quá nhiều và bị tàn tạ, các khăn trải và vải bọc nệm.

7. Các thảm lót sàn, các giẻ chùi chân, lau bụi, ướn với bùn đất, vi đã phát sanh một ngàn y lân đâu có tên gọi là Ananda. 8. Bi sợ hãi bởi hình phạt Phạm thiên, vị đã đạt được bốn chân lý, các vị có năng lực là năm trăm, vì thế gọi là "năm trăm vj." —ooOoo—

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ

TỤNG PHẨM THỨ NHẤT 1. Vào lúc bấy giờ, khi đức Thế Tôn Vô dư Niết-bàn được một trăm năm, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc là “Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy đinh trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy đinh vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép."l 2. Vào lúc bấy giờ, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka trong khi du hành ở xứ Vajjī đã đến tru tại Vesālī. Tại nơi đó, ở Vesālī, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã trú tại Mahãvana, nơi giảng đường Kūtāgāra. Vào lúc bấy giờ, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī, vào ngày Uposatha, sau khi đổ đầy nước vào cái chậu đồng rồi đặt ở giữa hội chúng Tỳ-khưu và nói với các cư sĩ ở Vesālī đang đi qua lại như vầy: uNày các đạo hữu, hãy bố thí đến hội chúng một kahãpaụa. một nửa [kahāpanā], một pãda, một mãsaka. Hội chúng sẽ có việc phải làm về vật dqng." Khi được nói như vậy, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điêu này: "Này các đạo hữu, chớ có bô thí đen hội chúng một kahãpaụa. một nửa [kahāpana], mộtpãda. một mãsaka. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các

Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng b@c.” Trong khi được Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka nói như vậy, các cư sĩ ở Vesālī vẫn bố thí đến hội chúng một kahãpana. một nửa \kahāpand\. một pâda. một mãsaka. Sau đó, vào cuối đêm ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã xác định phần chia tùy theo số lượng Tỳ-khưu rồi đã phân chia số tiền vàng ấy.

1 Mười sự việc này có ý nghĩa như sau: Được phép cất giữ muối trong ống sừng, được phép ăn khi bóng mặt trời đã hai ngon tây, được phép đi vào làng roi ăn thêm lần nữa, được phép hành le Uposatha riêng rẽ, được phép hanh sự không đủ Tỳ-khưu, được phép thực hành theo tập quán, được phép uống sữa chua lúc quango, được phép uống nước trái cây lên men, được phép sử dụng vật lót ngồi khống có viền quanh, được phép tích trữ vàng bạc (ND).

3. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka điều này: Này Đại đức Yasa, phân chia tiên vàng này thuộc vê Đại đức. -Này các Đại đức, phần chia tiền vàng này không thuộc về tôi, tôi không thích thú tiền vàng. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī [bàn bạc rằng]: "Này các Đại dức, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka này quở trách, chê bai, làm giảm đức tin các cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự hòa giải đến vị ấy." Họ đã thực hiện hành sự hòa giải đến vi ấy. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã nói với các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī điều này: Này các Đại đức, đức Thế Tôn đã quy định rằng: sứ giả cùng đi nên được ban đến vị Tỳ-khưu thực hiện hành sự hòa gii" Này các Đại dức, hãy cho tôi vị Tỳ-khưu làm sứ giả cùng đi. Khi ấy, các Tỳ-khiru dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã chỉ định một vị Tỳ-khưu và cho làm sứ giả cùng đi với Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka. 4. Sau đó, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka cùng với vị Tỳ-khưu là sứ giả cùng đi đã vào thành Vesālī và đã nói với các cư sĩ ở Vesālī điều này: Nghe nói tôi quở trách, chê bai, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin đã mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là "phi Pháp", Pháp là “Pháp”, phi Luật là uphi Luạt5\ Luật là Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Sāvatthi, Jetavana, tu viện của ông Anāthapindika. Này các đạo hữu, ở nơi ấy, đức Thế Tôn đã bảo các Tỳ-khưu rằng: "Này các Tỳ-khưu, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Bôn vật ây là gì? Này các Tỳ-khưu, mây là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bi ô nhiễm bởi vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Này các Tỳ-khiru, sương mù là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. ...(nt).. Này các Tỳ-khưu, khói bụi là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời•...(nt)... Này các Tỳ-khưu, Rãhu chúa loài asurā [hiện tượng nguyệt và nhật thực] là vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Này các Tỳ-khưu, đây là bốn vật làm ô nhiễm đối với mặt trăng và mặt trời. Khi bị ô nhiễm bởi những vật làm ô nhiễm này, mặt trăng và mặt trời không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Này các Tỳ-khưu, tương tợ y như thế, đây là bốn điều làm ô

nhiễm đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói

lọi. Bốn điều ấy là gì? Này các Tỳ-khiru, có những Sa-môn và Bà-la-môn uống rượu, uống men say, không chừa bỏ việc uống rượu và men say. Này các Tỳ- khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ nhất đối với Sa-môn và Bà-la-môn. Khi bị ô nhiễm bởi điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la-môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi. Này các Tỳ-khiru, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thực hiện việc đôi lứa, không chừa bỏ việc đôi lứa. Này các Tỳ-khưu? đây là điều làm ô nhiễm thứ nhì đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn thích thú vàng bạc, không chừa bỏ việc thọ nhận vàng bạc. Này các Tỳ-khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ ba đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt). Này các Tỳ-khmi9 còn có điều khác nữa, có những Sa-môn và Bà-la-môn chấp nhận cuộc sống bằng sự nuôi mạng không chân chánh, không chừa bỏ sự nuôi mạng không chân chánh. Này các Tỳ-khưu, đây là điều làm ô nhiễm thứ tư đối với Sa-môn và Bà-la-môn. ...(nt). Này các Tỳ-khưu, đây là bốn điều làm ô nhiễm đối với Sa-môn và Bà-la- môn. Khi bị ô nhiễm bởi những điều làm ô nhiễm này, các Sa-môn và Bà-la- môn không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói ỉọiy Này các đạo hữu, đức The Ton đã noi điêu ay, đang Thiên Thê đã noi điêu ay, roi bậc Đạo sư còn nói thêm điều này nữa: "C6 những Sa-mon và Bà-la-môn bị ô nhiễm bởi ái dục và sân, là những người bị che áng bởi vô minh, có sự thỏa thích ở các hình dáng đáng yêu. Họ uông rượu, men say, theo đuôi việc đôi lứa, thích thú bạc và vàng, họ là những kẻ ngu si tăm tối. Có những Sa-mon và Bà-la-môn sống bằng tà mạng. Những sự ô nhiễm này đã được nói lên bởi đức Phật, là vi Thân Quyến Của Mặt Trời. Những Sa-mon và Bà-la-môn đã bị ô nhiễm bởi những ô nhiễm ấy thì không còn cháy sáng, không còn rực rỡ, không còn chói lọi, không trong sạch, có nhiễm bụi, như là loài thú. Bị bao phủ bởi bóng đêm, họ là những nô lệ của tham ái, là những kẻ bị [tham ái] dẫn di, họ làm tăng trưởng nghĩa địa kinh hoàng, họ bám lấy sự tái sanh lần nữa?9 CÓ lời nói như vây: Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là "phi Pháp9 Ph là "Pháp", phi Luậtìà phi Luạf \ Luật là "1." 5. Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, đức Thế Tôn ngự tại thành Rājagaha, VeỊuvana, nơi nuôi dưỡng các con sóc. Này các đạo hữu, vào lúc bấy giờ, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: "Vàng bạc được cho phép đối với các Sa-môn

Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc." Này các đạo hữu, vào lúc bấy giờ, vi thôn trưởng Manicūlaka đang ngôi trong nhóm người ây. Này các đạo hữu, khi ấy, vị thôn trưởng ManicũỊaka đã nói với nhóm người ấy điều này: "Quý vi chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã

xa lìa vàng bac.^ Này các đạo hữu, vị thôn trưởng Manicūlaka đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy. 6. Này các đạo hữu, sau đó, khi đã thuyết phục được nhóm người ấy, vị thôn trưởnẹ MaụicũỊaka đã đi đến gặp đức The Tôn, sau khi đến đã đảnh lễ đức Thế Tôn roi ngôi xuống một bên. Này các đạo hữu, khi đã ngôi xuông một bên, vi thôn trưởng ManicũỊaka đã nói với đức Thế Tôn điều này: "Bạch Ngài, ở đây, trong lúc các hầu cận của đức vua ngồi lại tụ họp với nhau ở nơi hậu cung, có câu chuyện qua lại này đã sanh khởi: 'Vàng bạc được cho phép đoi với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử thọ nhận vàng bạc.' Bạch Ngài, được nói như vậy, con đã nói với nhóm người ấy điều này: 'Quý vi chớ có nói như thế. Vàng bạc không được cho phép đoi với các Sa-môn Thích tử; các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc; các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc; các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc/ Bạch Ngài, con đã có thể thuyết phục được nhóm người ấy. Bạch Ngài, trong khi nói như thế, có phải con là người đã nói đúng lời của đức The Tôn và con không vu khống đức Thế Tôn một cách sai trái? Có phải con đã nói theo lý lẽ của giáo pháp? Và có phải người nào có lời nói hợp với giáo lý, đúng theo giáo pháp, không rơi vào vị thế bị chê trach?^ “Này thôn trưởng, đúng vậy. Trong khi nói như thế, ngươi là người đã nói đúng lời của Ta và ngươi không vu khống Ta một cách sai trái. Ngươi đã nói theo lý lẽ của giáo pháp và n^ười nào có lời nói hợp với giáo ly, đúng theo giáo pháp, không rơi vào vị the đáng bi chê trách. Này thôn trưởng, bởi vì vàng bạc không được cho phép đối với các Sa-môn Thích tử, các Sa-môn Thích tử không thích thú vàng bạc, các Sa-môn Thích tử không thọ nhận vàng bạc, các Sa-môn Thích tử đã từ bỏ ngọc ma-ni và vàng ròng, đã xa lìa vàng bạc. Này thôn trưởng, đối với kẻ nào vàng bạc là được phép thì đối với kẻ ấy năm phần dục lạc cũng là được phép. Này thôn trưởng, đoi với kẻ nào năm phan dục lạc là được phép thì ngươi có thể nắm chắc về điều này là 'không phải là pháp của Sa-môn, không phải là pháp của Thích tử.9 Này thôn trưởng và Ta còn nói như vầy: Người mong muốn cỏ thì tầm cầu cỏ, người mong muốn củi thì tầm cầu củi, nguời mong muốn xe cộ thì tầm cầu xe cộ9 người mong muốn đàn thì tầm cầu đàn ông. Này thôn trưởng, nhưng Ta không có nói rằng: 'Bằng bát cứ phương tiện gì, vàng bạc nên được thích thú, nên được tầm cầu."'

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ 955

CÓ lời nói như vầy: Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vị là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là 6'phi pháp”, Pháp là "Ph”;phi Luật là 6phi Luạf \ Luật là “” 7. Này các đạo hữu, vào một thuở nọ, ở ngay chính nơi ấy, tại thành Rājagaha, đức Thế Tôn đã từ chối vàng bạc và quy định điều học có liên quan đến Đại đức upananda dòng dõi Sakyā. Có lời nói như vầy: “Nghe nói tôi quở trách, chỉ trích, làm giảm đức tin, quý vi là những cư sĩ có niềm tin, mộ đạo [trong việc] tôi đây nói phi Pháp là "phi Pháp", Pháp là "Pháp”; phi Luật là "phi Luaf\Luật là “.” Khi được nói như thế, các cư sĩ ở Vesālī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka điều này: -Thưa ngài, chỉ có một mình ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka là Sa-môn Thích tử, chính tất cả các vị kia đều không phải là Sam6n, không phải là Thích tử. Thưa ngài, xin ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka hãy

ngụ tại Vesālī. Chúng tôi sẽ nỗ lực về vật dụng là y phục, đồ ăn khất thực, chỗ trú ngụ và thuốc men chữa bệnh đối với ngài Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka. Sau đó, khi đã khiến cho các cư sĩ ở Vesālī nhận thức được, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka với vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi đã trở về tu viện. 8. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã hỏi vị Tỳ-khưu sứ giả cùng đi rằng: Này Sư đệ, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã yêu cầu các cư sĩ ở Vesālī thứ lỗi chưa vậy? Chúng ta gặp điêu xúi quây với các cư sĩ roi. Chỉ một mình Yasa, con trai của Kākandaka được xem là Sa-môn Thích tử. Còn chính tất cả chúng ta đã bị xem không phải là Sa-môn, không phải là Thích tử. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī [đã bàn bạc rằng]: “Này các Đại dức, Yasa, con trai của Kākandaka này chưa được chúng ta chỉ định đã giảng giải cho hàng tại gia, vậy chúng ta hãy thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy.” Họ đã tụ họp lại với ý đinh thực hiện hành sự án treo đối với vị ấy. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã bay lên không trung và xuất hiện ở Kosambī. Sau đó, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã phái sứ giả đi đến gặp các Tỳ-khưu ở Pāvā, Avanti và khu vực phía Nam [nói răng]: "Xin các Đại đức hãy đên, chúng ta cân năm lây sự tranh tụng này trước khi điêu phi Pháp phát triên và Pháp bi bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triển và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói về phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói ve phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu di.” Vào lúc bây giờ, Đại đức Sambhūta Sānavāsī đang ngụ tại núi Ahogañga. Khi ấy, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã đi đến núi Ahogañga gặp Đại đức Sambhūta Sānavāsī, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sambhūta Sānavāsī rồi

ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã nói với Đại đức Sambhūta Sānavāsī điều này: Thưa ngài, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: "Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy định trong làng là được phép, quy định về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy định uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép.” Thưa ngài, vậy chúng ta sẽ nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bi bỏ quên, trước khi điêu phi Luật phát triên và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói vê phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu di, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi. Này Đại đức, đúng vậy. Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã trả lời Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka. 9. Sau đó? các Tỳ-khưu ở Pāvā có số lượng sáu mươi vị9 tất cả là những vị sống trong rừng, tất cả là những vị hành hạnh khất thực, tất cả là những vị mặc y [may băng] vải bi quăng bỏ, tát cả là những vị chỉ sử dụng ba y, chính tát cả các vi đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogañga. Các Tỳ-khưu ở Avanti và khu vực phía Nam có số lượng tám mươi tám vị, một số vị sống trong rưng, một số vị hành hạnh khất thực, một số vị mặc y [may bằng] vải bị quăng bỏ, một số vị chỉ sử dụng ba y, chính tất cả các vi đều là A-la-hán đã tụ hội ở núi Ahogañga. Khi ấy, trong lúc các Tỳ-khưu trưởng lão hội ý, điều này đã khởi lên: "Tranh

Sự này quả là khó khăn và tê nhị. Làm thê nào chúng ta có thê đạt được nhóm, nhờ thế trong sự tranh tụng này chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn?" Vào lúc bây giờ, Đại đức Revata ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiêu, kinh điên được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý rằng: "Chính vi Đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ vê Luật, rành rẽ vê các đâu đê, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nêu chúng ta sẽ đạt được Đại đức Revata chung nhóm, như thế trong sự tranh tụng này, chúng ta sẽ là lực lượng mạnh hơn." Trong khi các Tỳ-khưu trưởng lão đang hội ý, Đại đức Revata nhờ vào thiên nhĩ thông thanh tịnh vượt trội loài người đã nghe được, sau khi nghe được đã khởi ý điều này: "Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Điều không thích đáng cho ta là việc ta lại tránh né các sự tranh tụng như thế này. Và rồi đây, các vị Tỳ-khưu ấy sẽ đi đến, bi lấn cấn bởi các vị ấy, ta đây sẽ đi không thoải mái. Hay là ta nên đi trước?^, Khi ấy, Đại đức Revata từ Soreyya đã đi đến Sañkassa.

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRÀM VỊ 957

10. Sau đó, các vi Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Soreyya hỏi rằng: "Đại đức Revata ở đâu?,, Các người ấy đã nói như vầy: "Vị Đại đức Revata ấy đã đi Sañkassa r6i." Rồi Đại đức Revata từ Sañkassa đã đi Kannakiyja. Sau đó, các Tỳ-khiru trưởng lão đã đi đến Sañkassa hỏi rằng: uĐại đức Revata ở dâu?' Các người ấy đã nói như vầy: Đại đức Revata ấy đã đi Kannakujja roi/9 Rồi Đại đức Revata từ Kannakujja đã đi Udumbara. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Kannakujja hỏi rằng: "Bại đức Revata ở dan?95 Các người ấy đã nói như vầy: uVị Đại đức Revata ấy đã đi Ưdumbara Rồi Đại đức Revata từ Udumbara đã đi thành phố AggaỊa. Sau đó9 các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến Udumbara hỏi rằng: "Đại đức Revata ở dâu?" Các người ấy đã nói như vầy: "Vi Đại đức Revata ấy đã đi thành phố AggaỊa roi?9 Rồi Đại đức Revata từ thành phố AggaỊa đã đi Sahajāti. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão đã đi đến thành phố AggaỊa hỏi rằng: "Đại đức Revata ở dây?" Các người ấy đã nói như vầy: Đại đức Revata ấy đã đi Sahajāti rồi.,, Rồi các Tỳ-khưu trưởng lão đã gặp được Đại đức Revata ở Sahajāti. 11. Khi ấy, Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã nói với Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka điều này: Này Sư đệ, Đại đức Revata này là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu đề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta hỏi Đại đức Revata câu hỏi, Đại đức Revata có khả năng trình bày trọn đêm chỉ với một câu hỏi ấy. Và giờ đây, Đại đức Revata sẽ gọi vị Tỳ-khưu đệ tử chuyên đọc tụng vê âm từ. Khi châm dứt phân đọc tụng vê âm từ của vi Tỳ- khưu ây, chính Sư đệ nên đi đên gặp Đại đức Revata và hỏi vê mười sự việc ây. Thưa ngài, xin vâng. Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã trả lời Đại đức Sambhūta Sānavāsī. Khi ấy, Đại đức Revata đã gọi vị Tỳ-khưu đệ tử chuyên đọc tụng về âm từ. Vào lúc chấm dứt phần đọc tụng về âm từ của vị Tỳ-khưu ấy, khi ấy Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Revata rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Yasa? con trai của Kākandaka đã nói với Đại đức Revata điều này: 12. (i) Thưa

ngài, quy đinh cất giữ muối trong ống sừng là được phép? —Này Sư đệ, quy định cat giữ muôi trong ông sừng ây là gì? Thưa ngài, là mang theo muôi băng ông sừng [nghĩ răng]: “Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp [thức ăn] thiếu muốr\ có được phép không? —Này Sư đệ, không được phép. (ii) - Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép? -Này Sư đệ, quy định hai ngón tay ấy là gì?

Thưa ngài, là thọ dụng vật thực sái giờ khi bóng nắng mặt trời [chiếu ở trên đất] đã quá hai ngón tay, có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. (iii) Thưa ngài, quy định trong làng là được phép? Này Sư đệ, quy định trong làng ấy là gì? Thưa ngài, là vi đã ăn xong, đã ngăn vật thực [nghĩ rằng]: “Bây giờ, ta sẽ đi vào trong làng” rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không? Này Sư đệ5 không được phép. (iv) Thưa ngài, quy định về chỗ trú ngụ là được phép? Này Sư đệ, quy định về chỗ tru ngụ ấy là gì? Thưa ngài, là nhiều trú xứ có chung ranh giới thực hiện lễ Uposatha riêng biệt, có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. (v) Thưa ngài, quy đinh về sự thỏa thuận là được phép? Này Sư đệ, quy định về sự thỏa thuận ấy là gì? Thưa ngài, là thực hiện hành sự với hội chúng không đủ số lượng [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ thuyết phục các Tỳ-khmi đi đến", có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. (vi) Thưa ngài, quy định theo tập quán là được phép? Này Sư đệ, quy đinh theo tập quán ây là gì? Thưa ngài là [vị nghĩ rằng]: "Biều này đã được thực hành bởi thầy tế độ của ta, điều này đã được thực hành bởi thầy giáo thọ của ta" rồi thực hành theo, có được phép không? Này Sư đệ, quy định theo tập quán có điêu được phép, có điêu không được phép. (vii) -Thưa ngài, quy đinh chưa được khuấy là được phép? _ Này Sư đệ, quy đinh chưa được khuấy ấy là gì? Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhưng chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. (viii) Thưa ngài, quy đinh uống nước trái cây lên men là được phép? Này Sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì? Thưa ngài, là loại rượu vừa mới lên men nhimg chưa đạt đến trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không? Này Sư đệ, không được phép.

(ix) Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép? Này Sư đệ, không được phép. (x) Thưa ngài, vàng bạc là được phép? Này Sư đệ? không được phép. Thưa ngài, các Tỳ-khiru dòng dõi Vajji ấy ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc này. Thưa ngài, chúng ta hãy nắm lấy sự tranh tụng này trước khi điều phi Pháp phát triển và Pháp bị bỏ quên, trước khi điều phi Luật phát triên và Luật bị bỏ quên, trước khi những kẻ nói vê phi Pháp trở nên mạnh và những người nói về Pháp yếu đi, trước khi những kẻ nói về phi Luật trở nên mạnh và những người nói về Luật yếu đi. Này Sư đệ? đúng vậy. Đại đức Revata đã trả lời Đại đức Yasa, con trai của Kākandaka. Dứt tụng phẩm thứ nhất

TỤNG PHẨM THỨ NHÌ 13. Các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã nghe rằng: "Nghe nói Yasa, con trai của Kākandaka có ý đinh năm lây sự tranh tụng này nên tầm cầu phe nhóm và nghe nói đã đạt được phe nh6m." Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: "Tranh sự này quả là khó khăn và tế nhị. Người nào mà chúng ta có thể đạt được chung nhóm, nhờ thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn?" Rồi các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã khởi ý điều này: "Chính vị Đại đức Revata này ngụ tại Soreyya là vị nghe nhiều, kinh điển được truyền thừa, rành rẽ về Pháp, rành rẽ về Luật, rành rẽ về các đầu dề, là bậc sáng trí, kinh nghiệm, thông minh, khiêm nhường, có hối hận, ưa thích sự học tập. Nếu chúng ta có thể đạt được Đại đức Revata chung nhóm, như thế chúng ta trong sự tranh tụng này sẽ là lực lượng mạnh hơn." Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã chuẩn bị nhiều vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lược nước, và đồ lọc nước thông thường. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã mang theo vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy, đáp thuyền ngược dòng đi Sahajāti. Sau khi rời thuyền, họ thực hiện việc chia phần thức ăn ở gốc cây nọ. 14. Khi ây, Đại đức SãỊha trong lúc thiên tịnh ở nơi thanh văng đã có tư tưởng suy tầm khởi lên như vầy: "Những ai là người nói đúng Pháp, các Tỳ- khiru ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khưu ở Pava?95 Sau đó, Đại đức Sālha trong khi quán xét về Pháp và Luật đã khởi ý điều này: uCác Tỳ-khưu ở về

hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vi nói đúng Pháp." Khi ấy, có vị trời nọ ở cõi Tinh Cư, dùng tâm biết được tư tưởng suy tầm của Đại đức Sālha, ròi giống như người đàn ông có sức mạnh, có thể duỗi ra cánh tay đã được co lại, hoặc có thể co lại cánh tay đã được duỗi ra, tương tợ y như thế, vi ấy đã biến mất giữa chư thiên ở cõi Tịnh Cư và hiện ra trước mặt Đại đức SâỊha. Khi ấy, vi trời ấy đã nói với Đại đức SãỊha điều này: Thưa ngài Sãịha, đúng vậy. Các Tỳ-khưu ở ve hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vị nói đúng Pháp. Thưa ngài SãỊha, chính vì điều ấy, ngài hãy duy trì theo đúng Pháp. Này vi trời, ngay cả trước đây và bây giờ, ta luôn duy trì theo đúng Pháp; nhưng ta không bộc lộ quan điểm cho đen khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ đinh ta trong sự tranh tụng này. 15. Sau đó, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī, sau khi cầm lấy số vật dụng cần thiết cho Sa-môn ấy đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã nói với Đại đức Revata điều này: Thưa ngài, xin Trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngôi, ông đựng kim, dây that lưng, đô lược nước và đô lọc nước thông thường. Này các Đại đức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không muốn thọ nhận. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu được hai mươi năm tên Uttara, là thi giả của Đại đức Revata. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī đã đi đến gặp Đại đức Uttara, sau khi đến đã nói với Đại đức Uttara điều này: Xin Đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đồ lược nước và đồ lọc nước thông thường. Này các Đại dức, thôi đi. Ta đã đầy đủ ba y. Và đã không muốn thọ nhận. Này Đại đức Uttara, dân chúng thường dâng vật dụng cần thiết cho Sa- mon đen đức The Ton. Nêu đức The Ton thọ nhạn, chính vì điêu ay, họ trở nên hoan hỷ. Nếu đức Thế

Tôn không thọ nhận, họ dâng đến Đại đức Ānanda: "Thua ngài, xin Trưởng lão hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-môn là bình bát, y phục, vật lót ngồi, ống đựng kim, dây thắt lưng, đo lọc nước và bình đựng nước. Như thế sẽ xem như vật ấy đã được đức Thế Tôn thọ lãnh?5 Xin Đại đức Uttara hãy nhận lấy vật dụng cần thiết cho Sa-mon; như thế sẽ xem như vật ấy đã được ngài Trưởng lão thọ lãnh. 16. Khi ấy, Đại đức Uttara bị ép buộc bởi các Tỳ-khưu dòng dõi Vajji ở Vesālī đã nhận lay một y [nói rang]: Này các Đại đức, hãy nói lý do về việc này. -Xin Đại đức Uttara hãy nói với ngài Trưởng lão chỉ có một điều này: "Thua ngài, xin ngài Trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này:

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRẢM VỊ 961

Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng Đông. Các Tỳ-khưu ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các Tỳ-khun ở Pāvā là các vị nói phi PháG • Này các Đại dức, được rồi. Rồi Đại đức Uttara nghe theo các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī ở Vesālī, đã đi đến gặp Đại đức Revata, sau khi đến đã nói với Đại đức Revata điều này: —Thưa ngài, xin ngài Trưởng lão hãy nói giữa hội chúng chỉ có một điều này: "Chư Phật Thế Tôn đều sanh lên trong các xứ sở ở hướng Đông. Các Tỳ- khưu ở về hướng Đông là các vị nói đúng Pháp, còn các Tỳ-khiru ở Pāvā là các vị nói phi Pháp?9 Này Tỳ-khưu, ngươi đã xúi giục ta trong việc phi Pháp. Vị Trưởng lão đã đuổi Đại đức Uttara đi. Khi ấy, các Tỳ-khưu dòng dối Vajji ở Vesālī đã nói với Đại đức Uttara điều này: Này Đại đức Uttara, ngài Trưởng lão đã nói gì? Này các Đại dức, chúng ta đã làm điều tầm bậy. Ngài Trưởng lão đã đuổi tôi đi [nói rằng]: "Này Tỳ-khưu, ngươi đã xúi giục ta trong việc phi Pháp.” Này Đại đức Uttara, không phải Đại đức đã thâm niên hai mươi năm rồi hay sao? Này các Đại đức, đúng vậy. Tuy nhiên, chúng tôi còn giữ sự nương nhờ với vị thầy. 17. Sau đó, hội chúng có ý muôn phân xử sự tranh tụng ây, đã tụ hội lại. Khi ấy, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi. Nêu chúng ta giải quyêt sự tranh tụng này ở nơi đây, các Tỳ-khưu là những vị khởi sự có thể nêu lại vấn đề một lần nữa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này ở ngay tại nơi mà sự tranh tụng này đã sanh khởi. Sau đó, các Tỳ-khưu trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến Vesālī. 18. Vào lúc bấy giờ, vị Trưởng lão của hội chúng trên trái đất có tên Sabbakāmī đã tu lên bậc trên được một trăm hai mươi năm5 là đệ tử của Đại đức Ānanda, đang trú ở Vesālī. Khi ấy, Đại đức Revata đã nói với Đại đức Sambhūta Sānavāsī điêu này: -Này Sư đệ, tôi sẽ đi đến trú xá nơi Trưởng lão Sabbakāmī đang trú ngụ; Sư đệ đây nên đi đến gặp Đại đức Sabbakāmī vào đúng lúc để hỏi về mười sự việc ấy. Thưa ngài, xin vâng. Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã đáp lại Đại đức Revata. Sau đó, Đại đức Revata đã đi đến trú xá nơi Trưởng lão Sabbakāmī đang tru ngụ.

962 » TIẾU PHẨM _____

Chỗ nằm, ngồi của Đại đức Sabbakãmĩ là được xếp đặt ở phòng trong, còn của Đại đức Revata ở mặt tiền của phòng trong. Khi ấy, Đại đức Revata [nghĩ răng]: uVị Trưởng lão cao niên này không năm^, nên không năm xuông. Đại đức Sabbakāmī [nghĩ rằng]: Tỳ-khiru vãng lai này đang mệt vẫn không nằm,, roi đã không năm xuông. Sau đó,

trong đêm vào lúc hừng sáng, Đại đức Sabbakāmī sau khi đứng dậy đã nói với Đại đức Revata điêu này: Này Sư đệ mến, hiện nay ngươi thường xuyên an trú với sự an tru nào? Thưa ngài, hiện nay tôi thường xuyên an tru với sự an trú tâm từ. Này Sư đệ mến, nghe nói hiện nay ngươi thường xuyên an trú với sự an trú còn nông cạn. Này Sư đệ mên, sự an trú còn nông cạn ây tức là tâm từ. Thưa ngài, trước đây khi tôi còn là người tại gia, tâm từ đã được thực hành. Vì thế, hiện nay tôi thường xuyên an trú với sự an tru tâm từ, hơn nữa tôi đã chứng đạt phẩm vị A-la-hán lâu nay. Thưa ngài, hiện nay ngài Trưởng lão thường xuyên an trú với sự an tru nào? Này Sư đệ mến, hiện nay ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không. -Thưa ngài, nghe nói hiện nay ngài Trưởng lão thường xuyên an trú với sự an trú của bậc Đại nhân. Thưa ngài, sự an trú của bậc Đại nhân ấy tức là trạng thái không. Này Sư đệ mên, trước đây, khi ta còn là người tại gia, trạng thái không đã được thực hành. Vì thế, ngay cả bây giờ, ta thường xuyên an trú với sự an trú trạng thái không, hơn nữa ta đã chứng đạt phẩm vi A-la-hán lâu nay. Lúc bây giờ, cuộc nói chuyện trao đôi này của hai vị Tỳ-khưu trưởng lão là chưa chấm dứt. 19. Rồi Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã ngự đến nơi ấy. Khi ấy, Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã đi đến gặp Đại đức Sabbakāmī, sau khi đến đã đảnh lễ Đại đức Sabbakāmī rồi ngồi xuống một bên. Khi đã ngồi xuống một bên, Đại đức Sambhūta Sānavāsī đã nói với Đại đức Sabbakāmī điều này: Thưa ngài, các Tỳ-khưu dòng dõi Vajjī này ở Vesālī truyền bá trong thành Vesālī mười sự việc: "Quy định cất giữ muối trong ống sừng là được phép, quy định hai ngón tay là được phép, quy đinh trong làng là được phép, quy đinh về chỗ trú ngụ là được phép, quy định về sự thỏa thuận là được phép, quy định theo tập quán là được phép, quy định chưa được khuấy là được phép, quy đinh uống nước trái cây lên men là được phép, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép, vàng bạc là được phép?9 Thưa ngài, ngài Trưởng lão đã học tập được nhiều Pháp và Luật ở chân của thầy tế độ; thưa ngài, khi ngài Trưởng lão quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào? Những ai là người nói đúng Pháp, các Tỳ-khtru ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khiru ở Pāvā?

XIL CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRÀM VỊ 963

của tế độ; này Sư đệ, khi ngươi quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý thế nào mg ai là người nói đúng Pháp, là các Tỳ-khini ở về hướng Đông hay là các Tỳ-khưu ở Pāvā? Thưa ngài, khi tôi quán xét về Pháp và Luật thì khởi ý như vầy: "Các Tỳ- khưu ở về hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khxru ở Pāvā là các vi nói đúng Pháp"; tuy nhiên, tôi không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định tôi trong sự tranh tụng này. Này đệ, ngay cả ta khi quán xét vê Pháp và Luật cũng khởi ý như vây: “Các Tỳ-khưu ở ve hướng Đông là các vị nói phi Pháp, các Tỳ-khưu ở Pāvā là các vi nói đúng Pháp”; tuy nhiên, ta không bộc lộ quan điểm cho đến khi ấy, có lẽ [hội chúng] sẽ chỉ định ta trong sự tranh tụng này. 20. Sau đó, hội chúng có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã tụ hội lại. Trong khi sự tranh tụng ấy đang được phân xử, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên, và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Khi ấy, Đại đức Revata đã thông báo đên hội chúng rằng: Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bo được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý

nghĩa. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nên giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng đã chọn bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā: Đại đức Sabbakāmī, Đại đức SâỊha, Đại đức Ujjasobhita, Đại đức Vāsabhagāmika là [đại biểu] của các Tỳ-khưu ở hướng Đông; Đại đức Revata, Đại đức Sambhũta Sānavāsī, Đại đức Yasa con trai của Kākandaka và Đại đức Sumanā là [đại biểu] của các Tỳ-khưu ở Pāvā. Sau đó, Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: "Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lang nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bổ được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Nêu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, hội chúng nen chỉ định bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đây là lời đề nghị. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Trong khi sự tranh tụng này của chúng ta đang được xem xét, các lời bàn cãi vô bo được sanh lên và không một lời phát biểu nào được xem là có ý nghĩa. Hội chúng chỉ đinh bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Đại đức nào thỏa thuận sự chỉ định bốn vi Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vi Tỳ-khưu ở Pāvā để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu xin im lặng; vị nào không đồng ý có thể nói lên. Bốn vị Tỳ-khưu ở hướng Đông, bốn vị Tỳ-khưu ở Pāvā đã được hội chúng chỉ định để giải quyết sự tranh tụng này bằng đại biểu. Hội chúng thỏa thuận nên mới im lặng, tôi ghi nhận sự việc này là như vay."

21. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu tên Ajita, được mười năm, là vi đọc tụng Giới bổn (Pātimokkha). Khi ấy, hội chúng cũng đã chỉ định Đại đức Ajita là vi sắp xếp chỗ ngồi cho các Tỳ-khiru trưởng lão. Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng 5 r lão đã khởi ý điêu này: "Chúng ta nên giải quyêt sự tranh tụng này ở dâu?" Khi ấy, các Tỳ-khưu trưởng lão đã khởi ý điều này: "Tu viện Vâlika này xinh xắn, ít tiếng động, ít ồn ào; hay là chúng ta nên giải quyết sự tranh tụng này ở tu viện Vālika?,, Sau đó5 các Tỳ-khưu trưởng lão có ý muốn phân xử sự tranh tụng ấy đã đi đến tu viện Vâlika. Sau đó? Đại đức Revata đã thông báo đến hội chúng rằng: -Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, tôi sẽ hỏi Đại đức Sabbakāmī về Luật. Đại đức Sabbakāmī đã thông báo đến hội chúng rằng: -Này các Sư đệ, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi. Nếu là thời điểm thích hợp cho hội chúng, khi được vị Revata hỏi vê Luật, tôi sẽ trả lời. Sau đó, Đại đức Revata đã hỏi Đại đức Sabbakāmī điều này: (i) Thưa ngài, quy định cát giữ muôi trong ông sừng là được phép? Này Sư đệ? quy đinh cất giữ muối trong ống sừng ấy là gì? Thưa ngài, là mang theo muôi băng ông sừng [nghĩ răng]: "Ta sẽ thọ dụng vào trường hợp [thức ăn] thiếu muối,\ có được phép không? —Này Sư đệ, không được phép. -[Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? -ở Sāvatthi, trong Suttavỉbhanga (Phân tích Giới bổn). -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pãcỉttiya về vật thực đã được tích trữ.2 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ nhất này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ nhất này. (ii) - Thưa ngài, quy định hai ngón tay là được phép? Này Sư đệ, quy định hai ngón tay ây là gì? —Thưa ngài, là ăn vật thực sái giờ khi bóng nắng mặt trời [chiếu ở trên đất] đã quá hai

ngón tay, có được phép không? Này Sư đệ5 không được phép. - [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ở thành Rājagaha, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì?

2 Điều học Pãcittiya 38.

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ 965

Phạm tội Pācittiya về vật thực sái giờ.3 r —Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ nhì này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đe riêng thẻ thứ nhì này. (iii) Thưa ngài, quy đinh trong làng là được phép? Này Sư đệ, quy định trong làng ấy là gì? Thưa ngài, là vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực [nghĩ rằng]: "Bây giờ, ta sẽ đi vào trong lang99 rồi thọ dụng thức ăn không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không? Này Sư đệ, không được phép. _ [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? -ở Sāvatthi, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pãcittỉya về vật thực không phải là còn thừa.4 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ ba này đã r được hội chúng phân xử. Như thê, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ ba này. (iv) Thưa ngài, quy định vê chô trú ngụ là được phép? -Này Sư đệ, quy định về chỗ trú ngụ ấy là gì? Thưa ngài là nhiều trú xứ có chung ranh giới thực hiện lễ Uposatha riêng biệt, có được phép không? -Này Sư đệ9 không được phép. - [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ơ Rājagaha, trong phân liên quan đên lê Uposatha. [Làm việc ấy] phạm tội gì? -Phạm tội Dukkata vê việc vượt quá Luật. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tư này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ tư này. (v) Thưa ngài, quy định về sự thỏa thuận là được phép? Này Sư đệ5 quy đinh về sự thỏa thuận ấy là gì? Thưa ngài, là thực hiện hành sự với hội chúng không đủ số lượng [nghĩ rằng]: "Chúng ta sẽ thuyết phục các Tỳ-khưu đi đến", có được phép không? Này Sư đệ5 không được phép.

3 Điều học Pãcittiya 37. 4 Điều học Pâcittỉya 35.

966 TIỂU PHẨM

- [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ở trong câu chuyện về Luật của các vị ở Campā. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? -Phạm tội Dukkata về việc vượt quá Luật. -Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ năm này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ năm này. (vi) Thưa ngài, quy đinh theo tập quán là được phép? —Này Sư đệ, quy định theo tập quán ấy là gì? Thưa ngài, là [vị nghĩ rằng]: "Biểu này đã được thực hành bởi thầy tế độ c \ # \ e • của ta, điêu này đã được thực hành bởi thây giáo thọ của ta" roi thực hành theo, có được phép không? Này Sư đệ, quy định theo tập quán có điều được phép, có điều không được phép. -Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ sáu này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đe riêng thẻ thứ sáu này. (vii) - Thưa ngài, quy định chưa được khuấy là được phép? -Này Sư đệ, quy

đinh chưa được khuây áy là gì? -Thưa ngài, có loại sữa đã qua khỏi trạng thái sữa nhimg chưa đạt đến trạng thái sữa đông, vị đã ăn xong, đã ngăn vật thực, uống loại sữa ấy không phải là còn thừa lại [từ bữa ăn], có được phép không? -Này Sư đệ, không được phép. - [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? _ ở Sāvatthi, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pācittiya ve vật thực không phải là còn thừa.5 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ bảy này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ bảy này. (viii) - Thưa ngài, quy đinh uống nước trái cây lên men là được phép? Này Sư đệ, nước trái cây lên men ấy là gì? Thưa ngài, là uông loại rượu vừa mới lên men nhưng chưa đạt đên trạng thái rượu mạnh, uống loại ấy có được phép không? Này Sư đệ, không được phép.

5 Điều học Pãcìttiya 35.

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRẢM VỊ 967

- [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ở Kosambī, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pãcittỉya về việc uống rượu và chất say.6 Bạch các ngài, xin hội chủng hãy lắng nghe tôi, sự việc thứ tám này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ tám này. (ix) Thưa ngài, quy định vật lót ngồi không có viền quanh là được phép? Này Sư đệ, không được phép. - [Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? -ở Sāvatthi, trong Suttavibhañga. - [Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pâcittiya về vật cần được cắt bỏ.7 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ chín này đã được hội chúng phân xử. Như thế, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi đê riêng thẻ thứ chín này. (x) Thưa ngài, vàng bạc là được phép? Này Sư đệ, không được phép. -[Việc ấy] được phủ quyết ở đâu? ở Rājagaha, trong Suttavibhañga. -[Làm việc ấy] phạm tội gì? Phạm tội Pãcittiya về việc thọ nhận vàng bạc.8 Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lăng nghe tôi, sự việc thứ mười này đã được hội chúng phân xử. Như the, sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Tôi để riêng thẻ thứ mười này. Bạch các ngài, xin hội chúng hãy lắng nghe tôi, mười vấn đề này đã được hội chúng xác định. Như thế, mười sự việc này là không đúng Pháp, không đúng Luật, đi sái lời dạy của bậc Đạo sư. Này Sư đệ, sự tranh tụng này đã được kết thúc, đã được yên lặng, đã được giải quyết, đã được giải quyết tốt đẹp. Này Sư đệ, tuy nhiên Sư đệ nên hỏi ta về mười sự việc này ở ngay giữa hội chúng để các Tỳ-khưu ấy cùng nhau hiểu rõ.

6 Điều học Pãcittiya 51. 7 Điều học Pâcỉttỉya 89. 8 Điều học Nissaggiya Pãcittỉya 18.

968 TIỀU PHẨM

22. Sau đó, Đại đức Revata đã hỏi Đại đức Sabbakâmi vê mười sự việc ây ở ngay giữa hội chúng. Mỗi khi được hỏi, Đại đức Sabbakãmi đã trả lời. Trong cuộc kết tập về Luật này đã hiện diện bảy trăm vị Tỳ-khưu không thiếu, không dư. Do đó, cuộc kết tập về Luật này được gọi là "Liên quan bảy trăm vị.^, Chương “Lilì quan bảy trăm vị??

Trong chương này có hai mươi lăm sự việc. TÓM LƯỢC CHƯƠNG NÀY: 1. Mười sự việc, sau khi đổ đầy, hành sự, cùng với sứ giả, vị đã đi vào, bốn [vật làm ô nhiễm], còn nữa, và vàng, Kosambī và vị ở Pāvā. 2. Đường đi, Soreyya, Sañkassa, Kannakujja, Udumbara, AggaḶa và Sahajāti, vị đã nghe, người nào mà chúng ta? 3. Bình bát, bằng thuyền, đã đi ngược dòng, vị ở nơi thanh vắng, dâng đến, vi thây và hội chúng, thành Vesālī, tâm từ, hội chúng, các đại biêu.

4. Hành sự và hình phạt Parivãsa. tích lũy [tội], luôn cả dàn xếp, các tiểu sự, sàng tọa, chia rẽ [hội chúng], phận sự, [đình chỉ] lễ Uposatha. Tỳ-khưu-ni, năm trăm, bảy trăm, là các chương ở Tiểu phẩm. [Mười hai chương đã được đề cập đến] TIỂU PHẨM ĐƯỢC CHẤM DỨT —ooOoo—

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.